

Tên sách: Theo vết xích xe tăng-Tập 1 Nhà xuất bản: Hội nhà văn Năm
xuất bản: 2002

=====

LỜI NÓI ĐẦU[b]

Binh chủng Tăng - Thiết giáp, Quân đội Nhân dân Việt Nam ra đời từ sau cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp thắng lợi, ngày 5 -10 - 1959.

Kể từ ngày 13 tháng 7 năm 1960 , đúng 17 giờ, những chiếc xe tăng T34, do Liên Xô viện trợ, đã được chuyển bằng xe lửa về tới ga Vĩnh Yên và đúng 18 giờ 33 phút chiếc xe tăng mang số hiệu 114 do trung sĩ lái xe tăng Đào Văn Bàn điều khiển đã in vết xích đầu tiên trên mảnh đất Việt Nam. Từ đó vết xích xe tăng đã cùng năm tháng trải dài theo đất nước, vượt trên 3000 kilômét tiến vào thành phố Sài Gòn trong chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử.

Trải qua những năm tháng của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước vĩ đại của dân tộc và làm nhiệm vụ quốc tế, Bộ đội xe Tăng - Thiết giáp đã tham gia 15 chiến dịch lớn, đánh 211 trận. Xuất quân lần đầu trong trận Làng Vây, chiến dịch Khe Sanh, mùa xuân năm 1968, mới có 16 xe tăng xung trận, nhưng 3 năm sau, trong chiến dịch đường số 9 - Nam Lào, số xe tăng tham gia chiến đấu đã là 88 chiếc, còn trong cuộc tấn công chiến lược mùa xuân năm 1972, quân đội ta đã sử dụng 332 xe tăng, thiết giáp; cuối cùng trong chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử năm 1975, Bộ Tổng tư lệnh đã huy động 398 xe tăng thiết giáp tiến vào chiến đấu.

Đánh giá về sự đóng góp của Bộ đội xe Tăng - Thiết giáp, Chủ tịch Tôn Đức

Thằng đã thay mặt Đảng và Nhà nước, viết thư khen ngợi “Bộ đội Thiết giáp của ta tuổi trẻ mà nhiều chiến công, đã ra quân là đánh thắng”. “Đã ra quân là đánh thắng”, ý chỉ đó 1 đi cùng cán bộ chiến sĩ xe tăng, suốt quá trình cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ và đã trở thành truyền thống của Bộ đội Xe tăng - Thiết giáp Việt Nam Anh hùng.

Tính đến năm 2001, Bộ đội Xe tăng - Thiết giáp đã được Đảng và Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng Vũ trang nhân dân cho Binh chủng và 27 đơn vị, 11 cá nhân.

Trong tập “Theo vết xích xe tăng” này, hầu hết các tác giả là lớp thanh niên đã ra đi cầm súng chiến đấu từ những ngày đầu cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và lại đi tiếp cuộc đời “Bình nghiệp” của mình từ những ngày xây dựng đơn vị xe tăng đầu tiên của Quân đội Nhân dân Việt Nam - Trung đoàn xe tăng 202. Ngày nay phần lớn các đồng chí đã ở cái tuổi “cổ lai hy”, nhưng với tấm lòng của “Anh Bộ đội Cụ Hồ”, nên đã cố gắng nhớ và viết lại với mong muốn gửi tới lớp chiến sĩ trẻ vài cảm xúc của mình về một thời chinh chiến.

Vì tuổi đã cao, và từ cái ngày “xếp bút nghiên lên đường tranh đấu” tới nay mới cầm bút trở lại nên khó tránh khỏi thiếu sót.

Mong bạn đọc thứ lỗi và góp ý kiến để nếu có. điều kiện ra tập sau sẽ tốt hơn.

Cuối cùng chúng tôi xin chân thành cảm ơn Bộ Tư lệnh Tăng - Thiết giáp và Hội Nhà văn Việt Nam đã giúp đỡ chúng tôi để có thể cho ra mắt bạn đọc cuốn hồi ức này.

LỜI GIỚI THIỆU[/b]

Tôi rất cảm động được các anh trong Ban biên soạn cho đọc bản thảo tập sách “Theo vết xích xe tăng”. Đây là văn của các thủ trưởng, những người anh và những đồng đội của tôi trong Binh chủng Tăng - Thiết giáp Anh hùng. Cái quý nhất ở tập sách này là cuộc sống. Cuộc sống chiến đấu của một Binh chủng rất mới, hiện đại, lắm khúc quanh, nhưng thật oai hùng. Có thể nói tới cả các giai đoạn phát triển của Binh chủng với những sự kiện quan trọng nổi bật nhất đều đã được các anh ghi lại một cách chân thực và xúc động. Không phải là người trong cuộc, không thể có những trang văn như thế. Hơn nữa, không phải là người gắn bó máu thịt với Binh chủng, không thể có những trang lay động lòng người đến thế.

Văn là người. Tôi hiểu rất rõ vì sao sự khiêm nhường vốn có, các tác giả chưa có thể nói hết được về mình, nhất là về những chiến công mà chính các anh là những tác giả. Nhưng, tình bất tận ngôn. Chính cái chỗ các anh còn chưa nói hết ấy, lại là chỗ để người đọc cảm nhận, liên tưởng, nghĩ ngợi, và tin yêu hơn.

Gấp lại tập bản thảo, tôi tự hỏi, mình từng là chiến sĩ được rèn luyện và trưởng thành từ Binh chủng, cho nên mình yêu mến và trang trọng, biết ơn và kính phục là chuyện đương nhiên. Còn với một người đọc ngoài Binh chủng, cảm nhận của họ thế nào? Lâu nay, trên phim ảnh, người ta đã quá quen với hình ảnh những chiếc xe tăng hùng dũng, tung hoành trong lửa đạn. Nhưng gương mặt con người trong những chiếc xe tăng đó thì còn ít người viết. Tập sách “Theo vết xích xe tăng” giúp bạn đọc đi sâu vào thế giới tâm hồn, cuộc sống phong phú đầy gian khổ, hy sinh và cũng đầy lạc quan của cán bộ chiến sĩ xe tăng qua mỗi chặng đường chiến đấu. Điều đó giải thích vì sao Binh chủng xe tăng non trẻ mà “Đã ra quân là đánh thắng”, một Binh chủng Anh hùng của Quân đội Nhân dân Việt Nam anh hùng. Giá trị giáo dục, giá trị cảm hoá của tập sách chính là ở đó.

Xin cảm ơn các tác giả kính yêu và xin trân trọng giới thiệu tập sách cùng bạn đọc.

Hữu Thịnh

Tổng thư ký Hội Nhà văn Việt Nam

TÔI LÀ CHIẾN SĨ XE TĂNG

Thiếu tướng Nguyễn Thế Lâm,

Nguyên Tư lệnh Binh chủng (1971 - 1974)

Trong đời Anh Bộ đội Cụ Hồ, tôi được vinh dự làm Tư lệnh hai Binh chủng Quân đội Nhân dân trong những thời kỳ quyết liệt của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

Sau nhiều năm công tác và chiến đấu ở Binh chủng Pháo binh, đầu năm 1971, tôi được điều động về làm Tư lệnh Binh chủng Thiết giáp, hiện nay là Tăng - Thiết giáp: Tư lệnh đầu tiên của một Binh chủng vào loại hiện đại của Lục quân, nỗi lo chủ yếu của tôi là chưa được học chuyển binh chủng theo thông lệ.

Nhưng cấp trên đã biết trước và động viên khi giao nhiệm vụ: Đồng chí tuy chưa được học về xe tăng, nhưng đã có kinh nghiệm tham gia xây dựng và chiến đấu nhiều năm ở Bộ đội Pháo binh (1955 - 1970). Cũng là một binh chủng chiến đấu có trang bị kỹ thuật cao, đồng chí có thể phát huy những kinh nghiệm đã có vào nhiệm vụ mới.

Đúng là tăng và pháo đều là xe pháo. Tôi cũng đã từng ngồi học tập trong xe xích, loại để vận chuyển đồng thời cũng là bộ phóng của tên lửa đất đối đất.

Nhưng tăng vẫn là lực lượng xung kích, còn pháo là hỏa lực để chi viện. Cả hai đều là lực lượng cùng hợp đồng chiến đấu với bộ binh (hoặc bộ binh cơ giới), bộ binh cơ động và chiến đấu trên xe và cả hai đều có thể độc lập chiến đấu như ta vẫn sử dụng trong chiến tranh và tôi đã suy nghĩ bí quyết thành công của ta là vừa làm vừa học, thực tế không cho phép ta có đủ cán bộ từ nhà trường binh quân chủng nào sử dụng vào quân binh chủng đó?

Tôi tán mạn nghĩ những ngày sắp đến, khi bộ đội Tăng - Thiết giáp diễn tập để chuẩn bị lên đường vào Nam chiến đấu.

Tôi tin tưởng bộ đội Tăng - Thiết giáp cũng như toàn quân, toàn dân quyết tâm thực hiện Di chúc của Bác “Đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào”.

Phải bắt tay ngay vào nhiệm vụ mới. Khi về đến cơ quan Bộ Tư lệnh ở Vĩnh Yên, các đồng chí Lê Ngọc Quang, chính uỷ, Dương Đăng Giang, tham mưu trưởng đã thông báo vắn tắt tình hình Bình chủng và cho biết ý định của các đồng chí trong Bộ tư lệnh là tôi sẽ vào tham gia chiến dịch Đường 9 - Nam Lào ngay. Đã có bộ phận vào trước, gồm các đồng chí Lê Xuân Kiện, tham mưu phó, Đào Văn Xuân, chủ nhiệm chính trị và một số trợ lý tham mưu, chính trị, hậu cần và kỹ thuật.

Bộ đã quyết định sử dụng ba tiểu đoàn. Tất cả đều đã vào vị trí tập kết trên Đường 9 - Quảng Trị. Đã tham gia đánh thắng một trận hiệp đồng rồi. Tôi rất xúc động về sự tin nhiệm của anh em.

Trên đường vào chiến dịch, tôi suy nghĩ vài mẩu chuyện anh em đã kể về Bình chủng thời gian trước ngày ra quân đánh thắng trận đầu : Tà Mây - Làng

Vây trong chiến dịch Khe Sanh - Đường 9 mùa xuân Mậu Thân 1968.

Câu chuyện xe tăng ta chưa xuất trận được thì người ra trận trước. Những đoàn cán bộ bao gồm cả cấp tiểu đoàn, đại đội, trưởng xe, lái xe, pháo thủ... đã lên đường vào Nam từ 1964 và 1965, khi Mỹ bắt đầu đưa quân xâm lược nước ta. Nhiệm vụ của đoàn là tham gia chiến đấu bộ binh với yêu cầu là lấy xe địch đánh địch. Đoàn còn có nhiệm vụ nghiên cứu thực tế chiến trường, chuẩn bị đón xe tăng của ta vào, khi đường Trường Sơn thông xe cơ giới. Và phải đến cuối năm 1971, tiểu đoàn xe tăng đầu tiên mới vượt Trường Sơn vào Tây Nguyên sau đó thời cơ đến, lực lượng xe tăng đi tiếp đến Lộc Ninh miền Đông Nam Bộ.

Rồi chuyện: Xe tăng chưa đi chiến đấu được thì niêm cất xe vào kho, nhận pháo cao xạ 37 li về học chuyển binh chủng cấp tốc, để tham gia bắn máy bay giặc Mỹ cùng quân dân miền Bắc. Hành động này của hàng chục đại đội xe tăng đã lập thành tích bắn rơi máy bay, được khen thưởng. Nhưng khi có lệnh phải trả pháo cao xạ để trở về với xe tăng, chuẩn bị hành quân vào chiến trường.

Suy nghĩ chuyện trên, tôi càng mến càng phục tính kỷ luật và tinh thần chiến đấu của chiến sĩ xe tăng.

Vào đến Sở chỉ huy chiến dịch của Bộ, tôi tìm vào vị trí của Binh chủng. Tôi đã có kinh nghiệm khi còn ở Pháo binh đi tham gia chiến dịch của Bộ như thế này và cũng quen biết hầu hết cán bộ cao cấp như anh Vũ Lăng, Cục trưởng Cục Tác chiến Bộ Tổng tham mưu, là Tham mưu trưởng chiến dịch, anh Doãn Tuế, Tư lệnh Pháo binh, anh Hoàng Văn Khánh, Tư lệnh Phòng không... vốn là bạn chiến đấu trong suốt hai cuộc kháng chiến, hôm nay đều là tham mưu binh quân chủng chiến dịch như tôi...

Binh chủng Tăng - Thiết giáp trong chiến dịch này đã trực tiếp tham gia 2 trận đánh hiệp đồng thắng lợi: trận tiêu diệt cao điểm 543 của Đại đội 9 Tiểu đoàn 198 Trung đoàn 203 phối thuộc cho Trung đoàn 64 Sư đoàn 320 (Tấn công tiêu diệt Sở Chỉ huy Lữ đoàn 3 nguy bắt sống đại tá lữ trưởng Nguyễn Văn Thọ).

Trận thứ 2 là trận tấn công lữ TQLC 147 (nguy) phòng ngự điểm cao 550 thuộc vùng rừng núi gần biên giới Việt - Lào, về phía Tây Nam (Lao Bảo - Quảng Trị).

Tôi đã trực tiếp đôn đốc đại đội tăng vào tăng cường cho Sư đoàn 324 thuộc Quân khu Trị Thiên - Huế do đồng chí Nam Long trực tiếp chỉ huy. Nổi mừng gặp anh qua điện thoại, trao đổi với anh chuẩn bị đón đại đội tăng bước vào chiến đấu ngay để kịp thời cơ diệt địch. Tôi lại động viên Đại đội 3 Tiểu đoàn 397 Trung đoàn 202 đang cấp tốc hành quân suốt đêm vào kịp hiệp đồng tiêu diệt Lữ đoàn Thủy quân lục chiến nguy, kết thúc thắng lợi chiến dịch Đường 9 - Nam Lào.

Đây là một trận chiến đấu hiệp đồng giữa đơn vị tăng và sư đoàn bộ binh rất quen thuộc với tôi ở chiến trường Trị Thiên - Huế, có lịch sử từ những trung đoàn chủ lực của Liên khu 5, trong thời chống Pháp, mà còn có thời kỳ tôi là Tư lệnh. Nhớ lại những ngày đã cùng sư trưởng Chu Phương Đới và chính uỷ Nguyễn Ân của Sư đoàn 324 hành quân chiến đấu trên giải đất Trị Thiên - Huế. Còn anh Nam Long đã cùng chiến đấu ở Cục Nam Trung Bộ trong những ngày đầu kháng chiến chống thực dân Pháp và cùng trong Bộ Tư lệnh Quân khu Trị Thiên Huế 3 năm trước đây (1968 - 1970).

Cuộc gặp mặt hiệp đồng, tuy chỉ trên điện thoại với nhau giữa tăng và bộ binh để lại cho tôi một kỷ niệm sâu sắc.

Kết thúc chiến dịch Đường 9 - Nam Lào, sau ~ 52 ngày chiến đấu (31 - 1 - 1971 đến 23 - 3 - 1971). Một chiến dịch toàn thắng của khối chủ lực của Trung ương, trong đó có đủ các Binh Quân chủng trực tiếp tham gia cùng Binh đoàn B70 và các lực lượng tại chỗ của Quân khu 4, Quân khu Trị Thiên - Huế và 559.

Trở về Vĩnh Yên, doanh trại của Bộ Tư lệnh Tăng - Thiết giáp, tất cả chúng tôi bắt tay vào một loạt công tác chuẩn bị cho năm 1972: Tổng kết hoạt động chiến đấu của Binh chủng trong năm 1971 chuẩn bị lực lượng cho các chiến trường toàn miền Nam, vì dự kiến đường Trường Sơn sẽ thông xe để đưa xe tăng vào Khu 5 và Nam Bộ.

Bộ Tư lệnh Binh chủng đã mở Hội nghị Tổng kết những trận chiến đấu hiệp đồng ở cả chiến dịch Đường 9 - Nam Lào và Cánh đồng Chum. Đại diện của Bộ và đại biểu các cơ quan của Tổng cục, các binh quân chủng bạn đều về dự, tham gia nhiều ý kiến về kinh nghiệm tác chiến hiệp đồng với tăng. Bản tổng kết của Binh chủng đã được báo cáo tại Hội nghị Tập huấn của Bộ, Hội nghị Quân chính chuẩn bị cho cuộc tấn công chiến lược năm 1972 trên các chiến trường miền Nam.

Binh chủng được viện trợ trang bị mới: T54B, và đặc biệt lần đầu tiên có thêm các loại xe thiết giáp bánh xích bánh hơi lội nước, xe chở bộ binh chiến đấu, xe chỉ huy, xe bảo đảm kỹ thuật.

Bộ giao cho Binh chủng nghiên cứu tổ chức đơn vị bộ binh cơ giới cùng xe tăng chiến đấu hiệp đồng, có các binh chủng chi viện và bảo đảm như cao xạ công binh... Sau nhiều cuộc hội thảo về tổ chức trang bị xây dựng đơn vị bộ binh cơ giới đầu tiên cho quân đội ta và được Bộ quyết định.

Tôi muốn nói vài cảm nghĩ trong trận thọc sâu vu hồi của Tiểu đoàn 66

Trung đoàn bộ binh cơ giới 202 (A7) hiệp đồng cùng Trung đoàn bộ binh 27 ngày 28-4-1972 và trận phản kích diệt Lữ nguy 147 ở Nam Cửa Việt cũng của Tiểu đoàn 66 phối hợp cùng Trung đoàn bộ binh 101 Sư đoàn 325 từ ngày 26 đến 31-1 - 1973. Tôi nghĩ bộ binh cơ giới sử dụng ở phía đông Quảng Trị, trên địa hình bãi cát trống trải sát biển, đã phát huy tác dụng được như thế thật đáng mừng. Sau ngày ký Hiệp định ngừng bắn, anh Nguyễn Tất Tài lữ trưởng Lữ đoàn xe tăng 203 đã đưa tôi đi xem suốt từ Cửa Việt lên Lao Bảo, vào Triệu Phong dọc những đồi cát Hải Lăng lên Đông Hà. Hai anh em trên cùng một chiếc xe thiết giáp chỉ huy, anh Tài đã kể lại diễn biến một số trận đánh và rất tâm đắc trong tác dụng tăng - thiết giáp mở đầu cho tương lai bộ binh cơ giới làm nhiệm vụ thọc sâu 1 chiến dịch, chiến thuật vào sào huyệt địch.

A7 không đạt được kết quả như mơ ước, nhưng đã mở đường cho việc phát huy sức mạnh của hiệp đồng binh chủng của người chỉ huy từ chiến dịch đến chiến đấu trong trách nhiệm tạo điều kiện cơ động cao cho tăng thiết giáp vu hồi thọc sâu.

Kết thúc thắng lợi cuộc tấn công chiến lược năm 1972 trong 2 năm 1973 - 1974, bao nhiêu công việc đều tập trung theo hướng giải phóng hoàn toàn miền Nam theo những Nghị quyết của Đảng. Một số cán bộ được cấp trên bố trí đi học nước ngoài. Đồng chí Đào Huy Vũ, Phó Tư lệnh, Lê Xuân Kiện, tham mưu phó và một số cán bộ tham mưu và chỉ huy. Một đoàn do đồng chí Đào Văn Xuân, Phó Chính uỷ tham gia đoàn cán bộ của Bộ vào năm tình hình chiến trường để có kế hoạch bổ sung tăng cường cho lực lượng phía Nam. Bộ Tư lệnh và các cơ quan xuống các đơn vị chiến đấu đã ra phía Bắc để bổ sung quân số trang bị, tổ chức tổng kết chiến đấu. Bộ Tư lệnh cũng tiến hành Tổng kết và tham dự Tổng kết của Bộ.

Tất cả trên dưới, ở Bộ cũng như ở Binh chủng, 1 một không khí nhộn nhịp, khẩn trương, nỗ lực chuẩn bị cho kế hoạch giành thắng lợi quyết định, đúng theo ý nghĩa của Di chúc Bác Hồ! Chúng tôi được phổ biến Nghị quyết của

Bộ chính trị trước tình hình mới, tranh thủ giải phóng miền Nam trong thời gian ngắn nhất!

Tôi muốn ghi lại một hình ảnh có ý nghĩa lịch sử sâu sắc với tôi: Hội nghị chuẩn bị kế hoạch xây dựng và phát triển lực lượng Tăng - Thiết giáp để giành toàn thắng! Hội nghị do đồng chí Hoàng Văn Thái, Thủ trưởng Bộ Quốc phòng chủ trì. Đồng chí đã chỉ thị cho Bộ Tư lệnh Thiết giáp phải gấp rút, chuẩn bị một bản dự thảo kế hoạch báo cáo với Đoàn công tác của Bộ.

Đồng chí Hoàng Văn Thái đã nhiều năm ở cương vị Tư lệnh Quân giải phóng miền Nam, từ sau khi đồng chí Nguyễn Chí Thanh qua đời. Sau Hiệp định Paris, đồng chí trở lại công tác Thủ trưởng Bộ Quốc phòng tại miền Bắc và được Quân uỷ Trung ương giao nhiệm vụ chuẩn bị kế hoạch kiện toàn và phát triển lực lượng Quân giải phóng miền Nam, theo Nghị quyết của Bộ Chính trị và Quân uỷ Trung ương.

Trọng tâm của kế hoạch là tập trung giải quyết bằng được nhiệm vụ kiện toàn các trung lữ đoàn Tăng - Thiết giáp đang đứng chân từ Quảng Trị trở vào và các lữ đoàn Tăng - Thiết giáp cho các Quân đoàn sẽ phát triển ở Trị Thiên - Huế và Tây Nguyên.

Thường vụ Đảng uỷ Bình chủng đã phân công tôi cùng anh em tham mưu chuẩn bị dự thảo kế hoạch để Thường vụ thông qua trước khi làm việc với Đoàn công tác của Bộ.

Chúng tôi có thuận lợi đã đi xuống các đơn vị chiến đấu đã ra phía Bắc để củng cố, tình hình các đơn vị ở Tây Nguyên, Nam Bộ (đoàn đồng chí Đào Văn Xuân, Phó Chính uỷ Bình chủng tham gia đoàn công tác của Tổng cục

Chính trị vào trực tiếp nắm chắc).

Thường vụ Đảng uỷ Binh chủng có mấy đồng chí tham gia họp là: Phạm Sinh, Nguyễn Thế Lâm, Đào Văn Xuân và Trịnh Hoàng Đình. Đoàn của Bộ do đồng chí Hoàng Văn Thái dẫn đầu gồm có đồng chí: Lê Ngọc Hiền, Cục trưởng Cục Tác chiến, Giáp Văn Cương, Cục trưởng Cục Quân lực, Cao Văn Khánh, Cục trưởng Cục Quân huấn.

Đoàn về làm việc ngay tại Bộ Tư lệnh Binh chủng trong một tuần. Bố trí kế hoạch như vậy, đoàn cũng có ý định để thời gian đi xem các trang bị Tăng - Thiết giáp loại mới được viện trợ và cùng trao đổi với các đồng chí trong Bộ Tư lệnh để thông qua một kế hoạch sát thực với tình hình đang rất khẩn trương.

Tôi đã nhiều năm trực tiếp công tác với đồng chí Hoàng Văn Thái: tham gia chiến dịch Hoà Bình trong kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1952 bên cạnh đồng chí Võ Nguyên Giáp Tư lệnh chiến dịch, đồng chí là Tham mưu trưởng. Trong kháng chiến chống Mỹ là cấp Tư lệnh Binh chủng, Tư lệnh Chiến trường cũng đã trực tiếp là cấp dưới của đồng chí. Chúng tôi rất mến phục tác phong công tác sâu 1 sát luôn gần gũi, kiên trì nghe ý kiến cấp dưới, tôn trọng kinh nghiệm thực tiễn của cấp dưới để quyết định những vấn đề quan trọng.

Làm việc với Đoàn, tôi trình bày bản dự thảo kế hoạch và các đồng chí trong Thường vụ đã bổ sung thêm những vấn đề cần thiết, nhất là tình hình các đơn vị ở sâu trong miền Nam, Tây Nguyên, miền Đông Nam Bộ trong khu giải phóng của ta có điều kiện bảo đảm kỹ thuật.

Sang những ngày tiếp theo, cuộc trao đổi ý kiến sôi nổi trên từng vấn đề: kiện toàn cho mỗi khu vực một trung đoàn Tăng - Thiết giáp trên cơ sở những tiểu đoàn và trung đoàn đã có. Lấy kinh nghiệm tổ chức lữ đoàn cơ giới Tăng - Thiết giáp đầu tiên cho Quân đoàn I, quân đoàn đầu tiên của quân đội ta, đề

ng nghị với Bộ có phương án phát triển các lữ đoàn cơ giới tiếp theo trên cơ sở những lữ đoàn tăng cho những quân đoàn mà triển vọng sẽ nhanh chóng phát triển tiếp sau Quân đoàn I.

Tinh thần thảo luận của những ngày làm việc đều hướng theo tinh thần Nghị quyết của Bộ Chính trị, tất cả vì sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước trong 1 - 2 năm tới, lực lượng phải sẵn sàng để khi có thời cơ thì giải phóng ngay trong năm tới!

Thời cơ do ta tạo nên, nhân dân miền Nam và cả nước đã sẵn sàng. Ta phải tạo thế và lực. Thế ở tình hình chung trên thế giới, trong nước, đặc biệt trên chiến trường. Lực phải do chúng ta quyết tâm tạo nên, hành động của Binh chủng là một đóng góp cùng toàn quân toàn dân tạo thế và lực để giành toàn thắng.

Hội nghị đã tiến hành và kết thúc trong không khí lạc quan tin tưởng nhưng không ai nghĩ ngày ấy đã đến nhanh trong chiến dịch Hồ Chí Minh toàn thắng vào ngày 30 - 4 - 1975.

Đầu năm 1975 tôi được điều về Hội đồng Khoa học Quân sự của Bộ. Trưa ngày 30 - 4 - 1975 đồng chí Tổng Tư lệnh vui mừng thông báo xe tăng ta đã vào Dinh Tổng thống ngụy quyền, treo cờ Giải phóng. Thời gian qua đi tôi không bao giờ quên những kỷ niệm sâu nặng về Binh chủng Tăng - Thiết giáp yêu quý của mình, tôi muốn nói lên niềm tự hào của “Một chiến sĩ xe tăng!”

TỪ HUƠNG SƯ TRỞ THÀNH VỊ TƯỚNG XE TĂNG

Trung tá Nguyễn Đình Phụng

Cán bộ cục Chính trị, Bộ Tư lệnh Tăng - Thiết giáp.

Nhiều người gọi ông với cái tên trù mẩn và trân trọng “Tướng xe tăng”. Riêng tôi những năm tháng ít ỏi được làm lính dưới quyền ông đã cảm nhận thêm về tài năng, phẩm chất đạo đức của một vị tướng “Bộ đội Cụ Hồ”. Ông chính là Thiếu tướng Đào Huy Vũ.

Ông tuổi Giáp tý sinh ngày 13 - 10 - 1924 trong một gia đình nông dân thuộc xã Xuân Canh - Đông Anh - Hà Nội, sớm giác ngộ cách mạng, anh thanh niên Đào Huy Vũ tích cực tham gia các hoạt động trong phong trào thanh niên cứu quốc ở địa phương. Vì nhà nghèo, để có tiền nuôi sống mình và tiếp tục hoạt động cách mạng ông vừa làm thầy giáo trường làng vừa tranh thủ đi bán rượu nhà tự nấu. Trong một lần đi bán rượu kết hợp với vận động quần chúng, ông bị nhà đoan bắt. Cuối năm 1945, ông tạm biệt các học trò lên đường nhập ngũ. Sau đó ít lâu, ông có mặt trong đoàn quân Nam tiến, vào chiến đấu tại mặt trận Buôn Ma Thuột.

Cũng như nhiều tướng lĩnh khác của quân đội ta. Tuổi trẻ của Đào Huy Vũ là những cuộc hành quân chiến đấu trên các chiến trường. Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp ông có mặt ở hầu hết các chiến dịch lớn: Hoà Bình, Quang Trung, Tây Bắc, Điện Biên Phủ, Thượng Lào... Dù ở vị trí người chiến sĩ hay cán bộ trung đội cho đến trung đoàn 1 trưởng ông đều tận tụy hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Hoà bình lập lại trên miền Bắc được ít lâu (8 - 1956), ông được giao nhiệm vụ Trưởng đoàn cán bộ chiến sĩ sang Trung Quốc học tập về xe tăng. Tháng 10 - 1959, về nước ông được giao làm trung đoàn trưởng Trung đoàn 202 xe tăng đầu tiên của quân 1 đội ta.

Đào Huy Vũ là con người của hành động. Từ 1 khi còn là trung đoàn trưởng của Trung đoàn xe tăng 202 cho đến khi làm Tư lệnh Binh chủng Tăng -

Thiết giáp ông luôn toàn tâm toàn ý xây dựng đơn vị cùng với tập thể Đảng uỷ, chỉ huy lực lượng Tăng - Thiết giáp đủ sức đánh thắng kẻ thù. Đầu năm 1967, sau khi được cấp trên thông báo chuẩn bị để đưa xe tăng vào chiến trường, lúc đó với cương vị Phó Tư lệnh Binh chủng ông đã đề xuất nhiều phương án có giá trị về nghệ thuật quân sự. Ông trực tiếp dẫn đầu một nhóm cán bộ bí mật vào chiến trường nghiên cứu tình hình. Sau khi Thường vụ Đảng uỷ Binh chủng quyết định phương án hành quân bằng xích ông lại là người trực tiếp điều hành, chỉ huy toàn bộ cuộc hành quân. Sau chiến thắng trận đầu ở Làng Vây, ông vẫn tiếp tục nghiên cứu, đề xuất nhiều phương án về xây dựng lực lượng cũng như tác chiến của bộ đội Tăng - Thiết giáp. Tháng 6-1970, ông tham gia đoàn cán bộ sang chiến trường, nước bạn Lào, kẻ thù đã cướp đi con mắt trái của ông.

Kinh nghiệm trận mạc cùng với kiến thức học được ở nhà trường đã giúp ông có một nhãn quan luyện quân, dùng quân khá sắc sảo. Ông am hiểu sâu sắc về khoa học quân sự và là người có kinh nghiệm trong sử dụng bộ đội Tăng - Thiết giáp trên chiến trường. Có thể nói từ trận đầu ở Làng Vây cho đến việc sử dụng Tăng - Thiết giáp trong cuộc Tổng tiến công mùa Xuân năm 1975 đều có công lao đóng góp của ông.

Nhớ lại, khi đội hình cánh quân “Duyên Hải” chuẩn bị tiến công Phan Rang, ông đề nghị trực tiếp đi với Lữ đoàn 203. Ông nêu ý kiến: “Đây là lần đầu sử dụng tập trung cả lữ đoàn lại vận dụng tác chiến theo hình thức “đánh trong hành tiến”, vì vậy sẽ có nhiều cái mới nảy sinh...”. Thường vụ Đảng uỷ Binh chủng thảo luận và nhất trí phương án Tư lệnh Binh chủng Tăng - Thiết giáp đi trong đội hình chiến đấu của lữ đoàn, phương án này đã được Trung tướng Lê Trọng Tấn, chỉ huy cánh quân “Duyên Hải” phê chuẩn.

Đào Huy Vũ là người say mê nghiên cứu khoa học quân sự. Học tập, nghiên cứu luôn là niềm say mê và hứng thú của ông. Vốn là một nhà giáo nên việc học của ông luôn có bài bản và theo đúng nguyên tắc chặt chẽ do mình tự đặt ra. Nhiều cán bộ sống gần gũi với ông kể lại rằng, lúc nào ông cũng mang

theo sách bên mình để học. Ông cũng là người quý trọng sách vở, các anh công tác ở Thư viện Binh chủng hồi đó kể lại rằng, ông nhớ hết vị trí từng cuốn sách nói về khoa học quân sự và Tăng - Thiết giáp đặt trên giá trong Thư viện. Mỗi lần ra nước ngoài công tác học tập ông đều bỏ tiền cá nhân mua sách mang về góp vào thư viện Binh chủng. 30 tập Từ điển Bách khoa quân sự (Liên Xô cũ) hiện có trong Thư viện Binh chủng Tăng - Thiết giáp chính là do công sức của ông.

Suốt cuộc đời làm “Bộ đội Cụ Hồ”, Đào Huy Vũ đã nêu một tấm gương tốt về “Cần kiệm, liêm chính”. Không may bị căn bệnh hiểm nghèo, ông đã từ trần ngày 11 - 12 - 1986, để lại niềm tiếc thương cho đồng đội.

NHỚ CÂU THƠ CHÚC TẾT CỦA BÁC HỒ

Đại tá Lê Ngọc Quang, nguyên Chính uỷ Binh chủng Tăng - Thiết giáp (1965-1972).

Tôi là một trong số người có may mắn và vinh dự có mặt từ những ngày đầu thành lập Bộ Tư lệnh Binh chủng Tăng - Thiết giáp. Cái may mắn nhất là tôi được tham gia trận đánh đầu tiên của Bộ đội xe tăng trên chiến trường miền Nam.

Năm 1968, cục diện chiến trường miền Nam đang có những thay đổi lớn, đây là cơ hội để Binh chủng Tăng - Thiết giáp lập công. Nhận lệnh của trên điều một phân đội xe tăng lội nước tham gia vào chiến dịch Khe Sanh. Tiểu đoàn 198 phối hợp với Trung đoàn 24 bộ binh Sư đoàn 304 và một tiểu đoàn thuộc Sư đoàn 25 tiêu diệt cứ điểm Làng Vây. Xe tăng xuất trận đầu tiên với khát vọng cháy bỏng được đánh của toàn thể cán bộ, chiến sĩ Binh chủng. Với

khẩu hiệu “Đã ra quân là đánh thắng”, hừng hực khí thế xung trận.

Đòn tập kích chiến lược Tết Mậu Thân năm 1968 làm cho địch bất ngờ, rối loạn bộ chỉ huy chiến lược Lầu Năm Góc, buộc chúng phải xuống thang ngừng ném bom miền Bắc và ngồi vào bàn Hội nghị Pa ri. Địch ngoan cố, buộc ta phải tiếp tục tăng cường sức mạnh quân sự trên chiến trường. Bằng cách mở các chiến dịch tiếp sau chiến thắng cánh đồng Chum 1971, Bình chủng Tăng - Thiết giáp chuẩn bị lực lượng lớn tham gia vào chiến dịch Trị Thiên - Huế 1972. Đây là chiến dịch ác liệt nhất và dài ngày nhất trong chiến tranh đánh Mỹ và bè lũ tay sai (3-1972 đến 1-1973).

Nhớ lại những ngày quân Mỹ ồ ạt đưa 20 vạn quân vào miền Nam Việt Nam đã xuất hiện không ít tư tưởng hữu khuynh. Tôi còn nhớ câu nói của anh Nguyễn Chí Thanh: “Việt Nam ta dám đánh Mỹ là đã thắng rồi ... Sự trưởng của ta đánh thắng Sự trưởng Mỹ... Sự trưởng ta giỏi hơn Sự trưởng Mỹ... đánh thắng Mỹ là nguyện vọng của tôi”, tiếc là Anh không còn sống để được chứng kiến ngày toàn thắng 30-4-1975 giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Năm 1972, anh Đinh Đức Thiện chủ nhiệm Tổng cục Hậu cần đến kiểm tra và nắm tình hình Tăng - Thiết giáp. Tôi có dịp báo cáo với Anh về sự hợp đồng chiến đấu giữa Tăng - Thiết giáp với các binh chủng bạn, kết hợp với sức mạnh phong trào nổi dậy của quần chúng trong khu vực địch tạm chiếm để Anh nghe ..., rồi Anh đột ngột ngắt lời và hỏi “Nổi dậy ở đâu, thế nào? Tăng của ta đánh, tiêu diệt tăng địch, còn tăng ta thiệt hại như thế nào? Bao nhiêu, đã nắm chắc chưa ?”.

Tôi thấy mình báo cáo thiếu sót, chưa nắm thêm cụ thể về thiệt hại của ta cũng như chưa thấy hết sức mạnh tiềm ẩn trong phong trào nổi dậy của quần chúng ở vùng địch tạm chiếm. Đó là một bài học kinh nghiệm cho tôi, trong

công tác nắm tình hình và báo cáo với trên sao cho chính xác...

Tôi có mời Anh vào thăm một đại đội xe tăng, đồng chí đại đội trưởng là Nguyễn Trọng Thư. Đồng chí Thư cho anh em dàn đội hình, tiếp đón đúng điều lệnh tác phong chính quy, còn tôi hướng dẫn anh Thiện đi duyệt đội ngũ danh dự toàn đại đội. Cách xa khoảng 10m đại đội trưởng đã hô vang khẩu lệnh nghiêm, báo cáo với thủ trưởng cấp trên...

Tôi đi phía sau anh Thiện và khá bất ngờ khi thấy trước hai hàng quân trang nghiêm, trọng thị nghênh tiếp ... , thì ngược lại anh Thiện vẫn lững thững đi, hai tay chấp phía sau. Tất cả mọi người hôm ấy có mặt đều ngăn người ra, không hiểu nguyên do gì mà thủ trưởng cấp trên lại có vẻ không vừa ý như vậy. Tôi cùng Anh khi đi qua hàng quân chừng vài bước, Anh quay sang nói với tôi: “Bộ đội phải thế, cứ phải rèn luyện bộ đội cho quen...”. Chúng tôi nghe xong câu nói đó, thở phào nhẹ nhõm, biết rằng đã không hề có sơ xuất gì xảy ra cả, mà ngược lại còn hiểu hơn nữa sự lạc quan, gần gũi của thủ trưởng cấp trên đối với anh em chiến sĩ. Sau đó Anh rất thân mật trả lời thắc mắc của chúng tôi đưa ra. Đứng trước những trận đánh lớn, mà được sự quan tâm của cấp trên, chúng tôi càng vững tâm hơn và càng tin tưởng thắng lợi.

Sau khi Hiệp định Pa ri được ký tắt. Rồi cũng chính đế quốc Mỹ lại phá Hiệp định, tiếp tục gây chiến tranh, chúng mở rộng chiến tranh dùng máy bay oanh tạc miền Bắc, điên cuồng ném bom xuống các thành phố lớn của ta. Đúng như lời nhận định của HỒ Chủ tịch: “Hà Nội, Hải Phòng có thể sẽ bị tàn phá ...”...

Trận Điện Biên Phủ trên không tháng 12 - 1972 đã hạ hàng chục pháo đài bay B52 và hàng trăm máy bay từ “cánh cụp, cánh xoe” lẫn “thần sấm”, “con ma”.

Địch thua đau, phải ký kết hiệp định đình chiến, kết thúc ném bom miền Bắc
...

Ngày nay non sông, gấm vóc của ta đã liền một dải, ước mơ ngàn đời của dân tộc đã được thực hiện trọn vẹn. Tôi bồi hồi xúc động, nhớ tới câu thơ chúc Tết của Bác Hồ, mùa xuân 1969:

“Vì độc lập vì tự do

Đánh cho Mỹ cút, đánh cho nguy nhào

Tiến lên

Chiến sĩ, đồng bào,

Bắc Nam sum họp, xuân nào vui hơn !”

TRONG LÒNG MIỀN BẮC THÂN THƯƠNG

Thiếu tướng Đặng Quang Long, nguyên Chính ủy Trung đoàn 202 (1959-1963)

Tôi sinh ra và lớn lên ở trong một gia đình nho giáo ở xã Thanh Minh huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hoà. Tuy gia đình có nhiều khó khăn, nhưng vẫn cố gắng nuôi tôi ăn học. Tôi học dở dang bậc thành chung (tương đương Trung học Cơ sở ngày nay) phải bỏ học để kiếm sống. Năm 1945, tôi có việc làm ở hãng Shell ở Bà Rịa, lương hồi đó cũng khá. Thời gian này tôi được nghe nhiều tin về hoạt động của phong trào Việt Minh, sau ngày Nhật đảo chính Pháp (9-3-1945), một hôm tôi bỏ lại toàn bộ tài sản cá nhân, trốn khỏi sở, đi

suốt đêm đến Biên Hoà. Tôi ở nhà một người quen là anh Thiện, và từ đó tôi bắt được liên lạc và tham gia phong trào Việt Minh trên mảnh đất quê hương mình.

Sau ngày Tổng khởi nghĩa Tháng 8 năm 1945 ít lâu đêm ngày 22 rạng ngày 23-9-1945, quân Pháp nổ súng mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam, cũng từ đó tôi tham gia cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Tháng 3 năm 1954, tôi đang ở chiến trường Bà Rịa, Chợ Lớn thì Hiệp định Giơ-ne- vơ được ký kết. Tôi được chỉ định làm trưởng phái đoàn Quân đội Nhân dân Việt Nam tỉnh Bà Rịa, trực tiếp đàm phán với Pháp để di chuyển toàn bộ lực lượng vũ trang trong tỉnh tập kết ra miền Bắc.

Suốt đời tôi không bao giờ quên được ngày tôi chia tay đi tập kết. Trên bến sông Thi Vải (Phù Mỹ. Bà Rịa), chúng tôi là đợt cuối cùng tập kết ra Bắc. Trên boong tàu, cán bộ chiến sĩ giơ cả hai tay lên trời gào to: “Chúng con sẽ trở về...”, “Anh sẽ trở về”. Trên bờ mọi người giơ hai ngón tay, ý hẹn là sau 2 năm sẽ đoàn tụ ...

Chúng tôi ra tới Sầm Sơn, trời còn tối chưa sáng hẳn, nhưng đã thấy cả rừng người rừng cờ ra đón. Chúng tôi lên bờ, giữa vòng tay thân thương của bà con miền Bắc.

Những ngày sống trên đất miền Bắc tôi cũng như tất cả anh em tập kết ra sức luyện tập các mặt trong phong trào xây dựng quân đội và chờ đợi ngày trở về giải phóng miền Nam.

Giữa năm 1957, tôi được Bộ Quốc phòng đưa đi học tập lớp chính trị cao cấp, học thêm văn hoá, ngoại ngữ ... Tôi đang học tập tiếng Trung Quốc thì

nhận được quyết định của Bộ Quốc phòng điều về làm Chính ủy xe tăng 202. Tháng 8 năm 1959, Tổng cục Chính trị giao cho tôi dẫn đoàn cán bộ chính trị gồm các đồng chí chính trị viên cấp tiểu đoàn, đại đội và cán bộ cơ quan chính trị gồm 23 người sang Quế Lâm, Trung Quốc hội nhập để kiện toàn Trung đoàn tăng đầu tiên của quân đội ta.

Hôm ra ga Hà Nội để lên tàu liên vận quốc tế đi Trung Quốc, đồng chí Hoàng Văn Thái, Tổng Tham mưu trưởng, được Bộ Tổng Tư lệnh phân công trực tiếp xây dựng các quân, binh chủng ra tận ga tiễn chúng tôi. Anh cố ý gặp trước, nhưng do vừa đi công tác về nên tranh thủ ra thăm, dặn dò anh em ngay tại phòng khách nhà ga Hà Nội. Trước khi chia tay, anh Thái trao cho chúng tôi một tập tín phiếu - tiền Trung Quốc. Chúng tôi nhận, nhưng không rõ giá trị số tín phiếu này là bao nhiêu. Đi Trung Quốc, nhưng cả đoàn ai cũng mù tịt tiếng Trung Quốc. Chúng tôi phải nhờ thư ký riêng của anh Thái ghi giúp mấy chữ “Quế Lâm” bằng chữ Trung Quốc để đưa cho quản lý tàu biết và đối chiếu khi xuống ga Quế Lâm cho chắc ăn.

Tối hôm đó, tàu chạy đến ga Bằng Tường, biên giới hai nước Việt - Trung thì tạm dừng. Ai cũng đói bụng kéo nhau vào căng tin nhà ga. Ở đây bàn thức ăn nhiều lắm. Nhưng kẹt nỗi giá tín phiếu là bao nhiêu ? Cầm cả tập tín phiếu trong tay, không ai biết mua bán ra sao cả. Chúng tôi đặt tín phiếu lên bàn rồi kêu người phục vụ căng tin tới chỉ... chỉ vào tín phiếu... Họ hỏi bằng tiếng Trung Quốc. Không ai hiểu cả. Cả đoàn, người này nhìn người kia không biết xử trí thế nào. Anh Lâm, chính trị viên tiểu đoàn liền nói đại : “Hầm bờ bằng ký tổ”, tiếng Tiền Châu có nghĩa là “mua tất cả”. (Đó là câu duy nhất anh Lâm biết vì trước đây nhà anh ở gần xóm Tiền Châu - khu Hoa kiều sinh sống tại Hải Phòng). Thế là người phục vụ mang rượu, thức ăn ra, cứ thế bày la liệt trên bàn. Trước mặt mỗi người, “khẩu phần” gồm một chai rượu lớn, một con vịt quay, lại thêm một đĩa lớn đựng hàng chục bánh bao và nhiều món ăn khác. Thấy lạ quá, cả đoàn cứ ngồi... Các bạn Trung Quốc tới ra hiệu: Cứ ăn, vì đó là của chúng tôi...

Ăn xong, thức ăn còn nhiều quá, bọc lại cho mỗi người một túi ni lon to để ăn dọc đường, về tới nơi tập kết vẫn chưa hết. Sau này hỏi ra chúng tôi mới rõ tập tẩn phiếu anh Thái trao có giá trị lớn trên 500 đồng tiền Trung Quốc. Lúc đó nếu chia đều cho mỗi người trong đoàn có thể mua thức ăn đến 151 ngày không hết. Thế mới thấy đi nước ngoài mà không biết ngoại ngữ thì thật dở, nhiều lúc thấy mình như người ngớ ngẩn.

Chiều hôm đó, đoàn đến Quế Lâm. Chúng tôi ngỡ ngàng thấy trên sân ga người ra đón đông quá. Cờ Việt Nam, Trung Quốc phấp phới bay xen các băng rôn khẩu hiệu đỏ rực: “Hoan nghênh đoàn cán bộ Việt Nam sang Trung Quốc”. Lại có cả tiếng trống, tiếng chiêng chào đón náo nhiệt. Đoàn cán bộ bạn ra đón chúng tôi có các đồng chí trong Thường Vuh Ban Chấp hàng Đảng bộ Quế Lâm, Thiếu tướng Hiệu trưởng Học viện Quân sự, đại diện Bộ chỉ huy Sư đoàn bộ binh Trung Quốc tại Quế Lâm. Đông đảo nhân dân Trung Quốc và đoàn cán bộ Việt Nam đang học tại đây cũng ra đón đoàn.

Sau này, tìm hiểu thêm, chúng tôi được biết Trung Quốc coi trọng chế độ Đảng lãnh đạo quân đội. Nhận được thông báo của ta có đoàn cán bộ chính trị Tăng - Thiết giáp Việt Nam sang, các đồng chí mới tổ chức tiếp đón trọng thị như vậy. Suốt tuần lễ đó chúng tôi được bạn mời dự tiệc chiêu đãi hết chỗ này đến chỗ khác. Cảm giác đầu tiên của tôi là bạn trọng tình hữu nghị Việt – Trung nhưng tiệc tùng tốn kém quá.

Công việc đầu tiên của Ban chỉ huy Trung đoàn 202 là công tác biên chế tổ chức, triển khai huấn luyện có sự giúp đỡ của các cố vấn Trung Quốc. Trong thời gian ba tháng, đoàn chúng tôi, từ Chính ủy Trung đoàn tới chính trị viên đại đội vừa làm công tác Đảng - công tác chính trị vừa học tập kỹ thuật, chiến thuật tăng - thiết giáp. Chúng tôi quan niệm: cán bộ chính trị muốn làm tốt công tác Đảng - công tác chính trị trong Binh chủng Tăng - Thiết giáp cũng phải biết được kỹ thuật của tăng - thiết giáp.

Trong thời gian này, anh Tam, trưởng ban kỹ thuật Trung đoàn đã mở lớp tập huấn ngắn ngày về kỹ thuật tăng thiết giáp cho chúng tôi. Một chiếc xe tăng được tháo tung từng bộ phận. Cán bộ kỹ thuật chỉ dẫn cho chúng tôi biết tính năng, tác dụng của từng bộ phận, chỗ mạnh, yếu của xe tăng. Qua hiểu biết về kỹ thuật, cán bộ chính trị thâm nhập sâu sát vào “cuộc sống xăng, dầu, mỡ” sẽ thuận lợi cho công tác chỉ huy bảo quản kỹ thuật xe đạt kết quả.

Bài học được rút ra: cán bộ chính trị trong binh chủng kỹ thuật phải hiểu biết về kỹ thuật, không được hô hào suông hoặc quan liêu, chỉ tay, đứng nhìn bộ đội làm. Cán bộ chính trị phải lao vào cùng lao động, cùng bàn bạc với anh em tháo gỡ những khó khăn trở ngại về kỹ thuật nhằm bảo quản, bảo dưỡng xe phù hợp với đặc điểm địa hình, thời tiết nước ta. Năm được tính năng, tác dụng, kỹ thuật xe rồi, cán bộ chính trị cũng phải qua lớp học lái xe, lái thử, học xạ kích, cùng tham gia bắn đạn thật với bộ đội. Cách học kết hợp giữa lý thuyết và thực hành đối với cán bộ chính trị trong ngành binh chủng kỹ thuật quả là rất bổ ích. Có như vậy, theo tôi vai trò, hoạt động chính trị của cán bộ mới được phát huy, mới có tính thuyết phục, đạt hiệu quả cao.

Trước khi có lệnh về nước, đoàn chúng tôi được bạn mời tham quan 15 ngày ở Thủ đô Bắc Kinh. Ai cũng mừng vì là dịp để biết đây biết đó.. Anh Tạo, phụ trách công tác cán bộ nói: “Qua đây mà không đi Bắc Kinh thì chẳng khác gì ở trong nước, mình mới đi Sơn Tây vậy”. Suốt 15 ngày, bạn tổ chức chương trình tham quan dày đặc. Mỗi buổi tham quan chỉ có ba, bốn giờ, nhưng nội dung lại rất phong phú. Chúng tôi vừa đi xem vừa như phải chạy theo người giới thiệu. Cả đoàn cố gắng đi hết theo chương trình: Tham quan 30 địa điểm trong 15 ngày. Ban ngày đã vậy, còn lại các buổi tối, bạn còn mời xem ca nhạc, kịch nữa... nên ai cũng mệt rũ rời. Anh em nói đùa: Tham quan thế này còn hơn cả đi chiến dịch. Nhiều anh em phát ốm. Sau đợt tham quan 15 ngày, chưa kịp “hồi sức”, bạn lại đưa ra một chương trình mới mời xem tiếp. Chúng tôi phải khéo léo từ chối, xin nghỉ trọn một ngày. Trước khi về Quế Lâm, chúng tôi tranh thủ tham quan Thập Tam Lăng, một di tích cách Bắc Kinh 30 kilômét. Cả ngày, chúng tôi chỉ xem được một lăng mới khai quật nhưng cũng sơ bộ hiểu được quy mô bề thế của lăng, cung cách ăn ở, sinh hoạt của một vua Trung Quốc....

Tạm biệt Bắc Kinh, chúng tôi lên tàu về Quế Lâm. Tàu chạy suốt hai ngày, hai đêm. Trên tàu, ai cũng ngủ vùi, không thiết gì ăn uống nữa. Thật là một chuyến tham quan để lại nhiều kỷ niệm sâu sắc.

Đợt học tập, huấn luyện, bảo dưỡng xe tăng ba tháng tại Quế Lâm (Trung Quốc) nhanh chóng trôi qua. Cán bộ ta lần lượt trở về Tổ quốc. Riêng xe và khí tài còn để lại trên đất bạn, sẽ có kế hoạch chuyển về sau.

Chúng tôi trở về đơn vị trong lúc Công trường 92 xây dựng khu doanh trại, khu nhà xe, bãi xe đang còn dang dở. Toàn Trung đoàn phải bắt tay vào lao động để thúc đẩy tiến độ thi công.

Từ tháng 5 đến tháng 8 năm 1960, giữa những ngày nắng như đổ lửa, cán bộ, chiến sĩ trung đoàn sống trong không khí lao động khẩn trương. Trung đoàn tổ chức nhiều ca, kíp lao động liên tục ngày đêm để hoàn thành khu nhà xe, bãi xe để nhận xe về. Tổng cục Đường sắt cùng một bộ phận cán bộ trung đoàn đã làm xong thủ tục tiếp nhận xe tại ga Vĩnh Yên.

Đúng 17 giờ 30 phút ngày 13 tháng 7 năm 1960, chuyến tàu hoả chở những chiếc xe tăng đầu tiên của Trung đoàn 202 vào tới ga Vĩnh Yên. 18 giờ 33 phút chiếc xe tăng mang số 114 do Trung sĩ Đào Văn Bàn điều khiển lăn bánh xích rời khỏi sân ga trong niềm hân hoan vui sướng của mọi người. Tiếp đó các xe khác cũng lần lượt rời sân ga về doanh trại của trung đoàn.

Đây là những hình ảnh, giờ phút đáng nhớ. Kể từ đây, được sự viện trợ, giúp đỡ của nước bạn, quân đội ta đã được Đảng và nhân dân giao phó, trang bị sử dụng những chiếc xe tăng hiện đại. Từ những chiếc xe tăng đầu tiên này, bộ

đội ta đã quản lý sử dụng trong điều kiện trang thiết bị còn nghèo nàn, thiếu thốn đã dần dần phát triển thành một Binh chủng Tăng - Thiết giáp hùng mạnh của Quân 1 đội Nhân dân Việt Nam.

Xe đã về, chúng tôi phát động ngay một đợt thi đua mới: toàn trung đoàn tổ chức bảo quản, bảo dưỡng xe, khí tài. Không khí thi đua sôi nổi như đi chiến dịch. Ai cũng thấy đối với xe, khí tài, nhất là xe tăng và những trang thiết bị hiện đại trong điều kiện nước ta có độ ẩm cao, nếu bảo quản không kỹ dễ bị han rỉ, dễ xảy ra sự cố khi sử dụng. Có một lần anh em lau chùi xong một chiếc xe tăng chuẩn bị đưa vào kho thì các đồng chí chuyên gia Liên Xô đến kiểm tra. Đồng chí trưởng đoàn chuyên gia cời chiếc sơ mi trắng đang mặc dùng nó làm giẻ, lau trên các xích sắt và thân xe rồi đưa cho chúng tôi xem. Đồng chí nói: Như thế này còn bẩn lắm, chưa đạt yêu cầu đâu. Thế là phải làm lại, làm đến khi nào một chiếc sơ mi trắng lau vài xe tăng không thấy vết bẩn nữa mới đạt yêu cầu.

Một lần khác, Đảng ủy đang họp, chuyên gia Liên Xô đề nghị cho gặp, mang vào cho chúng tôi xem một gói chùng hai ki-lô-gam đất, cát, các mảnh sắt vụn do đồng chí lấy ra từ trong máy nổ của một chiếc xe tăng. Đồng chí thẳng thắn góp ý: Các đồng chí bảo quản chưa tốt đâu. Cũng như con người, trong máy nổ mà chứa các chất như thế này khác gì bị bệnh tim nặng, làm sao xe có thể chạy được. Một trang bị hiện đại cần phải có các phương tiện hiện đại phục vụ cho công tác bảo quản, bảo dưỡng. Xe tăng cũng yêu cầu như vậy. Nhưng với ta lúc đó, việc bảo quản, bảo dưỡng hầu như đều thao tác bằng tay, dùng sức lao động thủ công là chính để thay thế cho máy móc. Thí dụ: Rửa xích xe lẽ ra phải dùng vòi nước có áp suất cao để phụt, rửa. Nhưng những ngày đầu thành lập Binh chủng, bộ đội phải gánh từng thùng nước rồi dùng chổi tre xối từng gáo nước để rửa xích. Công việc thật nặng nhọc, lại kém hiệu quả. Để động viên anh em, Đảng ủy Trung đoàn đã phát động: Mỗi tuần, ngày thứ bảy được quy định là ngày lao động bãi xe. Trong ngày đó, tất cả cán bộ từ trung đoàn trở xuống đều ra bãi xe cùng chiến sĩ làm công tác bảo quản, bảo dưỡng xe. Việc làm này trở thành nền nếp không chỉ có tác dụng động viên, còn góp phần giảm bớt sức lao động của anh em. Hàng ngày nhìn từng đoàn xe được chăm sóc sạch sẽ, xếp hàng ngay ngắn trong từng

khu, kho, cán bộ, chiến sĩ trung đoàn càng xác định rõ trách nhiệm sử dụng, giữ gìn vì đó là trang bị quý giá thẩm đượm tình đoàn kết quốc tế, đánh dấu bước đầu hiện đại hoá của quân đội ta. Đó cũng chính là kết quả lao động nặng nhọc căng thẳng, vất vả của hàng ngàn cán bộ, chiến sĩ để các khối sắt thép này luôn sẵn sàng có thể xuất kích khi có lệnh.

Trung đoàn bước vào mùa xuân huấn luyện đầu tiên. Lúc này, Đoàn chuyên gia Liên Xô đã thay Đoàn chuyên gia Trung Quốc. Sự thay đổi này kéo theo sự thay đổi về phương pháp huấn luyện. Do cán bộ ta đi học từ Trung Quốc về, nay có sự thay đổi phương pháp, cường độ học tập, huấn luyện phải tăng cao, anh em cũng có nhiều ý kiến tranh luận. Dần dần qua học tập, rèn luyện, anh em cũng thống nhất và quen phương thức huấn luyện mới này.

Từ cuối năm 1960 đến tháng 12 năm 1961, Trung đoàn 202 đã cùng các Sư đoàn bộ binh 308, 302 và 305 thực hiện bốn cuộc diễn tập nhằm nâng 1 cao trình độ hiệp đồng binh chủng. Đặc biệt trong cuộc diễn tập với các trung đoàn bộ binh thuộc Sư đoàn 308 trên địa hình ruộng nước ở Thanh Oai (Hà Đông). Lần đầu tiên, một trung đoàn bộ binh có xe tăng và pháo tự hành tham gia tiến công “địch” trên địa hình đồng bằng, lầy lội, có làng mạc xen kẽ. Những vấn đề vận dụng nguyên tắc chiến thuật cũng như công tác bảo đảm cho xe tăng đòi hỏi phải có sự nghiên cứu tỉ mỉ, sáng tạo. Các cuộc diễn tập này, bộ binh ta đã có nhiều kinh nghiệm đánh địch ở đồng bằng. Nhưng đối với xe tăng, quả là quá phức tạp gian nan. Trong suốt cuộc diễn tập, từ lúc mở đầu cho đến khi kết thúc, không ngày nào xe tăng lại không gặp sự cố vì sa lầy. Nhiều đêm, trong lúc các đơn vị và phân đội bạn đã an giấc thì các phân đội xe tăng, cơ quan kỹ thuật tăng như các anh Tam, Cừu, Hùng, Nhân... cùng chúng tôi ngồi sáng đêm ngoài ruộng lo trực vớt xe tăng. Toàn trung đoàn, bộ phận nào cũng gánh chịu phần cực nhọc, nhưng tôi thấy anh em trong bộ phận kỹ thuật là vất vả nhất.

Từ thực tế diễn tập, những sự cố xảy ra như 11 vậ trong nội bộ Tăng - Thiết giáp lúc đó đã phát 11 sinh nhiều ý kiến, nhiều câu hỏi được đặt ra: Xe tăng

T34 nặng 32 tấn được chế tạo sử dụng ở địa hình Châu Âu hay bắc Trung Quốc (vùng trung du). Còn ở ta, địa hình đồng bằng, ruộng nước và rừng núi có thể sử dụng loại xe tăng này được không? Khuynh hướng chung của anh em là: Ở Việt Nam chỉ nên sử dụng xe lội nước, pháo tự hành, các loại xe tăng nhẹ như Mỹ đã sử dụng ở miền Nam lúc bấy giờ. Chúng tôi đã tổ chức nhiều cuộc hội thảo chuyên đề, tranh luận về vấn đề này. Các cuộc hội thảo đều xác nhận: Các xe tăng thiết giáp loại nhẹ như xe lội nước, xe tăng cải tiến từ 12 đến 15 tấn dễ sử dụng ở địa hình nước ta. Còn dùng xe tăng T34 trọng lượng chiến đấu 32 tấn quả là có nhiều khó khăn. Nhưng nếu sử dụng được tăng T34 ta sẽ có nhiều lợi thế, áp đảo được các loại xe thiết giáp của địch đang dùng ở miền Nam vì tốc độ cao, hỏa lực mạnh và sự chính xác của nó. Rõ ràng cần phải đầu tư và nghiên cứu, phải khắc phục rất lớn về nhiều mặt cho loại xe này: Khi sử dụng ở địa hình đồng ruộng phải tăng cường thêm bộ phận bám xích xe, tăng cường phương tiện cứu hộ cho xe. Ở địa hình đồi núi, cần phải khắc phục đường, làm gấp cầu cống. Nếu được như vậy ta có thể sử dụng được xe tăng T34 ở chiến trường Việt Nam, chiến trường miền Nam. Một vấn đề rất quan trọng mà chúng tôi đi đến thống nhất là: Các phương tiện chiến tranh dù hiện đại đến đâu cũng phải phụ thuộc vào con người sử dụng nó. Con người mới là yếu tố quyết định sự thành, bại, tốt, xấu, hiệu quả hay không hiệu quả của mỗi loại vũ khí, trang bị. Chúng ta tin tưởng vào đội ngũ cán bộ, chiến sĩ, tin vào sức mạnh của nhân dân. Vì cuộc chiến tranh chính nghĩa bảo vệ Tổ quốc, bộ đội ta có đủ khả năng khắc phục mọi gian khổ, khó khăn để làm vũ khí, trang bị, vừa sáng tạo cách đánh phù hợp để chiến thắng quân thù. Lòng tin này dần dần đã được thực tế chứng minh, nhất là những năm tháng cuối cùng của cuộc chiến tranh chống Mỹ cứu nước. Ta đã dần dần đúc rút kinh nghiệm, sử dụng xe tăng T34 từ miền Bắc vượt dãy Trường Sơn đầy bom đạn vào tham gia chiến trường miền Nam, trên nhiều địa hình phức tạp. Phối hợp các quân, binh chủng, tăng - thiết giáp đã trở thành những “quả đấm thép”, là lực lượng đột kích, thọc sâu, bất ngờ trong nhiều chiến dịch, nhiều trận đánh lớn. Tiêu biểu là chiến dịch. Nguyễn Huệ 1972, chiến dịch Tây Nguyên, giải phóng thị xã Buôn Ma Thuột, chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử 1975. Việc tổ chức di chuyển, vận động và cách đánh bí mật, táo bạo, bất ngờ của lực lượng tăng - thiết giáp đã làm kẻ thù hoang mang, khiếp sợ. Ngay chính các nhà sáng chế ra thứ vũ khí hiện đại này lúc đầu cũng khó hình dung, giải thích nổi tại sao chúng ta có thể làm được như vậy... ? Thời gian cứ trôi, con người, sự vật có nhiều thay đổi, nhưng hình ảnh xe tăng ta tiến vào húc đổ cổng sắt dinh Độc Lập, chiến sĩ xe tăng cầm cờ

chiến thắng trên nóc dinh Phủ Tổng thống nguy quyền Sài Gòn trưa ngày 30 tháng 4 năm 1975, kết thúc chiến tranh 30 năm đầy gian khổ hy sinh sẽ không bao giờ phai mờ trong trang sử đấu tranh của dân tộc, của quân đội ta.

Nhớ về quá khứ, điểm lại những chiến công riêng của lực lượng Tăng - Thiết giáp càng làm cho chúng ta tự hào, góp phần khẳng định sức mạnh vô địch của cuộc chiến tranh nhân dân thần thánh do Đảng ta lãnh đạo. Cũng qua đây mới thấy công tác chính trị - tư tưởng trong lực lượng Tăng-Thiết giáp, các quân, binh chủng được trang bị hiện đại là rất quan trọng. Đối với mỗi cán bộ chính trị, công tác này đòi hỏi tính bền bỉ, kiên trì, phải đi sâu, đi sát bộ đội cùng bộ đội giải quyết những vướng mắc, khó khăn trong quá trình xây dựng chiến đấu và trưởng thành của đơn vị.

Cuối năm 1961, ban chỉ huy Trung đoàn 202 nhận được lệnh của Bộ Tổng tư lệnh: Tổ chức một đơn vị xe tăng, xe lội nước sang giúp Pa-thét Lào và qua đó để rút kinh nghiệm. Trung đoàn 202 đã cử Tiểu đoàn tăng lội nước sang giúp bạn theo yêu cầu của Pa-thét Lào và bộ đội Koong-le.

Tiểu đoàn tăng lội nước được giao cho đại úy Trần Nam, thượng úy Đỗ Văn Xảo phụ trách, chỉ huy. Vì là đơn vị lớn đi giúp bạn, kinh nghiệm còn ít, giúp bạn lâu dài, nên Ban chỉ huy Trung đoàn đặt điều kiện rất chặt chẽ cả về người và xe nhằm đảm bảo thật tốt cho nhiệm vụ quốc tế này. Qua tuyển lựa chiến sĩ, có một anh tên là Sơn, binh nhất không đủ tiêu chuẩn. Sơn về Trung đoàn đã hơn 9 tháng rồi nhưng luôn bộc lộ nhiều khuyết điểm: đêm bỏ gác đi ngủ, bỏ đi chơi ngoài doanh trại không báo cáo, vào hùa trêu chọc các chú tiểu. Đơn vị trực tiếp đã cho kiểm điểm, giáo dục nhưng Sơn chưa tiến bộ nên đề nghị không cho Sơn đi Lào đợt này. Nhưng Sơn lại nằng nặc xin đi và hứa quyết tâm sửa chữa khuyết điểm. Đơn vị giải thích, thuyết phục, Sơn vẫn không chịu và nói: Nếu đơn vị không cho đi, đề nghị cho lên gặp Chính ủy để trình bày nguyện vọng của mình. Nghe báo cáo, tôi xuống ngay đơn vị, trực tiếp gặp và xem thái độ cụ thể của Sơn ra sao.

Tôi tổ chức một cuộc họp cán bộ tại đơn vị, có Sơn tham dự. Nghe cán bộ đại đội, trung đội báo cáo, nêu các khuyết điểm của Sơn, Sơn nhận hết, hứa sửa chữa và khẳng định lại ý kiến xin cùng đơn vị đi chiến đấu, làm nhiệm vụ quốc tế. Để làm rõ, khách quan hơn, đề nghị cuộc họp nêu thêm cả ưu điểm dù là nhỏ nhất của Sơn. Anh em đều cho rằng: Nếu có khuyết điểm, đơn vị góp ý, phê bình, Sơn nhận ngay. Nhưng có khuyết điểm Sơn sửa được, có khuyết điểm không sửa được lại còn tái phạm. Sơn học tập loại trung bình, có lúc khá. Các kỳ thi bắn, thao tác vũ khí, nhiều lúc Sơn đạt điểm cao. Sức khoẻ Sơn tốt. Trong lao động, nhất là những ngày ở bãi xe có tổ chức thi đua Sơn thường được biểu dương cuối ngày. Những lúc hưng phấn, Sơn lao động không ai bằng.

Như vậy ưu và khuyết điểm của Sơn cái nào là chính? Tôi nêu vấn đề không khí cuộc họp trầm hẳn lại. Đồng chí đại đội trưởng phát biểu:

- Đồng chí Sơn đều có mặt ưu, mặt khuyết như nhiều chiến sĩ khác. Khuyết điểm thường lặp đi, lặp lại là tính tự do, thường bỏ đi rong chơi. Anh em sợ qua Lào, Sơn cứ như vậy sẽ ảnh hưởng đến uy tín của đơn vị.

Sơn xin nói với thái độ quyết tâm, thành khẩn:

- Khuyết điểm nào em cũng xin ráng sửa chữa, sẽ không tái phạm nữa. Đề nghị các thủ trưởng cứ cho em đi.

Nhìn vẻ mặt đau khổ, khẩn thiết của Sơn, tôi thầm nghĩ: Đi làm nhiệm vụ quốc tế lúc này đồng nghĩa với sự chấp nhận chịu đựng gian khổ hy sinh. Những người chiến sĩ cứ nài nỉ xin đi như thế này thì đó là một thái độ đáng

trân trọng biết bao.

Tôi về báo cáo lại với Ban chỉ huy Trung đoàn, sau đó quyết định cho Sơn đi công tác cùng đơn vị. Trước khi lên đường, Sơn tự làm bản kiểm điểm, hứa quyết tâm sửa chữa khuyết điểm để trở thành người chiến sĩ tốt.

Thời gian trôi qua, ba tháng rồi sáu tháng, Ban chỉ huy Trung đoàn đều nhận được báo cáo của đơn vị từ Lào gửi về, nêu rõ tiến bộ của Sơn. Qua đất bạn, trong hoàn cảnh khó khăn thiếu thốn, Sơn luôn tỏ ra là một chiến sĩ gương mẫu trong công tác, dũng cảm trong chiến đấu, khiêm tốn, đoàn kết với anh em trong đơn vị và được bạn yêu mến. Tiểu đoàn đề nghị đề bạt Sơn được vượt cấp từ binh nhất lên trung sĩ, đề nghị tặng anh Huân chương Chiến công hạng Ba và kết nạp anh vào Đoàn. Tôi nghe kể lại: Khi sang Lào, thấy Sơn tiến bộ nhanh, anh em hỏi: Tại sao lại có sự thay đổi so với ở nhà ? Sơn đã trả lời: ở nhà, có anh, có em, sai gì cũng là sai trong nhà. Còn sang đây (Lào) làm nghĩa vụ quốc tế, nếu mình mắc sai lầm, khuyết điểm, bạn không chỉ xem thường mình mà còn xem thường nước mình nữa ...

Chúng tôi rất vui mừng về sự tiến bộ và trưởng thành của Sơn. Qua sự việc này, riêng tôi suy nghĩ ở đời, người nào cũng có những mặt mạnh, yếu. Làm sao để phân biệt được ? Khi nhận định đánh giá một con người, rõ ràng không nên vội vàng, chỉ nhìn hình thức, biểu hiện hào nhoáng bên ngoài mà không thấy hết “cái chất”, “cái nội dung” quý giá còn tiềm ẩn trong họ. Con người Việt Nam luôn mang rong mình dòng máu con Lạc, cháu Hồng, giàu lòng nhân ái vị tha, tinh thần dũng cảm, và lòng tự hào dân tộc. Nếu biết động viên, khích lệ, giúp đỡ, nhất là thanh niên nhận thức được ý thức trách nhiệm của mình trước dân tộc, đất nước sẽ tạo cho họ sức mạnh, khắc phục được những nhược điểm (nhiều khi ta tưởng là nan giải) để vươn lên làm những việc tốt, có ý nghĩa hơn nhiều. Tin vào sức mạnh tự cải tạo, tự hoàn thiện ở mỗi con người chưa đủ mà còn phải tin, phải dựa vào sức mạnh cảm hoá, thuyết phục, động viên đúng lúc, đúng chỗ và thường xuyên của cả một tập thể cách mạng đối với con người ấy.

Trong những năm từ năm 1959 đến 1961, chúng tôi tập trung học tập, huấn luyện, xây dựng Trung đoàn Tăng - Thiết giáp 202, thực hiện nghĩa vụ quốc tế nhưng cũng luôn theo dõi diễn biến của tình hình cách mạng miền Nam.

Bằng luật 10/59, Mỹ - Diệm đã câu kết, công khai phá hoại Hiệp định Giơ-ne-vơ phá hoại Tổng tuyển cử thống nhất đất nước. Nhận rõ âm mưu, thủ đoạn của kẻ thù, Hội nghị lần thứ 15 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã xác định phương hướng xây dựng và chiến đấu của các lực lượng vũ trang ở miền Nam. Dưới ánh sáng Nghị quyết 15 của Trung ương Đảng, phong trào cách mạng miền Nam có bước phát triển mạnh mẽ. Từ đấu tranh chính trị, ta đã dần dần chuyển sang kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang.

Đầu năm 1961, Tổng Quân ủy ra chỉ thị thành lập Quân giải phóng miền Nam Việt Nam, một bộ phận của Quân đội Nhân dân Việt Nam do Đảng ta sáng lập, xây dựng và lãnh đạo. Tiếp đó, cuối tháng 1, “thành lập Trung ương cục miền Nam, đồng chí Nguyễn Văn Linh (Mười Cúc) được cử làm Bí thư”.

Ngày 15 tháng 2 năm 1961, ta “thống nhất các lực lượng vũ trang giải phóng miền Nam. Hệ thống chỉ huy quân sự được hình thành từ Miền đến xã Bộ Tư lệnh các quân khu, các ban quân sự tại các tỉnh, huyện cũng được thành lập ... Các thành phố, thị xã có cơ sở vũ trang bí mật, các tổ biệt động, đội tuyên truyền vũ trang”.

Tại miền Bắc, những tháng năm này, không khí lao động xây dựng chủ nghĩa xã hội diễn ra sôi nổi. Toàn quân phát động phong trào “Xây dựng quân đội tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chính quy hiện đại”. Ngoài Trung đoàn 202, nhiều cơ quan, đơn vị, nhà trường quân sự khác cũng lần lượt ra đời, phát triển. Nhằm đáp ứng từng bước yêu cầu đòi hỏi cách mạng của chiến trường miền Nam, các đoàn vận tải trên biển, trên bộ cũng được thành lập, tiêu biểu là Đoàn 559 vận tải hàng hoá đưa đón cán bộ, bộ đội hành quân

theo đường Trường Sơn vào xây dựng lực lượng cho cách mạng miền Nam. Nhiều đoàn, nhiều cán bộ, chiến sĩ đã lên đường (1).

Những tin tức từ khắp mọi miền Tổ quốc đến với chúng tôi, những cán bộ, chiến sĩ miền Nam đang sống trên đất Bắc làm ai cũng vui mừng, phấn khởi. Nỗi nhớ thương miền Nam, lòng căm thù địch, ước muốn được chấp cánh bay về cùng chiến đấu với đồng bào đồng chí trong Nam càng da diết, đan xen, thường trực ở mỗi người. Cảnh “ngày Bắc, đêm Nam” vẫn tiếp diễn. Riêng tôi, có vợ con đang sống ở miền Bắc, tuy không ở gần nhau thường xuyên nhưng còn có một “tổ ấm”, đỡ trống trải, khắc khoải nỗi nhớ, nỗi lo hơn anh em khác. Tuy vậy, tôi còn gia đình, cha mẹ, anh chị em, nhiều đồng chí đồng đội, bà con, cô bác thân thương trong đó, nên lòng dạ cũng không lúc nào yên. Suy nghĩ nhiều cộng với công việc bận rộn, triệu chứng mất ngủ xuất hiện, có đêm tôi trằn trọc mãi không ngủ được.

Đến giữa năm 1962, tôi được Tổng cục Chính trị điều về học lớp bổ túc quân sự ở trường trung cao quân sự ở Bạch Mai - Hà Nội. Đồng chí Song Hào, Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị thân mật hỏi tôi:

- Nếu Đảng điều đồng chí về Nam công tác đồng chí có khó khăn gì không ?

Tôi đã ấp ủ tâm tư nguyện vọng này từ lâu, do vậy không cần suy nghĩ, đắn đo gì nhiều, tôi báo cáo ngay:

- Thưa anh, đó chính là ước mơ, nguyện vọng lớn lao của tôi.

Được biết, đây là khoá bổ túc quân sự để chuẩn bị vào Nam, tôi mừng lắm.

Khoá học này kéo dài sáu tháng. Tôi tập trung học tập, tích lũy thêm kinh nghiệm, kiến thức và chờ ngày được trở lại miền Nam.

Mùa xuân 1963, tin vui chiến thắng trên chiến trường miền Nam tiếp tục làm nức lòng quân dân ta. Tại Cai Lậy - Mỹ Tho, ta đã diệt và làm bị thương 450 tên địch, bắn rơi, bắn hỏng 16 máy bay, phá hủy 30 xe M 113 , bắn chìm 2 tàu chiến ... “Phong trào thi đua Ấp Bắc, giết giặc lập công phát triển mạnh trên khắp chiến trường miền Nam”.

Tiếp đó, “Từ 13 đến 17 tháng 3, quân và dân Đồng Tháp Mười đánh bại cuộc càn “Đức Thắng” của 9.000 quân ngụy, có nhiều máy bay và xe thiết giáp hỗ trợ ... “

Đối với tôi mùa xuân, tháng 3 nở rộ hoa chiến thắng này lại trở thành dấu ấn đáng nhớ. Sau gần 10 năm xa miền Nam, xa gia đình, người thân tập kết ra miền Bắc, tôi được lệnh tập trung tại Hà Nội để chuẩn bị về Nam. Thế là mong ước của tôi sắp được thực hiện. Tôi xin phép trở về đơn vị, chia tay với anh em. Tâm trạng của tôi thật khó tả. Buồn, vui thương, nhớ cứ hoà quyện vào nhau.

Sắp phải xa Trung đoàn 202, xa đồng chí, đồng đội của tôi rồi. Vào thăm lại từng doanh trại các đại đội, tiểu đoàn, cơ quan, nhìn những gương mặt thân quen, sạm nắng gió thao trường, lòng tôi trào dâng niềm tin tưởng tự hào về đồng chí, đồng đội của mình. Anh em cùng tôi ra bãi bắn, bãi lái, vào các nhà xe. Tôi băng khuông nhìn ngắm, sờ mó các xe tăng đã cùng đơn vị dày công xây dựng, bảo quản, bảo dưỡng. Tôi dành nhiều thời gian đến bên chiếc xe số 114 “chiếc xe của Chính ủy” như anh em thường gọi. Tôi là một trong năm thành viên của chiếc xe chỉ huy trung đoàn tăng này (Đi chiến đấu, Trung đoàn Tăng - Thiết giáp có hai xe chỉ huy, xe trung đoàn trưởng và xe của Chính ủy).

Anh em “kíp xe 114” cùng tôi ngồi quây quần bên nhau, dặn dò, hứa hẹn

nhau tiếp tục bảo quản, giữ gìn xe thật tốt, để bàn giao cho đồng chí chính ủy mới. Bên ấm trà đậm đặc do đồng chí quản lý đại đội mang ra, không khí câu chuyện của chúng tôi diễn ra thật tình nghĩa, ấm cúng như chung một gia đình vậy.

Anh Đào Huy Vũ, Trung đoàn trưởng vừa công tác về. Nghe tin, anh lật đật chạy vào bãi gặp tôi. Thay mặt Trung đoàn 202, anh Vũ tặng cho tôi một cây súng ngắn Tiệp Khắc để lên đường chiến đấu (Cây súng này tôi giữ mãi đến ngày giải phóng 30 tháng 4 năm 1975). Tôi bắt tay anh em cố kìm nén nỗi xúc động...

- Tôi đi trước chuẩn bị chiến trường cho các cậu đây. Các cậu vào nhé. Chúng ta gặp nhau trong đó. Chúng tôi ôm nhau, hôn nhau không nói nhẹ lời. Nhưng trong ánh mắt những người ở lại, người đi như thăm hẹn: Miền Nam đang trong máu lửa, miền Nam đang chiến đấu, một ngày không xa, tăng ta nhất định sẽ có mặt tiêu diệt quân thù.

Trong cuộc đời binh nghiệp của mình, một thời tôi đã gắn bó với lực lượng Tăng - Thiết giáp. Ở cương vị, môi trường công tác, chiến trường nào vẫn luôn nhớ và tự hào về sự trưởng thành của Binh chủng Tăng - Thiết giáp của quân đội ta.

NÚI ĐANH OI MỘT THỜI ĐỂ NHỚ

Đại tá Đào Văn Xuân,

Nguyên Chính ủy Trung đoàn 202 (1 964 - 1965)

[/i]

Là Chính ủy một trung đoàn bộ binh, năm 1960 tôi được cử đi học trường chỉ

huy-kỹ thuật xe tăng tại Liên Xô. Năm 1964 về nước được giao nhiệm vụ Chính ủy Trung đoàn xe tăng 202, thay Trung tá Đặng Quang Long chính ủy cũ đã được điều trở lại chiến trường B2 từ cuối năm 1963.

Cạnh núi Đanh, cách thị xã Vĩnh Yên không xa, một doanh trại khá khang trang, các tiểu đoàn đều ở nhà xây hai tầng đẹp, khu để xe được xây dựng theo chế độ chính qui, ở hai cửa vào và ra đều có trạm kiểm tra và bảo dưỡng kỹ thuật... Một dãy các lớp học, bàn ghế đầy đủ, có cửa kính, cửa chớp, sàn lát đá hoa bóng lộn. Đường đi, lại trong doanh trại thoáng đãng, hai bên đường phủ rợp bóng xà cừ...

Trong hoàn cảnh ngày đó, thì doanh trại của Trung đoàn là một mẫu mực lý tưởng, một niềm mơ ước của nhiều đơn vị trong toàn Quân. Đến nhận nhiệm vụ ở một đơn vị có cơ sở khang trang như vậy, tôi rất phấn khởi và thầm cảm ơn cán bộ chiến sĩ “Công trường 92”, đã đổ biết bao công sức, chuẩn bị nơi sinh cơ, lập nghiệp cho đứa con đầu lòng của binh chủng chiến đấu của quân đội ta.

Cán bộ chỉ huy, lãnh đạo... của Trung đoàn mỗi người một vẻ. Trung tá Đào Huy Vũ, trung đoàn trưởng, tốt nghiệp trường chỉ huy - kỹ thuật xe tăng ở Trung Quốc, tính tình nghiêm nghị, ít nói, sống giản dị, gương mẫu trong lao động, học tập. Đối với tôi anh luôn cởi mở trao đổi tình hình đơn vị mỗi khi tôi hỏi anh. Tôi đã được nghe kể một câu chuyện vui về anh. Hàng ngày anh thường đột xuất kiểm tra tình hình các đơn vị, qua trực ban, ở các tiểu đoàn.

Một hôm anh gọi điện thoại hỏi:

- Trực ban tiểu đoàn đâu ?

- Có tôi

- Trục ban tên là gì ?

- “Tao”

Anh Vũ đã hơi bực to giọng hỏi lại:

- Ai là trục ban ?

Vẫn có tiếng trả lời gọn:

- Tao.

Hoá ra không phải là đồng chí trục ban “hỗn láo” với cấp trên mà tên đồng chí ấy là Tao. Một lần khác, đồng chí trợ lý cán bộ báo cáo: Anh em xì xào về khuyết điểm của Trung đoàn trưởng để thời gian trong giờ làm việc học tiếng Nga. Tôi không đồng tình với ý kiến đó, nói lại rằng: Việc dành thời gian để tự học tập thêm, kể cả ngoại ngữ là việc làm tốt cần biểu dương, sau đó đôi lúc anh cần tôi giúp thêm anh về tiếng Nga.

Từ những ngày đầu ấy, hai chúng tôi luôn tìm thấy nhau sự đồng cảm trong các vấn đề xây dựng và chiến đấu của bộ đội xe tăng.

Đối với Thiếu tá Nguyễn Kim Hoàng, Phó Chính uỷ Trung đoàn, tôi được nghe nhiều về anh, qua câu chuyện nói lên tính cách tốt đẹp: chân thật, sôi nổi và dễ hoà nhập với cấp dưới. Anh em kể lại, anh được đi học ngắn hạn ở Học viện Chính trị, khi đi anh mang quân hàm cấp Đại úy. Khi về Trung đoàn anh đã được đề bạt cấp Thiếu tá. Trong cuộc họp mặt cán bộ, anh Kim Hoàng đọc câu thơ vui:

Xa nhau mới bấy nhiêu ngày,

Nay về công việc đổi thay rất anh nhiều...

Một đồng chí sửa lại là:

Xa nhau mới bấy nhiêu ngày.

Mà nay, ve áo “đường ray” sáng ngời....

(cấp úy có 1 vạch, cấp tá có 2 vạch).

Tất cả vỗ tay cười ran... Thiếu tá Nguyễn Chí Tam, Trung đoàn phó về kỹ thuật, người bạn cũ, chúng tôi đã công tác với nhau ở trường Sĩ quan Lục quân khoá V vào năm 1949. Thật vui mừng khi gặp lại anh, anh Tam học về kỹ thuật xe tăng ở Trung Quốc, về kỹ thuật lái xe tăng đạt cấp “Lái xe ưu

tú”... , Anh luôn sẵn sàng giúp đỡ tôi để nhanh chóng nắm bắt các vấn đề về kỹ thuật đang áp dụng ở Trung đoàn...

Tôi thật sự vui mừng được công tác với tập thể chỉ huy Trung đoàn 202 ngày ấy.

Sau sự kiện Vịnh Bắc Bộ (5-8-1964), khí thế sẵn sàng chiến đấu ở Trung đoàn thật sôi động. Toàn Trung đoàn bùng lên một không khí xin đi chiến đấu. Bản thân tôi cũng có mong muốn ấy, song trách nhiệm lãnh đạo đơn vị xe tăng đầu tiên của quân đội ta, giúp tôi kìm mình và hướng dẫn đơn vị vào phong trào huấn luyện để sẵn sàng chiến đấu, kiên nhẫn đợi thời cơ xe tăng lên đường...

Một buổi tối, chính trị viên phó tiểu đoàn 4, Đại úy Lê Minh Tân lên gặp tôi đề nghị được giao nhiệm vụ gì đó cho các chi đoàn thanh niên của tiểu đoàn làm vào ngày chủ nhật với khí thế quyết tâm đánh Mỹ. Tôi bàn với Đại úy Lê Quang Phước, chủ nhiệm chính trị Trung đoàn: Hướng dẫn cho anh em “cuốc” một khẩu hiệu “Quyết đánh thẳng đế quốc Mỹ” thật to ở lưng chừng núi Đanh, để luôn nhắc 1 nhớ ý chí và quyết tâm chiến đấu cho toàn Trung đoàn. Thế là chỉ sau có 1 ngày khẩu hiệu đã hoàn thành. Đi từ Tam Đảo xuống, cách xa núi Đanh 4 - 5 km cũng đọc rõ khẩu hiệu.

Cán bộ, chiến sĩ Trung đoàn rất phấn khởi. Anh Đào Huy Vũ, Trung đoàn trưởng cũng rất hứng thú, anh bàn với tôi sẽ huy động đá học xếp vào các chỗ đã cuốc rồi quét vôi trắng để bọn giặc lái máy bay, dù bay rất cao cũng phải sờn gai ốc về ý chí của quân đội ta ...

Tôi thấy ý anh rất hay, nhưng khi bàn với anh Nguyễn Văn Phước thì thấy xe

vận tải, có thể lấy ở Trung đoàn, nhưng đá học thì không thể kiếm được, vì toàn bộ khẩu hiệu có 27 chữ cái mà mỗi chữ cái rộng độ 3m, còn chiều cao gần 10m.

Trong không khí sôi sục chiến đấu ấy, thật là sung sướng khi đại đội cao xạ tự hành 57 mm (zcy-2- 57) của Trung đoàn được Bộ Tổng Tham mưu điều đi tham gia bắn máy bay. Đại đội trưởng, Thượng úy Lê Văn Ong, chính trị viên đại đội, Thượng úy Phùng Xuân Mai hai con người năng nổ, xông xáo ấy đã đến gặp tôi. Hai anh hứa: “Đại đội cao xạ tự hành sẽ chiến đấu để xứng đáng là đại diện của Trung đoàn xe tăng trên mặt trận bắn máy bay Mỹ...”.

Khi những cơn gió mùa Đông Bắc bắt đầu hun hút thổi về, nhớ tới cán bộ, chiến sĩ đang đứng trong giá lạnh bắn máy bay, tôi và Đại úy Hoàng Đăng Huệ, trưởng Ban cán bộ cùng một số cán bộ chở một xe vận tải các tấm tranh của cán bộ chiến sĩ toàn Trung đoàn gửi tới đại đội cao xạ tự hành. Bức thư và các tấm đệm tranh của toàn thể trung đoàn gửi tới đã làm ấm lòng anh em trong chiến đấu...

Đầu năm 1965 Bộ Tổng Tư lệnh đã chấp thuận đề nghị của Trung đoàn: xin cử một bộ phận vào chiến trường B chiến đấu bằng vũ khí bộ binh để nghiên cứu việc chiếm xe tăng địch, tổ chức lực lượng Tăng - Thiết giáp tại chiến trường... Và thế là khung một trung đoàn xe tăng, gọn nhẹ được chuẩn bị lên đường vào Nam Bộ (B2). Đoàn trưởng là Đại úy Nguyễn Thế Hùng, anh được đào tạo về kỹ thuật xe tăng ở Trung Quốc. Chính trị viên đoàn là Đại úy Bùi Tân, học về kỹ thuật xe tăng ở Liên Xô. Cán bộ khung của trung đoàn nhẹ này từ trung đội trưởng trở lên được đào tạo về chỉ huy và kỹ thuật xe tăng ở ngoài nước..

Đây là đoàn thứ 3 từ Trung đoàn 202 vào chiến trường (B2) chiến đấu. Sau này, vào năm 1972, khi thời cơ đến, các bộ phận này trở thành nòng cốt tổ

chức thành lực lượng xe tăng Nam Bộ (B2), Tây Nguyên (B3) và Khu Năm (B1).

Tôi nhớ mãi trong số cán bộ, chiến sĩ đi đợt đầu năm 1965 ấy có một chiến sĩ mới đã được đào tạo thành pháo thủ xe tăng, tên đồng chí là Ma Văn Vân. Chiến sĩ Vân người dân tộc Tày (Cao Bằng). Trường hợp của chiến sĩ Vân để lại cho tôi nhiều suy nghĩ về trách nhiệm người cán bộ ...

Ma Văn Vân nhập ngũ tháng 2 năm 1965, trong học tập và công tác không có gì đáng chê trách, nhưng khi chuẩn bị tập luyện để lên đường thì Vân trốn về nhà. Ngày đó mà một chiến sĩ bỏ ngũ trốn là một điều cán bộ rất day dứt... Cán bộ đại đội và tiểu đoàn phải về tận nhà đón lên. Chính trị viên tiểu đoàn đang phụ trách huấn luyện là Đại úy Nguyễn Văn Tăng lên gặp tôi xin ý kiến về hình thức và biện pháp kỷ luật đối với chiến sĩ Vân.

Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, tôi công tác ở Đại đoàn 316, nơi có nhiều cán bộ chiến sĩ người các dân tộc ở Việt Bắc như Tày, Nùng, và tôi cũng từng trú quân ở nhà các dân tộc ấy, nên hiểu tâm tư, tình cảm bà con. Vì vậy tôi nhắc anh Tăng chưa nên kỷ luật gì, mà cần gần gũi trò chuyện khuyên răn. Anh Tăng là một cán bộ chính trị nhạy bén, do đó anh hiểu và tiến hành gặp gỡ nhiều lần với chiến sĩ Vân.

Nhưng Vân lại tiếp tục bỏ ngũ lần thứ hai, rồi lần thứ ba nữa.

Ngày lên đường vào chiến trường đã đến gần, do đó tâm lý cán bộ muốn tiến hành kỷ luật và thay thế Vân bằng người khác, đó là điều cũng dễ thông cảm. Tôi nói với anh em để tôi gặp chiến sĩ Vân lần cuối cùng nữa. Tôi và chính trị viên tiểu đoàn ngồi nói chuyện với Ma Văn Vân, người chiến sĩ dân tộc Tày ấy vừa khóc vừa nói: Em không sợ hy sinh, em sẵn sàng đi chiến đấu, nhưng em chỉ nhớ và thương “Mế” (tức là mẹ) thôi... Nhìn những giọt nước mắt

chân thật và hiếu thảo ấy, mặc dầu cách xử sự của Vân chưa đúng, tôi thật sự cảm động. Tôi chợt nhớ tới câu nói của các bà mẹ người Tày hay dùng mắng con, nên nói:

Thế Vân có biết câu : “Kin mí kin, nòn mí nòn, háy ca lăng mòn” không ?” (ăn không ăn, ngủ không ngủ, khóc cái gì nào ?).

Vân cười rất tươi nói em biết chứ !

Tôi nói tiếp đây, nếu vì nhớ “mế” mà bỏ lỡ việc đi chiến đấu thì “mế” còn buồn nhiều hơn là con quấy khóc đấy.

Chiến sĩ Vân yên lặng, cúi xuống nói khẽ: “Em không trốn về nữa đâu ...”.

Ngày anh em lên đường, tôi và Trung đoàn trưởng Đào Huy Vũ, ra ga Vĩnh Yên tiễn anh em. Trưởng ga đã phát cờ, tàu đã kéo còi chuẩn bị lăn bánh, bỗng Ma Văn Vân từ trên tàu nhảy xuống, tôi giật bắn người lên chợt nghĩ: Chết rồi Vân lại trốn, nhưng không, chiến sĩ Vân chạy nhào tới ôm chặt lấy tôi nói: Vân nhớ Thủ trưởng Xuân lắm, rồi chạy theo nhảy lên đoàn tàu.

Tôi đứng lặng yên vẫy theo đoàn tàu xa dần, mắt nhòa đi.

Thời gian cứ lặng lẽ trôi đi, không bao giờ trở lại Thời gian có thể bào mòn núi đá, có thể thay đổi cả dòng sông. Thời gian cũng xoá đi bao ký ức trong mỗi con người... Song thời gian không thể làm phai mờ được những hình ảnh đẹp đẽ về tình đồng chí, đồng đội trong những năm, tháng ấy.

Ngày nay đất nước có hoà bình, đời sống ngày càng tốt hơn, tôi thường tự hỏi: Ngày nay khi mặt trái của nền kinh tế thị trường đang len lỏi vào các ngõ ngách của cuộc sống, liệu tình đồng chí, tình người có còn thắm đượm như xưa nữa ?

BỘ ĐỘI VIỆT - LÀO CHUNG MỘT CHIẾN HÀO

Thiếu tướng Lê Xuân Kiện, nguyên Tư lệnh Binh chủng (1980 - 1989)

Mùa khô năm 1967 - 1968, cùng với những thất bại nặng nề của Mỹ và quân nguy Sài Gòn ở miền Nam Việt Nam, trên chiến trường Lào tuy được viện trợ của Mỹ, quân đội Thái Lan và nguy Lào liên tiếp bị bộ đội Pa thét Lào và quân Tình nguyện Việt Nam đánh cho nhiều trận thất bại, vùng giải phóng của lực lượng cách mạng Lào ngày càng được củng cố và mở rộng.

Để cứu vãn sự thất bại, tránh bị sụp đổ, từ đầu năm 1969, quân nguy Lào đã tiến công lấn chiếm vùng giải phóng hòng tiêu diệt lực lượng vũ trang cách mạng Lào.

Quân nguy Lào được sự yểm trợ trực tiếp của quân đội Thái. Chúng tiến công chiếm đóng phòng thủ Bản Khai - Mường Sủi, căn cứ Bản Khai, Nậm Xoong và một số điểm chốt phía đông căn cứ Bản Khai. Chúng tổ chức phòng thủ Bản Khai - Mường Sủi gần giống một cụm cứ điểm lớn với quân số gồm 2 binh đoàn (2 GM) và một số tiểu đoàn độc lập và từng bước tiến công Cánh đồng Chum - Xiêng Khoảng - vùng giải phóng của lực lượng cách mạng Lào.

Bộ đội Pa thét Lào và quân Tình nguyện Việt Nam tổ chức phòng ngự tốt, đánh lui nhiều đợt tiến công của địch giữ vững cao điểm Phu Khút và khu vực Cánh đồng Chum, Xiêng Khoảng.

Đầu tháng 5 năm 1969, theo đề nghị của Bộ chỉ huy quân sự Pa thét Lào, Bộ Tổng tư lệnh Quân đội Nhân dân Việt Nam và Bộ Tư lệnh Thiết giáp cử một đoàn cán bộ, chiến sĩ và nhân viên kỹ thuật 1 thiết giáp gồm 32 đồng chí do tôi lúc đó là trung đoàn trưởng Trung đoàn thiết giáp 202 làm trưởng đoàn với nhiệm vụ hành quân sang Cánh đồng Chum - Xiêng Khoảng để giúp bộ đội Pa thét Lào và lực lượng trung lập yêu nước Lào sửa chữa khôi phục những xe tăng lội nước (PT-76) bị hư hỏng bảo đảm cho bạn Lào tang thêm số xe tăng tham gia chiến dịch tiến công giải phóng Bản Khai - Mường Sủi trước mùa mưa năm 1969. Trước khi bước vào chiến dịch, tôi được giao nhiệm vụ tham mưu cho Bộ chỉ huy quân Tình nguyện Việt Nam về sử dụng xe tăng trong chiến dịch. Sau khi hoàn thành việc sửa chữa xe tăng cho bạn, đoàn cán bộ, chiến sĩ thiết giáp 202 đã tổ chức thành một lực lượng phối hợp với bộ đội Thiết giáp Lào trực tiếp tham gia chiến đấu.

Đoàn được mang phiên hiệu là Đoàn 195 để kỷ niệm ngày sinh của Bác Hồ kính yêu.

Khó khăn của đoàn là không có phương tiện hành quân, tôi đã báo cáo với Bộ Tổng tham mưu và đề nghị Bộ điện sang Tổng cục Hậu cần xin ô tô vận chuyển đoàn và khí tài, vật tư kỹ thuật hành quân sang Cánh đồng Chum - Xiêng Khoảng.

Chiều ngày 10 tháng 5 năm 1969, tôi nhận được thông báo của Tổng cục Hậu cần cho xe chở người, phương tiện, vật tư khí tài sửa chữa sang Cánh đồng Chum - Xiêng Khoảng. Chúng tôi rất vui mừng khi nhận được tin này.

Ngày 12 tháng 5, Đoàn 195 hành quân từ Hà Nội vào Mường Xén tỉnh Nghệ An đêm 14 - 5, vượt biên giới Việt - Lào, hành quân sang Cánh đồng Chum - Xiêng Khoảng.

Đoàn vừa đến đất Lào, tại Noọng Pệt, chúng tôi và bộ đội vận tải Việt Nam và các đơn vị bộ binh tăng cường cho quân Tình nguyện Việt Nam bị máy bay của nguy quân Lào liên tiếp đánh phá chặn đường rất ác liệt, xe ô tô của Đoàn 195 bị mảnh bom trúng ca bin xe, nhưng lái xe và chiến sĩ thiết giáp ngồi trên thùng xe đều an toàn.

Ngày 13 tháng 5, chúng tôi được đồng chí trưởng đoàn chuyên gia Việt Nam tại Lào thông báo về tình hình Lào, lực lượng trung lập yêu nước Lào, đặc biệt là tình hình xe tăng thiết giáp của bạn. Buổi chiều hôm đó, cán bộ, nhân viên kỹ thuật Đoàn 195 đã cùng với cán bộ, chiến sĩ Thiết giáp Lào đi đến các kho vật tư, khí tài, các điểm giấu xe tăng đã hỏng để tìm nhặt phụ tùng, khí tài vật tư của xe tăng đem về tổ chức sửa chữa khôi phục số xe hỏng cho bạn Lào. Trải qua hai mươi ngày kiểm tra và tiến hành sửa chữa toàn bộ số xe tăng PT76 hư hỏng, Đoàn 195 đã sửa chữa khôi phục cho bạn Lào được 9 xe tăng (6 xe của Pa thét Lào, 3 xe của lực lượng trung lập yêu nước Lào). Sau đó Đoàn 195 đã cùng với các đồng chí chuyên gia Việt Nam ở Lào tổ chức một trung đội tăng cho lực lượng trung lập và một đại đội tăng (thiếu một trung đội) cho bộ đội Pa thét Lào.

Tinh thần hăng say khôi phục xe pháo cho bạn Lào của Đoàn 195 đã để lại những ấn tượng tốt 1 đẹp tình hữu nghị của quân đội và nhân dân hai nước Việt - Lào.

Một buổi sáng tháng 5 năm 1969, tại trụ sở đoàn chuyên gia Việt Nam trên đất Lào, đồng chí Tổng Tư lệnh quân đội Pa thét Lào Khăm Tày Xi Phan Đon đã tới thăm các cán bộ, chiến sĩ đoàn 195 chúng tôi. Đây là vinh dự của 32 cán bộ, chiến sĩ, nhân viên kỹ thuật Tăng - Thiết giáp Việt Nam sau một thời gian khẩn trương, tích cực giúp bạn khôi phục sửa chữa xe pháo tại Cánh đồng Chum - Xiêng Khoảng.

Sau phút bắt tay thân mật, hỏi thăm sức khỏe chúng tôi, đồng chí Tổng Tư lệnh quân đội Pa thét Lào nói chuyện chân tình với chúng tôi. Trưa hôm đó chúng tôi được dự bữa cơm thân mật có các món ăn của Lào và Việt Nam. Buổi gặp tuy ngắn, nhưng chứa chan tình bạn cùng nhau chiến đấu chung một 1 chiến hào, tình hữu nghị đặc biệt giữa quân đội và nhân dân hai nước.

Trung tuần tháng 6 năm 1969, chúng tôi được lệnh hiệp đồng với bộ đội Tăng - Thiết giáp Lào tham gia chiến đấu giải phóng Cánh đồng Chum - Xiêng Khoảng. Phân đội xe tăng PT76 gồm cả cán bộ chiến sĩ Việt Nam và Pa thét Lào đã được giao nhiệm vụ hiệp đồng với lực lượng bộ binh Việt Nam và Lào tiến công căn cứ pháo binh Nậm Xoong.

Lực lượng chiếm đóng Nậm Xoong gồm một tiểu đoàn bộ binh quân nguy Lào nhằm bảo vệ trận địa pháo binh gồm 10 khẩu pháo 105 - 155 mm. Đây là trận địa pháo của quân Thái Lan.

Theo kế hoạch hiệp đồng tác chiến, về phía lực lượng bộ binh Việt - Lào trong đêm phải tiếp cận căn cứ Nậm Xoong, còn phân đội xe tăng đêm 19 tháng 6, bí mật tiến gần căn cứ Nậm Xoong, cách địch khoảng 10 ki-lô-mét, tạm dừng lại. Khi pháo binh của chiến dịch bắn chuẩn bị vào Nậm Xoong thì xe tăng dùng tốc độ cao tiến đến phía đông Nậm Xoong triển khai thành đội hình chiến đấu, hiệp đồng với bộ binh tiến công tiêu diệt địch.

Đúng 5 giờ ngày 20 tháng 6, phân đội xe tăng đã tiếp cận mục tiêu và triển khai thành đội hình chiến đấu, nhưng quan sát các hướng đều không thấy bộ binh, người chỉ huy phân đội xe tăng Việt - Lào ra lệnh nổ súng tiến công. Do xe tăng xuất hiện quá bất ngờ, quân địch hốt hoảng, một số bỏ chạy, số địch còn lại kéo 2 khẩu 105 milimét ra công chính bắn trực tiếp vào xe tăng. Một

xe tăng của ta bị địch bắn hỏng. Đồng chí Nguyễn Trọng Kiên trưởng xe sau này anh là Phó Tư lệnh chính trị Bộ Tư lệnh Tăng - Thiết giáp) đã nhanh chóng phát hiện địch và chỉ huy pháo trên xe tăng bắn tiêu diệt tốp địch và 2 khẩu pháo 105 mihmét trước cổng chính. Sau 20 phút dừng cảm chiến đấu, xe tăng đã đột nhập vào trong căn cứ Nậm Xoong và tiêu diệt tiếp số địch còn chống cự, buộc địch bỏ pháo vác súng tháo chạy, số địch còn lại đầu hàng. Lực lượng hậu cần của bạn Lào thu dọn chiến trường, còn phân đội xe tăng rút ra khu vực Nậm Xoong 2 killômét sơ tán để phòng máy bay địch đến bắn phá để đêm hôm đó rút về khu tập kết. Khoảng 8 giờ 30 phút, máy bay của quân nguy Lào đến bắn phá căn cứ Nậm Xoong.

Sáng ngày 21 tháng 6 năm 1969, tại sở chỉ 1 huy chiến dịch của Bộ Tư lệnh quân Tình nguyện Việt Nam nhận được báo cáo là căn cứ Nậm Xoong đã bị phân đội xe tăng Việt - Lào tiêu diệt, ta làm chủ chiến trường, nhưng ở hướng cụm cứ điểm Bản Khai, Mường Sủi lực lượng đặc công và bộ binh của quân Tình nguyện Việt Nam và bộ đội Pa thét Lào tiến công địch gặp khó khăn phải rút ra ngoài. Lúc này, phân đội xe tăng đã tắt máy không liên lạc với đại diện xe tăng bên cạnh sở chỉ huy chiến dịch nữa. Tôi trực tiếp đến gặp Đại tá Vũ Lập - Tư lệnh chiến dịch đề nghị cho phép tôi, Trung đoàn trưởng Thiết giáp 202 và một vài cán bộ di chuyển ra phía trước, bắt liên lạc với phân đội xe tăng và hướng dẫn giúp đỡ anh em tiếp tục chuẩn bị các mặt cho các trận chiến đấu tiếp theo. Suy nghĩ một chút và mời tôi uống trà, đồng chí Tư lệnh chiến dịch nói: “Di chuyển ra phía trước, tôi đồng ý, nhưng đồng chí báo cáo với đồng chí Huỳnh Đắc Hương chính uỷ chiến dịch, nếu Chính uỷ đồng ý thì tổ chức một số cán bộ cùng đồng chí di chuyển ra phía trước ngay sáng nay”.

Được Chính uỷ chiến dịch đồng ý, tôi rất mừng và tổ chức một tổ gồm có: tôi Lê Xuân Kiện, Đỗ Văn Xảo (chuyên gia Việt Nam tại Lào) , 2 chiến sĩ trinh sát, một liên lạc, một chiến sĩ bảo vệ khẩn trương hành quân ra phía trước từ 6 giờ 30 phút đến 16 giờ 30 phút thì chúng tôi đến gần phía Nam sông Nậm Ngúm. Chúng tôi quan sát phát hiện thấy vết xích xe tăng và bảo nhau đi theo vết xích sẽ tìm thấy xe. Thật vậy, chúng tôi đi khoảng 700 - 800 m thì gặp chiến sĩ xe tăng đang đào công sự và kiểm tra kỹ thuật xe pháo. Nhìn thấy chúng tôi, tất cả anh em cán bộ, chiến sĩ xe tăng Việt - Lào chạy tới tay bắt

mặt mừng.

Sau khi chúng tôi làm việc với đồng chí chỉ huy phân đội xe tăng, biết rõ khó khăn lúc này của anh em là các xe tăng đều thiếu dầu nhớt. Đạn và lương thực còn đảm bảo chiến đấu 2 - 3 trận nữa. Tôi bàn với đồng chí chỉ huy phân đội xe tăng là lệnh cho các xe, cử người mang can nhựa, xô, nếu không có can, xô thì chặt bương đi theo tôi để tìm hậu cần chiến dịch lĩnh dầu nhớt.

Rất may là chúng tôi đi khoảng hơn 1 km thì thấy vết xe ô tô phía nam sông Nậm Ngüm. Phán đoán có thể là vết xe của hậu cần chiến dịch vận chuyển xăng dầu, vũ khí đạn ra phía trước. Chúng tôi đi theo vết xe ô tô khoảng hơn 1 km nữa thì gặp trạm hậu cần chiến dịch và đề nghị cấp phát dầu nhớt, lương khô cho phân đội xe tăng. Thế là chúng tôi nhận đủ dầu nhớt, lương khô mang về bổ sung cho đơn vị.

Trên đường từ trạm hậu cần chiến dịch về phân đội xe tăng, thật may mắn, tôi nhìn lên đồi thì thấy có cần ăng-ten đài vô tuyến điện, tôi lên đồi thì gặp tổ đài vô tuyến điện 50W. Tôi hỏi và biết được “đài vô tuyến điện của cơ quan thông tin chiến dịch” điều lên đây để các đơn vị báo cáo tình hình về Bộ Tư lệnh chiến dịch. Tôi vô cùng mừng rỡ và viết ngay điện báo cáo với Tư lệnh chiến dịch về tình hình chiến đấu thắng lợi tiêu diệt căn cứ pháo binh Nậm Xoong của phân đội xe tăng Việt - Lào và đề nghị cho phép đêm 23 tháng 6 năm 1969, phân đội xe tăng Việt - Lào vượt sông Nậm Ngüm tiến công căn cứ Bản Khai và cho các đơn vị bộ binh, đặc công, pháo binh đang vây Bản Khai, hiệp đồng với phân đội Tăng - Thiết giáp Việt - Lào tiến công tiêu diệt căn cứ Bản Khai.

Khoảng 18 giờ ngày 22 tháng 6, đồng chí Hoàng Thuyền, Tư lệnh pháo binh chiến dịch được cử ra phía trước gặp tôi thông báo mệnh lệnh của Bộ Tư lệnh chiến dịch nhất trí với đề nghị của tôi và đã lệnh cho tất cả các đơn vị đang có mặt xung quanh Bản Khai, Mường Sủi khắc phục mọi khó khăn, đêm 23 tháng 6 hiệp đồng với phân đội Tăng - Thiết giáp Việt - Lào tiến công tiêu diệt căn cứ Bản Khai, Mường Sủi. Đồng chí Hoàng Thuyền còn nói tiếp: “Chính uỷ Huỳnh Đắc Hương giao cho mình chuyển đạt cho cậu là đại diện

xe tăng của chiến dịch, cậu có nhiệm vụ chỉ huy toàn bộ lực lượng ở mặt trận Phu Khét, Bản Khai, Mường Sủi, chờ đến tay cứ phát. Nghe vậy, tôi lo nhiệm vụ chỉ huy toàn bộ lực lượng sẽ khó khăn, vì tôi không có cơ quan tham mưu đi cùng, mặt khác phương tiện để liên lạc với các đơn vị đặc công, sư đoàn bộ binh, pháo binh... không đảm bảo, vì cùng đi với tôi chỉ có đài 2 W và một đài 50 W. Tôi nói với đồng chí Hoàng Thuyền: “Cậu ở chiến trường Lào lâu năm và có nhiều kinh nghiệm nên tôi đề nghị cậu ở lại phía trước, chúng ta cùng nhau chỉ huy các đơn vị tiến công tiêu diệt Bản Khai - Mường Sủi”. Nghĩ một chút, Hoàng Thuyền nói: “Tớ phải về sở chỉ huy chiến dịch làm nhiệm vụ, không thể ở lại đây được”.

Sáng ngày 23 tháng 6, tôi và đồng chí Xảo chuyên gia xe tăng Việt Nam tại Lào tới sở chỉ huy của đồng chí Xa - Mán chủ nhiệm Tổng cục chính trị bộ đội Pa thét Lào đề nghị tiến công căn cứ Bản Khai: Đồng chí Xa Mán rất thân tình tiếp chúng tôi và đồng ý điều một đại đội bộ binh Pa thét Lào phối hợp với phân đội tăng chiến đấu.

Bản Khai, Mường Sủi là cụm cứ điểm lớn án ngữ kiểm soát trục đường số 7 từ Cánh đồng Chum đi Xa-la-phu-khum (ngã ba đường số 7 và quốc lộ 13). Lực lượng địch phòng thủ Bản Khai, Mường Sủi là 2 binh đoàn (GM) và một số tiểu đoàn bộ binh của quân nguy Lào và quân Thái Lan do 2 đại tá Thái Lan và Lào chỉ huy.

Địch tổ chức phòng thủ Bản Khai khá kiên cố, có hệ thống lô cốt bảo vệ, có giao thông hào để cơ động lực lượng, có trận địa pháo 105 ly và cối 81 ly. Cả ngày và đêm, địch tổ chức canh gác, tuần tra bảo vệ nghiêm mật.

Đêm 23 tháng 6 năm đó, phân đội tăng chở bộ binh hành quân tiếp cận Bản Khai. Trên đường hành quân, phân đội tăng gặp chốt địch cảnh giới từ xa, chúng bắn tiểu liên, súng trường, trung liên và ném lựu đạn. Xe tăng dùng tốc

độ cao vượt qua chốt từ xa của địch để tiếp cận mục tiêu.

Đúng 5 giờ 15 phút ngày 24 tháng 6, phân đội tăng Việt - Lào triển khai đội hình chiến đấu cách cổng căn cứ Bản Khai 150m và nổ súng tiến công. Ngay sau đó, các đơn vị bộ binh, đặc công, pháo cối trên các hướng đều đồng loạt nổ súng hiệp đồng.

Sau 35 phút chiến đấu, các đơn vị bộ binh, đặc công đã phá rào và xung phong vào căn cứ, phân đội tăng và đại đội bộ binh đi cùng hiệp đồng chiến đấu tốt đánh thẳng vào trung tâm Bản Khai tiếp tục tiêu diệt địch. Do bị tiến công mạnh trên nhiều hướng và xe tăng xuất hiện bất ngờ, địch ở Bản Khai hốt hoảng, một số bị ta diệt, số còn lại ở Bản Khai rút chạy về Mường Sủi và kéo theo toàn bộ địch ở cứ điểm Mường Sủi tháo chạy về hướng Xa-la-phu' thun. Ta và bạn Lào hoàn toàn làm chủ căn cứ Bản Khai - Mường Sủi.

Trong khoảng một tuần, Đoàn 195 của Trung đoàn Tăng - Thiết giáp 202 đã cùng bộ đội Pa thét Lào, quân Tình nguyện Việt Nam hiệp đồng tiến công tiêu diệt căn cứ pháo binh Nậm Xoong và đánh thiệt hại nặng 2 binh đoàn (GM) của ngụy Lào và Thái Lan phòng thủ cụm cứ điểm Bản Khai, Mường Sủi thu toàn bộ vũ khí, lương, thực phẩm quân trang quân dụng, giành thắng lợi. Chiến dịch giải phóng Cánh đồng Chum - Xiêng Khoảng hoàn toàn thắng lợi.

Tình bạn chiến đấu, tình hữu nghị đặc biệt giữa quân đội và nhân dân hai nước Việt - Lào ngày càng đậm đà, sâu sắc, thủy chung!

NHỮNG NGÀY TRƯNG NƯỚC

Đại tá Dương Đăng Giang,

nguyên Tham mưu trưởng Binh chủng

Vào giữa năm 1955, tôi đang công tác tại Cục Quân huấn, Bộ Tổng tham mưu thì được lệnh về tập trung tại Trường Văn hoá Quân đội tại tỉnh Kiến An (cũ) Tôi cũng không ngờ, đó là một bước ngoặt quan trọng đời bộ đội của mình: trở thành chiến sĩ xe tăng.

Tại trường, ngoài học tập văn hoá, chúng tôi còn học ngoại ngữ và chiều chúng tôi còn phải vác trống ra sân: “Cắc tùng, cắc tùng...” để “ôm” nhau tập nhảy quốc tế vũ, vì nghe nói là ra nước ngoài phải biết nhảy!

Đoàn học viên cán bộ xe tăng được học tiếng Trung Quốc. Cuối khoá, nhà trường mời một đồng chí người Trung Quốc nói chuyện để chúng tôi nghe thử. Do trình độ anh em còn có hạn, lại nghe người Quảng Đông nói rất khó khăn, có đồng chí còn không hiểu, nên có vẻ nản. Sau này, chúng tôi được nghe câu nói vui của học viên bạn “Trời không sợ, đất không sợ, chỉ sợ người Quảng Đông nói tiếng phổ thông” - tiếng Bắc Kinh.

Đoàn học viên xe tăng do đồng chí Đào Huy Vũ làm trưởng đoàn, tôi phó đoàn với số lượng 36 đồng chí đủ thành lập một khung cán bộ chỉ huy theo biên chế một trung đoàn xe tăng.

Đoàn học viên cán bộ tăng đến Bắc Kinh vào đầu mùa đông năm 1956. Lần đầu tiên được thấy tuyết rơi, mấy anh em còn trẻ chạy ra hứng tuyết, reo hò. Sau đó, ngày ngày phải đi dọn tuyết, anh nào cũng méo mặt.

Tại Bắc Kinh, hệ chỉ huy từ cán bộ trung đội trở lên học tại trường xe tăng số 1 do đoàn trưởng và đoàn phó phụ trách. Hệ kỹ thuật có đồng chí Nguyễn Chí Tam trưởng ban kỹ thuật, học tại trường 2. Trường 4 đào tạo các chiến sĩ trên xe theo chức trách: trưởng xe, lái xe, pháo thủ số 1, số 2... Trường 5 đào tạo thợ sửa chữa.

Học chuyên môn khoảng 3 năm. Thời gian đầu khá vất vả, trình độ Trung văn của anh em còn thấp phải trực tiếp nghe, nói, đọc tài liệu kỹ thuật, nhất là khi gặp các từ, cụm từ Trung Quốc phiên âm tiếng nước ngoài (Nga, Anh). Thể lực anh em ta còn yếu so với yêu cầu điều khiển xe tăng.

Tôi vóc người “nhỏ con”. Hồi ở Chiến khu 2 cũ, khu trưởng Hoàng Sâm vẫn gọi đùa tôi là “Cái kẹo”, sau này có đồng chí ở Bộ Tổng tham mưu gọi tôi là “Xe tăng loại nhẹ”. Khi ngồi ghế lái, tôi phải đệm thêm cho ghế cao lên, khi phải chuyển hướng gấp hoặc xe “đăng sau quay” tôi đều phải dùng cả hai tay để kéo cần lái. Mùa đông, anh em phải chịu cái rét dưới âm mấy chục độ khi tập ở ngoài trời.

Tuy vất vả, song cũng rất vui vì kết quả học tập tiến bộ, vui trong sinh hoạt ngày thường, nhiều chuyện tức cười xảy ra khi tiếp xúc với bạn: đá bóng vào người ta, không nói “Xin lỗi” mà lại “Cảm ơn”. Khi đi mua hàng, xì xồ thế nào đó mà Cao hổ cốt ~ thành cao dán tan nhọt; quên từ “Con gà mái” phải nói là “mua vợ con gà trống” ... làm họ cười lăn.

Về chuyên môn, các kỳ kiểm tra và thi cuối khoá anh em ta đều đạt thành tích cao: nắm vững chiến thuật và kỹ thuật, thành thạo sử dụng xe, vũ khí trên xe : pháo, súng máy... ; Còn tiếng Trung Quốc, đã có đồng chí nói nhanh như “gió” Lê Xuân viện, Đỗ Văn Xảo, Nguyễn Đình Doãn... Tuy nhiên, vẫn còn

bộ phận nói và nghe tiếng Trung còn yếu như đồng chí Lê Thành Liễu, thao tác thì được, nhưng khi hỏi lý thuyết thì lắc đầu nói “Tôi không biết”, đồng chí Liễu rất tốt và hiền ai cũng mến, sau thành “biệt danh” cả trường gặp đều chào vui: Đồng chí “Tôi không biết”.

Ngoài ra, anh em ta cùng tham gia lao động xã hội chủ nghĩa hoạt động văn nghệ, thi đá bóng..., anh em trường 1 trình diễn “múa sạp”, các “cô gái Thái” do mấy anh “thư sinh”: “Đặng Giang, Văn Doãn, Tường Tiến... đóng, sạp thì bó bằng cọc màn; đội bóng “Sao đỏ” của trường 4 được các đội bạn vị nể vì đá cũng không... xoàng;

Với sự giúp đỡ của bạn, vào cuối tháng 8-1959 Trung đoàn đã tập trung tại Quế Lâm, Quảng Tây, Nam Trung Quốc tiếp nhận xe T-34 và pháo tự hành CAY-76, bắt đầu huấn luyện. Tại đây, Trung đoàn đã tham gia diễn tập thực binh bắn đạn thật với Sư đoàn Bộ binh La Thỉnh Giáo của bạn (Chí nguyên quân ở Triều Tiên về) và bạn đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

Để hoàn chỉnh về tổ chức Trung đoàn, tôi được cử về nước hai lần: xem xét địa điểm xây dựng doanh trại chính qui cho Trung đoàn và đón đoàn cán bộ chính trị sang Quế Lâm gồm Chính uỷ: Đặng Quang Long, ba chính trị viên tiểu đoàn, sáu cán bộ đại đội và số cán bộ chủ chốt của ban chính trị.

Lễ thành lập Trung đoàn xe tăng 202, trung đoàn xe tăng đầu tiên của quân đội ta được tổ chức tại Quế Lâm (có đại diện bạn tham dự), Thiếu tướng Trần Văn Quang, Phó Tổng Tham mưu trưởng, thay mặt Bộ Quốc phòng công bố quyết định của Bộ ký ngày 5 tháng 10 năm 1959 và ngày đó cũng là ngày truyền thống của Binh chủng Tăng - Thiết giáp sau này. Về phiên hiệu 202, có đồng chí hiểu lầm cho là do số học viên có 202 đồng chí mà có nên đặt tên là Trung đoàn 202. Song chỉ là sự trùng hợp ngẫu nhiên. Theo quy định của cơ quan giúp Bộ tổ chức lực lượng quân đội như sau: Các sư đoàn bộ binh

mở. đầu bằng số 3: 304, 305, 308, 316... “Họ” nhà pháo: bất kể pháo đất, pháo trời và (theo các đồng chí đó) pháo xe tăng đều mở đầu bằng số 2: 204, 208 (pháo binh) 216, 241, 282 ... (pháo phòng không) và tăng ta cũng là :202, 203...

Sau diễn tập, trung đoàn trở về huấn luyện thường xuyên, chăm sóc xe, đợi ngày về nước.

Sau diễn tập, tôi và mấy cán bộ về trước để chuẩn bị.

Đúng 17 giờ ngày 13 tháng 7 năm 1960, chuyến xe tăng đầu tiên (đều nằm trong khung bạt kín) được vận chuyển an toàn bằng xe lửa về nước: 18 giờ 33 phút, chiếc xe tăng mang số hiệu 114 do Trung sĩ Đào Văn Bàn lái, dưới sự chỉ huy của cán bộ kỹ thuật Hà Văn Đa, đã từ toa tàu đặt hai bánh xích xuống mảnh đất thiêng liêng của Tổ quốc tại ga Vĩnh Yên như đánh dấu một mốc son đi vào lịch sử của Binh chủng Tăng - Thiết giáp Việt Nam.

Ngay sau đó, Trung đoàn tập trung toàn cán bộ chỉ huy, kỹ thuật, các kíp xe để kiểm tra, bảo dưỡng niêm cất xe đúng theo yêu cầu kỹ thuật tại các kho xe cũng vừa xây dựng xong trước thời gian qui định. Từ đây, Trung đoàn chuyển vào nhiệm vụ trung tâm là huấn luyện và xây dựng đơn vị.

Một ngày ghi nhớ là ngày 26-9-1960, Đại tướng Võ Nguyên Giáp - Bộ trưởng Bộ Quốc phòng và Thượng tướng Văn Tiến Dũng - Tổng Tham mưu trưởng Quân đội Nhân dân Việt Nam đến thăm Trung đoàn.

Sự có mặt của đồng chí Bộ trưởng và đồng chí Tổng Tham mưu trưởng ngay

từ những ngày đầu tiên xây dựng Trung đoàn càng làm cho toàn thể cán bộ, chiến sĩ Trung đoàn thấy được sự quan tâm chăm sóc của Đảng, Quân uỷ và Bộ Quốc phòng đối với đơn vị xe tăng đầu tiên của quân đội ta.

Bộ đội xe tăng Việt Nam từ thời kỳ “thai nghén” đến khi ra đời, về trên Đất Mẹ, hoàn thiện được chính mình, toàn Trung đoàn đã phải trải qua thời gian 4 năm tròn. Đất Vĩnh Yên, “cái nôi” của bộ đội xe tăng, đối với những chiến sĩ xe tăng đầu tiên và nhiều thế hệ nối tiếp sẽ mãi mãi không quên:

Núi Đanh, Tam Đảo còn ghi mãi,

Kim Long, Hữu Thủ chẳng mờ phai.

NHỚ LẠI TRẬN ĐẦU RA QUÂN ĐÁNH THẮNG

Đại tá Lê Xuân Tấu, Anh hùng Quân đội

PTL Tham mưu trưởng

Binh chủng Tăng - Thiết giáp.

Cách đây 30 năm, ngày 7-2-1968, Tiểu đoàn tăng 198 đã cùng với lực lượng binh chủng hợp thành tiến công tiêu diệt gọn cứ điểm địch phòng ngự trong công sự vững chắc trên các điểm cao 320 và 230 ở Làng Vây. Đây là trận đánh then chốt trong đợt một chiến dịch Đường 9 - Khe Sanh và cũng là một trong hai trận đánh hiệp đồng binh chủng đầu tiên có xe tăng tham gia giành thắng lợi giòn giã.

Trận thắng không chỉ có tác dụng đột phá, mở cửa chiến dịch mà còn có ý nghĩa rất to lớn đối với Binh chủng Tăng - Thiết giáp. Với thắng lợi của trận đánh, lần đầu tiên đã khẳng định sức mạnh đột kích và khả năng tác chiến hiệp đồng binh chủng của xe tăng, thiết giáp ta trên chiến trường miền Nam mở đầu truyền thống “Đã ra quân là đánh thắng” của Binh chủng, tạo ra bước ngoặt lịch sử mới, đưa Binh chủng Tăng - Thiết giáp tiến về phía trước với qui mô xây dựng, chiến đấu ngày càng mở rộng, trưởng thành nhanh chóng, lập nhiều chiến công xuất sắc.

Tôi vinh dự được trực tiếp tham gia trận đánh này với cương vị trung đội phó chỉ huy trên chiếc xe tăng 555, cùng đội hình chiến đấu của Đại đội tăng 3 vận động theo trục Đường 9, tiến công vào cứ điểm Làng Vây từ hướng tây.

Thăm lại chiến trường xưa, nơi chúng tôi đã dùng sức mạnh của tinh thần của hỏa lực pháo súng và xích sắt xe tăng cùng bộ binh đánh chiếm từng vị trí,

từng lô cốt hoả điểm địch, và cũng chính nơi đây những người đồng chí, đồng đội của chúng tôi đã ngã xuống vì thắng lợi của trận đánh, vì sự nghiệp giải phóng dân tộc, được gặp lại những người anh em thân thiết cùng đại đội, tiểu đoàn, những vị cán bộ chỉ huy lãnh đạo Binh chủng tiền nhiệm đã từng theo đơn vị hành quân vào chiến trường, hướng dẫn chỉ đạo, động viên giúp đỡ đơn vị hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chiến đấu, tôi vô cùng tự hào và cảm động được Đảng bồi dưỡng, được đồng chí đồng đội dìu dắt, từng bước lớn lên và trưởng thành cùng Binh chủng.

Về nguyên nhân thắng lợi của trận đánh. Theo tôi, trong trận Làng Vây, xe tăng ta đã vận dụng rất đúng, rất sáng tạo chiến thuật tiến công địch phòng ngự trong công sự vững chắc ngay từ khi còn ở khu vực tập kết chiến đấu.

Chiến thuật này, chúng tôi, những thành viên của phân đội trực tiếp tham gia trận đánh đã được học tập, huấn luyện khá bài bản khi còn ở hậu phương lớn miền Bắc. Hồi tưởng lại quá khứ lúc bấy giờ, tôi thấy: trước lúc đi chiến đấu, chúng tôi đã được huấn luyện về chiến thuật, kỹ thuật lái, bắn, chính trị, hậu cần... , chúng tôi đã được luyện tập chiến thuật từ 1 xe đến trung đội đại đội tăng tiến công, phòng ngự, trong đó có khoa mục(chiến thuật tiến công địch phòng ngự trong công sự vững chắc Tất nhiên, những nội dung huấn luyện trên còn chịu ảnh hưởng rất lớn bởi lý luận chiến thuật của Trung Quốc, Liên Xô trước đây, song bước đầu đã giúp chúng tôi làm quen với địa hình, thời tiết và thực tiễn chiến trường Việt Nam.

Bên cạnh những nội dung huấn luyện kỹ. thuật, chiến thuật binh chủng, chúng tôi còn được tham gia hợp luyện với bộ binh, thông qua các cuộc diễn tập thử nghiệm trên các loại địa hình, thời tiết khác nhau với mục đích, yêu cầu nội dung, hình thức khác nhau. Trong đó đã có lần tăng thiết giáp được tham gia diễn tập chiến đấu hiệp đồng binh chủng đánh địch phòng ngự trong công sự vững chắc trên các điểm cao ở dãy núi Thanh Tróc, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc hay ở khu vực Xuân Mai, Hoà Lạc, tỉnh Hà Tây... Đáng ghi nhớ nhất là cuộc diễn tập thực binh với Sư đoàn bộ binh 304 ở khu Ba Thá - Miếu Môn có Đại đội tăng 3 và Đại đội tăng 9 tham gia. Trong cuộc diễn tập này, xe tăng bơi PT-76 đã vận động theo cách tự bơi và người kéo

dọc sông Ba Thá.

Đối chiếu với trận Làng Vây, Đại đội tăng 9 của đồng chí Ngô Xuân Nghiêm đã vận dụng đúng theo cách cơ động này. Song cũng khẳng định rằng việc vận dụng những điều đã học được vào thực tiễn chiến đấu ở Làng Vây là rất sáng tạo, biểu hiện ở chỗ chọn hướng tiến công chủ yếu, đưa xe tăng bơi dọc sông Sê Pôn cơ động lên tham gia tiến công từ hướng nam cứ điểm là rất chính xác, vừa bảo đảm yếu tố bí mật, tạo thế bất ngờ, vừa là con đường ngắn nhất tiến công vào sở chỉ huy địch trên cao điểm 320, nhanh chóng làm suy giảm sức đề kháng của chúng, tạo điều kiện cho các mũi hướng đánh nhanh, tiêu diệt gọn, hoàn thành thắng lợi trận đánh. Sự sáng tạo trong vận dụng chiến thuật còn được biểu hiện ở chỗ đưa xe tăng vào chiếm lĩnh khu vực tập kết chiến đấu rất gần địch (khoảng 6km theo đường chim bay trên hướng Đại đội tăng 3). So với lý luận chúng tôi được học thì khoảng cách tập kết cho phép cách địch 30km. Có nghĩa là Đại đội tăng 3 và Đại đội tăng 9, khoảng từ 8 đến 10 km (trên hướng Đại đội tăng 3). Có nghĩa là Đại đội tăng 3 và Đại đội tăng 9 đã ở vào vị trí tập kết chiến đấu trong tầm đạn pháo địch, trong điều kiện địch chiếm ưu thế về hỏa lực pháo binh, không quân cùng với các phương tiện trinh sát hiện đại trong lúc yếu tố bất ngờ về sử dụng xe tăng của ta đã giảm sau lần xuất trận ở Tà Mây. Có thể nói đây là sự vận dụng sáng tạo mang tính táo bạo. Nếu ta không làm tốt công tác nguy trang giữ bí mật, để địch phát hiện thì ta khó bảo toàn được lực lượng trước khi bước vào chiến đấu. Song tiếp cận gần địch, ta có lợi thế là rút ngắn được thời gian và khoảng cách cơ động lên chiếm tuyến triển khai xung phong, hạn chế được thương vong tổn thất do hỏa lực không quân, pháo binh địch đánh phá, ngăn chặn.

Việc tổ chức đội hình tiến công trong trận đánh cũng rất hợp lý, bài bản. Binh chủng hợp thành tiến công trên 3 hướng, trong đó xe tăng tham gia tiến công trên 2 hướng. Trên mỗi hướng phải cách nhiều mục tiêu, nhưng tất cả đều tập trung vào mục tiêu chủ yếu là sở chỉ huy địch. Điều này rất đúng với lý luận chiến thuật đánh địch phòng ngự trong công sự vững chắc trên các điểm cao.

Tổ chức đội hình chiến đấu cụ thể của Đại đội tăng 3 trên hướng tiến công

thứ yếu cũng rất phù hợp. Đội hình chiến đấu được xếp thành nhiều thế đội Trung đội do tôi chỉ huy có nhiệm vụ đánh bóc vỏ vị trí tiền tiêu của địch trên điểm cao 230, được hỏa lực của trung đội tiến sau yểm hộ. Khi đại đội thực hành đột phá mở cửa, thì trung đội tôi từ vị trí vừa chiếm, được lệnh chi viện hỏa lực cho đại đội dẫn dắt bộ binh xung phong đột phá, thọc sâu đánh chiếm các mục tiêu bên trong cứ điểm và tập trung phối hợp với hướng Đại đội tăng 9, nhanh chóng đánh chiếm sở chỉ huy địch.

Như vậy, đội hình tiến công của Đại đội tăng 3 và cả Đại đội tăng 9 được tổ chức sắp xếp theo thứ tự: trung đội (hoặc xe) đánh phía trước, trung đội (hoặc xe) tiến sau chi viện hỏa lực. Cách xếp đội hình chiến đấu như trên, theo tôi rất cơ bản, rất hiệu quả. Đó là kinh nghiệm thành công để bộ đội thiết giáp nghiên cứu, vận dụng trong nhiều trận tiếp sau.

Dẫn đến thắng lợi trong trận Làng Vây là đã làm rất tốt công tác chính trị trong chiến đấu. Nhớ lại tôi thấy trước khi bước vào chiến đấu, chúng tôi đều được sinh hoạt Đảng, sinh hoạt đại đội song song với công tác chuẩn bị kỹ thuật, hậu cần và các mặt công tác khác. Nội dung chủ yếu của các cuộc sinh hoạt tập trung vào việc xây dựng ý chí, quyết tâm chiến đấu cao cho từng cán bộ, chiến sĩ, đảng viên, đoàn viên thanh niên. Nhờ thế mà khí thế toàn đơn vị lên rất cao, mọi người đều hăng hái thi đua lập công.

Đồng chí Lê Ngọc Quang, Chính uỷ Binh chủng xuống tận khu tập kết chiến đấu kiểm tra tác chuẩn bị, giao cờ, giao trách nhiệm cho đơn vị trước giờ xuất kích chiến đấu là một việc làm có hiệu quả lớn, góp phần động viên tinh thần, khí thế của toàn đơn vị.

Đôi dòng suy nghĩ nhớ lại của tôi, những điều đúc rút từ kinh nghiệm, nhận thức của bản thân trong quá trình học tập, rèn luyện cũng như trong thực tiễn chiến đấu Làng Vây, nhằm góp phần làm sáng tỏ thêm nguyên nhân thành

công và một số vấn đề vận dụng sáng tạo chiến thuật sử dụng tăng vào thực tiễn chiến đấu.

TÔI TRỞ THÀNH CHIẾN SĨ XE TĂNG NHƯ THẾ ĐẤY!

Đại tá Phùng Văn Minh

nguyên Phó Tham mưu trưởng

Bộ Tư lệnh Tăng – Thiết giáp

Sau cuộc kháng chiến chống Pháp, một số cán bộ chiến sĩ Trung đoàn 141, Sư đoàn 312 được cử đi bồi dưỡng văn hoá và học tiếng nước ngoài tại trường Văn hoá Quân đội, đến tháng 8 năm 1956, 36 anh. em chúng tôi do đồng chí Đào Huy Vũ làm trưởng đoàn được cử đi học ở trường Sĩ quan Chỉ huy xe tăng (trường xe tăng số 1) ở ngoại ô Thủ đô Bắc Kinh, Trung Quốc. Vào thời gian ấy chỉ có học sinh Việt Nam là người nước ngoài. Là những người nước ngoài đầu tiên, lại là cán bộ chiến sĩ Quân đội Nhân dân Việt Nam mới bước ra từ cuộc chiến tranh chống Pháp nên chúng tôi được bạn ưu ái về nhiều mặt, 36 anh em được tổ chức thành 1 lớp gọi là lớp học số 25, nằm trong biên chế của Đại đội 1 học viên của trường.

Chương trình học tập chủ yếu là chiến thuật phân đội, công tác chỉ huy - tham mưu, học khai thác sử dụng xe tăng - thiết giáp, học lái xe ô tô, xe tăng, học khai thác sử dụng vũ khí, khí tài quang học, phòng hoá. Về phương pháp bạn rất coi trọng rèn luyện kỹ năng, vì vậy chúng tôi được học và thực hành rất kỹ, phải kiểm tra, thi cử đi lại nhiều lần 1 nên có những môn học chúng tôi hầu như thuộc lòng, sử dụng phương tiện thuần thục, nhiều bài thi chúng tôi còn đạt kết quả cao hơn cả học viên bạn. Thi tốt nghiệp 100% đạt yêu cầu, trong đó có 70% đạt khá giỏi. Tuy chưa có thực tiễn sử dụng xe tăng trên

chiến trường Việt Nam, nhưng chúng tôi có lòng tự tin cao về khả năng làm chủ phương tiện và bản lĩnh chỉ huy của mình.

Ngay sau khi tốt nghiệp chúng tôi được phong quân hàm sĩ quan (tuy nhiên trước khi đi học đa số chúng tôi đã là cán bộ chỉ huy rồi). Tôi được phong trung úy và nhận chức đại đội trưởng Đại đội xe tăng số 1 của Trung đoàn xe tăng Việt Nam, sắp được thành lập.

Khoảng cuối tháng 7 năm 1959, chúng tôi rời khỏi trường về tập trung tại một doanh trại của một trung đoàn xe tăng của Giải phóng quân Trung Quốc ở thành phố Quế Lâm tỉnh Quảng Tây, tiếp sau đó các đồng chí học ở trường sĩ quan kỹ thuật xe tăng (trường xe tăng số 2), trường xe tăng số 4, số 5 cùng lần lượt về tập trung tại đây. Trong thời gian này 23 đồng chí cán bộ chính trị từ cấp chính uỷ trung đoàn đến chính trị viên đại đội và thành phần chủ chốt cơ quan chính trị trung đoàn cũng từ bên nước sang, thế là không chỉ là cái khung cán bộ mà có cả những thành viên chính của xe tăng - pháo tự hành đã tập trung đầy đủ. Ngoài ra còn một số đồng chí cán bộ giáo viên đã trực tiếp quản lý giảng dạy chúng tôi ở trường xe tăng số 1 đi cùng để giúp đỡ, bạn còn cử đến những anh chị em cấp dưỡng, y tế và phục vụ khác.

Khoảng đầu tháng 8 năm 1959 từng đoàn tàu hoả chở gần 100 xe tăng, pháo tự hành đến ga Quế Lâm. Chúng tôi trực tiếp nhận, thay phiên nhau lúc chỉ huy, lúc lái chạy trên đường bộ chừng 10 km từ ga xe lửa về doanh trại, tuy mệt nhưng anh em rất vui.

Để chuẩn bị cho ngày thành lập Trung đoàn, hàng chục ngày liên tục chúng tôi kiểm tra bảo dưỡng xe máy, vũ khí, khí tài. Ngày nào cũng vậy, theo kế hoạch công tác kỹ thuật toàn trung đoàn, ai vào việc nấy một cách rất trật tự. Để cho xe sạch đẹp chúng tôi phải tháo gỡ từng tấm xích, đục cạy hết đất đá bám chặt vào các răng xích, thay hết các tấm và chốt xích đã quá tiêu chuẩn

cho phép. Việc làm thật nặng nhọc nhưng ai cũng vui và luôn ngăm khích lẫn nhau phải làm thật tốt cho không thua kém. đại đội khác. Sau cùng trên tháp pháo từng xe được in hình quân hiệu của Quân đội Nhân dân Việt Nam. (vòng tròn nền đỏ sao vàng) và đánh số, xe tăng đầu tiên của Trung đoàn là 100 tiếp theo là 101, 102... Thế là từ đây quân đội ta đã có trong tay một loại trang bị hiện đại, trong khi nền công nghiệp của đất nước ta còn nhỏ bé, nền công nghiệp quốc phòng cũng còn rất hạn chế, còn chúng tôi gần hầu hết là con cháu những nông dân đã được Đảng, nhân dân giao cho quản lý, sử dụng một loại trang bị hiện đại, chúng tôi vừa sung sướng, vừa tự hào về trách nhiệm của mình, những chiến sĩ xe tăng đầu tiên của quân đội ta.

Khoảng cuối tháng 8 năm 1959 tất cả chúng tôi đã rời khỏi bộ quân phục Quân giải phóng Trung Quốc (mặc khi học tập ở trường) để mặc bộ đồ dân sự chúng tôi được phát khi lên đường sang Trung Quốc từ năm 1956. Tuy không quân phục, không quân hàm, quân hiệu và Trung đoàn cũng chưa có quân kỳ nhưng chúng tôi vẫn đội ngũ chỉnh tề, trang nghiêm dưới lá cờ Tổ quốc nghe đồng chí Trung đoàn trưởng Đào Huy Vũ đọc quyết định biên chế và giao trang bị cho từng người, từng phân đội.

Đầu tiên là đồng chí Thiếu tá Đào Huy Vũ - Trung đoàn trưởng - trưởng xe tăng số 100; tiếp đến là đồng chí Đại úy Nguyễn Văn Phước - Tiểu đoàn trưởng tiểu đoàn 1 - trưởng xe tăng số 101 ; đồng chí Trung úy Phùng Văn Minh - đại đội trưởng Đại đội 1 trưởng xe tăng số 102 ... Cứ như vậy gần 2 giờ đồng hồ tên mỗi đồng chí chúng tôi được đặt vào vị trí chiến đấu trên từng chiếc xe tăng, pháo tự hành và nhiều vị trí công tác khác. Đọc đến tên ai, người ấy đáp “có” đồng dục, hiên ngang bước lên phía trước, xếp thành 1 hàng ngang trên đầu xe của mình như xếp đội hình “chuẩn bị chiến đấu” vậy. Thật xúc động biết bao, từ giờ phút này không phải ai khác mà chính tôi là trưởng xe tăng số 102, là Đại đội trưởng Đại đội 1 với 7 xe tăng T-34 tất nhiên cùng chỉ huy đại đội bấy giờ còn có đồng chí Thượng úy - chính trị viên - Nguyễn Tăng, đồng chí Đại đội phó kỹ thuật Hoàng Công Thiện.

Ngày 2 tháng 9 năm 1959 chúng tôi được đón tiếp đồng chí Trần Văn Quang, Phó Tổng tham mưu trưởng từ bên nước sang thăm và thay mặt Quân uỷ Trung ương, Bộ Quốc phòng công bố quyết định thành lập trung đoàn xe tăng đầu tiên của quân đội ta và mang phiên hiệu 202. Tôi rất vinh dự được thay mặt cán bộ chiến sĩ Trung đoàn phát biểu cảm tưởng chào mừng đồng chí Phó Tổng tham mưu trưởng, bày tỏ lòng biết ơn Đảng, Nhà nước và Bộ Quốc phòng đã giáo dục rèn luyện, nay lại giao cho quản lý sử dụng một loại trang bị hiện đại này; cảm ơn Đảng, Nhân dân, Quân đội Trung Quốc đã tận tình giúp đỡ, đào tạo chúng tôi từ những người chiến sĩ bộ binh thành những người chiến sĩ tăng thiết giáp có khả năng chiến đấu tốt và hứa sẽ tích cực học tập xây dựng Trung đoàn vững mạnh, sẵn sàng về nước cùng toàn quân, toàn dân chiến đấu giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Sau này chúng tôi được biết lấy ngày 5 tháng 10 năm 1959, ngày Bộ Quốc phòng ký quyết định làm ngày thành lập Trung đoàn. Nhưng ngày 2 tháng 9 năm 1959 đối với tôi vẫn ghi đậm kỷ niệm ra đời Trung đoàn 202, trung đoàn xe tăng đầu tiên của quân đội ta.

Trong khi chờ đợi ngày về nước, toàn trung đoàn bước vào một đợt luyện tập, Đại đội 1 chúng tôi tiến hành diễn tập chiến thuật thực binh với một tiểu đoàn bộ binh Quân giải phóng Trung Quốc. Do đã được đào tạo cơ bản, luyện tập nhiều lần trước đó lại thông thạo tiếng Trung Quốc nên cuộc diễn tập đạt kết quả tốt. Cũng thời gian này Đại đội xe tăng 2 do đồng chí Nguyễn Hữu Trí làm đại đội trưởng tiến hành luyện tập dùng pháo xe tăng thực hành bắn gián tiếp vào cụm mục tiêu cách xa hàng chục cây số cũng đạt kết quả tốt.

Các đồng chí cán bộ, giáo viên bạn đi cùng đều tận tình giúp đỡ chúng tôi nhiều mặt; các đồng chí phục vụ cũng là người của quân đội bạn đã chăm lo việc ăn uống, đảm bảo y tế, canh gác bảo vệ chúng tôi chu đáo như những người anh em đồng chí; trường sĩ quan lục quân bạn ở Quế Lâm đã rất nhiệt tình đón tiếp, mời chúng tôi tới thăm trường và nhiều lần chiêu đãi thân mật, trọng thể. Vào khoảng cuối tháng 7 năm 1959, chúng tôi lần lượt lên đường về nước tiếp tục xây dựng, phát triển lực lượng và tham gia chiến đấu giải phóng miền Nam.

Đã trên 40 năm trôi qua, những người đã tham gia từ ngày đầu thành lập Trung đoàn nay hầu hết đã nghỉ hưu hoặc chuyển công tác khác, không ít đồng chí đã hi sinh hoặc vì tuổi cao sức yếu đã vĩnh viễn ra đi, song những người còn sống chúng tôi không thể nào quên những kỷ niệm sâu sắc, những hình ảnh tốt đẹp, sự gắn bó, lòng quyết tâm cùng nhau khắc phục bao nhiêu khó khăn học tập tốt, là một trong những lực lượng nòng cốt xây dựng bộ đội Tăng - Thiết giáp Việt Nam anh hùng ngày nay, đồng thời chúng tôi cũng không quên được những tình cảm đẹp đẽ mà Đảng, Chính phủ, nhân dân và Quân giải phóng Nhân dân Trung Quốc đã dành cho chúng tôi.

CÂU THƠ LÀM RUNG ĐỘNG TÂM HỒN CHIẾN SĨ XE TĂNG

Âu Gia Huyền

nguyên cán bộ Tuyên huấn Cục Chính trị,

Bộ Tư lệnh Tăng - Thiết giáp

Tết Đinh Mùi (1967) Đại đội xe tăng 9, Trung đoàn 202 sơ tán ở thôn Thanh Lanh, dưới chân dãy núi Tam Đảo. Thời gian đó chưa có điều kiện sử dụng xe tăng ở chiến trường, nên nhiều đơn vị xe tăng chỉ để lại số ít cán bộ, chiến sĩ kỹ thuật ở lại bảo dưỡng xe, còn đều được tổ chức thành các đại đội cao xạ, đi tham gia bắn máy bay Mỹ.

Hôm ấy như thường lệ, chiến sĩ lái xe Hoà vác búa đi kiểm tra xe. Anh gõ gõ lên xích xe tăng rồi buột miệng nói:

- Tiếng súng Đông Xuân đã nổ rồi, mà lính xe tăng thì ngồi chơi.

Đồng chí lái xe khác, tên là Can đi qua, nghe thấy nói xen vào:

- Cậu làm thơ đấy à ?

Hoà trả lời: Thơ, phú gì !

- Thế cậu chẳng vừa đọc là gì, mình đọc lại cho cậu nghe nhé: Tiếng súng Đông Xuân đã nổ rồi, mà lính xe tăng vẫn ngồi chơi.

- Hoà lại nói: Lính xe tăng mang tiếng là được chọn lọc rất kỹ, mà ngày ngày cứ phải vác búa đi gõ mỗi thể này thì buồn lắm..

- Ôi ? Cậu lại được một câu thơ nữa rồi - Can nói rồi đọc lại, này nhé :

Tiếng súng Đông Xuân đã nổ rồi,

Mà lính xe tăng vẫn ngồi chơi

Ngày ngày vác búa đi gõ mỗi.

Ba câu thơ ngon lành. Thật là xuất khẩu thành thơ. Lái xe tăng Can vốn là

học sinh lớp 10 (hệ 10 năm) nhập ngũ 1965. Học lái xe, anh rất thích thơ. Thịnh thoảng bốc đồng làm một vài câu cho vui. Câu chuyện cũng chỉ dừng lại ở đây.

Mấy hôm sau, để đón xuân mới, Đại đội họp đề ra mỗi người làm một bài báo tường. Nói là đại đội nhưng thực ra quân số chỉ có hơn chục người, nên yêu cầu: bài báo dù dài hay ngắn, thể loại nào cũng được, miễn sao từ cán bộ đại đội trở xuống mỗi người phải có một bài.

Phải mất mấy buổi trưa, Can viết đi viết lại vẫn chưa được bài báo. Nghĩ lại mấy câu thơ hôm trước, Can tặc lưỡi chỉ cần một câu nữa là được bài tứ tuyệt. Từ lúc ấy trở đi Can xoay đi xoay lại câu kết làm thế nào cho ổn. Đến ngày cuối cùng, Can đành ghi vào: “Thế thì buồn lắm thủ trưởng ơi” rồi dán lên báo tường, coi như đã hoàn thành nhiệm vụ.

Tuy là báo tường nhưng vẫn phải có ban biên tập để sửa giúp anh em cho hoàn chỉnh, gọi là có chất lượng một chút. Ngần là giáo viên văn hoá bán chuyên nghiệp của đại đội và một chiến sĩ nữa được cử vào ban biên tập. Thấy bài thơ có ý tứ mộc mạc nhưng nghe được. Muốn sửa lại câu cuối, suy nghĩ mãi vẫn chưa sửa được, trao đổi với một số anh em thì có người sửa thành “Nhiệm vụ bao giờ mới đến nơi”. Câu này cũng chẳng hơn gì câu cuối cùng của Can. Suy nghĩ mãi, cuối cùng Ngần cũng tìm được và sửa thành “Tủ lính xe tăng thủ trưởng ơi”.

Bài thơ vẫn chưa ổn, phải thay 3 từ “lính xe tăng” ở câu 2 bằng từ khác mới nghe được. Suy nghĩ mãi, Ngần thay 3 từ lính xe tăng thành 3 từ “quân ông Vũ”. Khi trao đổi với Can, Can nói:

- Đưa tên Thủ trưởng vào thơ, mình ngại lắm, 1 trông thấy thủ trưởng đã sợ rồi, Thủ trưởng quát thì... Còn tuy Ngần, nhưng đừng đưa mình vào cuộc đấy

nhé.

Hôm mồng một Tết, tổ chức vui Xuân, tiêu thụ báo tường gọi là cây nhà lá vườn. Ngần đọc mấy câu thơ anh em vỗ tay tán thưởng khen hay. Đại đội phó kỹ thuật Dương Xuân Tụ dự với anh em sau khi nghe, anh ghi lại 4 câu thơ. Mấy hôm sau lên phản ảnh tình hình đơn vị hàng tuần với Tiểu đoàn. Chính trị viên Tiểu đoàn Nguyễn Văn Phú nghe được câu thơ, nhắc đại đội phó về động viên anh em nguyện vọng đi chiến đấu là tốt, nhưng khi chưa đi phải yên tâm bảo quản xe pháo khí tài cho tốt.

Mấy câu thơ không cánh mà bay lên đến các cơ quan Bộ Tư lệnh Binh chủng, nhà thơ Hữu Thịnh lúc đó là giáo viên văn hóa nói: có giá đấy, có khi còn làm động lòng thủ tướng. Anh Đào Huy Vũ lúc đó là Phó Tư lệnh (chưa có Tư lệnh). Thời Pháp thuộc đã từng làm hương sư, dạy học trường làng, vừa biết quốc ngữ vừa biết chữ Hán, rất thích thơ. Anh suy ngẫm về mấy câu thơ rồi nói với anh em: Tôi là phó Tư lệnh cũng còn tủi nữa là anh em, có điều là ta phải chuẩn bị chiến, kỹ thuật cho tốt để khi trên dùng đến, chúng ta hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Tháng 7 năm 1967, Tổng tham mưu phó Lê Trọng Tấn, sau khi ở chiến trường B2 ra điện cho Bộ Tư' lệnh Thiết giáp lên báo cáo tình hình biên chế, trang bị, tính năng, kỹ thuật, chiến thuật từng loại xe. Sau khi báo cáo tình hình, Phó Tư lệnh Binh chủng Đào Huy Vũ nói lên nguyện vọng của cán bộ chiến sĩ Binh chủng được đưa xe tăng đi đánh Mỹ. Anh Vũ đã đọc mấy câu thơ.

Tiếng súng Đông Xuân đã nổ rồi

Mà quân ông Vũ vẫn ngồi chơi

Ngày ngày vác búa đi gõ mõ.

Tủi lính xe tăng thủ trưởng ơi !

Nghe lại mấy câu thơ anh Tấn xiết chặt tay anh Vũ nói:

- Có những cán bộ chiến sĩ như thế, ta cùng nhau nghiên cứu báo cáo Quân uỷ Trung ương sử dụng xe tăng trong Đông Xuân tới.

Và ngày đó đã tới, ngày 5 tháng 8 năm 1967, Bộ Tư lệnh Thiết giáp được Cục Tác chiến thông báo: Bộ Tổng tham mưu sẽ sử dụng hai đại đội xe tăng hạng nhẹ PT76 vào miền Nam đánh Mỹ.

Sau này, một số nhà văn nhà thơ quân đội khi nghe 4 câu thơ, thắc mắc tại sao lính xe tăng lúc đó lại ngày ngày vác búa đi gõ mõ. Hay là không có việc nên ngày ngày đi bắt mối về nuôi gà?

Hoá ra, khi sơ tán, xe tăng phải để trong hầm nửa chìm, nửa nổi. Trên làm lán lợp lá cọ. Xích xe được kê trên hai hàng đá không cho tiếp xúc với đất. Đây là vùng đất mối. Lúc đầu anh em chủ quan cho là mối làm sao đục được xe tăng, kiểm tra qua loa. Một lần phát hiện ra bọn mối đã “bí mật” đắp thành những đường qua xích lên bánh đỡ nặng chui vào xe tăng làm hỏng khí tài trong xe.

Từ đấy lái xe phải ngày ngày dùng búa gõ gõ, kiểm tra từng mắt xích gặp mối là diệt.

Sau khi nghe thủng câu chuyện, các nhà văn, nhà thơ lại thích câu “Ngày ngày vác búa đi gõ mõ”, 1 làm cho bài thơ vừa thực, vừa sâu.

LẦN ĐẦU TIÊN XE TĂNG XUNG TRẬN

Đại tá Dương Đăng Giang,

Nguyên Tham mưu trưởng Binh chủng

Ngày 5 tháng 8 năm 1967, một tin vui - xe tăng được lệnh vào Nam chiến đấu như một luồng gió mới, xua đi câu:

“Chẳng khác con kiến càn đa,

Xe tăng Hữu Thủ, leo ra, bò vào”.

Lệnh xuất quân vào thời cơ chiến lược có tính quyết định của Cách mạng miền Nam, một cuộc tiến công chiến lược mới, táo bạo, bất ngờ trong mùa khô 1967-1968.

Tiểu đoàn tăng 198 Trung đoàn 203 lãnh trách nhiệm đi đầu vào Nam đánh Mỹ nguy - Được thành lập đúng vào ngày kỷ niệm Cách mạng Tháng Tám, gồm 2 đại đội tăng 3 và 9 có 22 xe PT-76 và một số phân đội bảo đảm (công binh, thông tin, sửa chữa) do đồng chí Hà Tiến Tuân, anh em thân mật gọi là “Tuân râu” một cán bộ chỉ huy xe tăng năng nổ, xốc vác làm Tiểu đoàn trưởng và đồng chí Võ Đình Tấn làm chính trị viên.

Bộ đội xe tăng ra trận, ngoài vũ khí trang bị chiến đấu, lòng căm thù giặc và ý chí quyết thắng, trong hành trang của mình, còn có một vốn quý nữa đó là “bản lĩnh”.

Qua những năm tháng miệt mài trên bãi tập, qua các cuộc diễn tập thực binh hiệp đồng tác chiến với đơn vị bạn (bộ binh, pháo binh, công binh...). Các cuộc thí nghiệm bằng xe thực trên các loại địa hình (xe tăng PT-76 tự bơi trên sông, kéo bằng dây...). Các hình thức chiến thuật đánh địch coi trọng đánh đêm, đánh địch phòng ngự trên điểm cao có công sự vững chắc ... ; qua các cuộc hội thảo về cách sử dụng xe tăng, cách đánh của xe tăng ở các cấp ...

Thời gian dài (gần 10 năm) đã “thấm” vào cán bộ, chiến sĩ xe tăng như máu thịt của mình. “Nó” hình thành tự nhiên, có bài bản trong trận chiến đầu tiên.

Lần đầu tiên, xe tăng xuất hiện, cần có sự tăng cường về lãnh đạo và chỉ huy. Ngoài cán bộ của Trung đoàn xe tăng 203, anh Nguyễn Văn Lăng - Trung đoàn phó và anh Lê Quang Phước, Phó chính uỷ đi cùng với Tiểu đoàn 198. Đảng uỷ Bộ Tư lệnh Binh chủng (có phân công anh Lê Ngọc Quang - Chính uỷ và tôi - Tham mưu trưởng và một số cán bộ tham mưu - có anh Nguyễn Văn Phước - Trưởng ban tác chiến), chính trị, hậu cần, kỹ thuật đi cùng, Trung đoàn 202 cũng cử cán bộ đi rút kinh nghiệm (anh Hồ Hùng Thái). Các anh đều là cán bộ đã trưởng thành và có nhiều kinh nghiệm trên các mặt công tác trong Binh chủng nên đã giúp thiết thực cho tiểu đoàn trong hành quân và chiến đấu.

Trên thực tế, đoàn cán bộ tăng cường đã thành Bộ Tư lệnh Thiết giáp nhẹ trong quan hệ với Bộ Tư lệnh Mặt trận, các Binh chủng bạn và Đoàn 559. Đoàn còn có trách nhiệm với Bộ Tổng tham mưu theo qui định.

Ngày 14-10-1967, Tiểu đoàn tăng 198 xuất phát từ Châu Lương Sơn (Hoà

Bình). Sau 50 ngày đêm hành quân, đơn vị đã đến vị trí tập kết, đủ 100% trang bị vượt chặng đường dài 1000 km, địch đánh phá ác liệt ngày và đêm. Đại đội 3 xe tăng đi 813 km tập kết ở Nậm Khang, Đại đội xe tăng 9 đi 1438 km tập kết ở ngã ba Mường Noọng, nam đường số 9.

Do đường xấu, lòng máng, nhiều đèo, cua gấp, đi ban đêm (hôm có sương mù trường xe khoác dù trắng đi trước dẫn xe) nếu xe bị dẽ, anh em ta phải kéo, cứu và được sự giúp đỡ tận tình của các đơn vị bạn bảo vệ đường tuyến và thanh niên xung phong nên đã đưa được xe về đội hình hành quân.

Tiểu đoàn cũng được nhân dân, kể cả nhân dân Lào giúp đỡ khi đoàn tăng đi qua. Tất cả những cái đó cũng là một nhân tố quan trọng cho thắng lợi của cuộc hành quân.

Tuy vất vả, nguy hiểm, song với niềm tin, với khí thế ra trận diệt Mỹ cứu nước. Thêm nữa, được sự động viên cổ vũ của đồng đội trên đường tiến quân, cán bộ chiến sĩ xe tăng rất phấn khởi, có chặng nghỉ dài, không gian yên tĩnh, tương đối thoải mái - trăng thanh, gió mát, đây đó nổi lên tiếng hát, tiếng sáo... như khi xe vượt dốc Ba Thang:

Xe dừng dưới gốc Ba Tha ng

Văng nghe tiếng sáo lẫn gió ngàn vi vu

Mai đây, xốc tới diệt thù,

Vương trên tháp pháo vi vu sáo ngàn..

Một vấn đề lớn nảy sinh tác động không nhỏ tới nhiệm vụ, chiến đấu vì khí

tài tiêu hao khá nhiều. Sau khi tới đích, Đại đội 3 phải thay 84% bánh chịu nặng, 44% mủng xích, Đại đội 9 đã thay 95% bánh chịu nặng và 80% mủng xích. Tôi phải điện khẩn về Bộ Tổng tham mưu và đồng điện Bộ Tư lệnh 559 đề nghị lệnh chuyển khí tài. Sau đó binh trạm 559 chuyển vào được một xe, tạm ổn để chuẩn bị bước vào chiến dịch.

Đầu tháng 12-1967, ba cán bộ chúng tôi: Giang, Phước, Tuân xuống phía Nam đường 9 trinh sát thực địa, trọng tâm là tìm hiểu sông Sê Pôn và khả năng có thể tận dụng dòng sông. Lúc này, anh Lãng còn ốm, anh than: “ôi ? Đường giao liên sốt liên miên”.

Việc anh Nguyễn Hoà - Tham mưu phó Sư đoàn 304 kiêm trung đoàn trưởng Trung đoàn bộ binh khi trao đổi cho biết: Có bến làng Troài, xe ô tô địch xuống lấy sỏi, cát... Thật là tin rất quý giúp cho đoàn cán bộ xe tăng củng cố quyết tâm sử dụng Đại đội xe tăng 9 đánh đòn hiểm bất ngờ từ phía Nam - Vì trước đó, do địa hình phía Nam phức tạp, có lúc đồng chí đại diện mặt trận nêu phương án điều Đại đội tăng 9 lên phía Bắc, cùng Đại đội tăng 3 đánh từ phía Tây trên đường 9. Công tác chuẩn bị thật khẩn trương, tất bật và... bí mật tuyệt đối.

Địch đã biết phía Tây ta đánh bằng xe tăng để tiêu diệt Huội San, nên chúng đề phòng kỹ, pháo Tà Cơn và máy bay địch khống chế, đánh ác liệt, Đại đội tăng 3 gặp nhiều khó khăn khi trinh sát địa hình.

Thời gian trôi nhanh, dấu hiệu báo xuân về không chỉ trên triền núi xa xa mà ngay cả trong “nhà” các chiến sĩ xe - đào hầm đắp ụ đất che hết bánh chịu nặng, dưới bụng tăng là hầm cho người. Khi đồng chí Chính uỷ và tôi thăm anh em từng “nhà” thấy:

Mai trắng nở nụ cười trên tháp pháo.

Trận chiến gần kề vẫn náo nức đón xuân.

Tính lạc quan cách mạng của chiến sĩ ta thật quý Chiến dịch tiến công đường 9 - Khe Sanh (Xuân Hè 1968) có xe tăng tham gia là chiến dịch tác chiến hiệp đồng binh chủng qui mô lớn đầu tiên của bộ đội chủ lực trên chiến trường miền Nam do Bộ Tổng tham mưu trực tiếp tổ chức và chỉ huy.

Theo mệnh lệnh tác chiến của Bộ, chiến dịch đường 9 - Khe Sanh nổ súng trước (đêm 20-1 - 1968) thực hiện đoàn nghi binh đường 9, tạo thuận lợi cho cuộc Tổng tiến công và nổi dậy toàn miền (đêm 30-1- 1968 - Tết Mậu Thân).

Trong đợt một chiến dịch (/20-1-1968 đến 7-2- 1968) xe tăng tham gia đánh 2 trận.

Trận thứ nhất: đêm 23 - 1 - 1968, Đại đội xe tăng 3 hiệp đồng cùng bộ binh đánh thẳng vào Tà Mây - cứ điểm trung tâm của cụm cứ điểm Huội San (gồm 12 cứ điểm nhỏ) do một tiểu đoàn nguy Lào chốt giữ án ngữ ở biên giới Việt - Lào (trên đường 9), chỉ trong thời gian ngắn cụm cứ điểm Huội San đã bị ta chiếm giữ. Do ta bao vây chưa kín nên một số tên chạy thoát về Làng Vây cũ.

Trận mở đầu xe tăng xung trận đã giành thắng lợi. Tuy nhiên để đi đến thắng lợi đâu có suôn sẻ. Sáng 23-1- 1968, Đại đội tăng 3 cùng Đại đội bộ binh 7 đơn vị tiến công trên hướng chủ yếu hiệp đồng tác chiến trên bàn cát, có đồng chí Phó phòng tác chiến của Mặt trận và đại diện Bộ Tư lệnh Thiết giáp tham dự (đồng chí Chính uỷ và các anh Tuân, Phước ...). Cuộc hiệp đồng vừa kết thúc thì triệu chứng máy bay địch sẽ bắn phá xuất hiện, tôi nói với anh Phước: “Nó sắp đánh, tôi và anh Quang đi đây, các anh cũng tản ra ngay”, chúng tôi vừa rời khỏi, thì máy bay địch bắn và thả bom. Một số đồng chí bị

hy sinh trong đó có đồng chí Phó phòng tác chiến Mặt trận, bên tăng có mấy đồng chí bị sức ép của bom. Khi tôi về đến Mặt trận có tin báo lên là: “Đồng chí Tham mưu trưởng xe tăng đã hy sinh!”

Khi xe tăng xuất kích, xe lần lượt bị sa lầy (ta và anh em công binh chưa có kinh nghiệm). Cứu kéo mất nhiều thời gian, trời đã sáng tình huống thật gay cấn, anh Tuấn dùng điện thoại báo về đài của đồng chí phái viên đốc chiến. Chúng tôi trao đổi nhanh, nhất trí sáng cũng đánh, xe nào vượt được trước thì xông lên ngay, kéo anh em công binh cùng lên đánh, xe 555 (anh Lê Xuân Tấu, trung đội phó) và xe 558 (anh Nguyễn Văn Lạc, trung đội phó) vượt lên được đại đội trưởng Phan Văn Hai nhảy lên 555 để chỉ huy, gần một trung đội công binh lên xe tăng. Hai xe chỉ viện cho nhau đánh thẳng vào cứ điểm. Máy bay địch bắn phá ác liệt, đồng chí Bùi Ngọc Dương Trung đội phó công binh dùng súng 12,7 mm trên xe tăng bắn trả và đã anh dũng hy sinh, nêu một tấm gương sáng về đoàn kết hiệp đồng chiến đấu.

Trận thứ hai: Đêm 6-2-1968, Tiểu đoàn tăng 198 gồm Đại đội tăng 3 và Đại đội tăng 9 được sử dụng tập trung (có 16 xe PT-76) cùng bộ binh được chi viện trực tiếp của pháo 122 mm nòng dài đã tiêu diệt gọn cứ điểm Làng Vây. Xe tăng tiến công trên hai hướng Tây và Nam và như nhiều người đã biết: hướng Nam - hướng tiến công chủ yếu, xe tăng đã thực hiện đòn đánh hiểm, bí mật và hoàn toàn bất ngờ với địch, tạo thế đánh nhanh cùng hướng Tây diệt gọn quân địch.

Trận Làng Vây - trận thành công duy nhất trong chiến dịch đường 9 - Khe Sanh tiêu diệt gọn 1 tiểu đoàn địch phòng ngự có công sự vững chắc trên điểm cao được máy bay và pháo binh Mỹ từ Tà Cơn trực tiếp chi viện.

Hai trận Tà Mây và Làng Vây nổi lên là trận Làng Vây - trận đầu đánh thắng của bộ đội xe tăng trong tác chiến hiệp đồng binh chủng, đánh vào tuyến

phòng thủ rắn nhất của Mỹ nguy, đã mang lại nhiều ý nghĩa quan trọng, có tính lịch sử.

- Đã giải toả tư tưởng và nỗi băn khoăn về vị trí và sử dụng xe tăng trên chiến trường Việt Nam, mở ra một trang sử mới: “Đã ra quân là đánh thắng” của Binh chủng Tăng - Thiết giáp.

Khẳng định “sức mạnh đột kích” quan trọng của xe tăng sau này, ở thời điểm nhất định của trận đánh, xe tăng đã là sức đột kích chủ yếu, hơn nữa, còn là mũi nhọn thọc sâu chiến dịch trong các chiến dịch quyết chiến chiến lược giành thắng lợi cho chiến tranh (mùa xuân 1975).

- Về tác chiến hợp đồng binh chủng, bước đầu đã thành công tốt đẹp. Đó là phương thức tác chiến chủ yếu của quân đội chính qui và hiện đại. Từ thành công ban đầu, qua các chiến dịch quan trọng, chiến dịch quyết chiến chiến lược quân đội ta đã nâng trình độ hiệp đồng binh chủng qui mô ngày càng lớn cỡ quân đoàn và nhiều quân đoàn. Đặc biệt hiệp đồng giữa bộ binh, xe tăng, pháo binh và công binh. Ngay từ những trận đầu, hiệp đồng xe tăng và công binh gần như khăng khít máu xương đã cùng cán bộ tăng 4 lần trinh sát trên sông Sê Pôn, chuẩn bị đường sông cho xe tăng xuất kích. Khi xe tăng xuất kích, trời rét, các chiến sĩ công binh đã đứng ngâm mình dưới nước, khoác dù trắng trên người đứng 2 bên làm lộ tiêu cho xe tăng bơi tiến. Mặt trận sơ kết đợt 1 chiến dịch, anh Quang và tôi lên dự, thấy tôi, một đồng chí trong Bộ Tư lệnh hỏi vui “Các cậu xe tăng đã mang xôi gà “biếu” cậu Xương - Trung đoàn trưởng trung đoàn công binh chưa?”. Tôi và anh Xương cùng cười, nắm chặt tay nhau. Tôi nhớ có một cán bộ xe tăng có thơ:

Đôi ta như bóng với hình

Ngắm sâu, vách đứng bên mình có ta

Chiến trường lửa đạn xông pha
Bom mìn cản lối, có ta bên mình
Thuỷ chung giữ trọn nghĩa tình
Xe tăng cùng với công binh hiệp đồng
Chiến thắng trên đã đi vào lịch sử một cây mốc vàng.

Tháng 11 năm 1997, để chuẩn bị kỷ niệm 30 năm chiến thắng trận Tà Mây - Làng Vây, Binh chủng Tăng - Thiết giáp đã tổ chức một đoàn cán bộ của Binh chủng thăm lại chiến trường xưa và mùa xuân năm 1999 tổ chức hội thảo rút kinh nghiệm và kỷ niệm truyền thống trận đầu “Đã ra quân là đánh thắng” của Binh chủng.

ẤN TƯỢNG KHÓ QUÊN

Đại tá Hà Tiến Tuân,
nguyên Chủ nhiệm khoa Tăng - Thiết giáp
Học viện Chính trị - Quân sự

Năm 1967, Bộ Tư lệnh Binh chủng Tăng - Thiết giáp chuẩn bị các mặt để đưa Tiểu đoàn xe tăng 198 đi chiến đấu. Tiểu đoàn có 2 đại đội trang bị xe tăng hạng nhẹ PT-76. Đây là đơn vị xe tăng đầu tiên đi chiến đấu, do đó ngoài cán bộ ở các cơ quan Binh chủng ra, Bộ Tư lệnh còn thành lập một ban chỉ huy đoàn 198, anh Nguyễn Văn Lãng, trung đoàn phó, Trung đoàn xe tăng 203 làm chỉ huy trưởng, anh Nguyễn Phước, trưởng ban tác chiến Binh chủng và tôi làm chỉ huy phó. Anh Tấn, chính trị viên Tiểu đoàn 3, Trung đoàn 203 làm chính trị viên.

Trong cuộc đời chiến đấu của tôi, có hai lần tham gia hành quân đường dài để tới chiến trường. Lần thứ nhất, đó là thời gian kháng chiến chống Pháp, tôi hành quân từ Thái Nguyên, Việt Bắc đến Cà Mau ở miền Nam mất gần 7 tháng trời, phần lớn là đi bộ. Thời gian chiến đấu chống Mỹ, lại hành quân từ Xuân Mai đến Bò Lạch, gần tỉnh Quảng Nam. Mỗi lần đi đều có những kỷ niệm, những ấn tượng sâu sắc nhất là cuộc hành quân của Tiểu đoàn xe tăng 198 (DTI98) vừa gian khổ, vừa ác liệt...

Hành quân xe tăng đường dài, là một vấn đề lười, nhất là trong hoàn cảnh máy bay Mỹ đang đánh phá ở miền Bắc rất ác liệt, vì thế Ban chỉ huy chúng tôi phân công anh Nguyễn Phước trực tiếp đi với đại đội xe tăng 3 (CT3) tôi đi với Đại đội xe tăng 9 (CT9).

Vào tới chiến trường, khi có kế hoạch đánh cứ điểm Tà Mây, anh Phước và anh Tấn được phân công trực tiếp chỉ huy CT3. Lúc này CT9 từ vị trí giấu quân ở Bắc Sông Bao, hành quân ra tập kết ở Mường Noọng, chuẩn bị sẵn sàng cùng CT3 đánh cứ điểm Làng Vây. Tôi nhận điện khẩn của CT9 xin khí tài thay thế, vì sau đợt hành quân xa, ở bộ phận hành động của xe tăng hư hỏng nhiều, còn khí tài mang theo đã sử dụng hết. Anh Dương Đăng Giang tham mưu trưởng Binh chủng giao cho tôi nhiệm vụ về Đoàn 559 giải quyết. Trên đường đi tôi rất lo, không biết khí tài đã được vận chuyển vào chưa? Nếu vào rồi thì nằm ở đâu ? Ngày hôm sau, vừa hỏi thăm các kho trạm vừa lùng sục tìm kiếm, tôi mừng quá thấy nhiều xích và bánh đỡ nặng của xe tăng nằm lù lù một đống to tướng trong bãi hàng rộng mênh mông trong rừng. Tôi thầm nghĩ: Binh chủng thật tuyệt vời, chi viện cho phía trước rất kịp thời. Đã hết đâu, có khí tài rồi còn phải vận chuyển nữa chứ, hàng vài chục tấn chứ ít đâu ... mà một chiếc xe tăng PT-76. Mỗi xe có 2 giải xích, một giải xích có 96 miếng xích, như vậy là một xe tăng cần 192 mảnh xích..

Một người vác một mảnh xích đã nặng rồi. Tôi đến gặp đồng chí chỉ huy phó

binh trạm để xin xe, cũng tưởng xin một chuyến xe chở khí tài, thì có gì khó khăn đâu, ai ngờ đồng chí chỉ huy phó thắng thường từ chối, đồng chí nêu lý do là không có kế hoạch vận chuyển. Tôi cố năn nỉ trình bày, không những không được mà còn bị đồng chí ấy phê phán là làm ăn “vô kế hoạch” và “không biết lo liệu”... Tôi nóng ruột quá, vì nếu không có khí tài thay thế thì xe tăng không thể chạy được, chứ không nói gì đến chiến đấu, vì thế quyết định tìm gặp hân Bộ Tư lệnh 559 để cầu cứu. May sao binh trạm đã nghĩ lại các đồng chí cho mời tôi vào và tuyên bố: giải quyết cho một xe tải để vận chuyển. Tôi thật lòng cảm ơn các đồng chí đã điều chỉnh kế hoạch của mình giúp lính xe tăng chúng tôi. Thật công bằng mà nói, việc giải quyết cho một xe là nhỏ, nhưng vào hoàn cảnh chúng tôi, lúc đó ý nghĩa lại rất lớn, chính có nó chúng tôi mới khôi phục kịp thời tình trạng kỹ thuật xe pháo để tham gia chiến đấu. Còn đối với người lính xe tăng chúng tôi có một bài học quý: nếu đảm bảo kỹ thuật thiếu sót, có khi dẫn đến không hoàn thành nhiệm vụ ...

Trở lại sở chỉ huy (SCH) mặt trận, tôi chuẩn bị sang trực tiếp đi chuẩn bị chiến đấu với CT9. Chiều hôm đánh cứ điểm Tà Mây, anh Phước và anh Tấn ra đường số 9 bắt liên lạc với SCH Trung đoàn bộ binh 24 (EBB 24) thuộc Sư đoàn 304 (F304) thì bị máy bay địch oanh tạc, các anh bị thương phải khiêng về tuyến sau. Anh Lê Ngọc Quang, Chính uỷ Binh chủng và anh Giang thay mặt Bộ Tư lệnh Binh chủng quyết định tôi thay anh Phước chỉ huy và chỉ định anh Tuấn, cán bộ phòng chính trị binh chủng thay anh Tấn làm chính trị viên, chúng tôi thành đại diện xe tăng bên cạnh SCH Trung đoàn bộ binh 24. Anh Nguyễn Văn Phùng, tiểu đoàn phó DT198 đi cùng CT3. Trận Tà Mây lúc đầu không suôn sẻ, cả đại đội bị xa lầy khi vượt qua ngầm, mất rất nhiều thời gian mới đưa được 2 xe tăng vượt lên, nhưng tiến vào cứ điểm thì một xe đã bị đứt xích, đành dừng lại trước cứ điểm dùng pháo của xe tăng bắn chi viện cho xe tăng số 555 xung phong, dẫn đầu bộ binh đánh vào cứ điểm. Trong quá trình bộ binh, công binh đã vây ép, gây cho địch nhiều thiệt hại và hoang mang, nên khi thấy xe tăng của ta xuất hiện tạo thêm cơn hoảng loạn đột biến, nên chúng bỏ căn cứ tháo chạy vào rừng.

Sau trận đánh, tôi về SCH mặt trận báo cáo với Đại tá Lê Ngọc Hiền, Tham mưu trưởng Mặt trận, anh Hiền nói: Trận đánh đã kết thúc tuy không suôn sẻ

lắm, nhưng không đến nỗi để xảy ra một “Đồng Hối” thứ 2, sau này sẽ kiểm điểm kỹ, còn bây giờ hãy tập trung cho trận cứ điểm Làng Vây.

Vào năm 2000, tôi có dịp gặp lại anh Hiền, nay đã là Thượng tướng và cũng đã nghỉ hưu. Gặp tôi anh nói:

- Trông cậu quen không nhớ đã gặp ở đâu.

Tôi nói: Xe tăng Làng Vây đấy anh ạ

- Ôi giờ ơi, vẫn còn sống cơ à? Mình vẫn chưa quên nỗi ám ảnh về trận Tà Mây hồi đó.

Tôi miên man nghĩ, trận Tà Mây không chỉ dừng lại ở ý nghĩa dọn đường vào đánh cứ điểm Làng Vây nó còn có ý nghĩa khác: giải toả tâm lý về sử dụng xe tăng trong chiến đấu không chỉ ở cấp chỉ huy chiến thuật mà cho cả cấp chỉ huy chiến dịch nữa. Trong quá trình chiến đấu tôi đánh giá cao hành động xông xáo, chủ động của anh Nguyễn Văn Phùng, anh Phan Văn Hai đại đội trưởng CT3. Các anh mỗi người lên 1 xe tăng để trực tiếp cùng anh em chiến đấu. Khi BCH Trung đoàn bộ binh 24 di chuyển lên phía trước, tôi và anh Tuấn chạy theo dọc đường số 9, máy bay địch bắn phá dữ dội, anh Tuấn bị thương ở tay, chiến sĩ liên lạc vác máy bộ đàm tụt lại phía sau, tôi mất liên lạc với đơn vị xe tăng. Tôi phải nhờ điện thoại của bộ binh mới bắt được liên lạc với anh Phùng, còn anh Tuấn tôi đề nghị anh lùi về phía sau vì bị thương, anh không chịu, vẫn sát cánh cùng tôi cho đến khi trận tấn công Làng Vây kết thúc.

Có một vấn đề tôi suy nghĩ rất nhiều: đó là qua hai trận đánh đầu tiên của bộ đội xe tăng, thì phần lớn xe tăng bị sa lầy, không phát huy được hết sức mạnh ta có. Hiện tượng này làm tôi nhớ lại thời gian học tập về kỹ thuật lái xe tăng. Năm 1965 chúng tôi được tiếp tục sang Trung Quốc học tập, trong một buổi tập lái xe tăng hành quân dã ngoại, khi đến một đoạn đường phải vượt dốc, mấy xe đi đầu vượt dốc thuận lợi nhưng đến lượt anh Tứ, xe bị tụt xuống hố, mấy lần không lên được. Các giáo viên Trung Quốc cho ngừng tập rút kinh nghiệm và yêu cầu chúng tôi mở sách ra đọc lời của Mao Chủ tịch, đại ý: khi gặp khó khăn, không sợ khó khăn, trong khó khăn phải thấy thuận lợi để vượt khó khăn... Còn chúng tôi chú ý đi sâu xem về kỹ thuật và đã phát hiện ra nguyên nhân, do hướng của dốc không thẳng với hướng con đường, hơi chệch sang trái. Khi lái xe vượt dốc, tới mức độ nào đó, phải kéo cần lái cho xe chuyển hướng sang phải để xe không va vào vách ta-luy. Anh Tứ sợ xe va vào vách nên chuyển hướng hơi sớm, lực lên dốc bị giảm nên xe bị tụt. Khi đã hiểu nguyên nhân về kỹ thuật lái xe anh Tứ đã lái xe vượt dốc an toàn. Khi tổng kết khoa mục giáo viên biểu dương gương học tập tốt, đã lái xe vượt dốc thành công sau nhiều lần không đạt. Thực ra, ngoài yếu tố tư tưởng chúng tôi đã biết giải quyết khâu mấu chốt đó là yếu lĩnh kỹ thuật.

Với những trục trặc xe tăng bị sa lầy nhiều trong hai trận Tà Mây và Làng Vây, cho tôi những bài học về huấn luyện kỹ thuật cho đội ngũ chiến sĩ lái xe tăng, ngoài ra ở một binh chủng kỹ thuật, dù là cán bộ chính trị hay chỉ huy đều phải học tập, am hiểu về kỹ thuật thì mới có thể làm tốt chức trách được.

Sau khi hoàn thành công tác chuẩn bị, tôi và anh Tuấn đến SCH Trung đoàn bộ binh 24 cùng đồng chí Mộc mang máy bộ đàm. Như tôi đã nói ở trên, khi đồng chí ấy mất liên lạc, chúng tôi rất lo, không biết đồng chí có bị thương không ? Nếu mất phương tiện thông tin, sẽ không biết xoay sở ra sao, vì muốn chỉ huy được xe tăng phải sử dụng vô tuyến điện. Khi gặp lại đồng chí Mộc, thấy đồng chí còn lành lặn, máy bộ đàm còn, chúng tôi yên tâm. Nhìn nét mặt mệt nhọc của đồng chí chiến sĩ thông tin, tôi chỉ nhẹ nhàng nhắc cần rút kinh nghiệm, dù sao đây cũng là lần đầu đồng chí ấy ra trận.

Tối hôm đó (4-2-1968), chúng tôi tiếp xúc với anh Dũng Chi phó Tham mưu trưởng Sư đoàn bộ binh 304 với tư cách là phái viên của sư đoàn, để li Trung đoàn Bộ binh 24 làm nhiệm vụ đốc chiến. Chiều hôm sau ngày 5-2-1968 khoảng 16 giờ anh Dũng Chi đến gặp tôi nói:

- Ông Tuân này, theo kế hoạch thì 16 giờ pháo ta đã bắn vào cứ điểm, tôi theo dõi chưa thấy động tĩnh gì.

Tôi hỏi: Bắn phá hoại phải không anh ? Còn tôi cũng không nghe thấy gì cả.

- Thôi đành đợi thêm ít phút nữa, còn bên các anh cũng phải chú ý lắng nghe nhé.

Đến 17 giờ 30 phút, Anh Dũng Chi lại gặp chúng tôi, vẻ lo lắng, bồn chồn nói: Cũng chưa thấy pháo bắn, có lẽ hoãn đánh chăng ? Mà nếu hoãn thì phải thông báo chứ ? Ý anh Tuân thế nào ?

Tôi thấy đây là một tình huống rất phức tạp. Phán đoán tình hình phải thật chính xác, còn chúng tôi mới có một dữ kiện là quá giờ qui định mà chưa thấy pháo ta bắn theo kế hoạch, nên tôi trả lời:

- Có lẽ anh nên trao đổi với Thường vụ Đảng uỷ Trung đoàn để cân nhắc cho kỹ xem.

Ngồi suy nghĩ một lát anh Dũng Chi nói:

- Chắc chắn là hoãn rồi, tôi sẽ trao đổi với Thường vụ Đảng uỷ để ra quyết định cuối cùng.

Tôi nói tiếp: Đề nghị các anh quyết định nhanh, kéo xe tăng xuất kích, tôi không thể ngăn kịp.

Khoảng 15 phút sau, anh Dũng Chi thông báo quyết định hoãn trận đánh của Thường vụ Đảng uỷ Trung đoàn. Anh Tuấn rất lo vì lúc đó 18 giờ rồi, sợ không ngăn kịp thời, CT3 có thể xuất kích. Tôi liên lạc với tổ thông tin của bộ binh đang ở sát đường số 9, nhờ anh em quan sát, nếu thấy xe tăng đến phải báo anh em quay về vị trí chờ lệnh. Các đồng chí thông tin hỏi lại: Nếu họ không nghe cứ đi thì sao ? Tôi trả lời, cứ nói đây là lệnh của đồng chí Tuấn, nếu còn nghi ngờ thì nhờ máy điện thoại hỏi về Sở chỉ huy. Đồng thời tôi cho chiến sĩ thông tin bộ đàm đi cùng chúng tôi, cầm giấy tôi báo hoãn cho anh Phùng người trực tiếp chỉ huy đại đội 3.

Thật may, lệnh hoãn đến kịp. Đêm đó chúng tôi đều thao thức khó ngủ, nằm suy nghĩ, đặt giả thuyết nếu không phải là hoãn đánh thì tình thế sẽ ra sao. Còn vẫn đánh thì CT9 và bộ binh chiến đấu ở hướng Nam sẽ gặp khó khăn ra sao. Quả thật những giờ phút ấy, tôi càng thấy thêm trách nhiệm của những người chỉ huy và lãnh đạo phải gánh vác trong chiến đấu thật là nặng nề.

Đến nửa đêm vẫn thấy yên tĩnh, chúng tôi mới thật yên tâm. Mãi đến tận trưa ngày hôm sau, anh Dũng Chi vui vẻ nói: Điện của sư đoàn báo hoãn vừa mới tới Trung đoàn. Đến bây giờ, ấn tượng mạnh mẽ về tinh thần dám chịu trách nhiệm, tính quyết đoán là một phẩm chất ‘không thể thiếu được của người chỉ huy.

Đêm ngày 6 tháng 2 năm 1968, trận tấn công cứ điểm Làng Vây bắt đầu. Trên hướng CT3, mạng thông tin thông suốt, qua mạng chỉ huy trên xe tăng của Đại đội trưởng Nguyễn Văn Hai, đài của chúng tôi nắm được tình hình từng chiếc xe tăng. Đại đội trưởng Hai được đào tạo kỹ về xe tăng ở Liên Xô, anh chỉ huy đơn vị chắc và bình tĩnh xử trí các tình huống. Trận đánh diễn ra thuận lợi khi hai Đại đội 3 và 9 đã gặp nhau ở trung tâm cứ điểm Làng Vây thì có lệnh cho xe tăng phát triển vào Làng Vây làng, để diệt tàn quân rút về đó. Tôi lệnh cho anh Đậu chính trị viên CT3 dẫn một trung đội tiến vào Làng Vây làng, nhưng sau đó có lệnh của trên hoãn.

Lúc này anh Phùng ngồi trên xe tăng ở Cầu Bi, đã sử dụng vô tuyến gọi tới tôi: “Phùng gọi Tuấn, anh cho tôi đưa xe tăng vào một tý”. Tôi bàn với anh Tuấn rồi trả lời: “Tuấn gọi Phùng, hãy đợi, ở trong còn sức”. Thực ra ngoài hai trung đội xe tăng (có 8 xe tăng) đánh vào cứ điểm, chúng tôi vẫn còn lực lượng dự bị, còn anh Phùng luôn đi trong đội hình CT3, nên chúng tôi dự kiến nếu anh Hai - đại đội trưởng có “làm sao” thì đã có anh Phùng thay thế.

Gần đây nhân dịp anh Phùng về thăm con ở Hà Nội, anh có ghé thăm tôi, nhắc lại chuyện vi phạm bí mật thông tin năm xưa, “Phùng gọi Tuấn” và “Tuấn gọi Phùng” tôi nói đùa: Đi đánh giặc, xin xung phong vào đồn địch mà ông cứ làm như xin vào buông vợ một tý.

Anh Phùng hà hà cười.

Sau trận đánh, tôi về SCH báo cáo, Tham mưu trưởng mặt trận Lê Ngọc Hiền ra lệnh cho tôi đưa một trung đội của CT3 bổ xung cho CT9 và đưa CT9 vào Huế. Đường chưa làm xong nên CT9 dừng lại ở A Lưới, từ đó tôi ở lại chiến trường với Đại đội xe tăng 9 cho tới khi anh Đào Văn Xuân Phó chính ủy Bộ

Tư lệnh Binh chủng vào, và anh Viễn thay tôi, tôi trở về Binh chủng.

CHIỀU HẢI CẢNG

Nguyễn Thế Tường,

nguyên biên sĩ lái xe tăng Lữ đoàn 202

Câu chuyện này tôi phải lấy cái tên trùng lặp với tiêu đề một ca khúc nổi tiếng của Xê Đôi vì không thể nghĩ ra cái tên nào khác hợp lý hơn. Những buổi chiều ấy đã xa lắm rồi. Những buổi chiều trên bờ biển bên một hải cảng lớn của miền Trung trong chiến tranh.

Cửa Việt mùa xuân năm 1973.

Hội nghị “Hoà đàm” Pari đã “hợp” được ... Năm năm (từ năm 1968) và đã có bốn bên có thể ký kết một hiệp định ngừng bắn ở miền Nam Việt Nam. Ở chiến trường, cuộc chiến không nhờ thế mà nguôi bớt. Những cuộc giao tranh vẫn quyết liệt, đẫm máu. Quân bên nào thắng thì phái đoàn bên đó dễ cao giọng hơn, các điều khoản soạn thảo có lợi hơn. Đơn vị xe tăng của chúng tôi đóng chốt trên vùng đất cát rộng hoang hoá phía Nam cảng Cửa Việt. Chúng tôi gồm một đại đội thiếu, chín chiếc, vừa xe tăng vừa thiết giáp. Trong chiếc xe tăng T54 của tôi có năm người. Tôi là hạ sĩ - lái xe. Anh Khoán - thiếu úy, xe trưởng. Toàn - hạ sĩ, pháo thủ. Khanh - binh nhất, pháo hai (pháo thủ nạp đạn) kiêm điện đài lúc bê tê (bình thường). Còn thành viên thứ năm đảm trách khẩu 12 ly 7 là một thanh niên dân tộc Tày quê ở Cao Bằng tên là Pầu. Trong xe chỉ mình anh Khoán được đào tạo qua trường sĩ quan. Tôi đã tốt nghiệp cấp ba. Toàn là sinh viên nhập ngũ. Còn hai cậu kia mới học hết lớp 7.

Chúng tôi đóng quân lại khá lâu ở Nam Cửa Việt Chiến dịch Quảng Trị qua mùa hè đã được mấy tháng. Thành Cổ trở thành “cối xay thịt” và đã lại rơi vào tay địch từ tháng 10-1972. “Doanh trại” chúng tôi được bố trí ngay dưới gầm xe. Giữa hai băng xích, chúng tôi đào sâu xuống, đủ độ để có thể ngồi được. Công việc hàng ngày là ... đánh bài “tiến lên”, luộc cơm gạo sấy, ăn với ruốc bông, đếm tiếng pháo từ Hạm đội Bảy bắn vào nổ đầu đó quanh các trận địa.

Và, chờ một cái gì đó như một cuộc chạm trán nảy lửa nay mai để giành giật cái cảng biển chiến lược này. Tuổi hai mươi, được ăn no, nằm ườn xác sinh lực dồn ứ trong huyết quản, ngọ nguậy dưới cơ bắp. Những lúc chiều xuống, Pầu thường hát ư ử mấy câu hát nặng chất dân ca của dân tộc anh: “Noọng ơi ! Non ngàn nở hoa ... Noọng về cùng ta ... ta tắm chung dòng suối...”. Còn Khanh thì im lặng nhìn ra biển. Quê anh ở đồng bằng tỉnh Thanh Hoá, mất mùa luôn, đói. Chúng tôi thường trêu anh : “Thanh Hoá đào rau má, phá đường tàu?”. Anh không cãi lại nhưng đôi mắt rưng rưng. Anh Khoán đã có vợ. Vợ anh mới sinh cháu được ba tháng. Quê anh ở bên bờ sông Thao, tỉnh Phú Thọ, nơi có đền thờ và mộ Tổ Hùng Vương. Khoán rất nóng lòng tham dự trận đánh mà anh linh cảm là trận cuối cùng của cuộc chiến, để sau đó xin về phép thăm con. Toàn thì khỏi nói, vô thiên lủng chuyện từ hồi còn ở trường đại học có thể mang ra kể. Từ chuyện học ngoại ngữ khó khăn thế nào, đến chuyện suất cơm sinh viên khốn nạn và những mối tình lâm ly bản lề trong các ký túc xá đều được Toàn thêm mắm thêm muối cho mỗi ngày một dài ra. Một ngày anh Khoán nói:

- Này, nghe mãi chuyện tầm phào cũng chán, hay cậu Toàn dạy tiếng Nga cho chúng tôi đi. Biết đâu sau chiến tranh có ai đó được đi học ở Liên Xô.

- Ôi - Toàn phản bác - Chiến tranh biết sống chết thế nào mà học cho mệt...

Nói thì nói vậy nhưng rồi có thể vì không kiếm được việc gì hay hơn nên

Toàn cũng bỏ công dạy tiếng Nga cho chúng tôi. Ý định ban đầu của anh rất cụ thể: dạy cho chúng tôi biết mặt chữ của tất cả các bộ phận binh khí trong xe. Nào là: Kính Tê sa, nút khởi động, bàn đạp ly hợp, bảng cầu chì.... Nhưng muốn vậy thì phải học từ đầu, bắt đầu bằng bảng chữ cái với cả ngữ pháp sáu cách rất nhiều kê. Toàn nản mà chúng tôi cũng chán, đành bỏ cuộc. Đằng nào thì cũng ngấm vào kính Tê sa, nạp đạn, giật cò. Đằng nào chả ấn nút khởi động, cài số, nhả ly hợp, tăng ga cho xe chạy. Không có tiếng Nga chúng tôi cũng đã tham gia một chiến dịch lớn với dăm trận đánh, hiệu số bàn thắng bàn thua cũng kha khá. Nhưng người không bỏ cuộc lại chính là Toàn. Sau một tuần ngồi ngáp vặt, anh nảy ra sáng kiến là thôi không học chữ nữa, chỉ học nói thôi. Nghĩ là chỉ thuộc một số tiếng cơ bản để đối thoại đề phòng mai ngày được sang Nga thăm đất nước của Puskin, của Sô-lô-khốp. Rồi để cho chúng tôi dễ nhớ, anh đã soạn ra một bài thơ lục bát, ghép những từ tiếng Nga với tiếng Việt để chúng tôi học thuộc. Anh tuyên bố:

- Bấy nhiêu đây là có thể được cấp bằng “Sơ học yếu lược” Nga văn, đủ sức “tán đổ” một cô gái thành Pê-téc-bua chánh hiệu nai vàng.

Rồi anh giở sổ tay ngân nga:

I a - Tôi, cũng – Tố re

Út tờ rơm - buổi sớm, mùa hè - Lét tờ

Tình cảm - chút xít tờ vờ

Xờ chi khi - những câu thơ trữ tình

Xờ vôi là cái của mình...

Đại khái như thế. Cộng cả âm tiếng Nga lẫn âm Việt mỗi câu đều đủ sáu hoặc tám âm tiết, lại đúng, vẫn dễ thuộc. Có khi để phù hợp với lượng âm tiết cách viết ngắn câu cũng phải biến tấu. Ví như:

Gu li át - Buổi dạo chơi nhẹ nhàng

Um vưi - Mộng tưởng mơ màng...

Chúng tôi, kể cả anh Khoán trưởng xe, đều đọc say sưa như những cậu học sinh lớp một. Và, các bạn thử hình dung, với những câu thơ lục bát trên đây học thuộc thì rất dễ mà sáng tác thêm thì rất khó. Nên chi, đã xảy ra tình trạng “Thầy Toàn” hết chữ để dạy. Chúng tôi lại lâm vào tình trạng ứ đọng, thừa thãi thời gian, quay sang đánh bài quẹt nhò nôi và tán láo.

Nhưng vận may lại một lần nữa mỉm cười với chúng tôi: Nhân dịp gì đó, ban chính trị của tiểu đoàn đã chia phần cho đại đội tôi một cây đàn ghi-ta. Anh Khoán nhận đàn về, nói “Ai chơi được thì phùng phùng cho vui”. Nhìn thấy cây ghi-ta, mắt Toàn sáng rực. Không phải là “phùng phùng” cho vui thôi mà cây đàn trong tay anh đã thực sự là một vũ khí một thứ thần dược. Anh đã đệm đàn cho chúng tôi đồng ca đủ các ca khúc, từ “Giải phóng miền Nam” “Năm anh em trên một chiếc xe tăng” cho đến những bài hát thiếu nhi tếu táo được xuyên tạc lời:

Em bé ti ti

Em đi vườn trẻ

Em ị cả quần ...

Cuối cùng Toàn tuyên bố sẽ tập cho cả hội hát kỳ thuộc một ca khúc nổi tiếng của Nga. Bài hát :. “Chiều hải cảng” của nhạc sĩ Xê Đôi, Và, điều này mới thật quan trọng: sẽ hát cả tiếng Việt lẫn tiếng Nga.

Ôi ! Kể từ hôm đó, trên bãi cát Nam Cửa Việt hầu như không còn chiến tranh cùng với cái chết rình rập. Không còn pháo hạm rít qua đầu. Không còn những loạt bom B52 nổ dài đến hụt hơi phía đường số 9. Cứ chiều xuống, chúng tôi lại ra ngồi. trước mũi xe nhìn ra hải cảng Cửa Việt đang tím sẫm ánh tà dương. Nhìn những ngón tay Toàn lại lướt trên phím đàn và chúng tôi cùng trầm giọng:

Chiều xuống, chiều dần buông.

Lặng lẽ trời mờ sương.

Đêm về sóng lênh đênh trôi rì rào...

Đến điệp khúc, tất cả chúng tôi đều cao giọng đồng thanh bằng tiếng Nga:

Trai sai Liu bím mười gô rớt

U khô dim Da vờ tờ ra Vơ Môre

I Ran nhây pa rồi

Men nhốt Dakamôi

ZỜ na kôm Mười Pla toóc Ga lu bơi...

Chúng tôi hát như thế mỗi chiều. Hát mãi, hát mãi, Pẩu quên cả Noọng của anh ở Cao Bằng xa xăm. Khanh không còn buồn mỗi lần vọng về quê có thể đang mất mùa đói kém. Anh Khoán như trẻ hẳn lại với niềm tin một ngày anh sẽ cùng thằng “tăng con” song ca bài tình ca tuyệt vời này. Chính anh Khoán đã đề nghị với đại đội tổ chức để Toàn dạy cho cả đơn vị hát một số bài ca Nga mỗi khi có điều kiện.

Nhưng, đã không kịp. Trận đánh diễn ra sớm hơn chúng tôi tưởng... Câu chuyện trên đây chưa phải là truyện ngắn mà chỉ là những dòng hồi ức của bản thân tôi. Tôi đã kể ra cùng với tên họ, chức danh thật của các thành viên trong chiếc xe Bảy linh tư. Nhưng nếu câu chuyện này khi in ra đâu đó có một số người trẻ tuổi nào đó kêu là không có thật - mà hẳn là rất nhiều người không tin. Người đời bây giờ bận rộn với kinh doanh, cái họ cần học là

Thanh kiu, ô kê để ký hợp đồng đẻ ra lợi nhuận. Và, nếu có người không tin, phản bác cho câu chuyện trên là hư cấu, thêm thắt thì tôi cũng không cãi được. Vì, ngay cả lúc này, ngồi kể lại câu chuyện trên trong trang giấy tôi cũng lấy làm lạ là: Liệu cuộc đời mình trong thời đoạn tuổi hai mươi có phải đã tham gia trực tiếp vào những sự kiện lạ lùng khó tin như thế !? Vả chẳng ngoài tôi ra không ai còn sống để làm chứng. Cả xe trưởng Khoán, pháo hai Khanh, xạ thủ Pẫu với cả “Thầy giáo Nga văn” hạ sĩ pháo thủ Toàn đều nằm lại trên bãi cát Cửa Việt cùng với chiếc xe tăng 704 trong trận đánh đẫm máu cuối cùng bảo vệ hải cảng Cửa Việt chống địch lấn chiếm ngay trong Hiệp định Paris ... Một mình tôi mang đầu máu và những vết bỏng vào quân y viện rồi từ đó thi vào trường đại học. Những năm tháng ở trường, cứ mỗi lần có liên hoan văn nghệ là tôi lại hát bài “Chiều hải cảng” với cả hai thứ tiếng Việt - Nga và thường được vỗ tay hoan nghênh như một ca sĩ thực sự. Những lúc ấy tôi thường cay đắng nghĩ rằng: Giá như những đồng đội tôi không chết, bây giờ họ cũng già như tôi, ngón tay của Toàn sẽ lướt trên phím đàn ghi-ta và dàn đồng ca sẽ cất lên đủ năm giọng:

Pro sai liu bim Mũi gô rớt...

Hà Nội - Đồng Hới 5 - 2002

NHỮNG KỶ NIỆM VỀ TRƯỜNG TĂNG TAT-SƠ KEN.

Đại tá Đinh Quang Tuệ, cựu học viên Tăng - Thiết giáp, khoá đầu tiên đào tạo tại Liên Xô (1960-1964).

Năm chuẩn bị ra đời Trung đoàn xe tăng đầu tiên do đoàn cán bộ đợt đầu được Trung Quốc huấn luyện sẽ về làm nòng cốt; cũng là khi đoàn chúng tôi những sĩ quan, hạ sĩ quan bộ binh, pháo binh, phòng không, thông tin ... có thành tích trong chiến đấu, đạo đức tốt thể lực khá được lựa chọn sang Liên

Xô học tập. Song, trình độ văn hoá của anh em nói chung còn thấp nên trước khi đi được tập trung bồi dưỡng cấp tốc tại trường Văn hoá Quân đội để có trình độ văn hoá phổ thông và tiếng Nga. Đoàn chúng tôi có 72 người do thiếu tá Đào Văn Xuân, nguyên Chính uỷ Trung đoàn Bộ binh 9, Sư đoàn 304 phụ trách kiêm Bí thư Chi bộ được tới học tập tại Trường Chỉ huy Kỹ thuật Tăng Tát-sơ-ken đã từng mang tên Sit-ta-lin.

Phấn đấu vượt những thử thách của môi trường mới.

Anh em chúng tôi tuổi đều đã quá thanh niên, đa số đã có gia đình riêng, có con cái, sức lực cũng còn sung, trình độ còn nhiều bất cập so với điều kiện đầu vào của nhà trường. Trường nằm ở nước Cộng hoà U-dơ-bek vùng Trung A là một trong những nơi khí hậu tương đối khắc nghiệt của Liên bang xô viết; mùa hè nóng tới 50 độ, đứng vào xe tường bóng da thịt, có đồng chí bắt nắng mặt mày đen xạm, anh em thường gọi đùa là bạn Châu Phi; mùa đông cũng khá lạnh, muốn nổ máy xe phải phát động máy sưởi nhiệt động cơ trước. Anh em chúng tôi phải chịu đựng và rèn luyện nhiều mới thích nghi được với hoàn cảnh mới.

Học viên Việt Nam được biên chế thành một đại đội riêng, tự quản về mặt sinh hoạt, có cán bộ khung của bạn từ trung đội trở lên giúp đỡ. Chúng tôi học tập theo chương trình chung thống nhất của nhà trường đào tạo từ binh nhì thành sĩ quan. Vì vậy chúng tôi phải thi đua với các chàng trai Xô viết mười tám đôi mươi, là những chiến sĩ có thành tích tốt trong quá trình làm nghĩa vụ quân sự và những sinh viên đại học, cao đẳng năm thứ nhất, thứ hai thi trúng tuyển vào trường đào tạo sĩ quan xe tăng. Học viên bạn được hưởng 90 rúp một tháng. Nhà nước ta chỉ cung cấp cho chúng tôi 50 rúp, trong đó phải nộp tiền ăn cho bếp tập trung hết 45 rúp, chỉ còn lại 5 rúp chi tiêu vặt trong tháng thật ít ỏi. Bạn rất quan tâm tới chúng tôi, song không thể giải quyết gì về tài chính. Duy chỉ chiếu cố hai điều đặc biệt là không cạo trọc đầu vì đã là sĩ quan, hai là không phải dọn nhà vệ sinh công cộng, còn mọi qui chế rèn luyện đến lao công tạp dịch đều không được miễn trừ; giấc ngủ trưa

là thói quen không được bảo đảm vì lịch học tập rèn luyện kín cả. Ngoài thể dục sáng, thể thao chiều chúng tôi thường phải chạy thêm 6 đến 7 lần khi chuyển vị trí học tập tại các giảng đường và rèn luyện thực hành tại khu xe; kể cả chạy xuống nhà ăn xa nơi ở. Sau 6 tiết học sáng về ăn trưa chỉ được nghỉ 15 phút là phải ra khu xe bảo dưỡng trang bị khí tài một tiết và trở về lên phòng học tổ tự học có giáo viên (cán bộ khung) theo dõi; buổi tối sinh hoạt tổ, lớp hai lần trong tuần, còn lại được nghỉ song hầu hết anh em đều phải tự học thêm, có khi học thâu đêm để bảo đảm kết quả kỳ thi khó, cán bộ khung và trực ban nhà trường tới kiểm tra thấy anh em say mê học tập không nỡ bắt phải ngủ. Chương trình chính khoá cũng có một số tiết Nga văn không chỉ đối với chúng tôi mà ngay cả học viên Xô viết, vì học viên từ mọi miền của Liên bang tới không phải ai cũng thạo tiếng Nga. Tất nhiên trình độ đầu vào của học viên Liên Xô cũng như học viên quốc tế khác đều khá hơn ta về văn hoá, nhất là toán cao cấp. Giáo viên dạy anh em ta phải vất vả lắm mới bảo đảm được kết quả mong muốn. Điều thuận lợi là anh em ta rất chăm chỉ học tập quý trọng và biết động viên thầy cô giáo. Vì thế giáo viên rất quý mến anh em và giao lưu chân tình. Do vậy, trong lớp đôi khi cũng xảy ra tình huống vui đùa. Có lần cô giáo Nga văn chỉ ra phía cửa sổ bên phải lớp học hỏi anh em chúng tôi: “Đồng chí cho biết: cái gì đặc biệt ở ngã tư đường phố ? Học viên học giỏi (Trần Văn Khuê) trả lời: “e-ta-mai-a đôm” ! Cô giáo: Đồng chí hãy nhắc lại ? Học viên vẫn trả lời như trước. Cô giáo hỏi lại: “Đồng chí thấy thật đúng chưa ?” Học viên “Thưa cô chính xác” ? Cô giáo hơi bực nói với cả lớp: Tôi không hiểu tại sao một học viên giỏi nhất nhì trong đoàn như đồng chí mà vẫn không phân biệt được giống của danh từ ? Học viên: Thưa cô tôi phân biệt được chứ ? Miệng tùm tùm cười! Trưởng lớp nhanh hiểu ra kiểu đùa tinh quái của học viên, đề nghị cô giáo cho học viên giải thích. Cô giáo đồng ý. Học viên trình bày: “Trước mắt chúng ta, ở ngã tư đường phố có hai hiện tượng đặc biệt là nhà Bưu điện thành phố, phải trả lời là “ê Tơ Đôm” nhưng trên thềm ngôi nhà đó có một cô gái ăn mặc rất lộng lẫy đang đứng đợi ai đó trước cửa ra vào phòng trung tâm ngôi nhà, làm tôi nhớ tới vợ mình ở nhà và bật ra ý định đùa: trả lời nước đôi chỉ cả ngôi nhà và cô gái coi như vợ mình. Người Việt Nam. thường giới thiệu “vợ mình” với bạn bè là “nhà tôi”. Do đó tôi đã ghép hai hiện tượng làm một và trả lời chung như thế ? Cả lớp phá lên cười, cô giáo cũng cười mặt đỏ và buông một câu “Tư ô trin khít rừr” (Anh rất láu cá). Giờ học lại tiếp tục nghiêm túc. Lần khác giáo viên kiểm tra trước khi dạy bài mới. Học viên (Hoàng Khoái) được chỉ định trả lời về đạo hàm hơi lúng túng, cô giáo liền hỏi trình độ văn hoá ? Học viên: Tôi tưởng cô giáo

đã biết chứ ? Tôi học nửa lớp 10 mà ! (lớp cuối THPT ở ta thời gian ấy). Trường lớp báo cáo: Đồng chí đó mới học hết lớp 5, do là người được bổ sung cho đoàn trước khi sang đây chưa được bổ túc văn hoá như anh em, đồng chí rất cố gắng học tập, hiểu nhưng không thể lý giải được căn kẽ vấn đề! Cô giáo khen học lớp 5 mà theo được chương trình này là đáng biểu dương !

Do anh em hết sức cố gắng phấn đấu nên kết quả học tập thường được xếp vào loại khá; ngay các môn văn hoá cũng không thua kém. Giáo viên thường kể chuyện về chúng tôi với bạn bè không chỉ trong nhà trường. Có hôm chủ nhật đi chơi, chúng tôi được nhiều người (không quen biết) bắt tay chúc mừng ? Hỏi ra mới biết vì kỳ thi kết thúc môn vật lý, chúng tôi đạt kết quả cao hơn các lớp bạn cùng khoá nên giáo viên đã khoe không chỉ trong trường mà cả với bạn bè ngoài phố. Nhưng khi có điều kiện tiếp xúc với nhân dân thành phố cũng như vùng nông thôn nơi tập luyện ở đã ngoại thấy nhân dân Xô viết rất quý mến học viên Việt Nam và thốt lên những lời thân thiết: Các con, các chú, các anh tới học tập ở đất nước của Lênin hãy coi như ở nhà. Lần đi tham quan nhà máy chế tạo xe tăng, chúng tôi vừa xuống xe đi bộ qua cổng một trường trung học cơ sở trong giờ các em ra nghỉ, thấy chúng tôi, các em gọi nhau í ới: Các bạn ơi, trẻ con nước nào đến thăm chúng ta... nhưng sao nhiều Huân chương thế. Thông thường thì anh em ta không đeo Huân chương liên tục như bạn, nhưng hôm nay là đến thăm nhà máy. Mặc dù anh em chúng tôi đều đã ở tuổi cha chú các em, người đi đầu hàng quân râu ria đen sì mặc dù buổi sớm đã cạo; anh em thường gọi đùa là ông Ké. Vậy mà vẫn bị các em liệt vào loại trẻ con ? Cô giáo của các em tới đề nghị chúng tôi tạm dừng cho cô cháu được chiêm ngưỡng anh Bộ đội Cụ Hồ! Cuộc giao lưu gần gũi đã để lại trong lòng mọi người về tình hữu nghị đặc biệt.

Mặc dù anh em chúng tôi rất cố gắng học tập rèn luyện, song một số đồng chí tiếp thu tiếng Nga quá yếu thường buồn, giáo viên hỏi: Có phải nhớ nhà, nhớ vợ con không ? Do không hiểu đầy đủ đã cho là giáo viên miệt thị nên bức tức xin về nước. Tổng cục Chính trị được báo cáo đã có chỉ thị cho đoàn: Học tập cũng coi như chiến đấu, ai thoái thác phải bị kỷ luật hạ từ hai đến ba cấp. Anh em đã xác định lại quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ. Sau năm học thứ nhất, 10 đồng chí có quân hàm cao hơn được chuyển lên Học viện xe tăng

Mat-xơ-va học tập; một số đồng chí do các yếu tố khác nhau đã về nước nhận nhiệm vụ; còn lại 56 anh em chúng tôi ở lại học tập tiếp tại trường Tăng Tát-sơ-ken do đồng chí Đinh Quang Tuệ làm trưởng đoàn kiêm Bí thư Chi bộ. Đoàn chúng tôi bắt đầu học tập chuyên ngành sâu hơn. Tác phong đòi hỏi phải khẩn trương chính xác. Đảng Cộng sản, Nhà nước, Quân đội Liên Xô rất quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo trường chú ý đến đoàn học viên Việt Nam. Cán bộ, giáo viên nhân viên nhà trường luôn chăm lo mọi mặt cho chúng tôi. Song yêu cầu học tập rèn luyện thì không chêm chước điều gì. Tuy có những kiến nghị của chúng tôi hợp lý thấy có thể điều chỉnh được là làm ngay. Ví dụ: quần áo phải bảo đảm luôn phẳng phiu, rõ nếp. Mỗi buổi sáng thời gian rất ngắn phải đánh cúc áo, đánh giày... nên các đồng chí chậm chạp là bần lảm. Chúng tôi mặc quân phục Việt Nam nhưng xí nghiệp của bạn may cúc bằng đồng có hình quốc huy Liên Xô. Sau khi được biết quy chế trang phục của quân đội do Quốc hội qui định. Dịp này nhân có đoàn Đại biểu của Trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô xuống thăm trường, tới thăm đoàn học viên Việt Nam hỏi anh em có đề nghị gì ? Đoàn đã kiến nghị một số điểm trong đó có yêu cầu thay cúc áo! Nguyên vọng này được chấp thuận. Thế là ngay tuần sau toàn bộ quân phục của đoàn được thay bằng cúc nhựa như chúng ta. Chúng tôi càng thấy bạn rất tôn trọng nguyên tắc. Đó cũng là điều mà chúng tôi rất thán phục về thái độ thực sự cầu thị của bạn tôn trọng quyền bình đẳng giữa các dân tộc! Chúng tôi luôn nhắc nhở nhau phải làm sao xứng đáng với sự chăm lo của bạn. Do vậy, ai ai cũng cố gắng hơn trong học tập rèn luyện. Có đồng chí liên tục bị chảy máu mũi vẫn không bỏ buổi tập bơi nào trong mùa đông lạnh buốt. Tập thể thao binh chủng rất nặng, phải vác bình điện xe hơn 60 kg từ xa chạy tới và chạy vòng xung quanh xe rồi chui xuống gầm xe đưa qua cửa an toàn lên xe lắp vào vị trí và phát động máy nổ trong thời gian qui định; phải thực hành được 3 lần mới đạt. Tập nhảy xa, bạn bố trí tập vượt hào chống tăng với chiều dài nếu tập luyện ai cũng có thể qua được. Song, cùng với rèn luyện kỹ năng còn luyện tập tinh thần dũng cảm nên bạn đã cấu tạo hai bên mép hào sắc trông tựa lưỡi dao vì thế người yếu bóng vía chạy đến bệ nhảy trông thấy hốt không vượt qua được; có đồng chí (Lương Tường) nhiều lần phải dừng lại trước bệ nhảy, trong khi cả lớp đã vượt qua, cuối cùng đồng chí quyết vượt qua, sợ nếu không vượt bị cho là hèn nhát. Song do tinh thần không ổn định nên khi nhảy một chân đã vướng vào mép hào, chảy máu và rạn xương ống, phải điều trị một thời gian; sau luyện tập lại đồng chí đã vượt được. Nhảy ngựa là một môn tập nhảy cao có vật cản, tập một thời gian ai cũng có thể vượt qua, nhưng vượt đúng động tác không phải

dễ, có đồng chí chỉ trong thời gian ngắn tập đã vượt qua được ngựa với động tác còn cao hơn người vượt bình thường là cả hai bàn chân đều đưa thẳng lên trên lưng ngựa nên không đạt yêu cầu. Do đó phải tập luyện mãi mới làm đúng động tác là hai chân qua hai bên hông ngựa. Thời kỳ đầu, có đồng chí vào xe là bị nôn mửa mặt xanh, mặt vàng nên anh em rất thương đề nghị cho đồng chí ra khỏi xe nghỉ nhưng giáo viên không đồng ý và giải thích: làm như thế thì bao giờ đồng chí có thể trở thành được chiến sĩ xe. tăng. Qua nhiều lần như vậy cuối cùng thì đồng chí đó cũng đã chịu đựng được trên xe. Các đồng chí chân ngắn phải kê xô mức nước sau lưng mới đạp tới chân ga, mới đủ sức kéo cần lái nặng hàng chục cân như cần lái T-34. Bắt đầu học viên thường phải rèn luyện với xe cũ nhất, lạc hậu nhất, khó nhất. Khi đã điều khiển thành thạo được loại xe này thì mới chuyển học các loại xe khác có điều khiển dễ dàng hơn. Từ đó chúng tôi học được phương pháp huấn luyện khắc khe rất khoa học của bạn.

Tập điều khiển “voi chiến” hiện đại.

Lái xe tăng qua vật cản là tập luyện căng thẳng nhất, làm sao vượt qua hào chống tăng, lách qua bãi mìn, vượt vách đứng, vách hụt, hố bom đúng động tác bảo đảm an toàn và thời gian tác chiến. Lái đêm trên địa hình sa mạc mênh mông, hiểm hoi mới có một vật chuẩn và phát hiện không phải dễ, khi lên dốc cao chỉ thấy trời sao, xuống dốc chỉ thấy tuyết nếu không thạo đối chiếu bản đồ với địa bàn là dễ lạc đường ngay, lạc đường khi xuống dốc ở tốc độ cao đến khi biết được quay về đúng hướng đã tốn bao nhiêu thời gian và giờ máy nổ. Tương tự, khi tập vượt vật cản nước cũng không kém phức tạp, vượt cầu hẹp không khéo sẽ va vào lan can hoặc lao xuống sông; vượt cầu quân sự làm gấp khó khăn, cầu vệt có khi chỉ bằng 1/3 diện tích băng xích của xe; vượt ngầm không cẩn thận cũng bị trục trặc có thể tụt xe khi lên dốc trơn; bơi vượt sông cũng phải tập, ngay cả đối với các xe bơi, các xe không tự bơi được phải biết lắp các thiết bị để cho xe bơi hoặc lợi ngầm dưới đáy sông. Trước khi tập lái T55 có lắp thiết bị lấy không khí (thò lên trên mặt nước) dài hơn 5m, phải tập đeo mặt nạ lợi dưới đáy sông được, mới tập trên xe. Tập mục này đã xảy ra một sự cố có người chết ngất (đồng chí Phạm Văn Quy)! Vì sau khi tập nhiều lần chưa đạt, đồng chí này bức lắm. Lần này đồng chí

quyết tâm tập bằng được. Khi vừa chạm đáy sông đồng chí giật dây báo cho giáo viên. Giáo viên giật ba lần không thấy đồng chí trả lời, phải vội vàng kéo đồng chí lên thì không thấy cử động nữa. Quân y tới cấp cứu đồng chí tỉnh lại. Hỏi tại sao thì đồng chí trả lời: tôi cố nín thở và sau không biết gì nữa. Theo nguyên tắc thở qua mặt nạ là phải hít không khí vào đường mũi và thở ra đường mồm. Nhưng đồng chí lại nín thở nên bị chết ngất! Sau thời gian được nghỉ ngơi và tập đeo mặt nạ thở trên cạn đúng động tác mới xuống nước, lần này đồng chí đã thành công.

Tập lái hành quân chiến đấu phải xử trí mọi tình huống mà khi học lái phân đoạn đã học. Mọi người đều đạt yêu cầu, cả thầy trò đều mừng. Tất nhiên giáo viên chọn địa hình không phức tạp lắm. Khi kết thúc buổi tập giáo viên hỏi: tập như vừa qua đã phù hợp với địa hình Việt Nam chưa ? Có đồng chí nhanh nhẩu trả lời: Có lẽ địa hình Việt Nam phức tạp hơn. Tuần sau chúng tôi được một lần hú vía vì suốt ngày lái trên đường hẹp theo sông núi vùng giáp biên giới Ap-ga-nit-tăng. Lái xe đã sợ nhưng trưởng xe còn sợ hơn vì được mở cửa đứng chỉ huy xe, nhìn hai bên đường đều là vực thẳm. Nghỉ trưa mọi người có dịp ra ngoài xe quan sát mới kinh, nếu kéo cần lái chệch hướng một chút là xe có thể lao xuống vực! Do đó, nhiều đồng chí đã bỏ thừa khẩu phần ăn mà bình thường không ít người đã xin thêm xuất dự phòng. Có đồng chí cho là do ta phát biểu thiếu thận trọng nên giáo viên cho một bài học nhớ đời. Thực tình không phải thế, thao trường này nằm trong kế hoạch huấn luyện của nhà trường. Song chỉ để luyện tập trước khi kết thúc khoá học. Nhưng theo ý kiến học viên phản ánh, khoa xe máy đã đề nghị, được nhà trường chuẩn y bớt thời gian tập lái trên địa hình trung bình, tăng thời gian lái trên địa hình phức tạp và cho anh em tập sớm hơn.

Điều kể trên cũng nói lên nhà trường rất quan tâm tới kết quả đào tạo phù hợp với điều kiện của ta. Hiếu không đúng là ta đã phụ lòng tốt của bạn. Đất nước Xô viết bằng 1/6 trái đất, có lẽ phản ánh tổng hợp không thiếu địa hình của nước ta và có những địa hình ta không có; chứ đâu phải địa hình Việt Nam phức tạp hơn.

Học phát huy hoá lực mạnh của xe tăng.

Học bắn trên xe cũng không đơn giản, phải sử dụng thành thạo pháo, tên lửa chống tăng, vũ khí phòng không, súng máy bên pháo, súng máy đầu xe, tiểu liên, súng ngắn và lựu đạn. Nghĩa là phải biết phát huy toàn bộ sức mạnh hỏa lực của xe. Lắp đạn cũng không dễ, viên đạn pháo nặng trên 30kg rất khó đạt được tốc độ nạp đạn 7 phút/phút. Lắp đạn súng máy không cần thận để bị tắc. Lắp đạn pháo hay súng máy đều phải biết xử trí tình huống hỏng hóc. Thao tác vũ khí vừa đòi hỏi nhanh và chính xác mới bảo đảm hiệu quả cao và an toàn, nhất là khi dùng điện quay pháo và dùng máy ổn định tầm hướng bắn. Song bắn trong hành tiến không dùng điện quay pháo, không dùng máy ổn định tầm hướng lại mệt nhọc hơn nhiều và khó đạt hiệu suất cao. Tuy nhiên, mệt mỏi và buồn tẻ hơn cả chính là lúc thay nhau đi gác trường bắn, nhất là các vọng gác trên đồi cao tuyết phủ. Chỉ đến khi xảy ra sự cố một học viên bạn bị chết cồng, khi đổi gác mới biết nên không cứu được. Từ đó anh em ta mới không phải gác ở các vị trí quá lạnh nữa.

Học sử dụng các thiết bị trên xe.

Người sĩ quan không chỉ học phương tiện chỉ huy như bản đồ, địa bàn, máy thông tin vô tuyến điện mà phải thành thạo sử dụng các thiết bị trên xe phòng nguyên tử, chống cháy, tự cứu và sửa chữa xe cũng như vũ khí và mọi thiết bị của xe.

Khi chiến đấu tăng thiết giáp dùng phương tiện thông tin liên lạc vô tuyến điện là chủ yếu, mọi thành viên đều phải thành thạo sử dụng máy vô tuyến điện sóng cực ngắn và các loại máy khác có trong biên chế. Trước khi sử dụng máy trên xe phải thành thạo sử dụng máy ngoài xe, tập liên lạc tay đôi và liên lạc mạng phân đội tới cấp tiểu đoàn, tập tại chỗ xong tập đi bộ kết hợp với học xác định phương hướng ngoài thực địa. Khó nhất là ban đêm trên sa mạc mênh mông giá lạnh không thấy một vật chuẩn, phải đi theo các tọa độ trên bản đồ và về đúng vị trí tập trung giáo viên chỉ định. Quá trình cơ động

phải giữ mạng thông tin liên lạc theo đúng chức trách đảm nhiệm chỉ huy một xe, trung đội, đại đội tiểu đoàn, chấp hành đúng qui ước bí mật thông tin. Ai thực hành chưa đạt phải làm lại kỳ đạt mới thôi. Đây cũng là những tiết học không kém căng thẳng, không chỉ với học viên mà cả giáo viên, nhất là khi có người phải tập lại, cả thầy trò đều phải tập thêm khi anh em được nghỉ giải lao, dù chỉ là đứng giữa đồng không bao la, nhấm nháp chút bánh bích quy xức xích mang theo. Những lần đi tập như thế là tiền còn lại để tiêu vặt trong tháng phải chi hết. Nếu trong tháng có vài lần đi tập tương tự là phải dùng đến tiền ít ỏi dành dụm của những tháng trước. Tuy nhiên, khi đi tập đã ngoài có thể hái nấm về cải thiện và biểu cán bộ giáo viên, được khen là học viên Việt Nam tinh tường lại cần mẫn nữa nên thường kết quả được gấp đôi.

Đấu tranh tư tưởng gian khổ

Hè năm 1963, Đoàn được phép đi về Việt Nam sau ba năm xa cách, khi trở lại Liên Xô học tập với lòng phấn khởi bước vào chương trình trọng tâm của khoá học và thi tốt nghiệp quốc gia nhất định đạt kết quả cao, xứng đáng với công sức phấn đấu rèn luyện của anh em, lòng tin của đất nước và sự giúp đỡ của Bạn. Nhưng khi sang tới nơi thấy tình hình chính trị phức tạp, có người chức quyền cao trong nhà trường trực tiếp vận động anh em ta theo chủ nghĩa xét lại và hứa: “Nếu cộng tác sẽ được ưu đãi này nọ”. Tuy đa số cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường đều giữ thái độ im lặng; cũng có những người mạnh dạn tâm sự là không tán thành chủ nghĩa xét lại. Vì thế công tác đối ngoại của đoàn trở nên phức tạp hơn nhiều; khó khăn nữa là trong số lưu học viên quân sự Việt Nam tại Liên Xô có một số người công khai tuyên truyền vận động tích cực cho chủ nghĩa xét lại. Rất tiếc đó lại là một cán bộ tuổi đời lớn, có thâm niên quân đội lâu, có quân hàm cao hơn anh em chúng tôi nhiều.

Số người này từ Mat-xơ-va xuống Tát-sơ-ken ve vãn dụ dỗ anh em theo họ. Trước tình hình đó, anh em chúng tôi đã phải tiến hành liền 3 cuộc họp, ra quyết định: tuyệt đối trung thành tin tưởng ở sự lãnh đạo của Đảng và lãnh tụ Hồ Chí Minh, bảo vệ sự trong sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin, bảo vệ tình hữu nghị Việt - Xô, bảo vệ từng học viên và toàn đoàn, cự tuyệt với bất kỳ người Việt nào theo chủ nghĩa xét lại, quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ học

tập. Nghị quyết được biến thành hành động thực tế. Tinh thần học tập hăng say hơn, thái độ thông cảm với giáo viên, cán bộ nhà trường miễn cưỡng phải nói theo chủ nghĩa xét lại. Đoàn chúng tôi phải tăng cường tự giải quyết những vấn đề nảy sinh có thể ảnh hưởng tới tình hữu nghị Việt Xô không để các đồng chí cán bộ, giáo viên nhà trường phụ trách đoàn học viên Việt Nam gặp khó khăn, không để bị lôi cuốn vào các cuộc tranh luận không cần thiết, không để bị khiêu khích. Nhiều học viên quốc tế tại trường rất mến phục Đoàn học viên Việt Nam, nhất là các bạn Cuba và Châu Phi, khi gặp tình huống chính trị phức tạp phải đối phó, thường lấy ý kiến của anh em ta. Theo tinh thần Nghị quyết Chi bộ Đảng nêu trên chúng tôi đã trao đổi những định hướng chính, mặc dù bạn thường muốn đi vào những vấn đề cụ thể, song chúng tôi đều khước từ, lúc đầu bạn không vừa lòng, song cuối cùng cũng phải thông cảm với chúng tôi. Cũng vì tình hình đối ngoại phức tạp, nên đoàn phải quản lý sinh hoạt chặt chẽ hơn: giờ, ngày nghỉ ra ngoài trường phải đi 3 người để hỗ trợ nhau đồng thời giám sát lẫn nhau. Bạn mời ai tới nhà chơi phải được phép của đoàn và phải về lại trường trước 22 giờ (ở đây ngày giờ nghỉ đi chơi tới 24 giờ là bình thường). Quan hệ giữa đoàn chúng tôi với nhà trường phần nào đã không bình thường, thái độ dè chừng nhau. Trước tình hình như trên, Chi bộ Đảng bàn ra quyết nghị lãnh đạo cải thiện tình hình, ngoài việc nhấn mạnh cần tiếp tục chấp hành các Nghị quyết Chi bộ đã có, cần chủ động tăng cường quan hệ với bạn hơn trước. Một trong những biện pháp cần thiết là tìm ra các dịp có thể giao lưu rộng rãi đôi bên, một trong những dịp đó được đề cập đầu tiên là tổ chức gặp mặt hữu nghị Việt - Xô nhân 19 năm thành lập Quân đội Nhân dân Việt Nam (22 - 12 - 1944 - 22 - 12 - 1963) mời lãnh đạo chỉ huy nhà trường và các cán bộ giáo viên trực tiếp quan hệ với anh em ta tới dự bữa liên hoan. Chúng tôi báo cáo, được Sứ quán cho phép nhưng không có tài trợ. Anh em bàn thống nhất góp tiền để có kinh phí tổ chức! Vấn đề phải bàn kỹ là tổ chức tiệc theo ẩm thực Nga hay Việt? Nếu theo bạn thì tiền rượu và kẹo đã gấp nhiều lần toàn bộ tiền thực phẩm khác. Tiền nhà bếp chỉ cho một bữa chính của chúng tôi là 0,65 rúp. Ăn tiệc thì một rúp là đủ. Nhưng uống một chai rượu đã mất 12 rúp vì đã là tiệc thì ít nhất phải bày cỗ mỗi người một chai (bạn mời nhau thì ngoài chủ chuẩn bị tối thiểu như trên, khách còn mang đến thêm, có người mang tới hai chai và nói chung là tiêu thụ hết). Kẹo dùng trong bữa tiệc cũng đắt hơn kẹo ăn thường 5 - 7 lần. Như thế là mỗi xuất tốn kém tới hàng chục rúp, anh em ta phải đóng góp thì quá sức. Và lại nếu uống rượu phải được phép của hiệu trưởng nhà trường (điều lệnh quân đội Xô viết không cho phép uống rượu trong doanh

trại). Làm bữa liên hoan theo ẩm thực Việt Nam thì bản khoản không hiểu có hợp khẩu vị bạn không ? Bàn tính kỹ thấy không có cách nào hơn và tin là bạn sẽ thông cảm. Cái khó là bếp trong trường không thể làm được như ta muốn và không có thực phẩm tươi sống, hơn nữa đầu bếp giỏi cũng không biết nấu kiểu Việt Nam. Tuy bạn hứa sẽ cố gắng tìm cách thực hiện. Giải pháp: Ta cử người cùng bạn tới trạm cung cấp nhận thực phẩm tươi sống và làm tại đó đưa về để chế biến theo thực đơn đã định. Mỗi món ăn cử hai đồng chí làm cố vấn và trực tiếp cùng bạn chuẩn bị. Mâm 6 người có 10 món ăn không kể bánh mì và bia mỗi người một chai, kẹo Hải Châu, thuốc lá Điện Biên, chè Hồng Đào sau tiệc đầy đủ; tính ra mỗi người chỉ phải góp 5 rúp cộng với tiền ăn bữa chính nhà bếp trích góp vào là đủ. Kết quả buổi gặp rất tốt đẹp tất cả các cán bộ nhà trường có quan hệ với đoàn ta đều tới, có thêm khách của Quân khu Trung Á về công tác tại trường cũng tới dự. Vào bàn tiệc sau lời khai mạc giới thiệu khách và nêu ý nghĩa buổi liên hoan của trường ban tổ chức, hiệu trưởng về chính trị nhà trường nói lời chúc mừng quân đội ta, tình hữu nghị Xô - Việt và quân đội hai nước; chúc tình hữu nghị giữa Đoàn học viên Việt Nam với nhà trường luôn củng cố và phát triển. Trưởng đoàn học viên Việt Nam thay mặt đoàn cảm ơn Đảng Cộng sản, Nhà nước, Quân đội và nhân dân Liên Xô nói chung, nhà trường nói riêng đã tận tình giúp đỡ anh em học tập và hứa sẽ học tập đạt kết quả tốt hơn. Chủ khách hàn huyên cởi mở thân tình, bộc lộ hết tâm tư tình cảm mà bình thường ít khi nói được, các bạn khen: sĩ quan Quân đội Nhân dân Việt Nam giỏi quá không chỉ đánh giặc giỏi, học tập tốt mà nội trợ cũng rất cừ. Tiệc rất ngon ! Có tốn kém lắm không ? Thưa: Có lẽ chỉ bằng 1/10 nếu chi phí theo tiệc Nga. Bạn lại khen giỏi, giỏi quá ? Một chủ không phải tiếp hai mà là hai rưỡi khách, nhưng thức ăn vẫn còn nhiều. Gần mãn tiệc, phu nhân trung tướng chủ nhiệm chính trị Quân khu Trung A - người lớn tuổi hơn cả trong số nữ tới dự mạnh dạn rí tai đoàn trưởng ta hỏi: Có được lấy phần mang về không ? Xin mời! Thế là các bà, các cô, các chị, kể cả những người đã ra phòng trà quay lại phòng ăn lấy phần: Tất nhiên chỉ có thể lấy thức ăn khô, hai món ai cũng lấy đó là “nem Sài Gòn” và trứng đúc thịt. Sau bữa tiệc, các ngày nghỉ nhiều bạn yêu cầu anh em chúng tôi ra nhà hướng dẫn cách chuẩn bị và nấu nộm ăn Việt Nam. Từ sau cuộc gặp mặt trên, sự giao lưu đôi bên được tăng cường, thái độ niềm nở, vui vẻ chan hoà, cởi mở hơn, bớt hẳn sự e dè mặc cảm của bạn từ khi xuất hiện chủ nghĩa xét lại; tạo thuận lợi cho chúng tôi bước vào giai đoạn học tập chương trình trọng điểm.

Rèn luyện toàn diện bản lĩnh người sĩ quan chỉ huy

Chiến thuật - môn học chính tổng hợp cả lái, bắn, thông tin, phải xử trí nhiều tình huống chiến đấu như chuyển từ chiến đấu trực tiếp sang tiến công trong hành tiến, đánh địch mặt đất, mặt nước và trên không... Học viên không chỉ phải tập thay nhau đảm nhiệm chức trách thành viên kíp xe, trưởng xe và cương vị từ trung đội đến tiểu đoàn trưởng. Khó khăn nhất là đảm nhiệm cương vị tiểu đoàn trưởng. Một kỷ niệm sâu sắc mà tới nay đã gần 40 năm vẫn còn in đậm trong ký ức: lần diễn tập tiểu đoàn tăng tiến công trong điều kiện chiến tranh có sử dụng vũ khí huỷ diệt lớn. Lần đầu tiên liên tục 24 giờ với bộ đồ phòng hoá, mặt nạ phòng độc ngồi trong xe, chỉ được phép tháo mặt nạ trong thời gian ngắn ngủi giải lao, ăn uống và ra khỏi xe đi vệ sinh. Diễn tập nhưng căng thẳng tưởng như chiến đấu thực, lúc nào trong đầu cũng như thấy có địch không chỉ đối với trưởng xe mà cả các thành viên kíp xe. Thông thường trưởng xe trong 1 phút đồng hồ nhận được từ ba đến năm tình huống, đối với tiểu đoàn trưởng thì số tình huống tăng lên gấp nhiều lần, tiểu đoàn trưởng phải làm sao chỉ huy được tiểu đoàn với 31 xe tăng, 28 xe phục vụ trong biên chế và một số xe cấp trên tăng cường cho tiểu đoàn hoạt động chiến đấu nhịp nhàng, kịp thời chính xác. Diễn tập phức tạp là thế, song kết quả huấn luyện đạt được khá, không chỉ chúng tôi mừng mà giáo viên cũng rất vui. Học viên mừng nữa là được kết thúc diễn tập trước thời gian 30 phút. Tại đây nếu về trường chỉ mất chừng 10 phút. Nhưng, giáo viên lại ra lệnh đi đường vòng để kết hợp vượt qua một quãng đồng lầy, bổ sung cho điều kiện diễn tập toàn diện hơn. Tới quãng đồng lầy, các đại đội tăng được phân công các đoạn vượt lầy riêng. Đại đội tăng 1 và xe tiểu đoàn trưởng vượt được 8/11 xe, Đại đội tăng 2 được 6/10 xe và Đại đội tăng 3 chỉ vượt 3/10 xe. Như vậy là gần nửa số xe tăng đã bị sa lầy, chiếc xe lầy nặng nhất nước ngập tới vành đai tháp pháo. Tiểu đoàn trưởng được lệnh hạ quyết tâm xử trí tình huống. Tất nhiên đồng chí hạ quyết tâm đúng hơn là kịp thời tổ chức cứu kéo, đây là tình huống kỹ thuật không đơn giản. Giáo viên hỏi thời gian hoàn thành nhiệm vụ? Tiểu đoàn trưởng báo cáo: Xin hoàn thành trong nửa đêm. Giáo viên khen tốt. Mọi người lo lắng vì thấy khó. Giáo viên lệnh dùng cần cầu của xe sửa chữa đưa tất cả các thành viên các xe bị sa lầy lên bờ, tập hợp

toàn tiểu đoàn. Ô tô chở vệ binh và cán bộ tiểu đoàn sửa chữa của nhà trường cũng vừa tới. Giáo viên tới bắt tay cán bộ tiểu đoàn sửa chữa xong bước tới hàng quân tuyên bố ta giao lại trang bị nguyên trạng cho đơn vị tới tiếp quản và lên ô tô về trường. Chúng tôi thở phào nhẹ nhõm được về sớm tắm giặt nghỉ ngơi sau một ngày diễn tập căng thẳng, tối xem phim xe tăng chiến đấu ở vùng rừng núi. Dù mệt nhọc, song anh em chúng tôi đêm đó nhiều người chập chờn không ngủ được, luôn liên tưởng tới các tình huống diễn tập, cảnh phức tạp của bộ đội xe tăng quân đội Xô viết vượt khó khăn giành chiến thắng ở rừng núi và nghĩ tới bài học tập cứu kéo ngày mai! Đúng giờ học cứu kéo xe sa lầy. Sau khi hạ khoa mục huấn luyện, giáo viên cho học viên trình bày các phương án, hầu như các kiến thức đã được học đều đã tái hiện.

Cuối cùng giáo viên kết luận vận dụng phương pháp sát hợp với điều kiện thực tế để thực hiện. Từng phương án cụ thể giáo viên chỉ định các học viên điều hành tổ chức cứu kéo, sau đó mạn đàm rút kinh nghiệm bình kết quả đạt mức nào nên anh em nhớ rất kỹ, coi là bài học rất bổ ích. Tổng hợp chung tổ chức và thực hành cứu kéo, mọi người đều đạt yêu cầu trở lên, trong đó chỉ có một phương án đạt giỏi; thời gian mất tất cả hơn 8 giờ, kể cả 30 phút nghỉ trưa. Đồng chí đóng vai tiểu đoàn trưởng diễn tập thú thực chiều qua hạ quyết tâm cứu kéo xong trong đêm nhưng lòng vẫn run chưa thật tin tưởng. Lo là phải xử trí tình huống phức tạp như thế, nếu kịp tổ chức cứu kéo ngay từ chiều ngày hôm qua đến sáng có thể là xong, thời gian dài vì là ban đêm quan sát bị hạn chế. Học viên chưa có lần nào phải tổ chức cứu kéo lớn, nặng như thế này. Nhờ giáo viên tận tình giúp đỡ khêu gợi trí tuệ chung và chỉ đạo thực hành tốt nên mới được như thế. Từ thực tế đợt dã ngoại lần này chúng tôi rút ra bài học về phương pháp huấn luyện rất hay của giáo viên, trợ giáo cũng như sự quan tâm chỉ đạo giúp đỡ của Đảng uỷ, Ban giám hiệu và toàn thể tướng lĩnh, sĩ quan, chiến sĩ, công nhân viên nhà trường đối với đoàn.

Sang năm học thứ tư, tình hình chính trị càng phức tạp hơn trong nội bộ bạn. Song công tác giảng dạy, phục vụ của nhà trường đối với chúng tôi vẫn được tăng cường, bạn muốn chúng tôi đạt kết quả tốt nhất, có thể cao hơn một số lớp quốc tế cùng khoá. Nhận thức được điều đó càng thúc đẩy chúng tôi cố gắng hơn nhằm kết thúc khoá học thật tốt. Vì vậy, về sau học tập càng khó

nhưng kết quả đều khá hơn trước. Thi các môn nói chung đều đạt phân đội khá và giỏi. Riêng môn chính trị không phải là môn quá khó, nhưng khó là không thể nói hoàn toàn như tài liệu và lời giảng của giáo viên vì tài liệu đã được sửa chữa và kết luận của giáo viên phải nói đúng như kết luận của ban lãnh đạo theo chủ nghĩa xét lại. Giáo viên biết học viên Việt Nam không đồng tình nên nói: các đồng chí không nhất thiết phải nói hoàn toàn theo tài liệu và kết luận của giáo viên. Tất nhiên dù giáo viên cho phép hay không chúng tôi cũng chỉ có thể nói và viết theo đúng đường lối của Đảng ta, của chủ nghĩa Mác - Lênin. Vì vậy điểm môn chính trị đối với đồng chí có trình độ giỏi nhất đoàn cũng chỉ đạt điểm 4/5 là cùng. Tháng 8 năm 1964 chúng tôi được lệnh đột xuất về nước học tập Nghị quyết 9 của Trung ương Đảng, chỉ thị nêu rõ: chỉ mang đồ dùng gọn nhẹ về nước học nghị quyết xong sẽ sang học tập tiếp. Tuy vậy, bạn đoán là chúng tôi sẽ về hăn. Tiễn chúng tôi ra về mọi người rất lưu luyến, không ít người mắt đỏ hoe, không chỉ các bà, các cô, các chị em mà cả các tướng lĩnh sĩ quan lưu luyến nắm chặt tay anh em, ý chừng là tiễn biệt chúng tôi! Cũng phải nói thêm là cũng có người dụ dỗ lôi kéo anh em chúng tôi ở lại. Song nhờ anh em tự giác và đoàn có biện pháp quản lý hữu hiệu nên 100% anh em đã lên đường về nước. Có thể nói là thành công lớn. Trong quá trình học tập Nghị quyết Trung ương 9 chúng tôi vẫn được xác định là sang lại Liên Xô học tập. Khi học xong chuẩn bị trở lại Liên Xô thì được quyết định ở lại nhận công tác. Anh em tìm hiểu được biết: do sự kiện Vịnh Bắc Bộ 5-8-1964 Khơ-rut-xốp có thái độ không tốt nên Quân uỷ Trung ương quyết định không để anh em sang học nữa. Chúng tôi đều đồng tình với quyết định trên. Tuy có tiếc vì đã gần đến ngày được nhận bằng tốt nghiệp nhưng phải bỏ! Tốt nghiệp Trường Tăng Tát-sơ-ken sẽ được nhận hai bằng là bằng đào tạo sĩ quan chỉ huy và bằng trung cấp kỹ thuật xe tăng.

Như thế là từ năm 1964 chúng tôi từ biệt nhà trường, ở lại Việt Nam và về Trung đoàn xe tăng 202 công tác. Lớp học viên xe tăng đầu tiên ở Liên Xô chúng tôi đã đóng góp phần công sức của mình vào sự nghiệp xây dựng chiến đấu của Binh chủng Thiết giáp Quân đội Nhân dân Việt Nam. Hình ảnh rất đẹp là chỉ huy lữ đoàn tăng đánh chiếm Dinh Độc lập thì lữ đoàn trưởng học tại Liên Xô và chính uỷ học tại Trung Quốc, nói chung đều phát huy bản chất truyền thống Bộ đội Cụ Hồ.

Viết những dòng này chúng tôi càng nghĩ đến các tướng lĩnh, sĩ quan, cán bộ, giáo viên, nhân viên trường Tăng Tát-sơ-ken Liên Xô đã góp phần không nhỏ vào thành công của từng học viên chúng tôi cũng như thành công của Bộ đội Tăng - Thiết giáp Việt Nam.

Là một thành viên đoàn học viên sĩ quan tăng - thiết giáp học tại Liên Xô về công tác ở Bình chủng và dù được điều về đơn vị nào, tôi tự thấy mình đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Tôi mãi mãi ghi nhớ công ơn của Đảng Cộng sản, Nhà nước, Quân đội và nhân dân Liên Xô, mà trực tiếp là các tướng lĩnh sĩ quan, chiến sĩ và công nhân viên trường Tăng Tát - sơ-ken đã tạo mọi điều kiện có thể phục vụ cho việc trang bị kiến thức binh chủng cho mình đủ sức hoàn thành nhiệm vụ.

Chúc cho tình hữu nghị vĩ đại Việt - Nga mãi mãi tươi xanh.

NIỀM VUI ĐI CHIẾN DỊCH

Đại tá Đào văn Xuân

Trong cuộc đời mình, bất cứ anh bộ đội nào cũng có biết bao mơ ước, mà cái mơ ước lớn nhất đó là: Được đi chiến đấu, và cái thời gian dài dằng dặc của một thời chinh chiến có biết bao kỷ niệm vui, buồn.

Đeo ba lô nặng, lại còn súng, đạn, lương thực, thật là vất vả, gian khổ, lắm lúc tưởng chừng như đứt hơi, chân nặng như có đá đeo vào, không thể nhấc nổi đôi chân nữa ... Chính những niềm vui, dù nhỏ đến đúng lúc đã nâng bước chân ta, cho ta vượt mọi gian khổ, nguy hiểm, tiến lên phía trước.

Các bạn thử tưởng tượng xem, trong lúc ta đang đắm mồ hôi, nặng nề lê đôi chân, bất ngờ ta đã đến một nơi rất đẹp, ta đang muốn nghỉ, đúng lúc đó đồng chí giao liên báo tin: “nghỉ”, rồi nói: “đây là cổng trời đấy” ...nhìn chung quanh xa xa mây đang vờn lượn ở lưng chừng núi, nơi ta ngồi nghỉ, rừng trùng trùng điệp điệp nối đuôi như những gợn sóng biển, xa xa vọng tiếng vượn hót véo von. Ta thấy cảm giác lâng lâng mọi mệt nhọc tiêu tan, lòng yêu quê hương đất nước trong lòng dâng trào thật mãnh liệt.

Đây không chỉ là cảm xúc của tôi, và có lẽ cũng là của tất cả các bạn, những con người đã một thời xông pha, chinh chiến. Tôi muốn ghi lại vài mẩu chuyện về Chiến dịch đường số 9 - Nam Lào năm 1971.

Mùa hè năm 1970, tôi và anh Đào Huy Vũ Phó Tư lệnh Binh chủng lên nhà nghỉ trên Tam Đảo thăm sức khoẻ Đại tướng Tổng Tham mưu trưởng Văn Tiến Dũng và xin chỉ thị về nhiệm vụ. Tổng Tham mưu trưởng căn dặn: “Sắp tới sẽ có đánh lớn ở quanh khu vực đường số 9. Cần chuẩn bị, khẩn trương, song chú ý giữ bí mật”.

Trên đường về, tôi thấy phấn chấn lạ thường. Từ sau chiến thắng Làng Vây năm 1968. Binh chủng Tăng - Thiết giáp vẫn “án binh bất động”. Tôi luôn suy nghĩ đến nguyện vọng của cán bộ, chiến sĩ, muốn được đi chiến đấu. Trong anh em lưu truyền câu thơ:

Tiếng súng Đông-xuân đã nổ rồi

Binh đoàn ông Vũ vẫn nằm chơi.

Nghĩ đến nhiệm vụ tới, trong tôi chợt loé lên 4 thơ hoạ lại:

Tiếng súng Đông-xuân sắp nổ rồi,

Binh đoàn Thiết giáp, chẳng năm chơi,

Sông Hồng, núi Tản, đang vẫy gọi :

- Xốc tới đi thôi, Thiết giáp ơi.

Xuống xe đi bên nhau, anh Vũ nói: Mình nghĩ xe tăng T34 cũ quá rồi, nên đưa đi chiến dịch. Dù hỏng hết, mà T34 được góp vào truyền thống chiến thắng có lẽ tốt hơn, ông nghĩ thế nào?

- Hoàn toàn nhất trí. Cái lớn nhất là đảm bảo cơ động vào chiến trường. ông tính kỹ xem. Được vấn đề đó sẽ bàn với Cục Tác chiến, Bộ Tổng Tham mưu.

Tôi nói tiếp: Có thể sắp tới, trên khu vực đường số 9, sẽ diễn cuộc đổ sức quyết liệt giữa quân chủ lực của miền Bắc xã hội chủ nghĩa với quân chủ lực của Mỹ - ngụy Sài Gòn, ta nên đưa cả xe tăng T54, chắc chắn sẽ có nhiều kinh nghiệm cho những trận đánh lớn sau này. Anh Vũ, mắt sáng rực lên nhìn tôi: hai chúng tôi nắm chặt tay nhau. Thế là sư bộ phương án sử dụng xe tăng trong chiến dịch đã hình thành, chỉ còn đưa ra bàn trong Ban Thường vụ Đảng uỷ Binh chủng và báo cáo lên Bộ Tổng Tham mưu.

Tháng 6 năm 1970 anh Đào Huy Vũ sang chiến trường Lào, tham gia chiến dịch Mường Sủi. Thật không ngờ, sau chiến dịch Nam - Lào, trở về Binh chủng, tôi được tin anh nằm Bệnh viện 108. Vào thăm anh, tôi sửng sốt khi thấy anh đã bị quân thù cướp đi một con mắt.

Tháng 9 năm đó, hai tiểu đoàn xe tăng T54 và T34 có lệnh lên đường. Cơ quan Tham mưu Binh chủng đã lấy ngày có lệnh lên đường của từng tiểu đoàn để đặt phiên hiệu, vừa để kỷ niệm cho các đơn vị vừa để giữ bí mật khi dùng điện đài báo cáo ...

Tiểu đoàn xe tăng T54 đặt tên là 297 tức là tiểu đoàn có lệnh hành quân ngày mùng 2 tháng 9 năm 1970. Còn tiểu đoàn xe tăng T34 đặt tên là 397. Trong chiến dịch này ta đã sử dụng 3 tiểu đoàn xe tăng.

Tiểu đoàn 397 xuất phát từ Vĩnh Yên, còn tiểu đoàn 297 xuất phát từ Xuân Mai - Hoà Bình. Tiểu đoàn 198 đã ém sẵn ở chiến trường đường 9 từ sau trận Làng Vây trong chiến dịch Khe Xanh năm 1968.

Để đảm bảo chỉ huy, lãnh đạo các tiểu đoàn hành quân và chiến đấu, Bộ Tư lệnh Binh chủng đã lập ra hai ban chỉ huy Trung đoàn nhẹ. Ban chỉ huy Trung đoàn 202, trực tiếp đi chỉ đạo Tiểu đoàn 397 gồm:

Anh Lê Quang Xỳ - Trung đoàn phó và anh Lê Đức Ổn - phó Chính uỷ Trung đoàn và một số cán bộ cơ quan trung đoàn.

Ban chỉ huy Trung đoàn 203, trực tiếp đi cùng Tiểu đoàn 297 và chỉ huy Tiểu đoàn 198 gồm:

Anh Lê Quang Âm - Trung đoàn trưởng và anh Lê Quang Phước - phó Chính uỷ. Do nhu cầu xây dựng trường 600 nên anh Phước được điều về và tôi đã giao nhiệm vụ cho anh Nguyễn Văn Liêm, Tuyên huấn Binh chủng xuống thay anh Phước trong chiến dịch.

Hai tiểu đoàn xe tăng T54, T34 lên đường, đây là lần đầu tiên sử dụng một số lượng lớn xe tăng hạng trung. Vì thế, từ các cơ quan Binh chủng, tới các đơn vị, đều hồi hả, sôi nổi như không khí của ngày hội lên đường. Khẩn trương, vất vả nhưng thật là vui bởi vì đưa được mấy chục cỗ xe tăng mà mỗi xe nặng trên 30 tấn, lại còn kèm bao nhiêu thứ: nhiên liệu, vật tư kỹ thuật để sửa chữa thay thế...tất cả đến được chiến trường B, bí mật, an toàn, thì coi như là đã chiến thắng được 50% rồi.

Mọi mặt công tác: chỉ huy, kỹ thuật, hậu cần và công tác Đảng, công tác chính trị đều xoay quanh mục tiêu: bí mật, an toàn hành quân tới đích 100% người và xe.

Giữa tháng 10 năm 1970, tôi lên đường. Vào thời gian đó ở Bộ Tư lệnh và Thường vụ Đảng uỷ có: Anh Lê Ngọc Quang - Chính uỷ - bí thư, chưa có phó Bí thư. Anh Đào Huy Vũ - Phó Tư lệnh uỷ viên thường vụ, chưa có Tư lệnh. Tôi, Chủ nhiệm Chính trị sau chiến dịch tôi mới được bổ nhiệm Phó Chính uỷ Phó Bí thư. Anh Dương Đăng Giang, Tham mưu trưởng.

Như vậy, anh Đào Huy Vũ đã sang Lào. Còn tôi được giao nhiệm vụ thay mặt Đảng uỷ và Bộ Tư lệnh đi chiến dịch, còn các anh Lê Ngọc Quang và Dương Đăng Giang ở lại Bộ Tư lệnh để theo dõi chung.

Để giúp cho lãnh đạo, chỉ huy hoàn thành tốt nhiệm vụ, Bộ Tư lệnh Bình chủng đã cử đi cùng tôi đầy đủ cán bộ của 4 cơ quan: tham mưu, chính trị, hậu cần, kỹ thuật. Giúp tôi về chỉ huy có các anh Nguyễn Phước - Trưởng ban tác chiến Bình chủng và các anh Đình Quang Tuệ, Mạnh Hùng...

Trước khi lên đường, có một câu chuyện, nhỏ thôi, nhưng về phía lãnh đạo, tôi không thể không chú ý. Một đồng chí ở chính trị có nói với tôi: Anh Mạnh Hùng rất tốt, chỉ phải cái là chị vợ lại không thông cảm với anh ấy khi xa nhà đi chiến trường. Có ruột lần nghe nói chị ấy to tiếng trì triết anh Mạnh Hùng: “Anh chỉ biết đi chiến trường để sướng lấy bản thân, còn gánh nặng gia đình phó mặc cả cho tôi. Quả thật đời vợ bộ đội chiến tranh thật là vất vả. Chồng đi biên biệt, vợ ở nhà lo toan mọi thứ, nhất là khi đó là thời bao cấp, mọi thứ đều phải có tem phiếu mới mua được kể từ cái kim, cuộn chỉ ... song mua được hàng có dễ như thời nay đâu! Đối với nhân dân, phiếu chỉ bán cho mỗi người 3 lạng thịt/tháng. Chỉ riêng cái khoản xếp hàng đi mua thịt, gạo, dầu mỡ cũng rất cơ cực. Tôi nghe các con tôi kể lại, nhiều lần các cháu phải đi xếp hàng từ 4 giờ sáng để đến 7 giờ cửa hàng mở cửa mới mua nổi yếm gạo hoặc ki lô thịt (theo tem phiếu). Chính vì sự thông cảm ấy nên trước ngày lên đường tôi đến nhà anh Mạnh Hùng để vừa thăm hỏi, vừa nói chuyện để chị ấy yên tâm, vui vẻ tiễn anh Hùng lên đường vào chiến dịch. Vâng câu chuyện nhỏ nhặt trong cuộc sống như vậy, nhưng thật là khó quên của một thời chiến tranh chống Mỹ.

Vào tới Quảng Bình, chúng tôi đã có nhiều lần đi hiệp đồng với Sư đoàn 304 theo phương án: “Đề phòng địch tấn công ra Nam khu Bốn”. Tiếp theo vào Sở chỉ huy Bộ Tư lệnh đoàn 559 để hiệp đồng chuẩn bị các phương án đánh địch khi chúng đánh ra đường số 9 - Nam Lào.

Sau khi bàn bạc với Sư đoàn 320, tôi cử các anh Nguyễn Phước, Đinh Quang Tuệ, Mạnh Hùng, đi trinh sát thực địa với cán bộ Sư đoàn 320 (có ảnh kèm theo).) Trong khi cán bộ tham mưu đi trinh sát, tôi được lệnh: “Chỉ huy khối chủ lực chiến đấu sẽ do Bộ Tư lệnh tiền phương 559 đảm nhiệm”. Thế là chúng tôi cả “bầu đoàn thê tử” ba lô trên vai, hành quân vào Sở chỉ huy tiền phương.

Trên đường hành quân, vai đeo nặng, trèo đèo lội suối tuy vất vả nhưng thật là vui. Anh Nguyễn Văn Lâm - trưởng ban Quân nhu Bình chủng, sức yếu nên qua suối bị trượt chân ngã, bò lổm ngổm mãi mới đứng lên được. Anh em khác trêu: ông Quân nhu ơi, Tết này cho anh em ăn ở đâu mà cứ bò ở suối thế.

- Ăn ở mồm ấy! - Lâm ướn như chuột lột, lại rết nên câu, đáp lại. Tất cả cười ồ lên.

Đi đến một đoạn đường mòn, phát hiện thấy tổ ong ta ở cạnh đường. Mọi người đang lưỡng lự: nên đi thẳng hay đi vòng. Anh Đỗ Bằng Quyền -cán bộ cơ quan chính trị reo to: có mật ong ăn Tết rồi, đề nghị Thủ trưởng cho dừng lại.

Tất cả nhìn tôi chờ đợi.

Tôi hỏi Quyền: thế cậu ở nhà đã bao giờ lấy mật ở tổ ong chưa ?

- Nhiều lần rồi anh ạ.

Anh Quyền là cán bộ năng nổ, miệng nói tay làm. Tôi rất tin, nên đồng ý. Tất cả lùi về phía sau. Quyền tiến đến tổ ong rừng, to như chiếc ba lô cóc. Tôi thầm nghĩ: chiều nay cho nghỉ hành quân sớm, đi đào củ mài, củ môn để nấu chè. Có nồi chè mật ong nấu với khoai môn ăn tất niên thì tuyệt vời. Tôi nghĩ đến câu ca dao:

Đi thì nhớ vợ cùng con

Về thì nhớ củ khoai môn trên rừng.

Bỗng thấy anh Quyền kêu ối ối! rồi chạy bổ nhào tới chỗ tôi. Đằng sau bày ong bay theo đen ngòm. Các anh Lâm, Liêm cười ré lên, vút ba lô chạy lui. Tôi vẫn đứng nguyên. Ong bu đầy mũ cối của tôi. Tôi lấy tay bắt những con ong đang bám ở mặt Quyền... May sao anh Quyền mới thò tay chạm tổ, nên ong đuổi theo để “cảnh cáo” tí chút rồi quay về tổ. Anh em kéo đến, vẫn khúc khích cười. Anh Quyền gắt to : cười cái gì! Lúc đồng đội bị nguy, vút cả ba lô chạy thực mạng, lại còn cười”. Tôi hoà giải:

“Thôi Quyền ạ tại bày ong rừng cả”. Chiều nghỉ lại, trú quân ven suối, thấy Quyền mặt sưng húp lên. Tôi nói vui: Tết nhất đến nơi rồi. Chưa ai được tí gì, còn Quyền được bồi dưỡng “Vitamin O” ...

Tất cả cười rộ lên.

Anh Quyền cũng phải phì cười. Thế đấy các bạn ạ, đời người chiến sĩ trong chiến tranh, vui nhộn đầy những bao trùm lên tất cả các tình tiết đó, như những nét chấm phá, làm cho hương vị cuộc đời thêm thân thương. Có lẽ mãi mãi sau này, những người trong chúng tôi ngày đó, mỗi khi nhớ đến câu chuyện “Vitamin O”, không ai là không thấy bồi hồi xúc động và vui sướng... Có phải thế không các bạn? .

Vào tới Sở chỉ huy tiền phương 559, Đại tá Nguyễn Hoà - Phó Tư lệnh và Đại tá Thế Thiện tiếp tôi và báo tin “Bộ Tổng tư lệnh đã thành lập B70 để chỉ huy, tiền phương 559 không còn trách nhiệm nữa”. Thế là lại hoả tốc hành quân đi gặp Bộ chỉ huy B70. Sau khi vào gặp Bộ chỉ huy B70, tôi cử anh Nguyễn Văn Phước, Đinh Quang Tuệ và một số cán bộ ở lại chỉ huy Sở B70, còn chúng tôi ở lại Lâm Trạch, tỉnh Quảng Bình ở gần khu vực Ban chỉ huy nhẹ 202 (tiểu đoàn 397).

Sau khi đi kiểm tra tình hình ở Đại đội 15, Tiểu đoàn tăng T34, anh Quyền lại có sáng kiến: Đi bầy cheo cheo để ăn mừng ngày thành lập Quân đội 22-12-1970 và lại cũng đã vào cuối tháng 11 âm lịch, sắp đến Tết Tân Hợi rồi. Tôi thấy ý kiến rất tốt nên hỏi, làm sao bầy được?

Quyền nói: Cheo cheo rất khờ, bầy dễ lắm.

Quả nhiên sáng hôm sau anh mang về một con. Nhìn con thú rừng, đầu hươu, móng guốc, dễ thương quá. Tôi nghĩ phải giết thịt con vật đẹp này thì thật là tiếc. Đêm đông, tiết đông chí, ở trong rừng lạnh buốt thấu xương. Ngồi trong

hầm uống nước chè xanh nóng, ăn thịt cheo cheo nướng thật thú vị. Không biết do tình đồng chí gắn bó, cùng sướng, cùng khổ hay vì thịt thú rừng nướng mà chúng tôi cảm thấy ngon thế. Thật là một kỷ niệm về tết khó quên. Đã sắp tới ngày 23 tháng chạp Canh Tuất rồi “ông Công, ông Táo sắp lên châu trời”, thế mà chúng tôi chỉ có mắm ruốc và vài hộp thịt... May sao, anh Lâm quân nhu lên Hậu cần chỉ huy Sở tiền phương của Bộ, lễ mễ mang về nào măng khô, miến, kẹo, rượu Lúa mới, đặc biệt là thuốc lá Thăng Long bao bạc nữa...

Ngày ấy, đang thời bao cấp, mọi thứ phải có tem, phiếu mới mua được. Thuốc lá thuộc loại phiếu B chỉ bán cho cấp Tướng và Thứ trưởng trở lên, thế mà tết ấy, ở chiến trường lính xe tăng chúng tôi cũng được cấp. Anh Lâm tuyên huấn Binh chủng hét tướng lên: “Hoan hô hậu phương Hà Nội!”, “Thù đồ ta muôn năm!”.

Anh Lê Đức Ôn đùa: “Hét bé chứ, kéo máy bay nó nghe tiếng, ném bom, hòng nòi măng đấy”. Tất cả cười bò ra, đến chảy cả nước mắt. Chúng tôi ăn Tết Tân Hợi vào ngày 23 tháng chạp, ngày ông Công, ông Táo lên châu trời , không biết ông có báo cáo về tình hình lính xe tăng chúng tôi hay không.

Đón Tết Tân Hợi, bộ đội xe tăng - thiết giáp đã hoàn nhiệm vụ chuẩn bị chiến đấu.

- Ngày 5 tháng Giêng Tân Hợi (31-1-1971) Tiểu đoàn xe tăng T54 đã tập kết ở Bắc đường số 9.

- Ngày 9 tháng Giêng (4-2-1971) Tiểu đoàn xe tăng PT76 cũng đã tập kết ở Bắc đường số 9.

- Ngày 23 tháng Giêng (18-2-1971) Tiểu đoàn xe tăng T34 từ Lâm Trạch di chuyển xuống Sêpôn.

Đây là lần đầu tiên, Quân đội chúng ta sử dụng tới 88 xe tăng các loại trong chiến dịch (33 xe tăng T54, 33 xe tăng T34, 22 xe tăng PT76). Gần trăm voi thép đã sẵn sàng xung trận.

Ăn Tết xong, tôi nhận được điện của anh Lê Ngọc Quang ở nhà báo tin: Trên đã bổ nhiệm Đại tá Nguyễn Thế Lâm về giữ chức vụ Tư lệnh Binh chủng. Anh Thế Lâm sẽ vào Sở chỉ huy của Binh chủng. Tôi rất mừng vì từ ngày thành lập Binh chủng (1965) tới nay, vẫn khuyết Tư lệnh, còn anh Thế Lâm đã từng giữ cương vị Tư lệnh khu V hồi đầu kháng chiến chống Pháp, rồi Tư lệnh Binh chủng pháo binh, mặt khác anh đã được đào tạo về tên lửa mặt đất ở Liên Xô, nên tôi tin anh sẽ chóng nắm bắt được về kỹ thuật chiến đấu của xe tăng... Trong những ngày chờ đợi, anh em xe tăng chúng tôi thường nói đùa với nhau: Xe tăng của ta như những đàn mãnh hổ ở thế chuẩn bị vồ mồi.

Thời gian chờ đợi đã đến, ngày 8 tháng 2 năm 1971, quân Mỹ và quân ngụy Sài Gòn đã liều lĩnh mở cuộc hành quân đánh ra đường số 9 - Nam Lào. Chúng đặt tên là cuộc hành quân Lam Sơn 719, quân Mỹ - ngụy đã tập trung một lực lượng rất lớn; Tới 550.000 quân trong đó có 15.000 quân Mỹ... Về phương tiện kỹ thuật có 318 khẩu pháo, 578 xe tăng, xe bọc thép, 1000 máy bay các loại, trong đó có 50 máy bay chiến lược B52. Âm mưu của chúng là đánh vào tuyến đường vận chuyển chiến lược của ta, ngăn chặn sự chi viện của hậu phương lớn đối với tiền tuyến lớn, đồng thời cứu vãn nguy cơ thất bại của kế hoạch Việt Nam hoá chiến tranh ở miền Nam.

Không khí trong các đơn vị và Sở chỉ huy chúng tôi thật là căng thẳng. Các đơn vị chiến đấu không thể dùng điện đài báo cáo về. Đại đội xe tăng 9 thuộc Tiểu đoàn 198 đã nhận lệnh phối thuộc cho Trung đoàn 64 thuộc Sư đoàn 320, tiến đánh điểm cao 543. Lực lượng địch ở điểm cao 543 gồm: Sở chỉ huy Lữ đoàn dù 3, Tiểu đoàn dù 3, tiểu đoàn pháo (thiếu 1 đại đội) và 1 đại đội công binh.

Vào 11 giờ 30 phút ngày 25 tháng 2 năm 1971 ta nổ súng tiến công. Sau 5 giờ chiến đấu, đến 16 giờ 50 phút, quân ta đã làm chủ trận địa. Điều đặc biệt nhất là xe tăng PT76 số hiệu 555, trong Làng Vây năm 1968 đã “tả xung hữu đột” thì trong trận đánh điểm cao 543 lại xe tăng 555 xông xáo, dùng xích sắt trà sát các ụ pháo, hỏa điểm của địch. Cuối cùng đã đè lên hầm chỉ huy, tạo cho bộ binh ta bắt sống lữ trưởng Lữ dù số 3 của quân nguy Sài Gòn - Đại tá Nguyễn Văn Thọ.

Sáng 26 tháng 2, anh Lê Xuân Kiện Phó Tham mưu trưởng Binh chủng đến Bộ chỉ huy tiền phương Binh chủng, báo cáo về diễn biến trận đánh. Đến lúc đó tôi mới biết anh Lê Xuân Kiện đã đi cùng Sở chỉ huy tiền phương Bộ Tổng Tư lệnh vào chiến dịch .

Bộ chỉ huy tiền phương của Bộ do Trung tướng Lê Trọng Tấn - Phó Tổng tham mưu trưởng làm Tư lệnh và Trung tướng Lê Quang Đạo - phó Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị làm Chính uỷ. Đại tướng Tổng Tham mưu trưởng Văn Tiến Dũng cũng có mặt ở Sở chỉ huy tiền phương.

Thấy các vị tướng ở cương vị chiến lược, lại là những người có tài năng và dày dặn kinh nghiệm chỉ huy, lãnh đạo các chiến dịch lớn, tôi nhớ lại lời của Tổng Tham mưu trưởng Văn Tiến Dũng, khi tôi và anh Đào Huy Vũ, thăm sức khoẻ ông ở Tam Đảo: “Sắp tới sẽ có đánh lớn ở khu vực đường số 9”. Như thế là Bộ chính trị, Quân uỷ Trung ương đã dự kiến và đã có phương án

tác chiến trong chiến dịch - chiến lược này. Trong lòng tôi tràn ngập niềm tin ở thắng lợi.

Về phía Binh chủng Tăng - Thiết giáp cũng đã hình thành một hệ thống Sở chỉ huy chặt chẽ: - Sở chỉ huy tiền phương Binh chủng Tăng Thiết giáp ở Sở chỉ huy tiền phương của Bộ Tổng Tư lệnh. Ở Sở chỉ huy B70 có đại diện xe tăng là các anh Nguyễn Phước, Đinh Quang Tuệ, Mạnh Hùng... Bên cạnh các sư đoàn bộ binh được phối thuộc xe tăng có: Ban chỉ huy nhẹ Trung đoàn 203 và Ban chỉ huy nhẹ Trung đoàn xe tăng 202. Thế là trong chiến dịch này, chúng tôi lại có thêm kinh nghiệm về tổ chức cơ quan chỉ huy của Binh chủng trong tác chiến chiến dịch.

Sau khi nghe anh Lê Xuân Kiện báo cáo tình hình, Tư lệnh Nguyễn Thế Lâm quyết định rời Sở chỉ huy tiền phương vào ở trong Sở chỉ huy chiến dịch để nắm tình hình chắc hơn. Ý kiến đó hoàn toàn chính xác .

Một buổi sau khi đi giao ban về, anh Thế Lâm báo cho tôi một tin: Có một đơn vị của Tiểu đoàn 297 bị máy bay Mỹ đánh trúng, tình hình thiệt hại chưa rõ.

Tôi sốt ruột quá vì đây là lần đầu tiên xe tăng T54 ra trận. Ngay chiều hôm đó tôi ra khu vực bị ném bom, anh Thế Lâm lo cho tôi nên khuyên tôi chưa nên đi vội, nhưng tôi nghĩ: Lúc khó khăn này cần có mặt người lãnh đạo, với trách nhiệm Phó Bí thư Đảng uỷ Binh chủng tôi cần có mặt. Tôi cảm ơn sự quan tâm của Tư lệnh Thế Lâm và đi xuống đơn vị. Đến nơi trông cảnh cây đổ ngổn ngang, hố bom sâu hoắm, lở loét. Tôi tiếp tục đi xe lùg xúc khắp cả khu rừng địch thả chất độc hoá học, thật là kinh hoàng, cả rừng cây không còn chiếc lá, những thân cây to, nhỏ đứng đó khô đét, xám xịt một màu chết chóc ...

Thật may, do được phổ biến về kinh nghiệm trú quân của xe tăng trong rừng, nên chỉ có một xe hư hỏng nhẹ.

Ngày 26 tháng 2 năm 1971, địch đã điều Thiết đoàn nguy số 17 và một chi đoàn của Thiết đoàn 11, gồm 70 xe tăng và xe bọc thép cùng Tiểu đoàn 8 dù, từ Bản Đông tiến ra phản kích chiếm lại cao điểm 543.

Đại đội 7 thuộc Tiểu đoàn xe tăng 297 và Đại đội 9 thuộc Tiểu đoàn xe tăng 198 được phối thuộc cho Trung đoàn Bộ binh 64, Sư đoàn 304 tham gia trận đánh.

Đây là trận đầu tiên loại xe tăng hạng trung T54 nặng 36 tấn có hỏa lực rất mạnh. Tôi và tất cả anh em ở Sở chỉ huy xe tăng phấn khởi và cũng rất căng thẳng chờ đợi.

Do hoàn cảnh chuẩn bị gấp, đường sá không có chuẩn bị, lại đánh ban ngày, lực lượng phòng không ta không đủ khống chế trên không... Do đó xe tăng ta, vừa bị xa lầy, vừa bị hỏa lực mạnh của không quân địch chế áp, cuối cùng chỉ có xe tăng lội nước PT76 và một xe tăng T54 lên chiếm lĩnh được đồi cao. Tuy có một xe tăng T54 lên được, song với uy lực của pháo xe tăng cỡ 100 milimét đã tiêu diệt và làm hỗn loạn đội hình xe tăng địch, tạo thuận lợi cho các chiến sĩ bộ binh tiêu diệt hoàn toàn Thiết đoàn nguy số 17.

Trong trận đánh này, Đại đội 7 có 10 xe tăng thì 9 bị hỏng và bị bom địch làm cháy. Quả thật được tin này tôi thấy bàng hoàng. Tôi lo lắng lắm, đêm nằm suy nghĩ mãi về truyền thống “Đã ra quân là đánh thắng”, vậy Tiểu đoàn 297 có đánh thắng không? trong cán bộ chiến sĩ xe tăng có chán nản, bị quan

không?

Sáng 27 tháng 2, tôi sang Cục Chính trị (thuộc sở chỉ huy tiền phương của Bộ) , tôi gặp các anh quen cả, các anh đều là cán bộ Tổng cục Chính trị đi chiến dịch. Tôi trao đổi với anh Hồng Cư - Cục trưởng (anh Cư là Cục phó Cục Tuyên huấn Tổng cục Chính trị), tôi trao đổi với anh về trận đánh của Đại đội xe tăng 7. Quả thật tôi có hơi buồn về thiệt hại quá lớn về xe tăng trong một trận đánh và bầu với anh phương pháp tiếp tục củng cố ý chí ra sao. Anh Hồng Cư đã làm tôi ngạc nhiên về cách nhìn nhận của anh, nói đúng hơn là chính anh đã củng cố tư tưởng cho tôi.

Anh Cư đặt một tay lên vai như người đang vác cờ và nói: “nếu đánh thắng thì một đơn vị bị thiệt hại lớn, chỉ còn vài chiến sĩ thôi, nhưng những chiến sĩ còn lại đó có quyền tự hào vác lá cờ chiến thắng trên vai mình”. Nghĩ lại những kinh nghiệm chiến đấu của mình trong thời gian kháng chiến chống Pháp, tôi thấy anh nói đúng quá. Về biện pháp cụ thể tôi đã bàn với anh Hồng Cư. Đề nghị Bộ chỉ huy chiến dịch ra quyết định tặng Huân chương kịp thời cho Đại đội 7.

Chúng tôi nhanh chóng nhất trí với mức “Tặng Huân chương Chiến công hạng Nhất”. Sau đó anh-Hồng Cư bàn với tôi về ý định tổ chức triển lãm chiến thắng về chiến dịch Nam - Lào tại Hà nội. Quả thật về vấn đề đó rất hợp vì thắng lợi đã rõ ràng đến gần lắm rồi.

Anh Cư trao đổi với tôi xem có thể đưa cỗ xe tăng nào về triển lãm không? Chúng tôi nhất trí lấy chiếc xe tăng 555 về triển lãm sẽ làm một cái hầm, đặt xe tăng lên trên.

Sau triển lãm sẽ đưa xe tăng 555 vào Bảo tàng Quân đội. Thế là số phận vinh quang của xe tăng PT76 mang số hiệu 555 đã được quyết định. Tôi sang gặp tiếp anh Đinh Mộng Tiên - Trưởng phòng Tuyên huấn và trao đổi về khen Huân chương cho chiếc xe tăng ấy.

Mộng Tiên: Từ xưa ít khen một khẩu pháo, nay khen một xe tăng có nên?

Xuân: Xuất phát từ thực tế thì có thể khen. Một cá nhân có thành tích còn khen vậy tại sao một xe tăng lại không nên. Hơn nữa, xe tăng đó lại là chiến công của một tập thể 3 người (xe tăng PT76 - biên chế có 3 người - 1 lái xe, 1 trưởng xe kiêm pháo thủ - 1 pháo thủ thứ 2 kiêm người nạp đạn) . Thế là chúng tôi thống nhất mức khen cho xe tăng 555: “Huân chương Quân công hạng Ba” và xe tăng đó mãi mãi đi vào lịch sử và yên vị chỗ của mình là Bảo tàng Quân đội.

Sau khi nói lại tình hình trên với anh Thế Lâm, tôi giao nhiệm vụ cho hai cán bộ xuống gặp Ban chỉ huy Trung đoàn 203 và Tiểu đoàn 198, để đưa ngay xe tăng 555 về Hà Nội.

Các anh: Trần Ba - Cán bộ tuyên huấn Binh chủng, anh Ba đã được đào tạo thành cán bộ kỹ thuật ở Trường Cao đẳng kỹ thuật xe tăng ở Ki ép (Liên Xô). Anh Trần Xuân Liệu cũng là cán bộ Tuyên huấn và anh cũng được đào tạo kỹ về lái xe tăng ở Trung Quốc.

Hai anh đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ đưa được xe tăng 555 về Hà Nội và còn kéo được một xe tăng M41 của quân ngụy để bà con Thủ Đô thấy được mặt mũi chúng trong triển lãm.

Những đêm nằm chung lán với anh Thế Lâm ở Sở chỉ huy tiền phương Bộ Tổng Tư lệnh, đêm tôi chỉ đắp cái chăn dù, tôi vẫn mang theo mỗi lần đi chiến dịch. Đó là vật kỷ niệm của tôi từ chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954. Chăn dù mỏng nên rét, thao thức không ngủ được.

Tôi nghĩ miên man về sự kiện: Trong trận đánh ở Tà Mây năm 1968, chỉ có một xe tăng vào được cứ điểm, tuy hành động “đơn thương độc mã”, “tả xung hữu đột” là rất đáng khen, song cái đó nói lên cái gì đây cần khắc phục. Do tổ chức chỉ huy? Do trình độ kỹ thuật của cán bộ chiến sĩ? Hay còn nguyên nhân nào khác nữa, có lẽ phải có một hình thức tổ chức bộ đội nào khác chăng? Lại lần nữa trong trận đánh cao điểm 534 vẫn xe tăng một đường, bộ binh một đường và lại một xe “tả xung hữu đột” ...

Mấy hôm sau, sau trận đập tan cuộc phản kích của Thiết đoàn 17 quân nguy, anh Thế Lâm báo cho tôi đi dự cuộc hội thảo bàn về vấn đề xe tăng. Hội thảo này tổ chức ngay ở Sở chỉ huy tiền phương của Bộ.

Vì anh Thế Lâm mới về, nên tôi đi dự. Hội nghị gồm các anh ở Bộ Tổng Tham mưu, có cả anh Hoà Đen ở Viện Khoa học quân sự, người quen cũ của tôi thời Lục quân khoá V trong kháng chiến chống Pháp (1949) . Anh Hoà Đen công tác ở cơ quan khoa học quân sự.

Vấn đề lớn ở Hội nghị là: Làm thế nào để khắc phục hiện tượng xe tăng và bộ binh không bị chia cắt ý kiến thống nhất là cần nghiên cứu một dạng tổ chức bộ binh có thể ngồi xe cơ giới, như vậy bộ binh mới có thể theo kịp xe tăng.

Tôi rất mừng vì những suy nghĩ của tôi lại trùng hợp với các anh trong cuộc họp. Cuối cùng, thay mặt Bộ Tư lệnh xe tăng, tôi tán thành một tổ chức bộ

binh cơ giới, gọn nhẹ phù hợp với chiến trường và cách đánh ở Việt Nam. Sở dĩ nhấn mạnh điều này, vì tôi thấy nhiều anh có mặt, cũng như tôi, đã từng học ở các Học viện Quân sự ở Liên Xô, nên đều biết ở Liên Xô, ngày đó bộ binh đã cơ giới hoá, tên chung gọi là Bộ binh cơ giới. Tôi cũng không ngờ rằng chính từ Hội nghị đó đã thai nghén ra Trung đoàn Bộ binh cơ giới đầu tiên của Quân đội ta vào cuối năm 1971.

Sau khi Đại đội xe tăng 3 của Tiểu đoàn 397 tham gia diệt Lữ đoàn 147 thủy quân lục chiến quân ngụy ở cao điểm 550 ngày 22 tháng 3 và truy kích địch ở Bản Đông, ngày 25 tháng 3 năm 1971 chiến dịch đã kết thúc thắng lợi. Tôi thấy với trách nhiệm của người làm công tác Đảng, công tác chính trị, tôi phải đi các đơn vị để tìm hiểu thêm tình hình. Tôi bàn với anh Thế Lâm, ý anh không muốn để tôi đi nhưng tôi thấy trách nhiệm phải làm nên đã cùng toàn bộ cán bộ cơ quan chính trị đi các đơn vị.

Sau khi gặp các anh: Nguyễn Phước ở B70, anh Lê Quang Âm ở chỉ huy sở Sư đoàn 304, gặp các đơn vị 297, 397, tôi trở ra, vì nghe tin chỉ huy sở quy định ai đã ở chỉ huy sở đi các đơn vị sẽ hạn chế về lại chỉ huy sở, vì để giữ bí mật, nên tôi về thẳng Quảng Bình.

Nghỉ ở Quảng Bình được vài ngày, bỗng nhiên anh Lê Ngọc Quang đến gặp tôi, anh cho biết mới ở Bộ Tư lệnh (Vĩnh Yên) vào tới nơi. Đi theo anh có một số cán bộ các cơ quan.

Tôi báo cáo vắn tắt tình hình với anh Quang, sau đó nói để anh biết ý định của tôi là: Chúng tôi không còn công việc gì để ở lại, tôi và anh em cơ quan sẽ trở về Bộ Tư lệnh.

Chiến dịch Nam Lào diễn ra cách đây đã 32 năm (1971 - 2002) tôi kể lại những chuyện trên cứ hình dung như đang xảy ra, trong mỗi câu chuyện những con người làm việc cùng tôi hiện ra rõ mồn một.

Tôi ghi lại, hy vọng các bạn tôi có dịp đọc cũng sẽ vui sướng vì những giờ phút đẹp đẽ trong chiến dịch mình đã sống và cống hiến. Tuy ở mỗi người đọc có thể rút ra những nhận xét cho riêng mình. Còn tôi, tôi viết những dòng này và liên hệ với cuộc đời mình đã chiến đấu trong hàng ngũ vũ trang của Đảng từ đầu năm 1945 đến ngày nghỉ hưu (1988) tôi luôn làm tốt mọi nhiệm vụ.

Tôi tự đánh giá cuộc đời mình bằng 4 câu thơ:

Nợ đời đã trả, sử sang trang,

Chinh chiến đường dài chẳng rẽ ngang

Tấm thân bảy thước nghiêng vai đỡ

Trọn gánh tang bồng với nước non.

7. 1. 2002

TỪ HƯƠNG SƯ TRỞ THÀNH VỊ TƯỚNG XE TĂNG Trung tá Nguyễn Đình Phượng

Cán bộ cục Chính trị, Bộ Tư lệnh Tăng - Thiết giáp. Nhiều người gọi ông với cái tên trìu mến và trân trọng “Tướng xe tăng”. Riêng tôi những năm tháng ít ỏi được làm lính dưới quyền ông đã cảm nhận thêm về tài năng, phẩm chất

đạo đức của một vị tướng “Bộ đội Cụ Hồ”. Ông chính là Thiếu tướng Đào Huy Vũ.

Ông tuổi Giáp tý sinh ngày 13 - 10 - 1924 trong một gia đình nông dân thuộc xã Xuân Canh - Đông Anh - Hà Nội, sớm giác ngộ cách mạng, anh thanh niên Đào Huy Vũ tích cực tham gia các hoạt động trong phong trào thanh niên cứu quốc ở địa phương. Vì nhà nghèo, để có tiền nuôi sống mình và tiếp tục hoạt động cách mạng ông vừa làm thầy giáo trường làng vừa tranh thủ đi bán rượu nhà tự nấu. Trong một lần đi bán rượu kết hợp với vận động quần chúng, ông bị nhà đoàn bắt. Cuối năm 1945, ông tạm biệt các học trò lên đường nhập ngũ. Sau đó ít lâu, ông có mặt trong đoàn quân Nam tiến, vào chiến đấu tại mặt trận Buôn Ma Thuột.

Cũng như nhiều tướng lĩnh khác của quân đội ta. Tuổi trẻ của Đào Huy Vũ là những cuộc hành quân chiến đấu trên các chiến trường. Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp ông có mặt ở hầu hết các chiến dịch lớn: Hoà Bình, Quang Trung, Tây Bắc, Điện Biên Phủ, Thượng Lào... Dù ở vị trí người chiến sĩ hay cán bộ trung đội cho đến trung đoàn trưởng ông đều tận tụy hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ Hoà bình lập lại trên miền Bắc được ít lâu (8 - 1956), ông được giao nhiệm vụ Trưởng đoàn cán bộ chiến sĩ sang Trung Quốc học tập về xe tăng. Tháng 10-1959, về nước ông được giao làm trung đoàn trưởng Trung đoàn 202 xe tăng đầu tiên của quân đội ta.

Đào Huy Vũ là con người của hành động. Từ khi còn là trung đoàn trưởng của Trung đoàn xe tăng 202 cho đến khi làm Tư lệnh Binh chủng Tăng - Thiết giáp ông luôn toàn tâm toàn ý xây dựng đơn vị cùng với tập thể Đảng uỷ, chỉ huy lực lượng Tăng Thiết giáp đủ sức đánh thắng kẻ thù. Đầu năm 1967, sau khi được cấp trên thông báo chuẩn bị để đưa xe tăng vào chiến trường, lúc đó với cương vị Phó Tư lệnh Binh chủng ông đã đề xuất nhiều phương án có giá trị về nghệ thuật quân sự.

Ông trực tiếp dẫn đầu một nhóm cán bộ bí mật vào chiến trường nghiên cứu tình hình. Sau khi Thường vụ Đảng ủy Binh chủng quyết định phương án hành quân bằng xích ông lại là người trực tiếp điều hành, chỉ huy toàn bộ cuộc hành quân. Sau chiến thắng trận đầu ở Làng Vây, ông vẫn tiếp tục nghiên cứu, đề xuất nhiều phương án về xây dựng lực lượng cũng như tác chiến của bộ đội Tăng - Thiết giáp.

Tháng 6-1970, ông tham gia đoàn cán bộ sang chiến trường nước bạn Lào, kẻ thù đã cướp đi con mắt trái của ông kinh nghiệm trận mạc cùng với kiến thức học được ở nhà trường đã giúp ông có một nhãn quan luyện quân, dùng quân khá sắc sảo. Ông am hiểu sâu sắc về khoa học quân sự và là người có kinh nghiệm trong sử dụng bộ đội Tăng - Thiết giáp trên chiến trường. Có thể nói từ trận đầu ở Làng Vây cho đến việc sử dụng Tăng - Thiết giáp trong cuộc Tổng tiến công mùa Xuân năm 1975 đều có công lao đóng góp của ông.

Nhớ lại, khi đội hình cánh quân “Duyên Hải” chuẩn bị tiến công Phan Rang, ông đề nghị trực tiếp đi với Lữ đoàn 203. ông nêu ý kiến: “Đây là lần đầu sử dụng tập trung cả lữ đoàn lại vận dụng tác chiến theo hình thức “đánh trong hành tiến”, vì vậy sẽ có nhiều cái mới nảy sinh...” . Thường vụ Đảng ủy Binh chủng thảo luận và nhất trí phương án Tư lệnh Binh chủng Tăng - Thiết giáp đi trong đội hình chiến đấu của lữ đoàn, phương án này đã được Trung tướng Lê Trọng Tấn, chỉ huy cánh quân “Duyên Hải” phê chuẩn.

Đào Huy Vũ là người say mê nghiên cứu khoa học quân sự. Học tập, nghiên cứu luôn là niềm say mê và hứng thú của ông. Vốn là một nhà giáo nên việc học của ông luôn có bài bản và theo đúng nguyên tắc chặt chẽ do mình tự đặt ra. Nhiều cán bộ sống gần gũi với ông kể lại rằng, lúc nào ông cũng mang theo sách bên mình để học. ông cũng là người quý trọng sách vở, các anh công tác ở Thư viện Binh nhung hồi đó kể lại rằng, ông nhớ hết vị trí từng cuốn sách nói về khoa học quân sự và Tăng - Thiết giáp đặt trên giá trong Thư viện. Mỗi lần ra nước ngoài công tác học tập ông đều bỏ tiền cá nhân mua sách mang về góp vào thư viện Binh chủng. 30 tập Từ điển Bách khoa

quân sự (Liên Xô cũ) hiện có trong Thư viện Binh chủng Tăng - Thiết giáp chính là do công sức của ông.

Suốt cuộc đời làm “Bộ đội Cụ Hồ”, Đào Huy Vũ đã nêu một tấm gương tốt về “Cần kiệm, liêm chính”. Không may bị căn bệnh hiểm nghèo, ông đã từ trần ngày 11 - 12 - 1986 , để lại niềm tiếc thương cho đồng đội.

BÀI THƠ NĂM ẤY

Nhà thơ Nguyễn Hữu Thịnh,

Tổng thư ký Hội Nhà văn Việt Nam,

Tổng biên tập báo Văn nghệ,

nguyên trợ lý Tuyên huấn Binh chủng.

Đó là những ngày của năm 1970 đầy sôi động. Địch chuẩn bị đánh ra đường 9 - Nam Lào. Bộ đội ta thuộc các quân binh chủng rầm rập kéo về cắm chốt ở những địa điểm được tính toán trước, chuẩn bị bước vào chiến dịch lớn.

Binh chủng Tăng - Thiết giáp lúc ấy tập trung một lực lượng khá lớn ở khu vực Nam - Bắc đường số 9 sẵn sàng đón nhận nhiệm vụ của Bộ Chỉ huy chiến dịch. Bộ Tư lệnh Thiết giáp phân công các đồng chí Tư lệnh Nguyễn Thế Lâm, Phó tham mưu trưởng Lê Xuân Kiện, Chủ nhiệm chính trị Đào Văn Xuân, và một số cán bộ Trung đoàn, trợ lý các cơ quan tham gia chiến dịch để trực tiếp chỉ đạo và giúp đỡ đơn vị.

Đoàn 198 hành quân từ phía Nam ra, đóng quân ở phía Tây đường 9, Đoàn

297, tiếp theo đó là 397 đã tập kết ở phía Bắc đường 9. Trong các khu rừng le, rừng nứa, bộ đội ta ở tư thế sẵn sàng xuất kích - Một trận bão đang hình thành bí mật, sục sôi vô cùng khẩn trương nhưng kẻ thù không sao biết được.

Những chiếc OV10, L19 bay vo ve tối ngày, những máy bay AC130 ra lượn đêm, cả những máy móc điện tử (cây nhiệt đới) được tung ra khắp rừng cũng đều tỏ ra mù và điếc trước cuộc chuẩn bị vô cùng bí mật của quân ta.

Vào một buổi sớm cuối đông, tôi được phòng chính trị cử phụ trách một đội chiếu phim vào phục vụ chiến trường. Nhiệm vụ chính của tôi là vào thâm nhập chiến trường, viết báo đồng thời kiêm phụ trách đội trưởng đội chiếu phim và thuyết minh. Tôi nhớ một trong hai bộ phim chính chúng tôi mang đi phục vụ là phim: “Cuộc chiến đấu vẫn còn tiếp diễn”, phim phản gián đầu tiên của ta, anh em rất thích. Ngoài ra, chúng tôi còn “cộng thêm” rất nhiều sách báo và thư từ. Trước khi lên đường, chúng tôi còn kịp đến thăm gia đình một số đồng chí đang ở chiến trường, ghi âm lời thăm hỏi của gia đình và nhận quà Tết cho người ở phía trước.

Tôi chỉ kịp học “nghề thuyết minh” được 2 tiếng đồng hồ, do đồng chí Thường hướng dẫn, thế là lên đường. Mọi thứ sinh hoạt sẵn trên xe, chúng tôi đi mãi miết, tới đâu nghỉ đấy, chẳng có cung trạm gì hết. Háo hức, sôi nổi, đường ra trận như một cuộc hò hẹn, ai cũng sợ mình là người đến chậm.

Lúc đầu chúng tôi còn chiếu được một vài buổi ban đêm, sau dịch cho máy trình sát dữ quá, mọi buổi chiếu phải thực hiện vào ban ngày. Một chiếc hầm thùng dài trên chục mét, rộng chừng bốn, năm mét, đó là rạp chiếu bóng chiến trường của chúng tôi. Sau sáu bảy buổi chiếu phim, cổ tôi khản đặc, máy móc nóng bỏng ... nhưng vẫn thấy vui, đặc biệt là nhìn các đồng chí chiến sĩ ngồi xem chen chúc trong hầm, cảm động lắm và thương lắm.

Buổi tối các đơn vị tổ chức trang hoàng hầm xe, lấy sỏi trắng xếp thành khẩu hiệu trên hầm đất đỏ. Giấy màu do chúng tôi mang vào lập tức biến thành trăm loại hoa và các hoạ tiết trang trí của đơn vị thật thú vị khi được chứng kiến các buổi học hát trong các hầm xe tăng. .

Vào một buổi chiều, tôi xuống Đại đội 6 thuộc Tiểu đoàn 397 chuẩn bị cho cuộc bình thơ buổi tối. Rất sung sướng được gặp nhiều bạn cũ thuộc Trung đoàn 202 thân yêu của tôi. Tôi được đưa về dự bữa ăn chiều với trung đội của đồng chí Lê Đức Tuấn. Đồng chí Lê Đức Tuấn trước cùng tôi phục vụ tại Ban chính trị Trung đoàn 202. Tuấn giữ thư viện còn tôi là giáo viên văn hoá, hai đứa thân nhau từ đó cùng trạc tuổi nhau lại là dân học trò trước khi nhập ngũ, nên dễ thông cảm.

Trên đường vào chiến trường, tôi cho xe dừng ở bến phà Chương Dương - Hà Nội, mua đầy mấy sọt cải bắp để làm quà, vì nhận thư ở chiến trường, ai cũng nói thêm rau xanh, vào tối đây tôi gửi cho Tuấn mấy chiếc bắp cải, anh em quý lắm chia cho cả Trung đội, mỗi bữa nấu dè vài tàu lá nhỏ trong một chiếc nồi quân dụng đầy nước, rau xanh đã biến thành thuốc quý.

Buổi chiều tôi đến, Tuấn vui sướng hiếu khách liền hô “Ai còn thịt hộp mang tất cả xuống đây. Lập tức 5 người trên chiếc xe tăng T34 của Tuấn mang ra cho 5 hộp thịt. Tuấn còn hái đậu được một nắm rau tàu bay nhưng nấu vụng quá, nhuyển ra như hồ nhão, đơm ra bát không còn nhìn thấy lá rau nữa, chỉ thấy sền sệt mùi hăng hắc như thuốc bắc nhưng bữa cơm vẫn ngon.

Tôi ăn thong thả, vừa ăn vừa nhìn mọi người. Và tôi ngắm chiếc T34 nằm trong hầm, vươn chiếc nòng pháo ngạo ngễ qua đầu chúng tôi. Tôi nhớ đến hình ảnh sau lúc Tuấn hô “ai còn thịt hộp mang tất cả xuống đây” cả 5 người

nhảy phắt lên thành xe. Hình ảnh ấy đập mạnh vào tâm trí tôi. Một chiếc xe tăng mà có 5 người, chiếc xe tăng khi còn ở hậu phương nhìn ngắm mãi, quen thuộc rồi, nhưng sao vào đây nó uy nghiêm quá, oai vệ quá và thiêng liêng làm sao.

Suốt bữa ăn tôi nghĩ lan man những ý tưởng xuất hiện dồn dập, những hình ảnh cứ tới tấp bay đến. Mấy anh em ngồi ăn bữa cơm đạm bạc với mình đây, ngày mai sẽ làm ra bao điều sấm sét xuống đầu giặc, có người còn, có người mất. Cuộc đời chiến đấu còn dài làm sao đoán được mọi sự bất ngờ. Tôi nghĩ vậy, và tự đáy tâm hồn, lòng yêu thương kính trọng cứ trào lên không gìm lại được. Tôi buông đùa trước tiên, vội vã lục chiếc túi vải, lấy giấy ra ghi vội lấy cảm xúc của mình “Năm anh em trên một chiếc xe tăng”, câu mở đầu rất thật, cứ thế câu trên gọi câu dưới, đoạn trước mở đoạn sau, tôi làm xong bài thơ.

Vào chiến dịch tôi được phân công đi thâm nhập thực tế ở Đại đội 9 Đoàn 198 vừa chiến thắng giòn giã trên điểm cao 543. Đồng chí Thịnh và Tề đưa xe phim ra ngoài. Trên chiếc xe ấy có bản thảo của bài thơ “Trên một chiếc xe tăng” của tôi gửi ra cho đồng chí Lê Lộng trưởng ban Tuyên huấn của Binh chủng lúc ấy.

Khi chiến dịch kết thúc tôi được đọc lại bài thơ in trên báo Nhân dân với bút danh thứ hai của tôi là Vũ Hữu, và được biết cả hai anh là Doãn Nho và Huy Thục đều phổ nhạc bài thơ này. Bài của anh Doãn Nho gửi đến Đoàn Ca múa Tổng cục Chính trị trước nên được dựng trước.

Đó là kỷ niệm của tôi về chiến dịch đường 9 - Nam Lào.

Trên một chiếc xe tăng

Hữu Thỉnh

Năm anh em trên một chiếc xe tăng
Như năm bông hoa xoè cùng một cội
Như năm ngón tay trên một bàn tay
Năm anh em chung một ngọn đèn.

Vào lính xe tăng anh trước, anh sau
Nết ăn, ở người thì lạnh, nóng
Khi đã hát hoà cùng một giọng
Một đứa đau tất cả quên ăn.

Năm anh em mỗi đứa một quê
Đã lên xe là cùng một hướng
Đã lên xe là chung khổ sướng
Trước quân thù nhất loạt xông lên.

Năm anh em mang năm cái tên

Đã lên xe không còn tên riêng nữa
Trên tháp pháo một ngôi sao màu lửa
Năm trái tim một nhịp đập dồn

Một con đường đất đỏ như son
Một màu rừng xanh bạt ngàn hy vọng
Một ý chí bay ra đầu ngọn súng
Một niềm tin nghiền nát mọi quân thù.

Mùa khô - 1970

NHỚ MỘT LẦN ĐI TRINH SÁT

Đại tá, PGS Đinh Quang Tuệ,
Nhà giáo ưu tú, nguyên chủ nhiệm
khoa Tăng - Thiết giáp - Học viện Quốc phòng.

Trận đánh chiếm điểm cao 543 bắc Bản Đông ngày 25 - 2 - 1971 của Đại đội 9 , Tiểu đoàn 198, Trung đoàn 203 phối thuộc Trung đoàn Bộ binh 64, Sư đoàn 320 tiêu diệt sở chỉ huy và căn cứ hoả lực Lữ đoàn 3, Sư đoàn Dù là trận then chốt quan trọng của Chiến dịch phản công Đường 9 - Nam Lào.

Đây là trận xe tăng ra quân đầu tiên trong chiến dịch - là kết quả của cuộc chạy đua quyết liệt giữa ta và địch để tạo thời cơ cho xe tăng tham chiến. Chiến dịch có ý định sử dụng xe tăng tham gia đánh địch ở điểm cao 500, làng Sen... nhưng không kịp. Để sử dụng xe tăng tham chiến trên điểm cao 543 ta phải khổ công trinh sát và bảo đảm cho xe băng qua một đoạn rừng non; để giữ bí mật trước chiến đấu, công binh phải cưa 1/3 đến 1/2 cây phía đối diện mũi xe để khi được lệnh xe tăng xông lên húc đổ cây xung phong vào căn cứ địch. Đó là một kỳ công.

Trận 543 ta chiến thắng giòn giã và liên tiếp những ngày sau Đại đội 9, Tiểu đoàn 198 và Đại đội 7, Tiểu đoàn 297 đã tham gia đánh bại địch từ Bản Đông theo đường 16 lên phản kích, bẻ gãy hoàn toàn cánh quân tiến công bắc Đường 9 của chúng, tạo thuận lợi cho ta tiến hành đại phá Bản Đông và giành toàn thắng cho chiến dịch đánh bại hoàn toàn cuộc tiến công chiến lược mang mật danh “Cuộc hành quân Lam Sơn 719 của Mỹ nguy, hồng cắt đứt đường cơ động chiến lược của ta”.

Trận 543 không chỉ có ý nghĩa chiến thuật, chiến dịch là bẻ gãy thủ đoạn dùng máy bay lên thẳng đổ quân đánh chiếm các điểm cao trên các hướng tiến công kết hợp với quân bộ lấy tăng thiết giáp làm nòng cốt nhanh chóng tiến công theo đường 9 và đường 16 làm cho ta không kịp đối phó. Trận 543 còn có ý nghĩa chiến lược là đã tiêu diệt thành phần lực lượng dự bị Tổng hành dinh của địch vì: Sư đoàn Dù là một trong hai sư đoàn cơ động chiến lược của chúng và lần đầu tiên trong chiến tranh tính tới thời điểm đó ta mới bắt sống được một đại tá địch là đại tá Nguyễn Văn Thọ lữ đoàn trưởng cùng toàn bộ ban tham mưu Lữ đoàn Dù 3.

Đây là điều chắc nhiều người đã biết. Song điều mà ít ai biết việc trinh sát và bảo đảm cơ động cho xe trong trận này khó khăn phức tạp đến đâu? Sau khi tham gia trinh sát thực địa với chỉ huy binh chủng hợp thành, bộ phận cán bộ đi trinh sát cụ thể tìm đường, hướng cho xe tăng xung phong gặp trở ngại, nên trận đánh đã không thực hiện được kế hoạch như chiến dịch dự kiến. Tuy

sau đó ta đã khẩn trương tổ chức trinh sát và bảo đảm cơ động cho xe tăng chu đáo, nên CT9 đã phát huy được cao độ khả năng chiến đấu, góp phần quyết định thắng lợi trận đánh.

Là người trong cuộc, tới nay đã hơn 30 năm tôi vẫn nhớ như in và thầm tự hào về mình đã góp phần nhỏ bé vào chiến thắng trên, đặc biệt là có quyết định chính xác trong chuyển đi trinh sát ngày 21 - 2 - 1971.

Là trợ lý Tăng - Thiết giáp của Binh đoàn cơ động chiến lược mới được thành lập mang mật danh B70 - lực lượng chủ công của ta trong chiến dịch, tôi đã được tham gia làm tham mưu cho Tư lệnh Binh đoàn và chỉ huy các cấp sử dụng tăng thiết giáp trong một số trận đánh chính. Xin kể lại một số kỷ niệm sâu sắc :

Ngày 5 - 2 - 1971 được trực tiếp đề đạt với Tư lệnh Binh đoàn Cao Văn Khánh về việc cơ động lực lượng tăng thiết giáp Binh đoàn theo ý định sử dụng, được Tư lệnh giao nhiệm vụ trực tiếp đi gặp Tư lệnh Đoàn 559 Đồng Sỹ Nguyên báo cáo xin ưu tiên cho tăng thiết giáp cơ động trước để kịp thời cơ tác chiến. Tư lệnh Binh đoàn giao cho tôi nhiệm vụ phái viên đốc chiến, trực tiếp truyền đạt mệnh lệnh chiến đấu cho Trung đoàn Bộ binh 64, Sư đoàn 320 được tăng cường lực lượng phương tiện (trong đó có Đại đội 9, Tiểu đoàn 198, Trung đoàn 203) tiến công tiêu diệt địch trên điểm cao 543 bắc Bản Đông trong ngày 23 - 2 - 1971 và trực tiếp giúp đỡ đơn vị sử dụng tăng có hiệu quả .

Ngày 18 đến 20 - 2 - 1971, tôi đã cùng chỉ huy Trung đoàn Bộ binh 64, Sư đoàn 320 và chỉ huy các đơn vị phối thuộc chiến đấu đi trinh sát thực địa. Ngày 21 - 2 - 1971 , Trung đoàn trưởng Trung đoàn Bộ binh 64 Khuất Duy Tiến cử Trung đoàn phó Nguyễn Văn Ngọc trực tiếp theo dõi chỉ đạo giúp đỡ Tiểu đoàn 19S tổ chức trinh sát cụ thể thêm. Thành phần đi trinh sát lần này

có đồng chí Đào Xuân Vĩnh, Tiểu đoàn phó và đồng chí Lê Cối, Chính trị viên Tiểu đoàn 198, đồng chí Nguyễn Đức Hiên, Đại đội trưởng Đại đội 9 cùng 1 trung đội trưởng, 3 trưởng xe và lái xe của CT9; đi cùng còn có đồng chí Nguyễn Văn Ngọc và tôi.

Trên đường đi trinh sát ngày hôm đó chúng tôi đã gặp địch từ phía Bàu Đông theo đường 16 tiến công lên phía Bắc. Địch đã chiếm được kho hậu cần chiến lược của ta ở Ta Năng cạnh đường 16, ta không thể vượt qua để tới mục tiêu trinh sát và cũng khó vòng tránh vì máy bay địch trực tiếp chi viện cho quân bộ lòng sục sát trên đầu cùng một mũi tiến công phía đông bắc đường 16 đang tới gần uy hiếp, chúng tôi buộc phải tạm ngừng đối phó.

Nhờ lợi dụng được hầm “barie” tại điểm cao cạnh đường của công binh bảo đảm cơ động trục đường 16, các cửa hầm có điều kiện quan sát rộng, có thể đánh địch được nhiều hướng, đặc biệt là cửa hầm đối diện hướng tiến công của địch theo đường 16. Đoàn cán bộ trinh sát chúng tôi đã lợi dụng hầm này tổ chức chiến đấu chặn địch, chờ thời cơ tiếp tục tới mục tiêu trinh sát là điểm cao 543 ở phía Tây Nam kho Ta Năng.

Chiếm xong kho Ta Năng địch tiếp tục tiến công về phía Bắc. Cán bộ trung đoàn tiểu đoàn chúng tôi thay phiên nhau trực tiếp theo dõi chỉ huy từng cửa hầm chiến đấu. Chúng tôi quyết tâm cố thủ diệt địch, còn người còn trận địa, chờ địch tới thật gần mới đánh; tính toán từng viên đạn, từng quả lựu đạn sử dụng tiết kiệm, tính cả tới tình huống dành viên đạn cuối cùng cho mình không để địch bắt sống.

Do có quyết tâm chiến đấu chính xác lợi dụng được hầm barie biến thành trận địa phòng ngự và tinh thần chiến đấu kiên cường nên suốt từ 8 giờ 00 đến 15 giờ 30 ngày 21 - 2 - 1971 chúng tôi đã chịu đựng 5 lần bom đạn máy bay địch đánh gần sát và trên nóc hầm, chống cự được 6 lần xung phong của bộ binh

địch.

Lần xung phong thứ 7 địch tới gần cửa hầm không thấy ta bắn trả, tên chỉ huy từ phía sau xông lên hò hét xung phong bắt sống đối phương, khi tới gần sát cửa hầm đối diện với trục đường bị viên đạn chính xác của Đại đội trưởng Đại đội 9 Nguyễn Đức Hiền găm vào mặt, ngã gục nên không một tên nào dám xông lên nữa. Địch đã dùng khói mù nguy trang và kéo xác tên sĩ quan này về sau. Qua gần một ngày tiến công được không quân trực tiếp chi viện, địch đã không vượt nổi hầm barie - trận địa phòng ngự kiên cường của bộ phận trinh sát ta, chúng buộc phải lui quân.

Không gian trở lại yên tĩnh, cán bộ chiến sĩ phân đội kho Ta Năng từ trong núi ra gặp chúng tôi đề nghị giúp đỡ họ trở về kho, đề phòng địch phục kích cùng hợp sức chiến đấu. Đây là yêu cầu hợp lý, vì đường đi trinh sát của chúng tôi là đi qua kho, nhất là thời điểm này, có qua kho Ta Năng mới có thể nhanh chóng đến gần quan sát hướng xe tăng tiến lên xung phong đánh địch trên điểm cao 543 trước khi trời tối. Tình huống đòi hỏi phải lựa chọn là tiếp tục hành trình trinh sát hay dừng lại để tổ chức đợt trinh sát khác; anh em bàn bạc 2 ý kiến trên chưa ngã ngũ, đòi hỏi người chỉ huy phải đưa ra ý kiến quyết định: Tiến hay lui đúng, lựa chọn không phải dễ.

Cuối cùng chỉ huy phân đội tăng và chỉ huy binh chủng hợp thành đi cùng thống nhất đề nghị tôi cho ý kiến quyết định. Trong đời chiến sĩ, trải bao lần hạ quyết tâm chiến đấu, lần này là khó khăn nhất, phải đấu tranh tư tưởng nhiều. Rút lui trong chiến đấu thường là điều tối kỵ; thường ảnh hưởng tới danh dự, uy tín cá nhân. Trước sự tín nhiệm uỷ thác đó, tôi đã suy nghĩ tính toán kỹ:

Thời gian tác chiến theo mệnh lệnh còn lại gần hai ngày đêm, ta có thể kịp tổ chức một cuộc trinh sát khác vẫn đảm bảo; còn nếu tiếp tục hành trình đi qua

kho Ta Năng có thể đáp ứng được yêu cầu giúp đỡ của phân đội kho, lại nhất cử lưỡng tiện; trời tối có thể nghỉ lại kho thuận lợi, sớm hôm sau có thể nhanh chóng tới gần hướng dự kiến cho xe tăng cơ động tiến công địch trên điểm cao 543.

Tuy nhiên, địch có thể gài bộ phận nhỏ hoặc gài mìn sát hại ta khi vào kho. Trong tình huống ấy, bất kỳ thành viên nào trong đoàn trinh sát bị thương vong cũng sẽ ảnh hưởng tới trận đánh. Tôi xác định chọn phương án “lui quân tổ chức cuộc trinh sát khác”. Mọi người đồng tình với quyết định của tôi nhưng trưởng kho Ta Năng thiết tha đề nghị: Các đồng chí không vào kho thì đừng lại làm hậu thuẫn cho phân đội kho vào xong hãy lui quân. Tôi thấy hợp lý nên đồng ý.

Đoàn cán bộ đi trinh sát của chúng tôi chiếm lĩnh địa hình có lợi bố trí sẵn sàng yểm trợ cho phân đội kho về cơ sở của mình. Song điều không may đã xảy ra: anh em vào kho vấp mìn địch thương vong đáng kể, chúng tôi chỉ có thể góp ý với anh em về phương án xử lý hậu quả này sao tránh bị thiệt hại thêm. Chúng tôi thực hiện lui quân để tổ chức cuộc trinh sát khác.

Được chỉ huy Trung đoàn Bộ binh 64, Sư đoàn 320 cử thêm trinh sát và công binh của trung đoàn đi cùng bộ phận cán bộ đi trinh sát của Tiểu đoàn 198 sau đó và đã thực hiện được đúng yêu cầu bảo đảm cơ động nên CT9 đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trận đánh. Tôi luôn tâm đắc: mình nhờ được Đảng, quân đội giáo dục rèn luyện, được đồng chí đồng đội tin cậy uỷ thác và nhờ bản thân tự đấu tranh thắng sĩ diện cá nhân nên mới có được quyết định lui quân chính xác kể trên.

THỰC HIỆN LỜI BÁC, TIỂU ĐOÀN XE TĂNG 297 HÀNH QUÂN THẮNG LỢI

Đại tá Đinh Như Thường

nguyên Phó chủ nhiệm chính trị,

Binh chủng Tăng - Thiết giáp.

Sau thắng lợi trên đường số 9 - Nam Lào, một tình thế mới, một thời cơ lớn đã hé mở. Tiểu đoàn xe tăng 297 được lệnh chuẩn bị hành quân vào chiến trường Tây Nguyên (B3). Tất cả háo hức chuẩn bị lên đường với ý chí, quyết tâm thực hiện di chúc của Bác Hồ "... Chúng ta phải quyết tâm đánh giặc Mỹ đến thắng lợi hoàn toàn".

Nhiều đoàn cán bộ, từ các đồng chí trong Bộ Tư lệnh Binh chủng, cũng như ở các cơ quan đã lên đường. Đến đầu tháng 9 năm 1971, tôi lúc đó là cán bộ tổ chức và anh Lê Viết Lưỡng cán bộ Tuyên huấn cơ quan chính trị Binh chủng được anh Đào Văn Xuân giao nhiệm vụ: trực tiếp đi cùng Tiểu đoàn xe tăng 297, vừa giúp đỡ đơn vị và qua thực tiễn hành quân, chiến đấu mà tổng kết kinh nghiệm về mặt công tác Đảng, công tác chính trị...

Đoàn 297 là đơn vị đã tham gia chiến đấu trong chiến dịch đường số 9 Nam - Lào đầu năm 1971; sau chiến dịch đã được Bộ Tư lệnh Binh chủng bổ sung quân số, trong đó có cả một số cán bộ đã được đào tạo ở Đoàn 10 (tiền thân của Trường Sĩ quan Tăng - Thiết giáp ngày nay - trường 600). Nói là một tiểu đoàn, nhưng là tiểu đoàn xe tăng trang bị kỹ thuật rất đa dạng và phức tạp. Tổng số 57 xe các loại (33 xe tăng, 2 xe tăng bắc cầu (Mty), 3 cao xạ tự hành (zcy - 2 - 57), 3 xe công trình sửa chữa xe tăng, 16 xe vận tải và đơn vị thông tin.

Tổ công tác của cơ quan chính trị Binh chủng, chúng tôi cùng anh Đồng Hữu Thọ chính trị viên Tiểu đoàn 297, nghiên cứu, đánh giá tình hình, chuẩn bị đưa ra bàn trong tập thể Đảng uỷ tiểu đoàn. Qua tình hình, chúng tôi thấy được nét lớn về tư tưởng trong cán bộ chiến sĩ: phần đa số rất phấn khởi chờ đón nhiệm vụ, bên cạnh đó trong một số, tuy không nhiều lắm, thấy tình hình thương vong, tổn thất trong chiến dịch đường 9 - Nam Lào nên có những biểu hiện nghi ngại ác liệt, hy sinh, ngại gian khổ kéo dài ... Một số khác thì không vui vẻ có những lo lắng về hoàn cảnh khó khăn của gia đình ở hậu phương ... Số cán bộ mới bổ sung hay mới được cất nhắc thì còn ngại va chạm, chưa mạnh dạn trong trách nhiệm chỉ huy, quản lý bộ đội... Các biểu hiện trên dẫn đến tình trạng kỷ luật có phần lỏng lẻo.

Tình hình trên nếu không được giải quyết tốt thì sẽ có ảnh hưởng tiêu cực đến nhiệm vụ hành quân chiến đấu tới, nhất là đường hành quân thì dài trên 600 ki-lô-mét, phải vượt nhiều đèo, dốc, đường hẹp “cua” gấp. Đường hành quân lại qua nhiều trọng điểm máy bay Mỹ đánh phá. Chúng tôi thấy trách nhiệm những người làm công tác Đảng - công tác chính trị thật nặng nề, nếu không biết phát huy cao độ sức mạnh về công tác tư tưởng, sức mạnh của các tổ chức, nhằm đúng khâu then chốt để đột phá thì làm sao có thể -phát huy được trí tuệ và sức mạnh của tiểu đoàn, đưa số lượng lớn trang bị kỹ thuật của tiểu đoàn đến địa điểm an toàn và sẵn sàng bước vào chiến đấu được.

Sau khi phân tích đúng tình hình, được sự nhất trí của Thường vụ Đảng uỷ tiểu đoàn, về mặt công tác Đảng - công tác chính trị phải làm đồng thời trong thời gian đơn vị triển khai khẩn trương cùng các công tác: huấn luyện bổ xung cho chiến sĩ lái xe tăng, về mặt kỹ thuật thì sửa chữa, khôi phục xe máy, bổ xung khí tài, vật chất theo yêu cầu nhiệm vụ hành quân, chiến đấu tới.

Sau khi báo cáo về Bộ Tư lệnh Binh chủng và được sự chỉ đạo của trên, đồng thời có sự trực tiếp hướng dẫn của Thủ trưởng và Đảng uỷ Trung đoàn 203, Tổ công tác chúng tôi đã cùng đồng chí Bí thư Đảng uỷ Tiểu đoàn 297 tiến

hành một loạt các biện pháp:

- Tiến hành kiểm tra Đảng uỷ Tiểu đoàn, đồng thời kiểm tra một số mặt công tác chiến đấu chính của tiểu đoàn trên các mặt: Huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu; khôi phục, bảo quản, bảo dưỡng trang thiết bị kỹ thuật và các mặt đảm bảo cho hành quân chiến đấu.

- Tiến hành sinh hoạt chính trị để quán triệt tình hình nhiệm vụ chung và trước mắt của tiểu đoàn, củng cố quyết tâm hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ hành quân chiến đấu.

- Bồi dưỡng cho các Chi uỷ và cán bộ chính trị, các Bí thư Chi đoàn thanh niên về công tác chính trị trong hành quân, chiến đấu của Binh chủng; đi đôi với bồi dưỡng về mặt nhận thức, chú trọng việc rút kinh nghiệm qua từng đợt thi đua, qua từng nhiệm vụ để thiết thực nâng cao năng lực công tác cho cán bộ.

- Sau các hoạt động trên, tiến hành Đại hội Đảng bộ Tiểu đoàn, Đại hội các Chi bộ và các tổ chức quần chúng nhằm đánh giá đúng tình hình đơn vị trước khi hành quân và cũng nhằm củng cố vững chắc nhận thức về tình hình, nhiệm vụ và quyết tâm chiến đấu ...

- Sau hai tháng chuẩn bị các mặt, riêng về mặt công tác Đảng - công tác chính trị đã góp phần quan trọng tạo nên sự chuyển biến tình hình tốt trong toàn Tiểu đoàn 297 tạo nên một không khí hồ hởi chờ đón nhiệm vụ.

Ngày 8 - 12 - 1971, Đồng chí tiểu đoàn trưởng Đảng Vụ và đồng chí chính trị

viên tiểu đoàn Đồng Hữu Thọ đã lên Bộ Tư lệnh chiến dịch 559, nhận lệnh hành quân. Sau khi tiểu đoàn họp bàn nhiệm vụ lãnh đạo hành quân, kế hoạch cụ thể được quán triệt cho toàn thể cán bộ.

Đường hành quân tới vị trí tập kết dài trên 600 km. Toàn chặng hành quân được chia thành 4 cung, 14 chặng. Những cung, chặng sẽ có thời gian để nghỉ ngơi, bổ xung nhiên liệu và bảo dưỡng kỹ thuật.

Công tác Đảng - công tác chính trị đã chuyển sang trọng tâm: Đảm bảo đưa toàn bộ lực lượng đến địa điểm kịp thời gian qui định, an toàn, người khỏe, xe máy, trang bị kỹ thuật tốt, sẵn sàng chiến đấu được ngay. Các hình thức, biện pháp công tác, công tác Đảng - công tác chính trị, gắn chặt với các mặt chỉ huy và quản lý trang bị kỹ thuật như cổ vũ, biểu dương các gương tốt và qua các tổ chức kịp thời nhắc nhở uốn nắn mặt yếu:

- Phòng chống máy bay địch, giữ gìn bí mật cao trong hành quân, trú quân.
- Bảo dưỡng, cứu kéo xe hư hỏng kịp thời, hạn chế tối đa tổn thất trong hành quân, trú quân.
- Chăm sóc sức khỏe cho cán bộ chiến sĩ, đặc biệt sức khỏe cho chiến sĩ lái xe, đội ngũ cán bộ, chiến sĩ kỹ thuật.
- Bố trí, phân công cán bộ, đảng viên sát đội hình, đề cao vai trò tiên phong gương mẫu của cán bộ đảng viên trong những thời điểm khó khăn, nguy hiểm. Khẩu hiệu hành động là: “Nơi khó khăn có chỉ huy, lúc gian nguy có lãnh đạo”.

- Phát động phong trào trong các chi đoàn thanh niên qua hành quân chọn lọc các đoàn viên ưu tú kết nạp vào Đảng.

- Phát động đợt thi đua có chỉ tiêu phấn đấu, có thời hạn để sơ kết: đợt 1 vào dịp kỷ niệm 22-12- 1971 , đợt II vào dịp kỷ niệm 42 năm ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam 3-2-1972.

Thế là sau hơn 2 tháng chuẩn bị các mặt đến ngày 17 - 12 - 1971 có lệnh bắt đầu hành quân vào B3, đến ngày 27-12-1971 toàn bộ đội hình Tiểu đoàn 297 đến vị trí tạm nghỉ của cung 1 .

Tranh thủ sơ kết đợt hành quân: sau 7 ngày đêm hành quân, đã vượt qua được chặng đường 185km. Như vậy là tốc độ hành quân trên 26 km/đêm. Vì Xét về tính năng kỹ thuật của xe tăng hạng trung (của Liên Xô) T54 thì tốc độ trung bình trên đường xấu là 20 - 25 km/giờ. Nhìn vào số liệu thì thấy quá chậm, nhưng căn cứ vào địa hình Trường Sơn phức tạp lại phải hành quân đêm, còn máy bay địch gần như làm chủ trên không, mà đến đích an toàn đó là thắng lợi ban đầu.

Xem xét về mặt kỹ thuật, chúng tôi thấy hơi lo, vì mỗi xe đã sử dụng từ 20 - 25 giờ máy nổ để đi được một quãng 185 km, về tính năng kỹ thuật thì hành trình của xe tăng lại được tính bằng số giờ máy nổ, mà máy nổ của xe tăng T54 là 400 giờ, song xét về hành trình nếu đi theo các chế độ đường loại trung bình (theo tiêu chuẩn của Liên Xô) thì xe tăng T54 có một hành trình khoảng từ 6000 km - 7000 km, do đó chúng tôi thấy yên tâm.

Ngày 28 - 12 - 1971 tiểu đoàn có lệnh hành quân tiếp đến 5 giờ ngày 2-1-

1972, đơn vị đến vị trí tạm nghỉ của cung 2, thuộc phạm vi trạm 34, binh đoàn 559 phụ trách. Do hoàn cảnh chưa có nhiên liệu bổ xung, nên phải nghỉ lại và chờ đợi, tranh thủ thời gian, cấp uỷ và chỉ huy tiểu đoàn tiến hành sơ kết các mặt qua 2 cung hành quân: sau 15 đêm hành quân, tiểu đoàn đã vượt được chặng đường 360km, trung bình mỗi xe sử dụng hết 40 - 45 giờ máy nổ, tiêu hao nhiên liệu trung bình 200 l/xe.

Trong quá trình hành quân, trú quân, máy bay Mỹ đánh phá, ngăn chặn trên đường rất ác liệt, có một lần địch ném bom trúng vào nơi trú quân, có một đồng chí trung đội trưởng bị thương, xe tăng hư hỏng nhẹ. Có 8 lần địch dùng máy bay C 130 dùng pháo 40 mm bắn vào đội hình hành quân, một chiến sĩ lái xe tăng hy sinh.

Qua những lúc khó khăn, ác liệt như vậy cán bộ chiến sĩ xe tăng đều thể hiện một ý chí quả cảm, có nhiều gương cán bộ rất tốt, xông xáo, sâu sát đơn vị để kiểm tra trong những lúc khó khăn. Mặc dầu địch đang đánh phá ác liệt vẫn dũng cảm bám vị trí, bám xe, giúp nhau cứu kéo xe ... như các đồng chí Nguyễn Nhân Triển - trung đội trưởng, Đại đội xe tăng 7, đại đội trưởng Bùi Đình Đột, đồng chí Đỗ Quang Thành kỹ thuật viên, và tiểu đoàn phó kỹ thuật...

Qua kiểm điểm tự phê bình và phê bình, hầu hết đảng viên, cán bộ đều được đánh giá cao về vai trò lãnh đạo, chỉ huy, hoàn thành tốt chức trách được phân công. Tuy nhiên mặt yếu cũng còn, nhưng mọi cán bộ, chiến sĩ đều quyết tâm khắc phục trong cung hành quân tiếp.

Chặng đường hành quân tiếp còn 250 ki-lô-mét nhưng đường khó khăn hơn, nhất là phải vượt qua nhiều đoạn trống là trọng điểm đánh phá của máy bay Mỹ. Vấn đề lớn nhất là tổ chức rút kinh nghiệm về các mặt chỉ huy, vấn đề giữ bí mật và các mặt công tác qua các lần máy bay Mỹ đánh vào nơi trú

quân và đội hình hành quân. Các biện pháp khắc phục được bàn kỹ và nêu thành các mục tiêu thi đua với khẩu hiệu: “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ hành quân, đưa toàn bộ lực lượng tới đích an toàn, đúng thời gian tập kết để chào mừng 42 năm ngày thành lập Đảng 3-2-1972”.

Tháng 1 năm 1972, tiếp tục hành quân, đến ngày 4-2-1972, Đại đội xe tăng 7, đơn vị đầu tiên của tiểu đoàn đã đến vị trí tập kết theo mệnh lệnh, sau đó 2 ngày toàn bộ tiểu đoàn đã vào vị trí tập kết theo mệnh lệnh của Bộ chỉ huy Mặt trận Tây Nguyên (E3).

Như vậy, sau 47 ngày đêm (thực sự trên đường hành quân là 21 đêm) phần đầu gian khổ, vượt qua mọi khó khăn, ác liệt, toàn bộ lực lượng Tiểu đoàn 297 đến đích đảm bảo 87% quân số (có 17 ốm đi viện, 4 bị thương, 3 hy sinh), về xe tăng cũng đến đích 84% (có 3 xe tăng bị máy bay bắn hỏng, chưa sửa chữa kịp, nên còn ở lại dọc đường). Xe ô tô đến đích 87%, xe công trình đến đích 100%. Đó là một thắng lợi lớn, qua gian khổ, ác liệt, nhiều đoàn viên ưu tú được kết nạp vào Đảng.

Tính từ lúc xuất phát đến khi tới vị trí tập kết, toàn Đảng bộ tiểu đoàn đã kết nạp được 17 đảng viên mới, bằng tổng số đảng viên mới, Đảng bộ Tiểu đoàn 297 kết nạp được trong cả năm 1970. Rõ ràng nếu lãnh đạo tốt, không những chỉ khơi dậy lòng yêu nước, tinh thần cách mạng trong quần chúng để hoàn thành nhiệm vụ, mà qua đó còn bổ xung vào hàng ngũ Đảng những con người ưu tú đã được rèn luyện thử thách.

Tiểu đoàn 297 đã được Bộ Tư lệnh Mặt trận B3 nhận xét là đơn vị hoàn thành nhiệm vụ hành quân khá nhất trong các đơn vị trong Binh chủng mà Bộ Tư lệnh tăng cường cho Mặt trận B3 năm 1972.

Ngày nay nghĩ lại cuộc hành quân đã diễn ra cách đây 30 năm, tôi nhớ lại đến một việc mà ngày đó không những cán bộ làm công tác Đảng, công tác chính trị chúng tôi quan tâm mà nhiều cán bộ chỉ huy kỹ thuật cũng chú ý đó là bài báo do đồng chí Đào Văn Xuân Phó chính uỷ Binh chủng viết, bài báo có tiêu đề: “Công tác chính trị đi sâu vào khoa học kỹ thuật của Binh chủng”(tin “Thiết Giáp” số 6/1977).

Trong bài đó đồng chí có nhắc đến tổng kết của Tổng cục Chính trị Quân đội Nhân dân: “Công tác chính trị muốn thực sự là mạch sống, là linh hồn của quân đội không thể chỉ nắm những nguyên tắc chung của chủ nghĩa Mác - Lênin, mà phải đi sâu vào các mặt hoạt động của Quân đội, thoát ly đời sống thực tế đó của Quân đội, công tác chính trị sẽ trở thành chung chung, thiếu sức sống, kém tác dụng” .

Nhĩ lại, chúng tôi thấy mình đã làm tốt, quả thật vậy, nếu các hoạt động về công tác Đảng, công tác chính trị thoát ly mọi hoạt động cụ thể của đơn vị, thì công tác mình làm còn có ý nghĩa gì ?

CHÚNG TÔI ĐI TÌM A7 TRONG CHIẾN DỊCH QUẢNG TRỊ

Đại tá Bùi Duy Hưng,

nguyên Phó Tham mưu trưởng

Binh chủng Tăng - Thiết giáp

A7 là tên mật của Trung đoàn Bộ binh cơ giới đầu tiên của Quân đội ta. Trung đoàn được thành lập từ quý II-1972, nòng cốt là Trung đoàn xe tăng 202 và được bổ sung tiểu đoàn Bộ binh của tỉnh Quảng Ninh và Nam Hà.

Trung đoàn bộ binh cơ giới có biên chế một tiểu đoàn xe tăng lội nước (K63-85) và 2 tiểu đoàn bộ binh cơ giới trang bị xe bánh xích.

Mỗi tiểu đoàn Bộ binh cơ giới có thêm một đại đội tăng K63-85, phục vụ chiến đấu của trung đoàn có 5 đại đội: trinh sát, thông tin, công binh, sửa chữa, vận tải đều được trang bị xe xích. Sau gần 3 tháng tập huấn, luyện tập kỹ thuật chiến đấu hiệp đồng, tháng 3 năm 1972, Trung đoàn bộ binh cơ giới 202 được lệnh hành quân vào Vĩnh Linh nhận nhiệm vụ “Dự bị chiến dịch”.

Chiến dịch Quảng Trị bắt đầu, sau khi ta chiếm được các vị trí vòng ngoài phía bắc Quảng Trị chuẩn bị đánh chiếm Đông Hà và tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn theo mục tiêu của chiến dịch. Trung đoàn Bộ binh cơ giới được lệnh chuyển thuộc Bộ chỉ huy cánh Bắc của chiến dịch và nhận lệnh từ Vĩnh Linh vượt Cửa Tùng tiến qua Gio Linh lên đường 1 dùng sức mạnh vượt sông và tiến qua cầu Đông Hà phối hợp với bộ binh thọc sâu đánh chiếm Đông Hà từ phía Đông.

Sau khi khắc phục các khó khăn về kỹ thuật Tiểu đoàn Bộ binh cơ giới 66 đi đầu của trung đoàn đã vượt được Cửa Tùng sáng 2-4-1972 đã tiến vào địa phận Gio Linh, trung đoàn bộ 202 đi sau đội hình Tiểu đoàn 66.

Tối 3-4-1972 Bộ chỉ huy cánh Bắc mất liên lạc với Trung đoàn Bộ binh cơ giới 202, trong khi đó Sư đoàn Bộ binh 308 được phối thuộc Tiểu đoàn xe tăng 512 chuẩn bị tiến công Đông Hà từ phía Bắc (sau trận tiến công Đông Hà lần thứ nhất) .

Ngay sau khi mất liên lạc với Trung đoàn Bộ binh cơ giới 202, bộ chỉ huy cánh Bắc lập tức cử một đoàn phái viên tác chiến sang mặt trận phía Đông

tìm liên lạc và truyền đạt mệnh lệnh khẩn trương thực hiện “thọc sâu tiến công Đông Hà” của Bộ chỉ huy chiến dịch. Đoàn phái viên tác chiến gồm: Trung tá Quế phái viên tác chiến của Bộ, tôi cán bộ tác chiến của Bộ Tư lệnh Thiết giáp và 1 thiếu tá cán bộ của Cục Bảo vệ Tổng cục Chính trị.

Chúng tôi có mang theo một đài vô tuyến điện 15W. Đoàn đi ô tô đến Lĩnh Vinh rồi theo đường hành quân của Trung đoàn Bộ binh cơ giới 202 vào Gio Linh. Trên đường đi Đoàn gặp nhiều trận pháo kích dữ dội từ các hạm tàu ngoài khơi bắn vào, những trận bom B52 và toạ độ dọc đường nhưng đều tránh được và vượt qua tất cả các đoạn đường nguy hiểm.

Khoảng 11 giờ trưa 4-4-1972 đã tìm được liên lạc với đồng chí Ngô Văn Ny (là trưởng tiểu ban tác chiến của Trung đoàn 202 (nay đồng chí Ny là Thiếu tướng đã nghỉ hưu ở Hà Nội). Sau đó gặp đồng chí Nguyễn Văn Lăng, trung đoàn trưởng tại Mai Xá Thị huyện Gio Linh. Sau khi truyền đạt nhiệm vụ, chúng tôi được biết Tiểu đoàn Bộ binh cơ giới hành quân đến Vinh Quang Thượng thì máy bay địch phát hiện oanh tạc tổn thất nặng không thể tiếp tục hành quân ngay.

Chúng tôi báo cáo ngay về Bộ chỉ huy cánh Bắc. Lúc này tình hình địch ở Đông Hà đã thay đổi không thuận lợi cho cuộc tiến công nhanh của ta. Bộ chỉ huy chiến dịch Quảng Trị đã lệnh cho trung đoàn đưa tiểu đoàn Bộ binh cơ giới 66 ra Vĩnh Linh củng cố và sau này đưa toàn Trung đoàn Bộ binh cơ giới 202 chuyển thuộc cho Bộ chỉ huy cánh Đông của chiến dịch, phối hợp với bộ binh (hoạt động ở mặt trận phía Đông chiến dịch Quảng Trị - như vậy nhiệm vụ chiến đấu của Trung đoàn bộ binh cơ giới 202 thay đổi. Phương hướng sử dụng Trung đoàn Bộ binh cơ giới có thay đổi: kết hợp với bộ binh và sử dụng số lượng ít tăng thiết giáp trong từng trận đánh trên chiến trường đồng bằng ven biển do đó Trung đoàn Bộ binh cơ giới 202 đã hoàn thành nhiệm vụ.

Sau khi tìm được A7 truyền đạt được mệnh lệnh, Đoàn phái viên tác chiến trên đường về, đồng chí trung tá Quế vấp mìn bị thương phải đưa về tuyến sau. Tôi được lệnh lên Sở chỉ huy Sư đoàn 308 cùng thiếu tá xe tăng Trần Nam giúp đồng chí trung đoàn phó Trung đoàn xe tăng 203 chỉ huy các đơn vị tăng phối thuộc cho Sư đoàn 308, còn đồng chí thiếu tá Cục Bảo vệ và bộ phận đài 15W trở về Sở chỉ huy cánh Bắc.

Từ sự kiện nổi được liên lạc với A7 trên rất trận phía Đông chiến dịch, điều hết sức quan trọng là “Bộ chỉ huy chiến dịch đã kịp thời rút kinh nghiệm tìm ra cách đánh thích hợp cho A7 trong điều kiện: trình độ tổ chức chỉ huy của cán bộ còn hạn chế, máy bay địch hoạt động rất mạnh, còn lực lượng phòng không của ta chưa đủ mạnh yểm trợ đặc lực cho một đơn vị cơ giới lớn bước vào chiến đấu:

Mặt khác điều kiện địa hình phức tạp của nước ta, đường sá lại kém phát triển, việc sử dụng lượng tăng thiết giáp trong từng trận đánh cũng có quy mô thích hợp mới phát huy được hiệu quả của trang bị kỹ thuật

QUÂN GIẢI PHÓNG CHỈ BIẾT ĐÁNH KHÔNG BIẾT HÀNG Xuân
Lâm

Hôm nay nhân dịp về Hà Nội, tôi ghé vào nhà thăm thủ trưởng cũ: Đại tá Đào Văn Xuân, may sao lại gặp cả anh Cao Sinh Học. Bác Xuân tuy tuổi đã cao mà vẫn còn tinh tường, ngồi tiếp cơm chúng tôi. Chính uỷ cũ hỏi anh Cao Sinh Học về trận chiến đấu cũ của anh cách đây gần 40 năm. Tôi xin kể lại câu chuyện của những người lính xe tăng chúng tôi trong buổi gặp mặt, anh Học kể:

Quê tôi ở thôn Khui Đùm, xã Huyền Tung, thị xã Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn. Năm 1957 tôi mới 17 tuổi đã năn nỉ mãi mới được đi bộ đội. Lúc đầu tôi ở Tiểu đoàn 4, Lữ đoàn 374, thuộc đoàn pháo binh Đông Khê. May mắn làm sao, vào năm 1960, tôi được lựa chọn về Trung đoàn xe tăng 202. Tôi ở Đại đội 1, Tiểu đoàn 1, ngày đó Trung đoàn ở Km6 đường Vĩnh Yên đi Tam Đảo. Đến năm 1961 tôi được bổ nhiệm giữ chức vụ Trưởng xe chỉ huy 1 xe tăng).

Trong 4 năm làm lính xe tăng, các môn học về kỹ thuật, về bắn đại bác, tôi đều đạt khá, giỏi. Thật là không may, vào năm 1964, khi tôi được tin Trung đoàn lựa chọn 50 đồng chí ưu tú nhất, để vào chiến trường miền Nam chiến đấu, thì tôi lại đủ hạn 5 năm phục vụ quân đội, nên được phục viên... Là người con của núi rừng Việt Bắc, tôi nhất định không bỏ lỡ dịp và nhất định phải lên đường đi đánh giặc, thế là tôi làm đơn xin không phục viên mà tình nguyện vào Nam chiến đấu.

Thủ trưởng Trung đoàn gặp tôi nói “Đồng chí là người dân tộc, hiện nay Đảng và Quân đội chưa yêu cầu đến đồng chí, khi nào Tổ quốc cần sẽ gọi sau”. Tôi nhất định không chịu về, lại tiếp tục đưa đơn tình nguyện vào Nam chiến đấu cho Thủ tướng Trung đoàn Trung tá Đào Huy Vũ, và chính trị viên tiểu đoàn Lê Đức Ôn. Ôi thật sung sướng, ngày hôm sau tôi được báo tin: Đảng uỷ và Thủ tướng Trung đoàn đã chấp thuận cho tôi ở lại đơn vị và luyện tập lên đường chiến đấu. Ngày nay, kể lại, tôi vẫn còn cảm giác sự xúc động ngày đó.

Những ngày luyện tập ở đất Thọ Xuân, Thanh Hoá, chúng tôi đã được các cấp trên: Thiếu tướng Tô Ký, Đại tướng Nguyễn Chí Thanh đến căn dặn. Tháng 7-1964, chúng tôi lên đường, đến tháng 11-1964 chúng tôi đã đến nơi tập kết, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh; miền Đông Nam Bộ. Bộ phận chúng tôi được anh Mai Văn Phúc và Lâm Kim Chung lớp cán bộ xe tăng Trung đoàn 202, đã vào đợt trước ra đón.

Từ tháng 12-1964 trở đi chúng tôi đi nghiên cứu các bãi xe tăng, xe thiết giáp của Mỹ - nguy, để đánh lấy xe tăng địch, tổ chức thành lực lượng Tăng - Thiết giáp ở chiến trường, vì ngày đó xe tăng ở miền Bắc chưa có điều kiện vào chiến trường miền Nam. ..

Cuối năm 1964, đầu 1965, chúng tôi xuống xã An Nhơn Đông, An Nhơn Tây, được nhân dân ở Hồ Eo che giấu, chúng tôi đi nghiên cứu tình hình ở trường sĩ quan Thiết giáp nguy ở Thủ Đức, ngoại thành Sài Gòn. Đến 16 rạng 17 tháng 1 năm 1966 đội chúng tôi do anh Văn Lương Thành và Trần Nhật Chiêu chỉ huy. Tôi là mũi trưởng gồm các đồng chí Nguyễn Xuân Tình (đồng chí Tình sau này được phong Anh hùng lực lượng Vũ trang), Nguyễn Văn Chính, Lê Thiện, Huỳnh Long, nhiệm vụ đánh thẳng vào cổng, rồi nhanh chóng xông vào bãi để xe tăng - thiết giáp nguy.

Toàn bộ trận đánh do Thiếu tá Phạm Thiệp là chỉ huy trưởng, Anh hùng Tư Tăng biệt động Sài Gòn chỉ huy phó .

Đúng 1 giờ ngày 18-1- 1966 ta nổ súng. Tôi nhảy lên kẹp cổ tên gác cổng và tiêu diệt, đập vỡ bóng đèn chiếu sáng ở cổng, chúng tôi xông thẳng vào bãi xe.

Cảnh tượng lúc đấy thật khó tả cho đầy đủ. Súng của ta, của địch nổ rung trời, các loại xe tăng, xe thiết giáp của địch, ùn ùn ra cản xung phong. Anh em chúng tôi dùng thủ pháo, lựu đạn diệt xe tăng của địch. Mũi của tôi chỉ có một khẩu B40 (súng bắn xe tăng cầm tay) nhưng chỉ có 4 viên đạn, đã bắn hết và diệt được 4 xe tăng. Riêng tôi dùng thủ pháo diệt được 3 xe tăng thiết giáp M113 và lính bộ binh ngồi trên xe ...

Lực lượng đặc công chúng tôi ít quân, địch ùn ùn ra phản kích, tôi vừa bắn những tên địch ngồi trên xe M113 để nhử chúng về phía mình và lệnh cho anh em trong mũi của tôi rút lui. Cổng chính đã bị chúng dùng xe tăng bịt kín. Tôi cùng anh em vượt rào, nhưng đúng lúc này tôi bị thương nặng không thể đi được nữa, tôi cúi người để anh em lấy đà vượt rào, tôi bảo anh em để lựu đạn, thủ pháo lại cho tôi để tôi cản địch.

Anh em rất xúc động, hơi chần chừ song tôi là chỉ huy mũi, nên không thể chần chừ, tôi nhắc anh em rút nhanh, kéo hy sinh hết ... Anh em đã vượt rào ra thoát, tôi thấy lòng mình thanh thản, tay cầm lựu đạn chờ giặc tới... Bọn lính địch có chó béc-giê đi theo, tôi đợi chúng đến gần ném lựu đạn vào chỗ đông nhất. Bọn sống sót không dám lung sục tiếp, còn tôi không còn đủ sức để thoát ra ngoài hàng rào nữa.

Sáng hẳn chúng đưa xe tăng và xe M113 ra, cả chó béc-giê nữa, lúc này tôi đã kiệt sức, lại mất máu nhiều nên đã ngất, khi chó béc-giê cắn vào cổ chân tôi mới tỉnh... Chúng dí súng vào đầu tôi quát : Đầu hàng đi. Tôi hét thật to: “Quân giải phóng chỉ biết đánh, không biết hàng”. Máy thẳng Mỹ, mặt đỏ gay như gà chọi ra hiệu cho lính nguy buộc dây vào cổ chân tôi rồi lôi ra khỏi hàng rào, chúng nhón nhác lùi xa vì sợ tôi cho nổ lựu đạn ...

Sau khi kéo tôi ra khỏi hàng rào, chúng bắt đầu thi nhau đâm, đá, rồi lấy báng súng đập vào tôi và hỏi “Chúng mày rút đường nào?”. Tôi rất đau, môi, mặt dù sưng nhưng vẫn cố định đặc nói to “Đường rút quân tao không biết, nếu biết tao không còn năn ở đây. Sau này, khi ra tù, tôi mới biết sau trận đánh đó Đảng uỷ Bộ Tư lệnh xe tăng miền Đông Nam Bộ đã kết nạp tôi vào Đảng và truy tặng tôi Huân chương Chiến công Giải phóng hạng Ba, các đồng chí tướng tôi đã hy sinh rồi nên đã báo tử về địa phương.

Anh Học kể đến đây, thấy bác Xuân buồn đũa, mắt nhìn ra cửa sổ. Tưởng

thủ trưởng cũ đã mệt, vì đã vào tuổi 75 rồi, nên Học im lặng không nói. Không ngờ bác Xuân quay lại nhìn Học mỉm cười nhẹ nhàng hỏi sao Học lại không kể tiếp ? Học nói: Tôi tưởng thủ trưởng cao tuổi rồi, mệt nên tôi ngừng kể.

- Không mệt đâu, tôi đang suy nghĩ về những con người Việt Nam anh dũng của chúng ta, trong thời đại Hồ Chí Minh.

Cầm đũa gấp thức ăn cho tôi và anh Học, bác Xuân nói: Học ạ, gần đây Hạ nghị viện Mỹ thông qua đạo luật nói về nhân quyền ở Việt Nam, vậy Học hãy kể nốt những “cái nhân quyền” của đế quốc Mỹ nó đã cho anh em hưởng trong nhà tù ra sao.

Học kể tiếp: Nhiều người từng bị tù đầy trong nhà tù của Mỹ - ngay đều nói rằng: “Đó là cái địa ngục ở trần gian” thật là đúng thế đó. Sau khi đánh đập chán, ngay sáng 18-1-1966 chúng còng chân, còng tay, bịt mắt quăng tôi lên xe Ô tô chở vào Sài Gòn. Ở đây chúng lại đánh tiếp, có một thằng cục cằn nói: “Tao là đại tá Phạm Ngọc Liên - Tổng trưởng Nha Cảnh sát đây. Mày phải nói thật nếu không mày sẽ chết” .

Nó hỏi: Chúng mày đánh vào trường võ bị Thủ Đức để làm gì ?

Tôi trả lời: Để đánh Mỹ và bè lũ tay sai ác ôn. Thế là chúng thi nhau đánh tôi, còn cái thằng tự xưng là Đại tá ấy, dùng giày đá vào đầu vào mặt tôi. Tôi ngất đi, chúng lấy nước lạnh đổ vào mặt cho tỉnh lại rồi đánh tiếp, từ đó tôi đau quá không thể nói được, chúng vừa đánh vừa hỏi, tôi chỉ lắc đầu. Tôi mê man, nhưng vẫn nghe loáng thoáng tiếng chúng nói: “Đù mẹ bọn Việt cộng dám đánh vào trường xe Tăng - Thiết giáp Thủ Đức, nơi các ngài cố vấn nói

là bất khả xâm phạm. Chúng mày dám đụng vào, thì chúng mày phải chết”.

Sau khi ở Tổng nha Cảnh sát, chúng không khai thác được gì, chúng lại khênh tôi lên xe chở về nơi thẩm vấn hỗn hợp Việt - Mỹ, thuộc Bộ Tổng tham mưu, quân lực nguy. Ôi, ở đây đủ loại hiện đại và sáng tạo của Hoa Kỳ, nào là treo người lên xà nhà rồi đánh - chúng gọi là cho đi tàu bay; trói chân tay tôi rồi chìm vào bể nước cho ngạt thở - chúng gọi là cho đi tàu ngầm, dí cực điện vào người, lấy dùi sắt nhọn đâm, rồi trói chân tay nhét vào thùng phuy đem phơi nắng...

Có những lần chúng bắt anh em tù binh hô: “Đả đảo Hồ Chí Minh”, anh em ta không hô, còn tôi lại hô to “Hồ Chí Minh muôn năm”, thế là mưa gậy lại rơi vào tôi, lúc này tôi không phải là hát, mà là hét thật to “Bao chiến sĩ anh hùng, lạnh lùng...” Chúng nhìn tôi rồi lắc đầu nói: mày thật đáng mặt anh hùng, thì cho mày chết luôn... Tôi không sợ gì hết, vì tôi quyết dù sống hay chết cho xứng đáng với người con của quê hương tôi, căn cứ địa cách mạng Việt Bắc.

Chúng giam tôi ở nơi này độ khoảng 10 ngày thấy vết thương của tôi hôi hám quá, chúng cho tôi vào Tổng y viện của chúng để mổ lấy đạn ra... Lúc tôi tỉnh dậy thấy một người mặc áo trắng nói: “Tôi là bác sĩ Quảng, anh đừng sợ, bọn chúng bảo tôi anh cứng đầu lắm, cẩn thận kéo nó vượt ngục”, rồi ông nói nhỏ: “Cái gì nó đã biết thì mình ừ, còn cái gì nó không biết thì đừng nói luyên thuyên, nó sẽ đánh liên tục đấy”.

Tôi không nói gì, trong bụng thầm cảm ơn ông. Ở bệnh viện được 18 ngày, chúng lại quăng tôi vào nhà lao Lê Văn Duyệt. Bọn cai ngục ở đây bắt anh em tù binh tra tấn lẫn nhau. Ai không thi hành thì chúng tra tấn đến chết đi sống lại. Một hôm, nó bắt tôi phải đánh một đồng chí Quân giải phóng mới bị bắt tên là Đễ, tôi không đánh, nó hỏi tôi: Tại sao mày không đánh ? Trả lời:

Tôi không đánh đồng chí mình.

Thế là tôi lại chịu đựng đủ mọi loại đòn thù. Đến tháng 6-1966, chúng chuyển tôi đến nhà lao Biên Hoà, tôi bị chúng nhốt vào nơi biệt giam. Nhiều bạn tù đã chứng kiến cảnh chúng tra tấn tôi và dùng khí của tôi trước quân thù, nên đã báo cáo với Đảng uỷ Đảng bộ Cộng sản bí mật trong nhà lao.

Đến tháng 11 năm 1966, bọn Mỹ đã bốc toàn bộ anh em tù binh ở Biên Hòa ra giam tại nhà lao trên đảo Phú Quốc. Tại Phú Quốc tôi đã được tổ chức Đảng ở đây giao nhiệm vụ: Trưởng ban bảo vệ của Đảng uỷ nhà lao và phụ trách khối thanh niên. Chúng tôi đã phát động phong trào không đi làm hàng rào cho địch, không đi đào công sự cho địch không làm các dịch vụ cho binh lính nguy. Địch đàn áp dã man, chúng tôi vận động tù binh tuyệt thực để phản đối. Chúng lại lôi tôi ra để tra tấn, thẳng cai ngục tên là Thạch đá tôi, tôi hất chân giật nó ngã, thế là chúng lại ủa vào tra tấn rồi nhốt tôi vào chuồng cọp, ôi “những cái địa ngục ở trần gian”.

Đến ngày 18 tháng 2 năm 1973, chúng phải trao trả tôi tại bờ sông Thạch Hãn, tỉnh Quảng Trị. Thế là sau 7 năm (1966 - 1973) sống trong các địa ngục ở trần gian tôi lại được trở về với Đảng, với nhân dân. Sau khi an dưỡng, do bị tù đầy, sức khoẻ giảm sút, tôi được chuyển ngành về Sở Giao thông Vận tải tỉnh Bắc Thái (01 - 9 - 1974) , đến năm 1983, tôi được nghỉ hưu. Tôi trở về quê hương - tỉnh Bắc Kạn, nơi tôi đã sinh ra, lớn lên và từ đây tôi ra đi nhập ngũ.

Thủ trưởng cũ của chúng tôi hỏi: Thế tình hình hiện nay của chiến sĩ đặc công cơ giới dũng cảm ra sao ? Học rất quý thủ trưởng nên chuyển xưng hô sang anh và em - Thưa anh, gia đình em hiện nay kinh tế cũng ổn, các con em ăn học và trưởng thành. Vợ em là lao động chính trong gia đình và tham gia công tác phụ nữ ở xã. Còn em sinh hoạt chi bộ Đảng ở địa phương, tham gia

công tác của Hội Cựu chiến binh và Tổ trưởng dân phố.

Tiền chúng tôi ra về, Chính uỷ cũ bắt chặt tay Học nói: “Học ơi ? Học rất xứng đáng với danh hiệu cao quý - Anh bộ đội Cụ Hồ”

KHOA MỤC BỊ BỎ QUÊN Nguyễn Thế Tường,

nguyên chiến sĩ lái xe tăng cấp I,

Lữ đoàn 202.

Đúng vào ngày hôm đó Nguyên đã vắng mặt. Vì lý do gì ? Nhiều năm trôi qua rồi, bây giờ hồi tưởng lại tôi không còn nhớ nữa. Chỉ chắc chắn rằng anh đã không lên lớp trong tiết học định mệnh ấy. Các bạn đừng vội phản đối, cho cái từ “định mệnh” tôi vừa dùng là ngoa ngữ. Đúng vậy đấy, với Nguyên, sự vắng mặt hôm ấy đã trả một giá cay đắng.

Lớp học lái xe tăng của chúng tôi đã vào giai đoạn cuối. Mới ngày nào nhập trường còn ngỡ ngàng trước những khối thép xám xịt, nặng trĩu, mà bây giờ mỗi chàng đều đã có thể làm chủ cái xe tăng 36 tấn của mình. Hứng chí có lúc làm Făngtêsi vài đường cua hành tinh điệu nghệ. Thẳng hoạc qua vùng làng xóm thấp thoáng vài cô thôn nữ, bọn chúng tôi đã chủ động thả tay khỏi cần lái, nâng ghế lên cao thò đầu lên trên cửa xe vẫy chào các em. Trong các khoa mục cuối cùng có tính bổ túc trước khi bước vào thi đạt cấp I có một ngày dành cho kỹ thuật chống phản chuyển hướng.

Cho phép tôi dừng một chút quanh thuật ngữ nặng tính chuyên môn này. Như các bạn đã biết, xe tăng thiết giáp hay các loại xe chạy bằng xích nói chung không điều khiển bằng vô lăng mà là bằng cần lái. Hai tay cầm phần đầu cần

kéo co vào theo ba nấc: phân ly, hành tinh và nấc kéo hãm. Tùy từng nấc kéo mà chiếc xe cua vòng rộng, vòng hẹp hoặc xoay tròn tại chỗ, kéo cần bên trái, bên phải theo yêu cầu chuyển hướng. Tất nhiên khi kéo cần lái còn phải kết hợp cả chân ga. Chuyển hướng thì như vậy. Còn phản chuyển hướng? Nói một cách đơn giản như chính ý nghĩa của cụm từ trên đây đã tự nói là khi muốn chuyển hướng sang phải thì xe lại đột ngột ngoặt sang trái ngược lại hẳn ý muốn của mình. Vì sao vậy ?

- Điều cần nhất của người lái xe là đừng bao giờ để mất thói quen: Tay kéo cần lái thì chân ga phải dận xuống...

Giọng đồng chí trung uý giảng viên ngân nga như hát. “Bản nhạc” nghe có vẻ du dương nhưng là những nốt nhạc hát bên bờ vực thẳm. Hăng cứ sai một ly mà xem. Cứ gọi là trả giá ngay.

- Nếu một đồng chí nào vô tình làm ngược lại. Nghĩa là tay kéo cần lái chuyển hướng mà nói lỏng chân ga thì ...

Gót chân A Sin ở chỗ đó.

Tôi nhìn sang không thấy Nguyên, lòng cứ thắc mắc không biết cái thằng này biến đi đâu. Một tiết học thật không nên vắng mặt. Và không phải chỉ tiết học ấy, cả một ngày hôm đó chúng tôi cùng với trợ giáo quần thảo suốt ở bãi lái. Tất cả các chiến sỹ đều làm thử vài lần theo cách thao tác sai “quy lát” cho xe phản chuyển hướng, để rồi tập thành phản xạ gần như vô điều kiện, để mãi mãi không vấp cái lỗi trên nữa.

Và những chú chim ra ràng - Những chàng lính lái xe tăng cấp I.

Nhưng, Nguyên đã vắng mặt cả ngày hôm đó mà vô tình cán bộ chỉ huy đã không để ý. Anh đi đâu làm gì, thì mãi đến hôm nay gần ba mươi năm trôi qua, một ngày tháng sáu oi ả ngồi viết những dòng này tôi cũng quên, không kịp hỏi Nguyên. Gần một phần ba thế kỷ, bão lũ, phong ba, vinh quang, cay đắng đã lùa qua đầu anh, đầu tôi. Đã mấy mươi lớp lá thu vàng rửa nát trên phần mộ của bạn bè chiến hữu xe tăng chúng tôi.

Chúng tôi lên đường đi chiến đấu. Đoàn xe tăng gầm lên, cài số, tăng ga hùng dũng xuất phát, cuộn cuộn tung lên một “con rồng bụi đỏ”. Con rồng đỏ sẽ kéo ra tận ga tàu hỏa là nơi chúng tôi có dịp biểu diễn khoa mục lái xe tăng lên tàu. Thế nhưng chúng tôi đã không đến được ga tàu thông suốt. Những chiếc tăng đi đầu đột ngột dừng lại. Tôi cũng được lệnh dừng xe tắt máy.

Các bạn thử hình dung xem, hàng mấy chục chiếc tăng T54, máy Diefen 500 mã lực đang gầm thét bỗng tắt máy lặng phắc. Cùng với lớp bụi dày đỏ quạch đang dần tan đi là những tiếng kêu thất thanh, khản đặc. Một viên chỉ huy bế xốc một cái xác mềm nhũn dẫm tháu chạy rất vội về phía làng. Một người lính lúi từ dấn bụi ra một cái xe đạp bẹp dúm. Bên thành xe, Nguyên đứng chết trân, gương mặt trắng bệch như hoá thạch. Nguyên ! Trời ơi ! chiếc xe của Nguyên đã gây tai nạn.

Cả đoàn tăng còn chưa qua hết một đường cua nghiêng. Đường cua vừa tầm một kéo hành tinh. Thông thường, khi gặp những đoạn cua nghiêng với góc chừng 45 độ, các tay lái thành thạo thường kéo nấc hành tinh, tăng mạnh ga cùng với việc hơi ấn bàn đạp hãm. Xe tăng sẽ lượn một đường cong rất mềm, rất điệu. Lần lượt những chiếc tăng lướt qua vòng cua. Đến lượt xe Nguyên tiến lên, chân ga gầm rú đang ở mức cao nhất. Phía trái đường xuất hiện một người phụ nữ dắt xe đạp. Lẽ ra Nguyên phải lập tức giảm ga rồi mới kéo cần

lái chuyển hướng cùng với việc tăng ga trở lại...

Cái chết của nạn nhân thì đã rõ. Nhưng, yêu cầu quân sự ! Mệnh lệnh hành quân ? Những khái niệm này bây giờ đây vào những năm cuối thế kỷ tuy vẫn còn ý nghĩa nhưng sức mạnh thực tiễn chỉ bằng vài phần trăm thời chiến tranh chống Mỹ. Có cảm giác như chỉ cần có mệnh lệnh hành quân ra chiến trường thì... dù nước thủy triều đang xuống cũng phải làm sao cho nó dâng lên để phục vụ yêu cầu quân sự. Người ta gọi công an, xã đội trưởng đến. Biên bản được lập ngay. Mọi hậu quả tai hại trên đây được để lại hậu phương giải quyết. Đoàn quân tiếp tục lên đường. Đó là vào mùa hè năm 1972. Chiến dịch đang kỳ khói lửa. “Cối xay thịt” Quảng Trị đang quay. Quân ta chiến đấu trong thành cổ hết sức dũng cảm và cũng thiệt hại rất lớn. Chiến trường đang rất cần lực lượng đột kích và hỏa lực của chúng tôi.

Hai năm trôi qua. Đơn vị chúng tôi chiến đấu chừng dăm trận. Thắng nhiều, thua cũng có. Đặc biệt nhất là cuộc đọ tăng ở bãi cát Cửa Việt rạng sáng ngày 28-1- 1973 đã để lại một trang vàng trong truyền thống Binh chủng. Có một bài báo hơi bốc đồng đã ví trận này với cuộc đấu tăng khổng lồ trên vòng cung Cuốcxơ trong đại chiến thế giới lần thứ hai.

Nguyên vẫn âm thầm thực thi nhiệm vụ của người lái xe. Trong vài ba trận sát cánh cùng anh, trong tôi hẳn lên một cảm giác mơ hồ, tuồng như có lúc Nguyên cố ý mạo hiểm, bất cẩn thái quá. Cuộc sống ở chiến trường không cho phép chúng tôi tự hỏi và cũng không hình dung được những gì đang chờ ở hậu phương nếu anh sống sót quay về. Tất nhiên ý nghĩ trên đây chỉ là cảm giác thôi. Còn thì suốt cả chiến dịch Nguyên là một lái xe mẫu mực. Cái phần thiếu hụt tí ti trong khoa mục chống phản chuyển hướng ngay sau đó chúng tôi chỉ kèm anh vài mươi phút là xong.

Trước khi rút quân ra Bắc củng cố, bổ sung, tất tậ chúng tôi đều được tặng

bằng khen. Có người được thưởng huân chương chiến công. Nơi chúng tôi đóng quân lại cũng cố là vùng bán sơn địa thuộc xã Xuân Nguyên, huyện Tĩnh Gia (Thanh Hoá). Lại những bài bản cũ: ban ngày thao diễn chiến thuật, bảo dưỡng xe, học chính trị, ăn theo chế độ an dưỡng, chơi thể thao và sinh hoạt văn hoá văn nghệ... Chờ một chiến dịch mới.

Cái vụ tai nạn hai năm trước chắc hẳn Nguyên còn nhớ rõ và đang hồi hộp chờ một hình thức xử lý nặng nề, nhưng chúng tôi đã quên bém, cho vào kho ký ức. Tôi và Nguyên ở cùng trong đội bóng chuyền đại đội, từng giật giải trong hội thao lữ đoàn. Trong đội, tôi là cây nê chuẩn. Nguyên có cú đập trái chiêu rất ăn điểm. Tính anh giản dị và hay nhường nhịn. Nhiều lần tôi nê bóng đẹp nhưng anh đập hỏng. Tôi cầu nhàu văng tục, anh đều xoa dịu: Thôi, thôi lành lại quả khác.

Một buổi chiều như bao chiều khác, ở bóng chuyền đại đội. Một anh hùng Tiểu đoàn 66 anh hùng, thuộc Lữ đoàn xe tăng 202 (cũng gần anh hùng) đang thi đấu với đội bóng Đại đội 3. Chiều hôm trước một cột lưới bị gãy. Đại đội trưởng đặc cách cho đánh một chiếc T54 ra sân bóng, giương nòng 100 mm lên buộc lưới vào đấy. Trọng tài ngồi luôn trên tháp pháo thối còi. Chiến sĩ hai đại đội hò hét cổ vũ rất hăng. Và cũng như mọi bận, bóng qua lưới cậu Khanh pháo thủ bắt chuyền một, tôi nê bóng và Nguyên nhún người bay lên.

Có tiếng động cơ rất lạ từ phía cổng doanh trại. Ở các đơn vị xe tăng thiết giáp động cơ Dieder dù gầm thét đến mấy vẫn không làm ai để ý. Vậy mà, chỉ một tiếng động cơ máy xăng rất khẽ đã hút bao nhiêu cặp mắt về phía cổng. Một chiếc com-măng-ca mui trần cắm cờ đuôi nheo tiến vào sân. Trên xe, ở hàng ghế đầu, ngoài người lái xe còn có một sĩ quan quân hàm sáng choang tay áo đeo băng đỏ Ghế sau là hai chiến sĩ vệ binh dựng súng cầm lưới lê sáng quắc. Trong một loáng, ký ức ù loà của chúng tôi không phán đoán nổi điều gì sẽ diễn ra. Xe chạy về phía nhà xe bộ rồi từ đó họ cùng đại đội trưởng tiến về phía sân bóng. Chúng tôi dừng cả lại, lặng yên nghiêm trang như sắp ra trận. Một điều gì đó rất nghiêm trọng sắp xảy ra. Người sĩ

quan tiên lên đồng dặc hỏi:

- Ai là binh nhất Bùi Nguyên ? .

Nguyên lăn quả bóng ra rìa sân, mặt hơi tái đi nhưng giọng vẫn rõ:

Tôi Nguyên đây, thượng sĩ ...

- Được, chúng tôi có lệnh bắt Bùi Nguyên, chiến sĩ lái xe tăng đại đội. Lúc phạm tội anh là binh nhất - Bỗng người sĩ quan giật giọng :Vệ binh ?

- Có - hai tiếng đáp đều.

Hai chiến sĩ vệ binh giương lê tiến lên phía Nguyên.

Có cậu nào đó từ trong hàng quân của chúng tôi:

- Làm chó gì mà ghê thế.

- Xuyt, quân lệnh như sơn.

Nguyên đứng đó, quần đùi, áo may ô, gương mặt còn đầm mồ hôi, dáng vẻ vô cùng buồn nản. Hai chiến sĩ cảnh vệ áp sát anh, còn người sĩ quan giở ra một cái còng sắt hình số 8. Bỗng từ hàng quân chúng tôi rền lên một luồng âm thanh gì như tiếng thở gấp, tiếng rên, tiếng nấc và giữa mớ hỗn tạp ấy vang lên chói tai một tiếng thét rợn như xé vải:

- Khoan... .Rồi người ta thấy từ cửa pháo thủ trên tháp pháo cái xe tăng giữa sân, Khanh đu người ra khỏi khoang cửa: Lại một cú nhảy nhẹ như mèo rơi xuống đất, tay trái anh cầm khẩu AK báng xếp, tay phải kéo cơ bãm đánh xoạc: .

- Thăng nào léng phéng tao bắn bỏ mẹ, thăng Nguyên tội gì ?

Mặt Khanh đỏ nọc. Người sĩ quan dừng ngay lại. Không khí căng thẳng như dây đàn. Coi chừng đứt nẫu đến nơi. Nhiều anh em trong chúng tôi đều là lính chiến trường về, máu công thần không ít. Thăng Khanh lại nổi tiếng cục tính. Ngón tay nó đặt trên vòng cò run bần bật. Hắn lại nói, giọng đầy tử khí:

- Thăng vợ vãn nào dám đến đây bắt nạt lính Đại đội Một ?

Nói rồi, hắn chĩa súng bước lên một bước. Bất giác, chúng tôi cũng nhất loạt bước lên một bước. Hai cậu vệ binh lùi lại. Đúng lúc đó trung úy đại đội trưởng Lê Tám bước ra. Anh nhẹ tay đẩy nòng súng của Khanh hướng ra phía đồi, giọng nhỏ nhẹ:

- Đưa súng đây, đưa đây cho anh.

Bình thường, trung úy Lê Tám cũng nổi tiếng mạnh mẽ, hơi có phần nóng nảy. Vậy mà chiều hôm ấy không hiểu sao anh lại tỏ ra rất dằm tính. Nhẹ nhàng nhưng dứt khoát, trung úy tháo khẩu AK khỏi tay thằng Khanh, mở băng đạn bỏ túi, kéo khoá nòng cho viên đạn còn lại trong súng văng ra, hướng nòng lên trời bóp cò cho kim hoả kêu, khoá an toàn lại nhẹ nhàng khoá vào vai. Đoán anh quay ra hơi cao giọng:

- Các đồng chí chiến sĩ đại đội Một, đại đội Ba! Các bạn thân yêu của tôi.

Thốt nhiên Tám dừng lại, mặt cúi xuống. Anh đứng im như thế rất lâu. Tất cả lặng đi. Nghe rõ cả tiếng xào xạc của gió nam chiều trên lá bạch đàn. Một ai đó thở dài, rồi có tiếng sụt sịt.

- Có thể có vài chiến sĩ mới bổ sung gần đây thì không biết. Trong chúng ta nhiều người còn nhớ cách đây hai năm khi mới xuất phát đi chiến dịch, đồng chí Nguyên đã vi phạm Luật Giao thông, gây tai nạn chết người. Gia đình nạn nhân đã không tha thứ gửi nhiều đơn lên Cục Quân pháp.

- Trời ơi, gửi đơn làm gì - Có nhiều tiếng thở hắt ra và giọng ai đó thê thọt.

Đại đội trưởng quay sang người sĩ quan: ~

- Tôi xin giới thiệu với các đồng chí, đây là đồng chí sĩ quan Quân pháp Bộ Tư lệnh có nhiệm vụ dẫn giải phạm nhân về nhà tạm giam chờ toà. Hai từ “xét xử” cuối cùng Tám phát âm nhòa đi Trấn tĩnh một lúc anh nói tiếp:

- Các em nghe anh, dán ra để các đồng chí ấy làm nhiệm vụ. Chúng ta là một đội quân cách mạng có kỷ luật.

Thông thường, cái giọng lên lớp bất ngờ này của Tám rất dễ bị vài câu vặc lại của đám cựu binh, nhưng lúc này tất cả chúng tôi đều im lặng dán ra, dán ra .

Nói vậy thôi chứ Nguyên rồi cũng được dành khoảng một giờ để tắm rửa, chuẩn bị quân trang, ôm hôn chúng tôi. Rồi thì, khi chiếc xe com-măng-ca mui trần nổ máy phóng như bay trên con đường bụi đỏ quen thuộc, chúng tôi vẫn đứng nghiêm nhìn theo tấm lưng áo quân phục của Nguyên chập chờn giữa hai mũi lê vệ binh chấp chới trong nắng chiều.

Vẫn không ai tin rằng Nguyên sẽ đi tù. Mọi người cứ nghĩ rằng một ngày kia, ngày kia, khi đang chơi thể thao hay đang thao diễn chiến thuật sẽ thấy Nguyên trở về, mặt mày tươi tỉnh, giọng vẫn nhỏ nhẹ :

- Họ nhầm, họ xin lỗi.

Rồi thì anh khẽ khàng cởi áo đứng vào sân đúng lúc Khanh đón quả bóng, chuyền sang, tôi nêu bóng dựng đứng cách lưới hai gang và tấm thân cao gầy của Nguyên bật lên.

Các bạn ơi! Khi người ta viết kỷ niệm sâu sắc trong đời bộ đội thường lục tìm những dòng ký ức vui thăm thiết, anh hùng. Còn tôi, dòng kỷ niệm của tôi có lẽ cũng sâu đấy nhưng buồn lắm phải không ? Nhưng nếu có buồn thật thì vẫn cứ phải bộc lộ ra. Vết thương dù hiểm nghèo đến đâu nếu không chết thì cũng có ngày liền sẹo. Phải kể lại thật tỷ mỉ trường hợp bị thương để cho

mình, cho đồng đội biết tránh đỡ tổn thất đáng trong mọi lúc mọi nơi giành được thắng lợi mà giảm thiểu thiệt hại.

Như trường hợp bạn tôi. Nếu như ngày hôm ấy anh không vắng mặt trong khoa mục chống phản chuyển hướng ? . Nhưng câu chuyện này cũng không hẳn buồn đâu rằng cái giá phải trả với Nguyên cũng không rẻ. Anh đã im lặng nhẫn nhục thi hành án tù giam mãn hạn, về quê anh ôn thi vào học một trường chuyên nghiệp. Ra trường, đi làm , lấy vợ sinh được hai thằng “Tăng con”, sống cuộc sống bình thường như bao người đàn ông khác. Kể ra như vậy cũng đã là hạnh phúc.

Bây giờ tháng tháng 6 năm 1999, chỉ còn ba tháng nữa là Bình chủng Tăng - Thiết giáp kỷ niệm 40 năm thành lập. Trong ba tháng tới tôi sẽ liên lạc với anh, rủ anh và số bạn bè chiến. hữu cũ ở lớp lái xe I khoá 2 và ở Đại đội Một anh hùng năm xưa tăng về Bộ Tư lệnh Thiết giáp một ngày, uống với cùng với nhau một trận rồi cùng nắm tay nhau mà hát,

Rằng: Năm anh em trên một chiếc xe tăng

Rằng: Một người đau ta tất cả quên ăn.

NĂM THÁNG TRƯỜNG SƠN

Đại tá Trương Quang Sinh,

nguyên Phó Trưởng ban Tổ chức,

Cục Chính trị, Bộ Tư lệnh Tăng - Thiết giáp.

Tôi vào chiến trường và ở Trường Sơn, từ cuối năm 1968 đến cuối năm 1970, nhận nhiệm vụ Chính trị viên một đơn vị xe tăng. Hai năm mai phục tại đây, để góp phần cho trận đánh thắng trên đường 9 - Nam Lào năm 1971, Tiểu đoàn xe tăng của chính trị viên Lê Cối đã xông lên điểm cao 543 bắt sống tên đại tá Lữ trưởng dù 3 Nguyễn Văn Thọ cùng toàn bộ Ban Tham mưu.

Hai năm ấy, tôi đã cùng đồng chí, đồng đội lăn lộn với bom đạn “toạ độ”, B52... cùng với chỉ huy trưởng tổ chức đơn vị đương đầu hàng chục lần với địch xăm xé trận địa. Bất kỳ đêm ngày, địch đánh phá vào đâu là lập tức cây rừng được vá kín đến đó, công sự, xe pháo được củng cố, khôi phục sẵn sàng chiến đấu ngay.

Có nhiều đêm trắng trời, nhiều ngày rực lửa, lính xe tăng đã đổ mồ hôi và đổ cả máu để trụ vững và sẵn sàng xốc tới, khi có thời cơ. Chúng tôi đã động viên nhau sẽ có ngày ra quân toàn thắng, hãy kiên gan chịu đựng trước sự đánh phá ác liệt của kẻ địch. Địch xăm ta bít, khi không bít được nữa thì lại hành quân di chuyển, thay đổi nơi trú quân liên tục. Cứ thế mà băng rừng, luồn núi, lách sông ải giấu tung tích bí mật, an toàn, âm thầm mà bừng sáng, gia truân mà phấn khởi.

Tôi vẫn còn nhớ những đêm chuyển quân hiểm nguy vất vả mà không kém phần thơ mộng. Dưới trời đầy sao, máy bay địch đủ các loại C130, OV10, B52 - giăng pháo sáng oanh kích, thế mà đội hình xe tăng vẫn lăn xích, leo núi, vượt đèo, vẫn bình thản lướt lờ bơi lội ven sông lấp lánh, lung linh bóng hình mình trôi. Cảnh tượng thật hào hùng và có phần ngoạn mục nữa, chẳng thế mà khi hoàn thành nhiệm vụ di chuyển lính ta đã nói vui: “Ta đi có địch theo hầu thả pháo sáng, đốt pháo nổ hộ tống từng bừng... Xe tăng Việt Nam cừ ghê!” .

Bao lần chuyển quân là bấy lần xây dựng-lại trận địa và “doanh trại” hết sức

căng thẳng, gian khổ. Tuy nhiên, trước sau vẫn thể hiện được “chuyển quân hiên ngang, trú quân vững vàng”, ăn ở quy củ, đàng hoàng ,vui tươi.

Mùa mưa về, bầu trời buồn ảm đạm; quân rút đi một ‘nửa, người vắng vẻ hơn; công việc bảo quản, bảo dưỡng xe pháo sẵn sàng chiến đấu nặng nề hơn. Nhưng cuộc sống ở đây vẫn giữ được cái cốt cách chính quy, lạc quan của nó. Cuộc sống đó mang hơi thở ấm áp của hậu phương lớn đối với tiền tuyến lớn, của chiến tranh nhân dân Việt Nam vô địch đã sản sinh ra Binh chủng Thiết giáp anh hùng này.

Cuộc sống đó được chăm lo chu đáo từ nơi ăn, chốn ở, bãi tập sân chơi. Cái gì có được ở hậu phương mà điều kiện chiến trường cho phép thì cũng có được tại đây. Người lính xe tăng rất sáng dạ, khéo tay. Họ đã chế tạo ra nhiều thứ mà tưởng chừng khó có thể làm được. Như đài bán dẫn, đàn bầu, nhị, sáo, xà đơn, xà kép, lồng bàn... Trong tình huống chiến tranh, phải ẩn nấp nguy trang kín đáo, họ vẫn sản xuất được rau, làm dưa để ăn và pha chế được cả rượu để uống nữa.

Nhân đây, tôi xin giới thiệu một chứng tích về cuộc sống ấy.

Đó là cái Bi đông - một kỷ vật quý giá tôi còn đang lưu giữ - Cái Bi đông này, thuở ấy, tôi đựng đường ướp với quả dâu-gia hái ở rừng. Không ngờ ướp hơn mười ngày, dâu đường trở thành rượu thơm ngon. Và bất ngờ hơn là sự biến dạng của nó: Bi đông căng phồng, má lồm cũng như má lồi. Tôi đưa Bi đông cho cháu ngoại xem, cháu reo lên thích thú. Tôi đã kể lại cho cháu nghe bằng một bài thơ sau đây:

Chuyện kể cái Bi-đông

Ngày xưa Ông ra trận
Bên hông thắt bi-đông
Hành quân khát, ông uống
Dẻo dai, nước mát lòng.

Thuở ấy ở Trường Sơn
Đứng đường ướp dâu quả
Bên mình vẫn bi - đông
Thành rượu uống thơm nồng.

Bi đông chứa trong lòng
Phúng phính má căng phồng
Rượu ngon như thế đó
Béo tròn bi - đông nhôm.

Liên hoan vui từng bừng
Bi - đông tuôn rượu mừng
Chiến công reo vang dội
Rung đại ngàn Trường Sơn !

Chuyện vậy đó cháu ơi
Cái bi - đô ng đẹp đời
Tâm thường mà kỳ diệu
Kể lại còn thấy vui !

Cháu nghe có thích không
Chuyện kể cái bi đông
Thả hồn cháu mơ tưởng
Người xẻ dọc Trường Sơn !

NHỮNG KỶ NIỆM MỘT THỜI

Nguyễn Văn Chính,
nguyên trưởng ban Quản lý xe bánh lốp,
Ban Quản lý xe - phòng Kỹ thuật.

Đứa con của đơn vị.

Trời nhập nhoạng tối. Đồng chí Hưng lái xe vừa về đến đơn vị đã oang oang thông báo:

-A lô! Có một tin quan trọng đây. Máy chiến sĩ đang dạo mát trước sân lập tức lên tiếng:

- Tình hình gì đây ? Mới được lĩnh chất khói hả?

- Không! Tin cậu Coóng đi phép đã về, lại kèm theo cả cô vợ nữa nhá. Một cô gái Tày hảnh hoi. Rất xinh.

- Có thật không? Vợ chồng cậu ấy đâu ?

- Lại không thật. Tớ đang đỗ xe ở thị xã Vĩnh Yên thì chúng nó nhận ký hiệu xe nhà. Tớ chở cả hai vợ chồng đến ngang chiều dài sở thì xuống, tranh thủ vào đăng ký phòng hạnh phúc mà.

Nghe tiếng bàn tán, tôi từ trong phòng làm việc bước ra. Khi nghe thuật lại sự tình, chúng tôi đều thở phào. Thế là yên tâm rồi. Đầu tháng 10 năm 1967, đơn vị vận tải của Trung đoàn 202 Binh chủng Thiết giáp được lệnh chuẩn bị kỹ thuật xe tốt, lái xe tốt để vào phục vụ chiến trường phía Nam. Cấp trên chỉ thị đột xuất cho những đồng chí lái xe đi chiến trường, mỗi người 10 ngày phép, và phải có mặt trước giờ hành quân 3 ngày, chúng tôi đã chọn đủ 10 đồng chí.

Một sáng hạ tuần tháng 10 năm 1967, 9 người đã có mặt tại đơn vị. Anh nào cũng phấn khởi vì đã giải quyết được việc gia đình, riêng tư. Bây giờ cậu Coóng đến nữa là đủ quân số. Nghĩ cũng tội cho Coóng. 9 anh ở dưới xuôi chỉ đi cùng lắm là hai ngày sẽ về đến nhà, được 7 - 8 ngày ở nhà thoải mái. Còn Coóng quê mãi Hoà An, Cao Bằng, đường xa hàng trăm cây số, trong

lúc chiến tranh xe cộ đâu có dễ, vợ lại mới cưới trước khi đi bộ đội.

Hơn một năm nay, hết chương trình huấn luyện bộ binh lại đến chương trình học lái xe, công việc khẩn trương, Coóng chưa lần nào được nghỉ phép về nhà. Lúc cho cậu ấy đi phép, chúng tôi chỉ lo cậu ấy trễ phép hoặc có thể ở lại nhà không đi nữa. Song chúng tôi cũng tin rằng, một con người của quê hương cách mạng, sẽ không bao giờ làm như thế. Nhưng sao cậu ấy lại mang theo cả vợ lên, muốn đề nghị gì chẳng? Sinh hoạt tối xong, tôi cùng một số anh em ra thăm vợ chồng Coóng. Sóng ra sân gặp tôi, vợ Coóng khép nép đứng đằng sau. Coóng ngượng ngịu nói:

- Em không cho nó đi, nó cứ đi theo. Bây giờ em chả biết làm thế nào ?

Phòng hạnh phúc chỉ có một chiếc bàn con và hai cái ghế anh em ngồi cả lên giường trò chuyện, Coóng kể:

- Đường về Cao Bằng hiểm xe khách lắm, em cứ thấy xe bộ đội là vẫy. May trên ve áo em có đeo phù hiệu vô lăng cùng cảnh “lính xẽ” cả. Các anh ấy thông cảm cho lên xe ngay. Ngồi ca bin hần hoi. Có lúc họ còn nhờ em lái giúp một đoạn. Vì thế chỉ hai ngày là em về đến nhà. Hôm đi cũng vậy, em lại vẫy đi nhờ xe bộ đội. Xuống đến Vĩnh Yên lại gặp đúng lúc xe anh Hưng đi công tác về, may quá . Còn về lý do cô ấy đi theo em về đây thì để cô ấy trình bày. Này em, nói đi... , Thủ trưởng của anh đấy.

Vợ Coóng đỏ mặt bẽn lễn hồi lâu mới nói:

- Báo cáo thủ trưởng và các anh. Em là giáo viên dạy cấp một. Chúng em cưới nhau xong là anh Coóng đi bộ đội ngay. Em “chưa có gì”. Anh Coóng về lần này ít ngày quá, lại gặp “không may”. Phong tục quê em khổ lắm cô dâu chưa có con thì chưa cho về nhà chồng, nên em đánh liều bỏ dạy học mấy ngày để theo anh Coóng xuống đây. Chỉ mong “có” là em về. Anh Coóng đi chiến trường bao lâu cũng được. Thủ trưởng và các anh biết đấy, anh Coóng đi chiến đấu dù gian khổ, hy sinh, nhưng luôn luôn có đồng đội bên cạnh. Còn em ở nhà vò vố một mình không có đứa con thì buồn lắm. Mà biết đâu... Vợ Chồng bỏ lửng câu nói. Nhưng chúng tôi đều hiểu. Không khí trầm hẳn xuống. Thực ra đây không chỉ là tâm tư của riêng vợ chồng Coóng mà cũng là nỗi lòng của nhiều chiến sĩ thiết giáp ra tiền tuyến đánh giặc cứu nước.

Lát sau Coóng thành thực nói:

- Biết em đi chiến trường vợ em theo .. luôn, không kịp chuẩn bị tiền, gạo gì cả. Còn mấy đồng ăn đường trả phép, hai vợ chồng dè xén chi tiêu đến đây cũng vừa hết.

Tôi suy nghĩ giây lát rồi nói:

- Được rồi, vợ chồng cậu cứ yên tâm ở lại đây cho đến ngày đơn vị lên đường. Đừng phải lo lắng tiền nong ăn uống gì, đồng chí Coóng được nghỉ tiếp một ngày nữa.

Về đơn vị tôi triệu cán bộ lên hội ý. Mọi người đều nhất trí là hoàn cảnh của cậu Coóng là trường hợp đặc biệt, nhất là đối với phong tục người dân tộc thiểu số. Đơn vị cần hết sức giúp đỡ: Một là: Còn ngày nào chưa đi chiến trường thì nên bố trí cho Coóng công tác gần và miễn giảm một số thời gian sinh hoạt không cần thiết. Hai là: Đơn vị còn một số gạo tăng gia và tiền quỹ có thể trích ra một phần, hàng ngày quản lý cấp hai suất gạo và thực phẩm cho Coóng, đưa ra trạm đón tiếp gia đình quân nhân để hai vợ chồng tự nấu ăn riêng.

Rất may là kế hoạch hành quân được trên thông báo tạm hoãn 20 ngày nữa. Chúng tôi ra thăm thấy vợ chồng Coóng ngày một phần khởi, béo khỏe ra: Ai nấy đều vui mừng. Còn vợ chồng Coóng luôn miệng riu rít cảm ơn.

Ngày lên đường đã tới, chúng tôi ra thăm vợ chồng Coóng lần cuối. Mỗi người góp một ít tiền, giúp cô ấy đủ một suất xe và ăn đường về đến nhà. Chị cảm động nói: Hai mươi ngày qua là 20 ngày hạnh phúc nhất của vợ chồng chúng em. Em hy vọng lần này mà có kết quả thì đứa con của chúng em thật sự là đứa con của bộ đội tăng thiết giáp.

Mười tháng sau, chúng tôi nhận được thư của chị Coóng báo tin đã sinh được một cháu trai. Chị viết: Bố, mẹ em và em đặt tên cháu là Lâm, để kỷ niệm những ngày ở Cam Lâm được cả đơn vị, các anh hết lòng thương yêu đùm bọc.

Lá thư được truyền tay nhau đọc, ai nấy đều mừng cho vợ chồng Coóng và hạnh phúc của hai người.

Ga Bến Đá

Cuộc kháng chiến chống Mỹ giữa ta và địch ở vào thời kỳ gay go quyết liệt. Việc xây dựng lực lượng, tăng cường trang bị vũ khí kỹ thuật cho quân đội ngày càng khẩn trương.

Tàu hoả chở vũ khí trang bị kỹ thuật từ Hải Phòng về, từ Trung Quốc sang, phần lớn xuống ga quân sự Bến Đá (cách Phủ Lỗ 4 - 5km) vào ban đêm phải bốc dỡ nhanh, sơ tán nhanh ra khỏi khu ga để đầu máy toa xe đưa đi sơ tán tránh máy bay Mỹ bắn phá. Nhất là ga Bến Đá nằm trong hành lang sân bay Nội Bài lại là mục tiêu đánh phá trọng tâm của không quân Mỹ.

Vào một đêm tháng 10 năm 1969, Binh chủng Tăng - Thiết giáp được nhận bốn bộ xe chở tăng (maz-32) bao gồm bốn đầu kéo và bốn moóc. Đầu máy nặng 32 tấn, moóc 28 tấn. Mỗi toa tàu hoả chở được một đầu máy hoặc một moóc. Cả thảy được đặt trên 8 toa tàu hoả theo thứ tự một toa đầu kéo, một toa moóc.

Hai giờ sáng xuống được một xe, một moóc, đến đầu xe thứ hai máy không nổ cả 3 người sửa chữa không được trời đã gần sáng. Tôi vào liên hệ với đại diện quân vận và đường sắt có phương cách gì giúp không. Đồng chí quân vận trả lời:

“Chúng tôi chỉ làm nhiệm vụ liên hệ với đường sắt và giao hàng cho đơn vị tại toa xe”. Tôi đề nghị đại diện đường sắt điều đầu máy cắt 2 toa rỗng ra để cho toa có đầu kéo chết tiếp cận vào xe mới kéo xuống được. Được đại diện đường sắt trả lời: “Đầu máy đã cắt đi giấu, lúc này không ai được phép điều đầu máy để làm mồi cho máy bay Mỹ”.

Tình thế thật gay cấn, xe không nổ máy, trời đã sáng. Tôi trao đổi với hai lái xe: Nguyễn Văn Đại, Nguyễn Văn Chấn lúc này ba chúng ta phải giải quyết. Tôi quyết định lấy đầu kéo xe đã xuống đồng chí Đại lên lái xe tôi chỉ huy. Bước đầu tập thống nhất tín hiệu, thuần thục ga, phanh, tay lái, tiến lùi 3 lần trên đường bằng. Sau 3 lần tập, hợp đồng ăn khớp với nhau cho xe vào lùi, lên dốc tại ke. Đồng chí Chấn đứng làm chuẩn nơi tiếp giáp giữa mép toa bên trái, chiếu thành một đường thẳng, lấy đá đặt cách quãng 2 - 3 mét 1 hòn để làm cọc tiêu.

Khó khăn nhất là độ dốc xe quá lớn, vì xe chủ yếu để xuống khỏi toa các loại xe xích. Khi còn ở dưới thấp chỉ huy còn dễ, lúc xe lùi lên dốc thì chỉ huy phải đứng cách xa, phải tập trung đôi mắt nhìn vào lái xe, cọc tiêu nhìn vào đồng chí Chấn chỉ huy cho xe nhích từng tí một, cuối cùng thì chuyển được hai bánh sau, bốn bánh sau và cả xe đã vào được toa. Lúc này chỉ này lái xe trên toa xe cũng là việc căng thẳng, bánh xe thì to cả hai bên đều thừa ra mép ngoài 10 cm, chỉ cần chệch tay lái là đổ xe.

Những phút căng thẳng đã qua đầu máy đã lùi hết toa thứ nhất, sang toa thứ hai đúng vị trí, móc được dây cáp vào đầu máy chết. Xe này do Nguyễn Văn Chấn lái. Từng bước thận trọng cả ba chúng tôi đã đưa được đầu máy chết xuống đất an toàn. Tiếp đó đầu máy phải lùi qua ba toa tàu hoả, kéo được móc xuống. Tiếp đó bộ xe móc thứ ba, thứ tư giải phóng khỏi toa xe an toàn.

Xe xuống xong đã 9 giờ sáng, thật hù vía máy bay định chưa hoạt động. Các đồng chí quân vận, đường sắt ra bắt tay chúng tôi: “Các đồng chí giỏi quá, thông minh quá, dũng cảm quá, chúng tôi rất lo cho số xe Maz không xuống được thì số phận ga Bến Đá hôm nay không biết ra sao với bọn giặc lái Mỹ .

Cả ba chúng tôi thở phào đã hoàn thành nhiệm vụ, sau đó, đưa xe Maz đi sửa

tán. Xong việc rồi lấy phong lương khô ra ăn, mặt mũi anh nào cũng nhọ nhem, hốc hác vừa đói, vừa buồn ngủ. Nhưng trên nét mặt ai cũng rạng rỡ vừa trải qua một thử thách thật gây căng trong đời lái xe.

Dùng xe Ô tô kéo bia di động

Từ một Trung đoàn xe tăng 202, Bộ Tổng tư lệnh quyết định thành lập Binh chủng Tăng - Thiết giáp và những năm sau phát triển thêm một số trung đoàn xe tăng. Do đó yêu cầu huấn luyện, số lần tập bắn súng, pháo trên xe tăng tại trường bắn Cam Lâm tỉnh Vĩnh Phúc ngày càng tăng lên.

Từ năm 1963 trường bắn đã có đường ray ngang, đường ray chéo để kéo bia. Song vẫn là kéo bia thủ công do hai chiến sĩ quay tời cuộn dây cho bia di động, tiến, lùi, ẩn, hiện theo giáo trình tập bắn. Nhưng chưa đạt yêu cầu về tốc độ nhanh, chậm, ẩn hiện của bia, đồng thời hai chiến sĩ kéo bắn liên tục quá mệt.

Đồng chí Tạ Mậu trợ lý bắn súng của Trung đoàn 202 đã trực tiếp trình bày khó khăn về kéo bia với trợ lý xe Ô tô trung đoàn. Cả hai chúng tôi đã ra thực địa quan sát và thảo luận thống nhất có thể dùng xe. Ô tô kéo bia thay cho người kéo tay. Sáng đó, tôi dẫn lái xe Ma Văn Tráng ra trường bắn nghiên cứu và đã dùng một vành bánh xe GAT-63 hàn rộng thêm hai bờ vành 20 cm. Đồng chí Tạ Mậu đưa xe ra trường bắn thực nghiệm.

Xe Ô tô được đặt vào vị trí cố định, chèn thật chắc chắn, kích bóng hai bánh sau, tháo một bánh xe ra, lắp vành bánh cải tiến vào để cuộn dây cáp Tay ga cố định khi bia ẩn hiện bình thường. Khi cần bia vận hành nhanh hoặc chậm, tiến, lùi lái xe điều chỉnh ga, theo sự chỉ huy của đồng chí Tạ Mậu. Kết quả

dùng xe ô tô kéo bia phục vụ cho xe tăng tập bắn đạt yêu cầu tốt của giáo trình huấn luyện. Tôi và Tạ Mậu và các đơn vị tập bắn rất vui hoan nghênh kết quả xe Ô tô kéo bia di động.

Đồng chí Tạ Mậu đã phát biểu: “Từ trước tới nay chúng tôi’ chưa nghĩ ra, cùng một đơn vị mà không biết quan hệ phát huy thế mạnh của nhau. chúng tôi rất hoan nghênh ngành xe ô tô đã giúp tôi hoàn thành nhiệm vụ tập bắn súng. Ngành xe ô tô đã thiết thực góp phần xây dựng Binh chủng.

Từ đó, kế hoạch sử dụng xe, hàng tháng của Trung đoàn 202 có thêm mục xe Ô tô kéo bia của phòng Tham mưu. Lái xe Ma Văn Tráng được đặc trách sử dụng xe Ô tô kéo bia cho các đơn vị tăng tập bắn từ năm 1966 đến năm 1976 cho đến khi trường bắn được Liên Xô viện trợ thiết bị hiện đại, Binh chủng xây dựng trường bắn hiện đại mới không sử dụng Ô tô kéo bia di động.

SÔNG PÔCÔ VẪN CHẢY XUÔI .

Thiếu tướng Lê Xuân Kiện,

Nguyên Tư lệnh Binh chủng tăng

-Thiết giáp (1980-1989)

Năm 1972, Bộ Tổng tư lệnh quyết định sử dụng Tăng - Thiết giáp vào chiến đấu ở chiến trường Tây Nguyên. Cuối tháng 11 năm 1971, sau 4 tháng trèo đèo, lội suối tổ cán bộ Tăng - Thiết giáp chúng tôi cùng cán bộ các binh chủng, cán bộ Bộ Tổng tham mưu, Tổng cục Chính trị đã có mặt tại sở chỉ huy mặt trận Tây Nguyên (B3).

Thời gian này tôi đảm nhiệm chức trách Tham mưu phó Binh chủng. Trong một cuộc họp, anh Hồ Đệ, Phó tham mưu trưởng mặt trận phổ biến kế hoạch tác chiến cho chúng tôi: “Mặt trận giao cho Trung đoàn đặc công 198 của Mặt trận Tây Nguyên đánh trước, chiếm một số mục tiêu quan trọng của căn cứ Tân Cảnh để mở màn chiến dịch. Sau đó bộ binh, xe tăng, pháo binh, pháo cao xạ, công binh, theo cách đánh hiệp đồng sẽ tiến công dứt điểm, tiêu diệt căn cứ Tân Cảnh - Đắc Tô”.

Anh Hồ Đệ còn nhấn mạnh “Đây là kế hoạch tác chiến chiến dịch đã được Đảng uỷ Bộ Tư lệnh Mặt trận B3 thông qua. Cơ quan tham mưu mặt trận đã tổ chức tập huấn cho cán bộ từ cấp trung đoàn trở lên rồi” .

Về kế hoạch tác chiến, chúng tôi cảm thấy chưa ổn, nên đề nghị Phó tham mưu trưởng:

Một là, đoàn cán bộ các binh chủng được Bộ Tổng tham mưu giao nhiệm vụ vào tăng cường cho Mặt trận B3 và giúp chiến trường xây dựng kế hoạch tác chiến hiệp đồng binh chủng, vậy chúng tôi có được tham gia ý kiến vào kế hoạch tác chiến của chiến trường không ?

Hai là nếu đặc công đánh trước vào Tân Cảnh sau đó pháo binh bắn chuẩn bị, chi viện cho bộ binh và xe tăng xung phong, thì số thương binh của đặc công nằm rải rác trên các hướng tấn công, cả pháo binh xe tăng rất khó bảo đảm an toàn cho thương binh.

Ba là, ta tấn công Tân Cảnh vào ban đêm, trời tối làm sao phân biệt được lô cốt nào đặc công đã chiếm, với lô cốt còn có địch. Khi xe tăng tung hoả lực tiêu diệt lô cốt, ụ súng của địch, sẽ giải quyết ra sao để khỏi bắn nhầm nơi

đặc công đã chiếm ?

Nghe xong anh Hồ Đệ chưa giải đáp, cử cán bộ báo cáo và xin ý kiến Bộ Tư lệnh Mặt trận. Mười lăm phút sau, Thiếu tướng Hoàng Minh Thảo tư lệnh và đại tá Thế Môn chính uỷ mặt trận đến phòng họp.

Tư lệnh Hoàng Minh Thảo nói: “Mặc dầu kế hoạch tác chiến chiến dịch đã chuẩn bị và được Đảng uỷ thông qua, nhưng nếu các đồng chí có phương án tác chiến tốt hơn, thì Bộ Tư lệnh sẽ báo cáo với Đảng uỷ bỏ kế hoạch đã chuẩn bị và phê chuẩn kế hoạch mới”.

Chúng tôi thật sự vui mừng và nghĩ thầm: thật là một vị tướng xông pha chiến trận nhiều trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, kinh nghiệm dày dặn, lại biết lắng nghe ý kiến của quần chúng...

Tôi phấn khởi trình bày ý kiến của mình:

- Thừa Tư lệnh, Chính uỷ và các đồng chí, nếu đánh theo phương án cũ, giả thiết đặc công không chiếm được bàn đạp và mục tiêu quan trọng căn cứ Tân Cảnh thì khi sử dụng xe tăng, bộ binh, đánh tiếp sẽ khó khăn hơn. Diện tích căn cứ Tân Cảnh rất rộng, hàng chục hécta, phía Bắc có sở chỉ huy Trung đoàn 42 và sở chỉ huy tiền phương Sư đoàn 22 quân nguy, phía Nam có trận địa pháo binh lớn, vì vậy nên giao cho Trung đoàn đặc công 198 tiêu diệt trận địa pháo binh, cho phép đặc công hoàn toàn chủ động nổ súng thích hợp vào đêm 23 - 4. Còn phía Bắc căn cứ Tân Cảnh giao cho bộ binh, xe tăng, pháo binh, cao xạ, có sự đảm bảo cơ động của công binh, vận dụng cách đánh hiệp đồng binh chủng qui mô vừa là phù hợp.

Sau một lúc suy nghĩ, Tư lệnh Hoàng Minh Thảo trao đổi với Chính uỷ và quyết định: Trận địa pháo binh ở phía Nam căn cứ Tân Cảnh, giao cho Trung đoàn đặc công 198, tiến công tiêu diệt. Khu phía Bắc Tân Cảnh giao cho Trung đoàn bộ binh 66 được tăng cường một đại đội xe tăng, một trung đội pháo cao xạ tự hành 57 ly, dưới sự chi viện của pháo binh, pháo cao xạ chiến dịch, tiến công tiêu diệt.

Tân Cảnh - Đắc Tô 2 là cụm cứ điểm then chốt án ngữ phía Bắc tỉnh Kon Tum, nằm sát quốc lộ 14 và 18, mặt đường rộng từ 6 - 8m, được rải nhựa. Dựa vào thế núi hiểm trở, có sông Pô-cô và suối Đắc-ta-can bao bọc nên quân nguy rất chủ quan. Chúng đã nhiều lần huênh hoang tuyên bố với đồng bào Tây Nguyên: “Bao giờ nước sông Pô-cô chảy ngược thì Việt Cộng mới đánh được Tân Cảnh”.

Lực lượng địch phòng thủ Tân Cảnh là Trung đoàn bộ binh 42, có sở chỉ huy tiền phương, Sư đoàn 22, được tăng cường chi đoàn thiết giáp gồm 40 xe M113 và M41, một trận địa pháo có 41 khẩu 105 và 155 milimét. .

Lực lượng phòng thủ Đắc Tô 2 là Trung đoàn bộ binh 47 được tăng cường trận địa pháo có 10 khẩu 105 và 155 milimét và một chi đoàn thiết giáp M41 và M113.

Bộ Tư lệnh Binh chủng Tăng - Thiết giáp chấp hành mệnh lệnh của Bộ Tổng tư lệnh, đã tăng cường cho mặt trận Tây Nguyên một tiểu đoàn xe tăng, gồm 37 xe tăng hạng trung và hạng nhẹ. Cuối tháng 2 - 1972, tiểu đoàn xe tăng, vượt Trường Sơn đến tập kết tại vùng ngã ba biên giới Việt - Lào - Campuchia.

Ngày 8 tháng 4 năm 1972, theo phương án tác chiến tôi ngồi trong chiếc xe tăng đầu tiên trong đội hình để trực tiếp chỉ huy đơn vị xe tăng vào khu tập kết chiến dịch, cách căn cứ Tân Cảnh khoảng 20 ki-lô-mét.

Đêm 23 tháng 4, Đại đội xe tăng 7 và trung đội pháo cao xạ tự hành (zcy-2-57) từ khu tập kết chiến dịch đã bí mật hành quân, từng xe một tiến vào khu vực tập kết chiến đấu, cách căn cứ Tân Cảnh 5 ki-lô-mét.

Đúng 24 giờ ngày 23 tháng 4, Trung đoàn đặc 198 nổ súng đánh địch ở trận địa pháo binh côn Nam. Địch đối phó rất quyết liệt. Đúng 04 giờ 35 phút ngày 21 tháng 4 pháo binh của ta lên tiếng, từng loạt, dồn dập trút xuống căn cứ Tân Cảnh. Trên các hướng bộ đội ta đồng loạt nổ súng tiến công, Đại đội xe tăng 7 dùng tốc độ cao vọt lên tuyến triển khai chiến đấu ở phía Đông và Đông Nam Tân Cảnh, pháo của xe tăng bắn sập các lô cốt địch và đè rào xung phong ...

Một tình huống khó khăn xuất hiện, xe tăng ở phía Đông Tân Cảnh gặp suối Đắc-ta-can, đoạn nhiều bùn, lầy lún, nước lại quá sâu nên không thể vượt qua suối được. Tình thế lúc này rất khẩn trương và cũng rất căng thẳng, nhờ đã đi trinh sát suối Đắc-ta-can biết được khó khăn trên, tôi quyết định lệnh cho đơn vị xe tăng quay trở lại thị trấn Tân Cảnh, vận động theo quốc lộ 18, vượt cầu đánh thẳng vào cổng chính căn cứ Tân Cảnh.

Phân đội bộ binh thuộc Trung đoàn 66, đang bị một khẩu-trọng liên 20 mi-li-mét bắn rất mạnh cản đường, không tiến lên được. Các chiến sĩ bộ binh đang sử dụng bộc phá để phá rào thép gai, thì xe tăng ta bất ngờ xuất hiện, vượt cầu xông lên húc đổ cổng chính căn cứ, ổ trọng liên bỏ chạy, tận dụng thời cơ, bộ binh của ta lao lên xung phong vào căn cứ Tân Cảnh.

Trên các hướng xe tăng hiệp đồng cùng bộ binh tiêu diệt hết mục tiêu này đến mục tiêu khác. Trận đánh đầu tiên của bộ đội xe tăng trên chiến trường Tây Nguyên đã thắng lợi giòn giã ... Trời sáng dần, sương đêm còn đọng trên tán lá cây rừng, long lanh như sương sớm đến rơi lệ vì ngày vui giải phóng đến gần.

Trên bầu trời yên tĩnh bỗng rộ lên tiếng gầm rú các loại máy bay “thầu sấm”, “con ma” của giặc Mỹ. Chúng ồ ạt bắn phá vào cổng chính căn cứ Tân Cảnh. Quân ta bắn trả rất mãnh liệt, tiếp tục chi viện cho các phân đội bộ binh thọc sâu, chia cắt đội hình địch trong căn cứ. Xe tăng số 352 đã dừng cảm tiến sát sở chỉ huy Sư 22 nguy, dùng pháo xe tăng bắn tung hăm cổ thủ, rồi dùng xích sắt nghiền nát các ụ súng còn chống cự. Tên đại tá Lê Văn Đạt sư đoàn trưởng Sư 22 và một số sĩ quan tham mưu bị diệt tại sở chỉ huy...

Tiếp đó, các trung đội xe tăng tiến đánh tiếp khu vực sở chỉ huy Trung đoàn 42 nguy. Xe tăng ta đã bắn cháy 6 xe tăng M41 ở khu vực thiết giáp trong căn cứ. Địch hoảng loạn, khi thấy xe tăng của ta xuất hiện trên các hướng, sau này tôi được nghe một hàng binh, kể chuyện lúc đó chúng nói với nhau “Xe tăng của Việt Cộng, con báo Châu á đã xuất hiện, quân lực Việt Nam Cộng hoà, tam thập lục kế, chỉ có kế chuồn là thượng sách...”.

Trước nguy cơ bị tiêu diệt, viên chỉ huy ở Tân Cảnh điện xin cấp trên cho bỏ Tân Cảnh, tướng tư lệnh Quân khu 2, Ngô Huy Du đã chấp thuận, nhưng cố vấn Mỹ lại không chuẩn y. Bất chấp lệnh tử thủ của quan thầy Mỹ, địch ở căn cứ Tân Cảnh đã vứt bỏ tất cả: xe tăng, pháo ... rút chạy, nhưng đại bộ phận đều bị lực lượng bao vây của ta bắt sống.

Đúng 10 giờ ngày 24 tháng 4 năm 1972, toàn bộ quân địch ở căn cứ Tân Cảnh bị tiêu diệt và bắt sống. Ta đã làm chủ hoàn toàn phía Bắc căn cứ Tân Cảnh, ở trận địa pháo phía Nam, địch còn chống trả quyết liệt. Được lệnh của

Tư lệnh tiền phương chiến dịch tôi lệnh cho đại đội trưởng xe tăng Bùi Đình Đột điều 3 xe tăng xuống phía Nam chi viện cho đặc công chiến đấu. Khi xe tăng của ta tới cách lô cốt địch 600 mét, đã dùng pháo xe tăng bắn sập lô cốt, chi viện cho đặc công đánh chiếm.

Đúng 11 giờ 30 phút địch ở trận địa pháo phía Nam đã thò khăn trắng ra ngoài lỗ châu mai ở lô cốt còn lại, xin hàng. Thừa thắng Tư lệnh tiền phương chiến dịch lệnh điều một trung đội xe tăng (3 chiến) và phân đội pháo tự hành 57 mi-li-mét, cơ động theo quốc lộ 18 đến hiệp đồng với trung đoàn bộ binh của Sư đoàn 2 tiến công Đắc Tô 2.

Trung đội trưởng xe tăng Nguyễn Nhân Triển, tuy nhận được lệnh quá gấp, địa hình lại chưa rõ, nhưng đồng chí đã chỉ huy đơn vị tiến thẳng đến căn cứ Đắc Tô 2. Phát hiện xe tăng của ta có ít, địch đã điều hàng chục xe tăng M41 ra phía Đông sân bay để ngăn chặn. Mặc dù mới chỉ có một xe đi đầu tới nơi, đồng chí Triển đã chỉ huy xe tăng số 337 dũng mãnh xông thẳng vào giữa đội hình xe tăng địch liên tiếp bắn cháy liền 4 xe tăng M41 của địch. Đội hình xe tăng địch hoàn toàn rối loạn, đúng lúc đó có 2 xe tăng của ta đến kịp và hiệp đồng được với trung đoàn bộ binh, tiến công đánh chiếm căn cứ Đắc Tô 2. Thế là toàn bộ căn cứ Tân Cảnh và Đắc Tô 2 bị diệt, ta bắt sống 1700 tù binh trong đó có 50 sĩ quan.

Sau chiến thắng, đồng bào các dân tộc Tây Nguyên đã đến thăm bộ đội xe tăng Quân giải phóng và tấm tắc khen “Voi sắt của bộ đội giải phóng rất bự, rất ghê, hèn chi quân nguy thua to, chúng nói: bao giờ nước sông Pô Cô chảy ngược thì Việt Cộng mới đánh được Tân Cảnh là nói láo”.

Viết lại những dòng kỷ niệm này, trong tôi lại hiện lên những gương mặt thân quen. Biết bao đồng bào, đồng chí đồng đội đã hy sinh vì sự nghiệp giải phóng Tổ quốc Việt Nam chúng ta.

ĐỘI 33 - ĐƠN VỊ TĂNG – THIẾT GIÁP ĐẦU TIÊN
CỦA QUÂN GIẢI PHÓNG MIỀN NAM

Đại tá Võ Ngọc Hải,

nguyên Chánh uỷ Bộ đội Tăng - Thiết giáp B2

Từ năm 1964 để xây dựng lực lượng thiết giáp Quân giải phóng miền Nam, Trung đoàn 202 theo lệnh Bộ đã cử nhiều đoàn cán bộ, chiến sĩ thiết giáp vào B2, tham gia nhiều trận chiến đấu ngoài mục đích diệt địch còn nhằm mục đích đoạt xe tăng, thiết giáp địch để xây dựng đơn vị thiết giáp ở B2.

Ngày 18-1-1966 ta đánh vào trường thiết giáp Thủ Đức, lấy được 01 xe địch, nhưng không đưa được ra căn cứ. Ngày 22-3-1966 trong trận tập kích vào căn cứ Trung đoàn 1 thuộc Sư đoàn 5 nguy tại Gò Đậu Phú Cường ta thu được một M41 đưa về trú ở rừng già Long Chiếu, xã Long Nguyên, huyện Bến Cát.

Năm 1989 tôi và các đồng chí phụ trách đơn vị lúc bấy giờ tìm đến đây để xác minh vị trí. Quang cảnh đã khác xưa, nhưng dấu vết vẫn còn. Trận đánh này có anh Phùng Văn Mười, thiếu úy nguy, cơ sở binh vận của ta, chỉ đội trưởng 01, chỉ đội đã cùng anh em binh sĩ giác ngộ đánh từ bên trong ra, kết hợp với Quân giải phóng đánh từ ngoài vào. Ta lấy được một số xe do anh em binh sĩ yêu nước lái ra. Nhưng bị địch chặn đánh, chỉ đưa về căn cứ được 1 chiếc do anh cán bộ kỹ thuật thiết giáp đã tổ chức đón xe vào đưa về căn cứ.

Anh Lê Như Hoà, người tham gia trận đánh, đồng thời là đại đội trưởng chỉ

huy đào hầm giấu xe, tổ chức cho các đơn vị đến học để biết sử dụng xe tăng địch. Địch tổ chức truy tình đánh phá. Căn cứ lúc bấy giờ rừng già rậm rạp (nay là sở cao su).

Có lúc địch phải dọn bãi đổ bộ cho trù thả xuống vài trăm mét cách chỗ đóng quân nhưng không phát hiện được. Sau 4 năm từ năm 1966 đến năm 1969, không có thời cơ sử dụng nên đào hầm chôn giấu xe, dấu vết đến nay vẫn còn. Khi rút đi ta đào 3 hố chôn 3 thùng khuy như 3 nắm mộ để đánh lạc sự chú ý của địch.

Từ năm 1966 đến năm 1973 ta đánh chiếm thu được 42 xe tăng, thiết giáp dùng trang bị cho ta. Mùa khô 1970-1971 ta tập trung một số cán bộ, chiến sĩ thiết giáp đã vào chiến trường những năm trước đó để chuẩn bị tiếp nhận xe từ miền Bắc đưa vào những xe chưa vào nên chuyển sang làm nhiệm vụ thu xe cơ giới địch .

Ngày 25-5-1971 Bộ chỉ huy Miền quyết định thành lập Đội 33, quân số ban đầu 9 người (6 đảng viên, 2 đoàn viên, 1 ngoài Đảng), với nhiệm vụ lấy xe địch đánh địch. Đến tháng 7 năm 1971 Đội 33 được bổ sung thêm tân binh, biên chế thành 2b, quân số chung được 64 đồng chí. Ban chỉ huy gồm có đồng chí Vũ Đức Hùng giữ chức đội trưởng, Đỗ Ngọc Tịch làm chính trị viên, Đỗ Khắc Giàu đội phó kỹ thuật.

Ngay sau khi thành lập đơn vị đã lên đường tìm thu xe tăng địch. Đội 33 vừa lấy xe vừa tự mò mẫm học cách sử dụng và sửa chữa vì trước đó không ai được học kỹ thuật cơ giới địch. Tài liệu không có, chỉ có đồng chí Hùng, đồng chí Luông có thời gian ngắn sử dụng M41 tại Gò Đậu.

Quá trình lấy xe và sử dụng xe thật gian khổ. Sau khi lấy xe địch chạy bỏ lại ở đường 6 (Chenlahai), ở Đầm Be (Oát thơ mây), Đội 33 có 6 xe nhưng có 5 kiểu khác nhau. Anh em phải tốn công sức mò mẫm nghiên cứu huấn luyện sử dụng từng loại. Ở Snoul Đông Bắc Campuchia năm 1971 quân nguy Sài Gòn bị đánh tới tấp, bỏ lại chiến trường nhiều xe tăng, thiết giáp. Chiến sĩ Đội 33 lần theo vết xích đi tìm. Qua 2 ngày đêm tìm được 2 xe M113.

Kiểm tra xe và phát động thì 01 chiếc nổ được máy, nhưng không chạy được vì hỏng hộp số, 1 chiếc khi phát động thì cứ chạy lùi. Anh em khắc phục sửa chữa đưa về căn cứ, lại còn lấy thêm hàng tấn khí tài của địch, thu 3 khẩu pháo, có 1 khẩu còn nguyên vẹn, lần này được thưởng 01 Huân chương Chiến công hạng 3. Có lần lấy được xe hỏng phanh nhưng phải đưa qua phà. Phát huy sáng kiến khi xuống dốc cho xe khác kéo lại và giảm tốc độ để xe chậm lại xuống phà.

Trận Lộc Ninh tháng 4-1972 chiếm được 20 xe gồm 4 xe M41, 16 xe M113 (có 3 xe phun lửa, 1 xe xích vận tải, 1 xe công trình cần trục). Có 1 chiếc M113 còn nguyên vẹn nhưng lại có 1 tên lính nguy chết rã xác trong xe. Đồng chí Lê Văn Đức bị mũi, bị miệng vào xe hốt hết đồng xương đưa ra ngoài, lái xe đưa xuống suối rửa. Để sửa chữa xe, anh em khắc phục làm cần trục bằng gỗ, cầu được máy nổ nặng hàng 400 - 500 kg, đi bộ khiêng hộp số nặng hàng 200kg, lụng khắp nơi tháo gỡ thu nhặt khí tài về thay thế. Những thứ này không thể mua được, ngoài Bắc không có, thế mà trong kho Đội 33 có nhiều phụ tùng thay thế.

Hiệu chỉnh pháo rất khó khăn, kính ngắm chính không có, dùng kính ngắm phụ, hiệu chỉnh điểm ngắm xa 1000 m không trúng. Khi đưa bia vào 200m thì bắn trúng. Anh em bàn nhau khi tác chiến phải đưa xe vào sát mục tiêu bắn mới trúng. Trận Ma Sát đã chứng minh điều đó. Có xe rồi phải huấn luyện người lái. Đội 33 mở lớp đầu tiên gồm 30 đồng chí học lái xe M41, M113 và bắn súng. Lái xe phải có thời gian học lái chính thức tối thiểu 16 đến 20 giờ. Nhưng hoàn cảnh ở chiến trường nên chỉ lái nhiều nhất 40 phút.

Đội 33 đã chiến đấu nhiều trận thắng lợi, mở đầu là trận Samát (Tây Ninh) trong chiến dịch Nguyễn Huệ đánh vào 01 đơn vị đồn trú của Sư đoàn bộ binh 25 nguy. Samát là cửa khẩu trên biên giới giữa ta và Campuchia. Ngày 1-4-1972, súng nổ đầu tiên trên hướng phụ của chiến dịch. Lần đầu tiên dùng xe M24 bắn pháo trực tiếp trong cự ly 70m, một hình thức đánh “giáp lá cà” của xe tăng, thể hiện truyền thống đánh gần của Binh chủng.

Nếu như ngày 25-5-1971 đánh dấu sự ra đời của một phân đội đầu tiên của bộ đội thiết giáp B2 thì 1-4-1972 ghi nhận chiến công đầu của Binh chủng tại chiến trường miền Đông Nam Bộ. Đại đội 33 tham gia chiến đấu nhiều trận trước và trong chiến dịch Hồ Chí Minh bằng xe chiến lợi phẩm, tham gia chiến tranh bảo vệ biên giới Tây Nam, làm nhiệm vụ quốc tế Campuchia. Chiến công của đơn vị làm rạng rỡ lịch sử Binh chủng, xứng đáng danh hiệu Anh hùng lực lượng Vũ trang. Ngày 8-9-1975, Đại đội 33 được tuyên dương Anh hùng lực lượng Vũ trang nhân dân.

Quân đội cách mạng không bao giờ chịu bó tay trước kẻ thù, mà phải tìm vũ khí tấn công chúng, đoạt vũ khí địch đánh địch. Từ ngày ấy, ngày 25-5-1972 trên chiến trường Nam Bộ (B2 cũ) xuất hiện một binh chủng mới, Binh chủng Thiết giáp nhân dân.

Trong các năm 1972, 1973, 1975 các đoàn xe tăng thiết giáp từ miền Bắc vượt Trường Sơn lần lượt vào B2, cùng với Đại đội 33 và các cán bộ, chiến sĩ vào trước hợp thành bộ đội Tăng - Thiết giáp, tham gia chiến đấu liên tục 6 chiến dịch và một đợt hoạt động, đánh hơn 70 trận lớn nhỏ trên các địa hình rừng núi, trung du, đồng bằng, sông rạch, làng mạc, thành phố, có nhiều trận đánh hay góp phần làm phong phú nghệ thuật quân sự Việt Nam, nghệ thuật sử dụng xe tăng thiết giáp trên chiến trường miền Nam. Bộ đội Tăng - Thiết giáp B2 đã góp công xứng đáng vào các chiến dịch lớn như Nguyễn Huệ, Phước Long, Hồ Chí Minh... .

Ngày nay, Đại đội 33 Anh hùng đang nằm trong đội hình đoàn tăng thiết giáp Quân khu 7, đang phát huy truyền thống đơn vị và Binh chủng trong xây dựng, sẵn sàng chiến đấu.

GIỜ PHÚT LO LẮNG, HỒI HỘP VÀ SUNG SƯỞNG

Đại tá Nguyễn Chí Tam

nguyên Phó tư lệnh kỹ thuật Quân đoàn 26

Tháng 2 năm 1975, đang làm Hiệu phó trường Sĩ quan Tăng - Thiết giáp, tôi được Bộ Tư lệnh Binh chủng giao cho nhiệm vụ đi kiểm tra và giúp đỡ Trung đoàn 175 đi làm nhiệm vụ. Sau khi hoàn thành công việc, về tới nhà, tôi đang chuẩn bị đi ngủ thì nghe tiếng gọi cổng. Mở cổng tôi nhận ra là anh Phí Văn Hải đến báo tin về ngay Bộ Tư lệnh để đi cùng đồng chí Tư lệnh Binh chủng Đào Huy Vũ vào chiến trường. Gấp rút chuẩn bị đồ đạc ra tới bờ sông đã quá nửa đêm. Phải nói khó với bác lái đò mới qua được sông rồi lên xe tô đợi sẵn. Về tới đơn vị, gà vẫn chưa gáy sáng.

Sáng 7 tháng 3 đoàn cán bộ của Bộ Tư lệnh Binh chủng và các cơ quan lên đường. Nửa đêm 8 tháng 3 năm 1975 đã đến thung lũng A Lưới, nơi sở chỉ huy mặt trận đang dừng chân. Trước khi Lữ đoàn xe tăng 203 tấn công Phan Rang, Bộ Tư lệnh và Thường vụ Đảng uỷ Bộ Tư lệnh tiền phương của Binh chủng ở sở chỉ huy mặt trận quyết định: tôi xuống tăng cường cho phòng thiết giáp Quân đoàn 2, thời gian này cơ quan thiết giáp Quân đoàn có 4 cán bộ: tôi trưởng phòng và 3 cán bộ là các anh: Hoan, Độ và Chuyên. Tôi là Bí thư Chi bộ cơ quan thiết giáp.

Sau chiến thắng Phan Rang, ngày 17 tháng 4, Tư lệnh Quân đoàn 2, Thiếu

tướng Nguyễn Hữu An biên thư cho tôi báo tin: “Theo ý kiến Tư lệnh xe tăng Đào Huy Vũ và Tham mưu trưởng mặt trận - anh Ngô Hùng, tôi phải quay lại phía sau, đôn đốc hai tiểu đoàn xe tăng của Lữ đoàn tiến mau cho kịp thời cơ”. Anh còn nhắc thêm: “Cố gắng đưa nó lên càng nhanh càng tốt. Nó vào chậm giờ tiến công của Quân đoàn có thể phải chậm lại”.

Tôi thầm cảm ơn các anh đã tin ở tôi, tôi hiểu các anh lo nhất là vấn đề kỹ thuật phải xử lý trong hành quân, nên đã phó thác công việc cho tôi, vì tôi là cán bộ kỹ thuật xe tăng của Binh chủng. Ngay chiều 17-4, cả phòng chúng tôi lên đường, cán bộ trong phòng tự lái xe quay về Đà Nẵng.

Tiểu đoàn 1 và 2 dừng lại ở nam phà An Tân vì còn đợi tiểu đoàn công binh Quân đoàn quay lại bảo đảm. Đồng chí Quế phó phòng công binh đi cùng xe tăng đã điện về Quân đoàn. Phổ biến cho đồng chí Tùng và các tiểu đoàn trưởng lệnh của Quân đoàn, anh em lo lắng chưa có công binh bảo đảm làm sao mà vào nhanh được?

Tôi, anh Tùng và một số cán bộ tiểu đoàn, đại đội ra nghiên cứu chiếc cầu đầu tiên ở nam phà An Tân. Đây là một chiếc cầu sắt dài khoảng 70-80m, hai đầu cầu gối vào hai bờ. Đầu phía Bắc có một số chỗ lún trên đường. Hai đầu cầu đều không có biển ghi tải trọng. Tìm hiểu dân xem có thấy xe tăng M48 của Mỹ đã qua cầu này bao giờ chưa? Họ nói không.

Do quên mất công thức tính toán cầu nên chúng tôi cũng không xác định được tải trọng của nó. Tuy vậy tôi nhớ lại câu chuyện về đồng chí Toàn tiểu đoàn phó kỹ thuật đưa xe tăng T54 từ Hoà Lạc về Vĩnh Yên qua phà Sơn Tây xong đến cầu Tứ Trưng, cầu từ trước đến nay xe tăng T54 không được qua vì trọng tải chỉ 8 tấn, nhưng đồng chí vẫn cho xe tăng qua, cầu không việc gì. Nếu so với cầu Tứ Trưng thì cầu này còn tốt, khoẻ hơn. Hơn nữa, nhớ lại lời dặn của anh An, tôi nghĩ từ đây vào Sài Gòn còn mấy chục cây cầu loại này,

phải nhờ công binh ra làm phà bảo đảm thì làm sao vào sớm được. Tôi nói với anh em: theo kinh nghiệm của tôi, xe tăng ta qua cầu này được chỉ cần anh em làm đúng các động tác lái xe qua cầu.

Chọn một số lái xe, cán bộ kỹ thuật chỉ huy xe giỏi, tôi hướng dẫn quay lại quy tắc lái xe như: đi số thấp, vòng quay ổn định, không đột ngột tăng chân dầu không chuyển hướng gấp chỉ phân ly, động tác chỉ huy lái xe phải dứt khoát, lái xe và cán bộ chỉ huy phải thống nhất ký hiệu chỉ huy... Lại quy định thêm phải mở cửa tháp pháo, động tác thoát khỏi xe khi xe chìm , cửa tháp pháo sập xuống... Chuẩn bị mọi mặt xong, chiếc xe đầu tiên chuẩn bị qua cầu. Tôi xuống dưới gầm cầu, đồng chí Chuyên nhìn ký hiệu chỉ huy của tôi, chuyển lại cho người chỉ huy xe vượt cầu.

Tôi ra lệnh cho xe đầu tiên qua. Xe tăng nổ máy từ từ lăn bánh, bắt đầu dè lên cây cầu, cầu rung lên, vồng xuống, tôi cáng mắt nhìn, xe tiếp tục đi cầu vồng thêm rồi không vồng nữa, toàn xe tăng đã nằm trên cầu. Xe tiếp tục chạy rồi vượt qua cầu an toàn. Tôi chạy lên đường reo lên “An toàn rồi, xe có thể qua cầu được rồi”.

Cho xe dừng lại, quan sát kỹ cầu, thống nhất với nhau động tác lái qua cầu. Rồi cho các đơn vị chuẩn bị qua cầu.

Trong đời làm cán bộ kỹ thuật có nhiều lần tôi phải có quyết định về kỹ thuật như khi “cứu” , kéo, lái qua vật cản, cho xe chạy thử, thì lần này làm cho tôi lo nhất: Lo, cũng như anh em, nếu cầu bị sập lúc tiền tuyến đang cần người, cần vật tư, công tác vận chuyển bị ngừng lại thì tình hình sẽ ra sao ? Tội của mình với đơn vị không phải nhỏ. Sau nghĩ đến việc này tôi vẫn tự hào về quyết định đúng của mình, tôi đã đóng góp một phần cho xe tăng vào kịp tham gia chiến dịch trước ngày nổ súng hai ngày.

Trong số xe này có 2 xe tăng 390 và 843 đầu tiên tiến vào dinh Tổng thống ngụy. Tôi tự hào và cảm động khi đồng chí Bùi Văn Tùng chính uỷ Lữ đoàn, người buộc Dương Văn Minh phải tuyên bố đầu hàng vô điều kiện trước Đài Phát thanh Sài Gòn, 11 giờ 30 phút ngày 30 tháng 4 năm 1975, viết thư cho tôi: “Sau này mới thấm thía, nếu không có anh và anh Chuyên chỉ đạo về kỹ thuật hành quân vượt qua các cầu yếu thì không hiểu Lữ đoàn 203 có vào kịp tham gia chiến dịch Hồ Chí Minh hay không?

Xe tăng qua cầu đầu tiên xong, tôi điện về báo cáo với Tư lệnh Quân đoàn và Tư lệnh Vũ: Xe đã lên đường. Sau này nghĩ lại không biết việc hai tiểu đoàn tăng vào sớm có ảnh hưởng gì đến quyết định của Quân đoàn 2 xin nổ súng sớm một ngày, ngày 26 tháng 4 năm 1975 hay không?

Toàn bộ tiểu đoàn chiều 18 tháng 4 năm 1975 bắt đầu hành quân. Đường số 1 phẳng lý, bóng loáng, xe chạy với số 3 có lúc số 4, tôi nghĩ đến những ngày đêm hành quân trên đường Trường Sơn, xe chạy dưới ánh sáng của đèn lấp thêm ở gầm xe, lại thường xuyên bị địch thả pháo sáng, trời mưa đường trơn, vượt qua nhiều suối, có chặng chạy suốt đêm chỉ được 30 - 40 km.

Ngồi trên xe Jeep chạy trước đội hình, chúng tôi luôn luôn phải dừng lại các quán nhỏ bên đường mà đồng bào tạm lập lên để tiếp tế cho các anh bộ đội giải phóng: tiếp tế quà bánh, hoa quả, nước uống. Quán nào cũng muốn xe tăng phải dừng lại để thoả lòng đồng bào. Tôi xuống xe xin mọi người thông cảm vì nhiệm vụ của đơn vị xe qua nhiều quán đều phải đi chậm lại, mở cửa xe nhờ người ra vẫy tay cảm ơn. Đồng bào chạy theo bám vào xe đặt lên xe đủ thứ quà. Lần đầu tiên tôi được ném quả vú sữa. Nhìn nét mặt đồng bào, nghĩ đến cảnh đồng bào miền Bắc tiếp tế cho bộ đội xe tăng khi dừng lại trong hành quân, thì nay đồng bào miền Nam cũng làm như vậy. Đồng bào Bắc hay Nam đều coi bộ đội như con em của mình. Tôi càng thêm thấm thía: “Bộ đội nhân dân, bộ đội Cụ Hồ”.

Vào Nha Trang liên hệ, đồng chí Lơ Giang là Chủ tịch ủy ban Quân quản đề nghị tôi cho đơn vị xe tăng đi vào thành phố để đồng bào nhìn thấy xe tăng T54 vì khi giải phóng Nha Trang không có xe tăng loại này. Tôi ra quan sát cầu Đồng Đế, cầu bị địch thả bom thủng một lỗ lớn, cầu yếu đành phải đi theo đường số 1 qua đèo Rù Rì. Cũng tiếc. Mặc dù đường tốt nhưng phải đi qua nhiều cầu yếu lại đi cả tiểu đoàn nên mỗi ngày cũng chỉ chạy được trên dưới 150 km.

Đến chỗ nghỉ, phải thực hiện đúng nội dung bảo dưỡng. Rút kinh nghiệm nhất là kinh nghiệm về những sự cố kỹ thuật nhưng việc xảy ra trong ngày và cách giải quyết như có lần T54 xích kẹt vào bánh chủ động, xích quá căng không làm sao tháo được chốt xích. Đồng chí tiểu đoàn phó kỹ thuật định dùng lựu đạn làm đứt xích, nhưng khi hướng dẫn cho anh em cách khởi động: nhả cắt ly hợp, xe nhích dần, cuối cùng không phải cắt xích nữa.

Bổ sung xăng dầu được nhanh do ta đã có một số xe chở dầu cỡ lớn. Ăn uống ít phải lo vì đồng bào mang quà đến giúp đỡ thôi nấu, quân dân trò chuyện. Bao nhiêu câu hỏi của đồng bào, bao nhiêu câu chuyện sau nhiều năm chờ đợi. Nghe chuyện, dân càng tăng tin tưởng vào thắng lợi, quân càng tăng thêm chí căm thù, lòng quyết tâm khi nghe những chuyện đau lòng mà dân phải chịu đựng..” Tiếng khóc xen tiếng cười.

Qua Nha Trang, Cam Ranh, Ba Ngòi, Du Long rồi đến nơi chiếc xe tăng K63-85 bị máy bay bắn, xe đã kéo đi nhưng không biết các chiến sĩ bị thương giờ ra sao ? Ở đâu ? Lòng bùi ngùi... Qua Phan Rang rồi đến Phan Thiết. Đầu cầu Phan Thiết, một chiếc xe K63 của ta lăn xuống ruộng không có ai coi giữ, tôi cho anh em dừng lại tháo khẩu súng 14,5mm rồi đem cả súng, đạn giao cho đơn vị. Qua Phan Thiết mới giải phóng, đồng bào đi xô ra đón đoàn xe tăng đi qua, vẫy chào, lại quà bánh để lên xe. Nhiều nơi gặp những xe tô chở cả bắp từ Đà Lạt xuống, dân xếp bắp cải, rau quả đầy thành xe .

Lại thêm một chuyện đáng ghi nhớ cho chúng tôi là khi xe chạy đến bờ biển Sa Huỳnh, thấy xe chạy chệch ra bên trái đường tôi vội giật tay lái đáng sang phải. Vòng quá đột ngột xe lật úp vào thành núi, nhảy xuống xe nhìn thấy một bên là vực, môi bên là núi không lật kịp xe sẽ lao xuống vực. Vẫn còn may, đồng chí Đô bị thương vào trán, tôi bị dập tay, vỡ đồng hồ. Đang loay hoay lật xe thì xe đồng chí Tùng quay lại, đồng chí nói: “Đợi mãi anh không thấy xe lên. Lại thấy đèn xe chiếu lên đỉnh đồi, biết có chuyện nên quay lại” . Mọi người xúm lại lật lại xe, cũng may không hỏng gì. Lại lên xe tiếp tục tiến.

Khoảng 3 giờ sáng 24 tháng 4, hành quân đến kilômét 1768, khu vực Lữ đoàn 203 đang trú quân. Như vậy là hai tiểu đoàn đã đi trên quãng đường khoảng 900km có nhiều cầu xe đi từng chiếc một. Đi hết 132 giờ, đến trước giờ bắt đầu chiến dịch Hồ Chí Minh khoảng 63 giờ.

3100 KM: DỪNG XE

Thượng tá Nguyễn Khắc Nguyệt,

nguyên chiến sĩ lái xe tăng Lữ đoàn 203

Vâng, nếu tính từ ngày đơn vị tôi rời khỏi vị trí tập kết ở Cổ Thổ - Xuân Mai - Hoà Bình trên đất miền Bắc lên đường vào Nam chiến đấu thì vết xích xe tăng của đơn vị đã lăn qua quãng thời gian 3 năm có lẻ và chuyển động theo chiều dài của đất nước, một quãng đường là 3100 ki-lô-mét.

Đại đội xe tăng 4 nằm trong đội hình Tiểu đoàn 512 của Trung đoàn 203, tháng 2-1972 đã di chuyển vào phía nam Quảng Bình để chuẩn bị tham gia chiến dịch Quảng Trị. Đại đội 4 cùng với một đại đội xe tăng lợi nước PT76,

cơ động vào khu vực sân bay A Lưới (Tây Huế) để làm mũi vu hồi giải phóng Huế khi có thời cơ.

Khi bắt đầu cuộc hành trình Nam tiến, Đại đội 4 trang bị 8 xe tăng T59, lúc đó anh Bùi Quang Thận là đại đội trưởng, chính trị viên là anh Quản Đức Đàn, đại đội phó về kỹ thuật là anh Lê Văn Phụng, còn anh Vũ Đăng Toàn là chính trị phó đại đội .

Để đưa xe tăng đến đích theo dự định, cấp trên đã chỉ định cho 2 đại đội tăng 3 và 4 đi theo một hành trình khá díc-dắc: vượt Trường Sơn sang đất bạn Lào, đi xuôi xuống phía Nam và một lần nữa vượt Trường Sơn để trở về đất Việt.

Mấy trăm km đường quân sự làm gấp trên 2 sườn dãy Trường Sơn, lại thường xuyên bị bom đạn Mỹ cày xới đã thật sự là một thử thách lớn đối với những tay lái mới chỉ được điều khiển xe trên những bãi tập miền trung du Vĩnh Yên, Xuân Mai.

Cho đến giờ, ngồi nhớ lại tôi vẫn chưa quên cái cảm giác gai gai, rờn rợn dọc sống lưng khi phải điều khiển khối sắt thép hơn 30 tấn vượt qua những Cổng Trời, Dốc Đá, Dốc Mèo... Bởi vì chỉ lỡ tay một chút thôi là xe sẽ lăn không biết bao nhiêu vòng xuống vực.

Và nếu để ý một chút, hẳn bạn đọc sẽ thấy những chiếc xe tăng đã vượt Trường Sơn thì không xe nào lá chắn bùn còn nguyên vẹn. Nguyên nhân ư? Thật là đơn giản vì chúng tôi luôn luôn phải bám sát ta-luy đường để căn đường và tâm niệm: thà đâm vào ta-luy còn hơn sa xuống vực thẳm.

Lính xe tăng sợ nhất khi hành quân trên đường Trường Sơn là sa lầy. Suốt dọc đường hành quân, mỗi con suối, con sông, mỗi cái ngầm, mỗi thung lũng, mỗi khe núi đều là cạm bẫy đối với những chiếc xe tăng nặng nề kia. Có nhiều buổi, chỉ vừa ra khỏi chỗ trú quân ít phút xe đi đâu đã bị sa lầy, đầu tiên là kíp xe, sau đó là trung đội, đại đội và có khi cả lực lượng công binh trên tuyến tập trung vào cứu kéo, hò hục, nhầy nhụa suốt đêm đến gần sáng lại quay về giấu xe chỗ tối hôm trước. Và trong một lần cứu kéo nhau ấy, lái xe Nguyễn Văn Lạc đã hy sinh - đó là tổn thất đầu tiên của đại đội chúng tôi.

Từ khi bước vào đường Trường Sơn hầu như chúng tôi chỉ hành quân đêm, còn ngày thì nghỉ và được bắt đầu từ sẩm tối, nhưng chiếc xe tăng mình cắm đầy lá ngụy trang, đèn gầm mờ đục chỉ chiếu lờ mờ 3 – 4 m trước đầu xe, điện đài tắt cả các xe sáng chỉ để ở thu canh, khi rất cần thiết mới được phát.

Mặc dù vậy, khi hành quân động cơ xe tăng toả ra một lượng nhiệt lớn, tiếng nổ lại to ... nên hình như đã bị các thiết bị trinh sát hiện đại của Mỹ phát hiện và hầu như đêm nào cũng bị máy bay oanh tạc ngăn chặn. Mấy đêm đầu, khi bị AC.130 chặn đánh, chúng tôi còn dừng lại tránh, nhưng về sau biết AC.130 chỉ có súng đại liên 20 ly và cối 40 ly bắn vào xe tăng chỉ như gãi ghẻ nên chúng tôi mặc chúng “xuyên thủng”, cứ đóng cửa mà đi, chúng bắn chán rồi bỏ.

Hành quân đến gần sáng chúng tôi dừng lại tìm chỗ giấu xe. Có khi đó là một cứ cũ cách đường vài phút, có khi đó chỉ là một cái “mang cá” nằm ngay cạnh đường. Có thể nói việc ngụy trang, xoá vết xích, giấu xe của lính Đại đội 4 đã trở thành nghệ thuật - có xe nằm ở ngay cạnh đường mà người qua lại trên đường không hề hay biết, nói gì đến thằng OV mù bay tít trên trời.

Và có lẽ vì vậy mà trên suốt chặng đường hành quân, chúng tôi không lần

nào lộ vị trí trú quân để máy bay địch đánh trúng đội hình. Thế nhưng, trong một lần đi tìm vị trí giấu xe trưởng xe Nguyễn Văn Tình đạp phải bom vướng đã ra đi mãi mãi.

Và trong một lần trú quân ở khu vực sân bay A Lưới một trận bom toạ độ của máy bay B52 đã đánh trúng đội hình, một quả bom tấn hất lộn ngửa chiếc xe 388, cả kíp xe 4 người Lược, Luyện, Kiếm, Hùng hy sinh cùng một lúc. Vì đây là trọng điểm đánh phá của địch nên chỉ sau đó ít tháng anh em quay lại tìm đã không thấy phần mộ của 4 liệt sĩ đâu nữa.

Cứ đi rồi sẽ đến, đầu tháng 4 Đại đội 4 đã có mặt ở đường 72 theo quy định. Tuy nhiên, do tình hình phát triển gặp nhiều khó khăn nên ý định sử dụng mũi vu hồi xuống Huế tạm thời gác lại, Đại đội 4 chúng tôi được lệnh bí mật giấu quân đợi thời cơ.

Đó là những ngày chờ đợi dài đằng dặc trên con đường 72 đầy bất trắc. Là con đường từ đồng bằng lên thượng du nên hầu như toàn bộ chiều dài con đường một bên là ta - lỵ dương cao vút, một bên là vực thẳm sâu hun hút. Trong khi đó lại chỉ cách vùng địch kiểm soát chưa đầy 20km nên tìm cho được vị trí trú quân bí mật cho một đại đội xe tăng là điều không đơn giản. Phải bảo đảm yêu cầu bí mật, vững chắc song lại phải tiện cơ động khi cần thiết, tiện cho sinh hoạt và cho công tác kỹ thuật.

Cuối cùng ban chỉ huy đại đội quyết định giấu xe rải rác trên đoạn đường gần 3 km, tổ chức ăn uống, sinh hoạt theo từng xe. Đội hình trú quân của đại đội bị sông Bồ chia làm hai. Con sông Bồ lúc thường hiền lành lắm, song vào mùa mưa thì thật đáng sợ, lòng sông trong chốc lát mở rộng ra gấp bốn năm lần, nước cuốn băng băng sẵn sàng nuốt chửng mọi thứ.

Ngoài ra, điều đáng sợ nhất của mùa mưa là tắc đường. Những cơn mưa Huế dài dằng dặc làm sạt lở nhiều đoạn đường, nói đại nếu lúc ấy mà địch nổi ra thì chỉ còn cách bỏ xe để đánh bộ thôi. Những ngày ở đây lính “Xe 4” có một cái thú là câu cá Chình. Cá Chình là một loại cá khá to, hình thù giống như con Trạch châu, có khi đến 2 - 3 kg một con, thịt rất thơm ngon và chỉ có ở thượng nguồn các con sông ở miền Trung.

Bây giờ có dịp qua Huế Đông Hà, gọi một cái lẩu cá Chình cho 3 - 4 người ăn mất ngót trăm nghìn song cũng chỉ được vài khúc cá chừng 3 đến 4 lạng. Còn dạo đó, cá Chình là món ăn thường ngày của lính “Xe 4” chúng tôi.

Như trên đã nói, hành quân vào tây Huế ngoài Đại đội tăng 4 còn có Đại đội tăng bơi nước 3. Đầu tháng 7-1972 Đại đội 3 mới vào đến vị trí tập kết ở cây số 108 đường 70 (phía nam sân bay A Lưới gần 20km) và cấp trên quyết định sáp nhập hai đại đội xe tăng độc lập thành tiểu đoàn xe tăng 408 trực thuộc mặt trận B4 (Trị Thiên - Huế).

Về phía Đại đội 4 cũng có sự thay đổi, chính trị viên Quân Đức Đán do yếu sức khỏe đã về tuyến sau, lên đảm nhiệm chính trị viên là anh Vũ Đăng Toàn. Thay anh Toàn làm chính trị viên phó là anh Nguyễn Ngọc Nam - trung đội trưởng trung đội 2. Dấu ấn đáng nhớ nhất trong thời gian này là chuyển chế độ sinh hoạt. Là lính xe tăng có tiêu chuẩn khá cao, khi đi độc lập được ưu tiên, lại không phải mang vác gì cả, cứ việc chất thoải mái lên xe nào gạo, thịt hộp, đường, sữa, lương khô, bột đậu, bột trứng... vì vậy sinh hoạt cũng khá sung túc. Nhưng ngay khi thành lập tiểu đoàn, toàn bộ lương thực thực phẩm để rải rác ở từng xe được kiểm kê và quản lý tập trung, thống nhất, toàn thể cán bộ, chiến sĩ được hưởng tiêu chuẩn 4 lạng gạo ruột ngày, 7 lạng muối và 70 gam mì chính một tháng, thịt có thì cấp không thành tiêu chuẩn. Có thể nói, cho đến lúc đó cánh lính xe tăng chúng tôi mới thật sự trở thành “Quân giải phóng”, thành “lính Bê 4”.

Những ngày chờ đợi càng như dài thêm trong mùa mưa. Mưa tầm tã như không bao giờ dứt, suối thì thành sông, còn sông thì thành đại Trường giang, quần áo lúc nào cũng ẩm sì sì và khét mùi khói. Mưa gió, ẩm ướt kéo theo những cơn sốt rừng và lái xe nguyên Văn Chính đã bị một cơn sốt rét ác tính quật ngã giữa những ngày mưa gió ấy.

Những thất bại của địch trên các chiến trường đã buộc chúng phải ký kết Hiệp định Pa ri về Việt Nam. Năm lấy thời cơ mở rộng vùng giải phóng, chúng tôi được lệnh tham gia đánh chiếm Bình Điền: một chi khu quan trọng ở vùng tây Huế. Cùng tham gia chiến đấu với chúng tôi là một phân đội bộ binh được tập hợp lại từ các bộ phận phục vụ ở “căn cứ 2” của quân khu.

Trận chiến đấu bắt đầu khoảng rạng sáng 27-1-1973, sau khi đến vị trí triển khai, tất cả các xe đều dùng pháo bắn mạnh lên cứ điểm. Ở khoảng cách trên dưới 1500 mét, mặc dù trời chưa sáng rõ, song cũng đã nhìn thấy các ụ súng, lô cốt trên các cứ điểm địch và các pháo thủ thi nhau trở tài. Khi công binh báo đã mở cửa xong các xe bắt đầu xung phong và trận đánh diễn ra không mấy khó khăn, khi xe tăng lên được điểm cao thì bọn lính đã hoảng hốt bỏ cứ điểm, lợi dụng các sườn dốc chạy thẳng về Bình Điền. Tuy nhiên, do đường quá xấu, xe đi đầu bị sa lầy nên ý định giải phóng Bình Điền không thực hiện được và chúng tôi trở về khu vực giấu quân cũ trước giờ hiệu lực của Hiệp định Pari.

Những ngày sau đó, do bọn nguy lại nống ra chiếm lại Tà Nương, một lần nữa, “xê 4” lại phải ra quân nhưng cũng như trận trước chỉ cần nghe tiếng động cơ xe tăng gầm rú vài phát đạn pháo chúng đã kéo nhau chạy và vùng giải phóng ở đường 72 được giữ vững hoàn toàn.

Sau Hiệp định Pari, Tiểu đoàn 408 tổ chức đóng quân gọn lại trong một khu vực nằm ở phía tây bắc sân bay A Lưới. Sau hơn một năm ngủ hầm, ngủ xe

các Chàng lính xe tăng bắt đầu dựng nhà cho mình và cho cả xe. Thôi thì cũng đủ cả: nhà “xê bộ”, nhà ở các trung đội, nhà ăn, nhà bếp, còn những chiếc xe tăng cũng được ở trong hầm, trong lán.

Khu vực trú quân của Tiểu đoàn xe tăng 408 nằm kề bản A Lê Nốc - quê hương của Anh hùng Vai, Anh hùng Kan Lịch. Có tiếp xúc với bà con ở đây mới thấy khó có bút nào tả xiết tinh thần triệt để hy sinh vì cách mạng của những người dân Pa Cô thuần hậu, chất phác, họ sẵn sàng ăn sẵn quanh năm để dành gạo cho cách mạng.

Sau khi công việc xây dựng nhà cửa đã hòm hòm, toàn tiểu đoàn tập trung vào huấn luyện sẵn sàng chiến đấu và củng cố xe máy, vũ khí. Mỗi tuần có 2 - 3 ngày huấn luyện, 2 - 3 ngày lao động, còn thứ bảy để làm công tác kỹ thuật. Theo chủ trương của trên, từ cuối năm 1973 tiểu đoàn chúng tôi trở thành Tiểu đoàn 4 của Lữ đoàn xe tăng 203, song vị trí đóng quân vẫn không thay đổi.

Những ngày cuối 1974, đầu 1975 có một cái gì đó khác lạ mà ngay cả những người lính bình thường như bọn tôi cũng cảm thấy đó là sự chuẩn bị rất khẩn trương nhưng cũng rất thâm lặng và bí mật. Bằng linh cảm của những người lính chúng tôi hiểu rằng có một cái gì đó hết sức to lớn sắp xảy ra.

Và điều đó đã đến, sáng 18-3-1975 chúng tôi nhận lệnh chuẩn bị đi chiến đấu. Mọi công tác chuẩn bị hoàn thành trong vòng 1 ngày và sáng 20-3-1975 toàn đại đội xuất phát.

Từ vị trí trú quân, chúng tôi đi theo đường B70 chừng 30km thì rẽ xuống hướng đông theo đường 74. Đây là con đường mà ta mới tranh thủ mở trong những năm sau Hiệp định Pa ri, vì vậy nó chưa thật hoàn chỉnh và nhất là rất hẹp, đang đi nếu phát hiện thấy xe ngược chiều thì phải tìm ngay chỗ tránh

nếu không sẽ rơi vào trường hợp hai con dê cùng qua một cây cầu. Cũng chính vì đường hẹp như vậy nên khi xe 382 bị hỏng giảm tốc sườn thì xe 389 đi sau cũng đành nằm lại không thể vượt qua được đồng thời hàng trăm xe tô cũng bị ùn lại ở hai đầu. Để khắc phục ách tắc giao thông, công binh đã phải xẻ ta - luy đường xuống gần như lấp cả chiếc xe tăng hỏng để thông xe .

Xuống đến Nam Đông chúng tôi bắt đầu vào đường 14, đây là con đường chiến lược đi dọc cao nguyên nên đường khá tốt và dốc đỡ hiểm trở hơn. Chiều 22-3 toàn đại đội (thiếu 2 xe 382 và 389) tập kết ở đỉnh Động Ruồi chuẩn bị chiến đấu. Tám giờ tối bắt đầu cơ động tiếp cận địch.

Cuộc hành quân chiếm lĩnh trận địa này có thể ghi vào lịch sử hành binh xe tăng bởi vì từ khi vượt qua đỉnh Động Ruồi chúng tôi hoàn toàn lái mò, không một chút ánh sáng đèn, chỉ dựa vào ánh sao trời và pháo sáng từ các cứ điểm phía dưới hắt lên. Còn tại sao ư? Thật đơn giản vì từ dưới nhìn lên thì chỉ cần một đốm sáng nhỏ cũng rõ mồn một và các trận địa pháo ở Mỏ Tàu, La Sơn hời hợt lắm.

Khi chúng tôi còn cách núi Bông khoảng 3km thì trời đã hừng sáng. Đó cũng là lúc hỏa lực chuẩn bị bắt đầu, không gian như bị xé nát ra bởi những chùm đạn pháo, đạn cao xạ hạ nòng và toàn đại đội dạt vào một cái khe cạn cách đường vài chục mét rồi lập tức dỡ bỏ các thứ cố định trên xe xuống. Toàn bộ các thứ bỏ lại được giao cho hai chú pháo hai, người Đông Anh mới bổ sung vào đơn vị được hơn tháng trông nom, bảo quản.

Sau vài phút việc dỡ cố định đã xong, đại đội thành một hàng dọc nhắm phía pháo nổ chạy với tốc độ cao nhất. Đi đầu là xe 386, sau đó là xe 381, 380, 387 và 390. Qua khỏi một khúc quanh, theo hàng lộ tiêu mà cánh công binh đã vạch ra, chúng tôi bỏ đường cái leo lên sườn một ngọn đồi đối diện với cứ điểm Núi Bông. Lúc này trời sáng, đã nhìn rõ những đụn khói do đạn pháo

gây ra trên cứ điểm, chúng tôi hình thành một hàng ngang và bắt đầu nổ súng tiêu diệt mục tiêu.

Sườn đồi chúng tôi triển khai gần cách với chân Núi Bông bởi một cái lũng hẹp và không ai ngờ cái lũng hẹp này lại là một vật cản thiên nhiên cản bước chúng tôi. Sa khi hai xe bị xa lầy, cấp trên đồng ý cho chúng tôi dừng tại chỗ dùng hỏa lực chi viện cho bộ binh xung phong.

Trận đánh trở thành bài tập bắn cho mấy tay pháo thủ, bởi vì thừ sườn đồi bên này nhìn sang cứ điểm Núi Bông chỉ hơn 1km, các ụ súng, công sự hiện ra rõ mồn một và là những miếng mồi ngon cho những khẩu pháo xe tăng bắn trực tiếp.

Đến buổi trưa thì sở chỉ huy thông báo xe tăng địch chuẩn bị rút chạy và lệnh cho chúng tôi dùng đạn xuyên để tiêu diệt địch. Song thật đáng tiếc chỉ ở trên sở chỉ huy thì mới nhìn thấy xe tăng địch còn chỗ chúng tôi thì không nhìn thấy. Khi anh Thận đề nghị truy kích thì trên không cho vì đoạn đường 14 dưới chân Núi Bông rất nhiều mìn, công binh chưa gỡ được. Cũng cho đến lúc này chúng tôi mới biết xe 387 bị mìn không tham gia chiến đấu được.

Thật là lạ, mãi về sau chúng tôi vẫn không giải thích được tại sao chỉ có một con đường độc đạo mà ba xe đi trước lại không bị dính mìn đến xe đi thứ 4 lại bị, mà không phải chỉ một quả.

Cho đến rạng sáng 25-3 thì đường thông. Toàn Đại đội chúng tôi lúc này còn 4 xe, được lệnh “cổng” một đại đội bộ binh hành tiến đánh địch. Khoảng 8h sáng chúng tôi đã đến sát quốc lộ 1. Thận trọng dàn đội hình chiến đấu nhưng không thấy động tĩnh gì, chúng tôi ào lên chiếm La Sơn. Thì ra bọn địch cũng

đã bỏ chạy còn dân chúng thì không biết đã bỏ đi đâu mà phớt xá không một bóng người.

Hơn 9h đại đội đã đến Phú Bài. Đoạn đường vòng tránh khá xa nên khi chúng tôi quay lại được đường 1 thì đã quá trưa, phía trước vẫn yên ắng nên chúng tôi tăng tốc chạy về phía Huế . Vượt cầu Tràng Tiền khoảng 2h chiều thì chúng tôi đến được Mang Cá. Tại đây chúng tôi được thông báo là Huế đã được giải phóng hoàn toàn, lá cờ giải phóng đã được kéo lên lúc 12h trưa.

Chúng tôi tiếc ngẩn tiếc ngơ: giá như cây cầu Phú Bài không bị phá thì chắc chắn chúng tôi sẽ đến Huế trước 12h. Thế là gần 3 năm chờ đợi ngày về giải phóng Huế chúng tôi đã lỡ hẹn lần này.

Trên đường từ Huế ra Thuận An chúng tôi thấy lác đác cờ Giải phóng và nhân dân vẫy cờ chào mừng nên cũng đỡ lo, song càng đi càng thấy vắng lặng. Càng đến gần Thuận An càng thấy bừa bộn như nhữx thứ mà quân nguy và người di tản vứt lại. Thôi thì đủ cả: xe tăng, xe thiết giáp, xe cao xạ tự hành, xe công trình, xe cao xạ tự hành, xe kéo pháo, xe GMC, xe Jeep, pháo 155, pháo 105, xe hon đa, xe đạp, va ly, túi xách... Tất cả ngổn ngang bừa bộn, có cái chưa kịp tắt máy, vẫn đang còn nổ, đặc biệt tịnh không một bóng người.

Trước tình hình đó anh Thận và đại đội trưởng bộ binh hội ý với nhau và cho rằng quân địch đang còn ần nấp đâu đây nên quyết định gọi chúng ra hàng đồng thời vận động nhân dân quay về nhà. Trước hết bố trí đội hình xe tăng để có thể sẵn sàng chiến đấu cao nhất đồng thời có thể chi viện cho nhau tốt nhất. Sau đó hướng ra phía biển xe 386 bắn một phát pháo và một tràng 12ly7. Khi dứt loạt đạn chúng tôi thông báo: “Huế đã được giải phóng, yêu cầu quân nguy ra hàng sẽ được cách mạng khoan hồng, còn đồng bào cứ yên tâm trở về làm ăn sinh sống.

Tất cả vẫn im ắng, chúng tôi vẫn kiên trì thay nhau kêu gọi vài lần nữa. Và thật là kỳ diệu! Từ trong bãi xe, từ các mô đất từ các chỗ khuất đâu đó... những cánh tay rút rè giơ lên rồi cả người xuất hiện. Khép nép, sợ hãi họ tiến về phía chúng tôi. Người cười trần, người còn bận quân phục, có người đã mặc thường phục và tất cả được gom lại phía sau xe 386.

Đến khoảng 8 giờ tối thì không chỉ có lính mà cả dân cũng lục tục kéo về cho

đến hết đêm 25-3 thì lính hầu như đã hết mà chỉ còn dân trở về nhà. Chốt giữ Thuận An được 3 ngày đến 1 giờ sáng 29-3 thì chúng tôi nhận lệnh đi đánh Đà Nẵng. Cả đại đội nhanh chóng lên đường.

Cuộc hành quân đang thuận lợi thì một tin không vui đến với chúng tôi: một cây cầu ở đoạn gần Lăng Cô bị địch phá hỏng. Thế là lại phải chờ, chúng tôi tranh thủ kiểm tra xe cộ và nấu cơm ăn trưa. Ăn xong, cầu vẫn chưa khắc phục xong, trong khi đó người anh em Đại đội 3 từ phía sau đã vượt lên và với lợi thế xe bơi nước đã vượt được sông sang đánh chiếm đèo Hải Vân.

Sốt ruột quá chúng tôi kéo cả lên chỗ cầu để xem, lúc này công binh mới đang chuẩn bị làm ngầm, mà sông thì rất sâu nên không biết bao giờ mới xong. Cho đến giờ chúng tôi cũng không nhớ ai đó đã đề xuất một ý tưởng hết sức táo bạo: cho xe tăng đi qua cầu đường sắt để vượt sông. Cây cầu đường sắt nằm ở phía thượng lưu cầu đường bộ vài chục mét, thân cầu bằng sắt rất vững chãi song khó khăn ở chỗ mặt cầu không có, chỉ có các thanh tà vẹt gỗ bắc trên 2 dầm cầu, mỗi thanh cách nhau chừng 50 - 60cm.

Sau khi xem xét, hội ý, chúng tôi quyết định cho xe đi. Từng chiếc một thận trọng bò lên cầu và với chân ga rất êm, rất nhẹ thận trọng từng chút một bò đi trong mềm trông chờ khắc khoải và hồi hộp của hàng trăm con mắt. Khi chiếc xe tăng đầu tiên vượt hẳn sang được bờ Nam chúng tôi vui sướng quá reo hò ầm ĩ.

Về Khánh Sơn chúng tôi khẩn trương chuẩn bị xe cộ để hành quân vào phía Nam. Lúc này, đơn vị có sự điều chỉnh cho phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ. Đại đội tôi đã phải chia tay với người anh em Đại đội 3 để về đội hình Tiểu đoàn 1 là tiểu đoàn xe tăng chủ lực của Lữ đoàn 203.

Đến thời điểm này hai xe 282 và 389 cũng đã khắc phục xong và trở lại đội hình, chúng tôi cũng được bổ sung một số thành viên mới, trong đó Nguyễn Kim Duyệt - người Hà Nội, nguyên sinh viên Đại học Nông nghiệp về làm nạp đạn xe 380 của tôi.

Trong những ngày này chúng tôi được thông báo về bức điện của Đại tướng Tổng tư lệnh. Cho đến giờ tôi vẫn không quên được những câu chữ hùng hực khí thế. “Thần tốc, thần tốc hơn nữa. Táo bạo, táo bạo hơn nữa...”.

Sau gần một tuần chuẩn bị, những đơn vị đầu tiên của Lữ đoàn 203 đã lên đường. Đi đầu đội hình là Tiểu đoàn 4 - đơn vị cũ của chúng tôi và Tiểu đoàn 5, một tiểu đoàn mới được bổ sung về Lữ đoàn 203 từ Quân khu 5, đó là hai tiểu đoàn tăng thiết giáp bơi nước có nhiệm vụ tiến công tiêu diệt các lực lượng phòng thủ vòng ngoài của địch ở khu vực Phan Rang - Hàm Tân.

Ngày 10-4-1975 chúng tôi lên đường. Đường tốt, xe mới được củng cố, tinh thần thì khỏi phải nói...chúng tôi tưởng mình được chắp cánh bay về Nam. Song, niềm phấn khích của cả đoàn như bị dội một gáo nước lạnh: cầu Cầu Lâu bắc qua sông Thu Bồn bị địch phá sập hai nhịp, mới chỉ được khắc phục bằng cầu tạm mà cầu này không đủ trọng tải cho xe chúng tôi qua.

Để chuẩn bị cho chúng tôi cơ động cấp trên đã cho công binh triển khai một bến phà quân sự ngay ở phía trên cầu. Nhưng thật ngao ngán, vì với loại phà này, muốn đưa được một xe qua sông phải mất trên dưới hai giờ. Một phương án mới được đưa ra là đi vòng tránh cầu hòng khi chúng tôi biết phía thượng lưu Cầu Lâu hơn 10 km cũng có một cây cầu. Thế là cả đoàn xe tăng lại rầm rập cơ động dọc theo sông Thu Bồn hòng bù lại thời gian đã mất.

Với sự cố gắng cao độ của công binh chúng tôi chỉ phải chờ đợi có hơn một ngày là qua được sông (theo tính toán ban đầu phải mất khoảng 3 – 4

ngày). Một dải đất miền nam vừa thân thuộc vừa lạ lẫm hiện ra trước mắt chúng tôi.

Chỉ sau 10 ngày hành quân, mặc những khó khăn trở ngại trên đường, ngày 24 – 4 – 1975 chúng tôi đã có mặt ở khu vực tập kết chiến đấu, đó là những cánh rừng cao su bát ngát ở Long Khánh, Đồng Nai.

Ngày 26 tháng 4 chúng tôi được phổ biến nhiệm vụ là sẽ tham gia chiến dịch Hồ Chí Minh giải phóng Sài Gòn. Toàn đội ai cũng háo hức, ở xe tôi sau khi đi nhận nhiệm vụ về, trưởng xe Luông gọi cả 4 anh em lại, với một vẻ mặt hết sức quan trọng nói về chiến dịch cuối cùng đã được mở và tầm bản đồ du lịch Sài Gòn cùng với lời dặn “Qua cầu Sài Gòn, đến ngã tư thứ bảy thì rẽ trái là đến dinh Độc Lập” được chúng tôi học thuộc lòng từ hôm ấy.

Ngày 28 tháng 4 năm 1975, xe 380 của chúng tôi được bổ sung cho đại đội 5 tấn công Nước Trong. Đó là một tuyến phòng ngự khá vững chắc của địch ở phía đông Sài Gòn, đến gần trưa, xe chúng tôi bị trúng một quả đạn, tháp pháo bị khoan thủng một lỗ đút lọt nắm tay, trưởng xe Luông và nạp đạn Duyệt bị thương nhưng Duyệt bị nặng hơn – cả một nửa người tả tơi, đầm đìa máu.

Mới được bổ sung về xe tôi chưa đầy một tháng nhưng chúng tôi thân nhau lắm. Là trai Hà Nội mà sao Duyệt hiền thế, nói năng thì nhỏ nhẹ, thùy mị như con gái, chơi đàn ghi ta rất hay. Đang học Đại học năm thứ hai thì Duyệt nhập ngũ, và sau mấy năm chiến đấu ở bộ binh thì chuyển về làm nạp đạn ở xe tôi. Duyệt chịu khó lắm, trên đường hành quân, mỗi lần được nghỉ ngắn chỉ mấy phút đã thấy có ca sữa nóng bồi dưỡng lái xe, cong các chạng nhĩ dài thì bữa ăn của xe tôi bao giờ cũng ngon lành nhất.

Ki chúng tôi đưa hai anh em vào bệnh xá tiền phương Duyệt vẫn còn tỉnh táo. Lúc đưa ba lô của Duyệt xuống tôi và Thọ sững cả người vì cái ba lô mà Duyệt chăm chút cất trong vành tháp pháo chỉ có độc một bộ tăng võng, còn lại toàn là sách – chủ yếu là sách học tiếng Anh và từ điển mà Duyệt đã gom nhặt từ Huế, Đà Nẵng.

Lúc đó tôi không nghĩ là Duyệt sẽ hy sinh mà luôn tin rằng khi lành vết thương Duyệt sẽ trở về mái trường Đại học và sổ sách này sẽ giúp ích nhiều cho Duyệt. Song thật không ngờ - Duyệt vĩnh viễn ra đi sau đó ít giờ và đây là trường hợp duy nhất hy sinh trong chiến đấu của Đại đội 4 chúng tôi. Hiện giờ Duyệt vẫn đang yên nghỉ tại nghĩa trang liệt sĩ huyện Long Thành cùng hàng trăm đồng đội đã ngã xuống trong những ngày tháng tư ác liệt đó.

Trưa 29-4 một lần nữa căn cứ Nước Trong bị tấn công và bị xoá sổ không mấy khó khăn bằng lực lượng bộ binh cùng 2 đại đội xe tăng 4 và 5. Thừa thắng xông lên, cả Lữ đoàn 203 hình thành mũi chọc sâu đánh đòn quyết định vào cơ quan đầu não của ngụy quyền Sài Gòn.

Cho đến giờ và chắc chắn là cho đến lúc giã biệt cõi đời này tôi sẽ không thể nào quên cái cảm giác đã đến với mình trong buổi trưa lịch sử ấy, khi vết xích xe tăng cày nát thảm cỏ khoảng sân trước cửa dinh Độc Lập. Đó là một cảm giác hết sức khó tả vừa vui sướng, vừa tự hào vinh dự lại vừa đau xót nuối tiếc cho những đồng đội đã hy sinh không được hưởng niềm vui chiến thắng này.

Sau khi sà xuống đài phun nước giữa sân dinh lau qua bộ mặt lem luốc của mình tôi trở về xe và lặng đi trong ghế lái tận hưởng cái cảm giác đê mê khó tả ấy. Cúi nhìn đồng hồ công tơ mét, dù nó đã bị hỏng trước đó mấy ngày nhưng tôi ước tính được chỉ số hành trình của chiếc xe 380 thân yêu này.

Vốn thỉnh thoảng có làm thơ, tứ thơ “Cây số cuối cùng xuất hiện trong tôi và ngay lúc đó tôi ghi lại những cảm xúc của mình:

Khi chiếc xe tăng dừng trước dinh Độc Lập

Ta ngỡ ngàng - đây thật hay mơ?

Cây số cuối cùng cuộc trường chinh dang dở

Đến rồi chẳng” .. Hai mắt bỗng dừng nhoà...

Mới đó mà cuộc chiến tranh giải phóng của dân tộc ta đã lùi xa hơn một phần tư thế kỷ - khi ngồi viết những dòng này - trong tôi vẫn nóng hổi những kỷ niệm về cái tập thể thân thương ngày ấy, về những người đồng đội đã cùng tôi chia ngọt sẻ bùi, chia nhau cả cái sống và cái chết.

Đồng đội tôi - 8 người đã vĩnh viễn không bao giờ trở lại. Duyệt ở Long Thành thỉnh thoảng tôi còn được ghé thăm, còn Lạc, Lược, Luyện, Kiểm, Hùng, Tình, Chính giờ này ai biết các bạn đang ở đâu, chắc rằng xương thịt các bạn đã hoà tan vào núi rừng cây cỏ Trường Sơn mãi mãi.

Và hơn ba chục anh em khác về với đời thường, số phận đã đưa đẩy các anh tới bến bờ nào? Biết đến bao giờ chúng ta mới có thể được gặp nhau để cùng gọi một tiếng “Quê” thân ái, để cùng rửa mặt ở bồn nước trước dinh Thống Nhất, để cùng ngồi uống rượu ngắm pháo hoa trên cầu cảng Sài Gòn lộng gió... Có thể đó chỉ là một giấc mơ, song chúng ta hãy cùng hy vọng.

GẶP LẠI LỮ ĐOÀN TRƯỞNG XE TĂNG ĐÁNH CHIẾM DINH ĐỘC LẬP

Trung tá Nguyễn Đình Phụng

Trợ lý tuyên huấn, Cục chính trị

Bộ Tư lệnh Tăng-Thiết giáp.

Một buổi sáng đầu tháng tư năm 1995, tôi đến khu tập thể quân đội bả Nghĩa Tân, Hà Nội tìm gặp bác Nguyễn Tất Tài. Hai mươi năm trước đây bác là trung tá, Lữ đoàn trưởng lữ đoàn xe tăng 203 đơn vị được giao đột phá mở cửa, đánh chiếm dinh Độc Lập.

Sau khi cùng các đơn vị bạn giải phóng thành phố Đà Nẵng, Phan Rang, Phan thiết, Hàm Tân...Lữ đoàn 203 xe tăng được giao nhiệm vụ dẫn đầu đội hình thọc sâu của Binh Đoàn Hương Giang tham gia chiến dịch Hồ Chí Minh. Bác Nguyễn Tất Tài xúc động kể:

Sang ngày 28-4-1975, Thiếu tướng Nguyễn Hữu An, tư lệnh Quân đoàn 2 trực tiếp xuống đồng điền Ông Quế trao cờ quyết thắng cho Lữ đoàn 203 và chỉ thị: “Phải nhanh chóng phát triển tiến công, cắm cờ chiến thắng lên nóc dinh Độc Lập, bắt nội các Dương Văn Minh đầu hàng”.

Sau phút giây giao nhiệm vụ Đảng ủy Lữ đoàn họp chớp nhoáng, xem xét lại phương án tác chiến và đề ra một số giải pháp trong chiến đấu. Đang lo không biết đường vào dinh Độc Lập thì may thay Chính ủy Bùi Tùng nhật được tấm bản đồ du lịch Sài Gòn. Bông ai đó reo lên: Từ cầu Thị Ngè qua 7 ngã tư rồi rẽ trái.

Như có một luồng điện, mọi người truyền nhau câu: Qua 7 nhgax tu queo trái là vào dinh Độc Lập.

Đúng 14h30' ngày 29 – 4, đội hình thọc sâu của Lữ đoàn được lệnh xuất kích. Trên tháp pháo các xe tăng đều viết dòng chữ “Thần tốc, táo bạo, quyết thắng” bằng sơn, bằng phấn, bằng kem đánh răng và bất cứ thứ gì có thể kẻ lên được ý chí và quyết tâm của người lính.

Kể đến đó bác Nguyễn Tất Tài nhắp một ngụm nước chè, rồi đưa cho tôi một tờ giấy:

- Tôi cho anh xem cái này. Tôi đã giữ nó 20 năm nay như một kỷ vật chiến trường.

Đây chính là bức điện viết tay của Thiếu tướng Nguyễn Hữu An. Bên góc trái, bút tích của bác Tài: “Nhận lúc 24h ngày 29-4-1975”. Nguyên văn bức điện như sau: “Anh Tài – Tùng, 7 chiếc xe tăng và một bộ phận bộ binh ta đã đến cầu xa lộ Biên Hòa gặp bộ phận đặc công 116 giữ 2 ngày nay. Tình hình như vậy là thuận lợi, do đó phải mạnh dạn tiến lên, đừng để tàn binh lẻ tẻ cản trở. Cố gắng đưa toàn bộ đội hình của các anh sang bên tây cầu đêm nay để 3 -4 giờ sáng 30 -4 là ta xốc tới được Sài Gòn, chiếm xong cầu Rạch Chiếc và cầu Tân Cảng (tức cầu Sài Gòn).

Tôi nói anh Ân cho 2 Tiểu đoàn của Trung đoàn 9 tiến về phía cầu xa lộ Biên Hoà. Các anh thi hành khẩn trương và giữ liên lạc với tôi thường xuyên. Mục tiêu vào Sài Gòn là dinh Tổng thống, Đài Phát thanh, Bộ Tư lệnh Hải quân, Ngân hàng, Đặc phủ uỷ Trung ương Tình báo. Ký tên: An.”

Tôi hỏi bác Tài:

- Trên đường tiến công vào Sài Gòn, khu vực nào địch chống cự ác liệt nhất.
- Khi rút chạy, địch đã phá sập cầu Sông Buông. Công binh Lữ đoàn phải khắc phục để xe tăng cơ động. Gặp địch ở Long Bình và ngã ba Vũng Tàu cho nên mãi 4 giờ sáng 30-4, Lữ đoàn mới qua cầu sông Đồng Nai.

Chúng tôi hiệp đồng chặt chẽ với đơn vị đặc công chiếm giữ cầu rồi phối hợp đánh địch. Chúng dùng pháo bắn chặn vào đội hình Lữ đoàn dọc theo xa lộ. Tôi lệnh cho một phân đội Lữ đoàn đánh chiếm căn cứ Thủ Đức. Tại đây chiếc xe tăng 707 đã chiến đấu đến viên đạn cuối cùng và cả 4 thành viên trong xe đều hy sinh anh dũng. Khi đến cầu Sài Gòn, cả đơn vị dùng tốc độ để vượt nhưng do cầu hình vòm nên xe tăng địch ở phía tây cầu quan sát thấy xe tăng ta mà ta thì không phát hiện được chúng. Hai chiếc xe tăng dẫn đầu đội hình bị địch bắn cháy.

Giữa lúc đang gặp khó khăn, tiểu đoàn trưởng Ngô Văn Nhữ nhờ người khôi tháp pháo chỉ huy bộ đội vượt cầu. Một loạt đạn bên tây cầu bắn sang, anh bị trúng đạn hy sinh ngay trên tháp pháo. Lữ đoàn phó Trần Minh Công nhảy lên xe tiểu đoàn trưởng Ngô Văn Nhữ vừa hy sinh để chỉ huy vượt cầu. Địch thấy sức áp đảo mạnh của ta liền bỏ chạy về phía ngã tư Hàng Xanh, xe ta bám sát, bắn cháy một xe tăng địch. Chúng lại ngoan cố ngăn chặn tại cầu Thị Nghè, ta bắn cháy hai xe tăng M41 của địch.

Nhờ có mệnh lệnh tiến công bằng văn bản đã được bộ đội học thuộc và có bộ đội đặc công chỉ đường, chúng tôi tiến vào dinh Độc Lập từ hai hướng. Theo đường Hồng Thập Tự (nay là đường Lê Duẩn) và đường Thống Nhất do xe

843 của đại đội trưởng Bùi Quang Thận và xe 390 của chính trị viên Vũ Đăng Toàn dẫn đầu. Đạn súng các cỡ đang nổ vang trên đường phố. Cờ ba sọc của nguy quyền vẫn bay trên nóc dinh Độc Lập.

Pháo thủ xe 843 đề nghị bắn trực tiếp vào dinh Độc Lập vì không có dấu hiệu địch đầu hàng. Nhưng Bùi Quang Thận bình tĩnh quan sát, hô tạm dừng, ra lệnh lái xe tăng tốc độ cùng với xe 390 húc đổ cánh cổng dinh và nhanh chóng tiến vào trong sân. Tiếp đó cả đội hình tăng của Lữ đoàn dàn hàng ngang, ghếch nòng pháo về dinh Độc Lập, sào huyết cuối cùng của Mỹ nguy. Tôi ra lệnh cho bộ đội không được bắn, trong tư thế sẵn sàng chiến đấu. Tôi nhìn đồng hồ, lúc đó là 10 giờ 45 phút ngày 30-4-1975.

Hai mươi năm qua, lịch sử đã ghi nhận chiến công của Lữ đoàn 203 xe tăng. Đại đội trưởng Bùi Quang Thận đã cắm lá cờ chiến thắng lên nóc dinh Độc Lập. Trung tá Bùi Văn Tùng, Chính ủy Lữ đoàn cùng một số cán bộ, chiến sĩ đơn vị bạn trong Binh đoàn và chiến sĩ biệt động Sài Gòn thay mặt Quân giải phóng, tuyên bố tiếp nhận sự đầu hàng vô điều kiện của nội các nguy quyền Dương Văn Minh. Sau năm 1975, đồng chí Nguyễn Tất Tài đã trải qua nhiều cương vị công tác, Phó hiệu trưởng trường sỹ quan chỉ huy kỹ thuật xe tăng, Hiệu trưởng trường hạ sỹ quan xe tăng 2, rồi Phó tư lệnh binh chủng Tăng – Thiết giáp. Nhưng sau đó, năm 1987, đang làm việc thì căn bệnh xuất huyết não ập đến.

Tôi hỏi bác về phần thưởng sau ngày chiến thắng. Bác Tài nói giọng pha chút ừ ừ:

- Lữ đoàn 203 đánh địch từ Đà Nẵng vào đến Sài Gòn luôn có đồng chí Thiếu tướng Nam Long, Phái viên của Bộ đi cùng, đồng chí Nam Long đã nói trong cuộc họp của Lữ đoàn: “Đánh xong Phan Rang tôi sẽ đề nghị trên thưởng Huân chương Quân công hạng Ba, đánh xong Phan Thiết sẽ là Huân chương Quân công hạng Nhì, và chiếm dinh Độc Lập sẽ đề nghị thưởng Huân chương Quân công hạng nhất”, Đảng ủy Lữ đoàn còn đề nghị cấp trên tặng

thường Huân chương Quân công hạng Ba cho tôi.”.

64 tuổi đời, gần 50 tuổi quân, cả một đời trận mạc đầy hy sinh gian khổ nhưng Đại Tá Nguyễn Tất Tài khi rời quân ngũ vẫn giữ phẩm chất Anh bộ đội cụ Hồ.

TẤN CÔNG PHỦ TỔNG THỐNG NGỤY

Đại tá Bùi Văn Tùng,

Nguyên Chính ủy Lữ đoàn xe tăng 203

Bản thảo lời đầu hàng của Tổng thống Dương Văn Minh

Tôi, Đại tướng Dương Văn Minh, Tổng thống chính quyền Sài Gòn kêu gọi quân đội cộng hòa hạ vũ khí vũ khí đầu hàng không điều kiện quân giải phóng miền Nam Việt Nam.

Tôi tuyên bố chính quyền Sài Gòn từ trung ương đến địa phương phải giải tán hoàn toàn, giao hoàn toàn chính quyền từ trung ương đến địa phương cho Chính Phủ cách mạng Lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam.

Bản thảo của Chính ủy Lữ đoàn xe tăng 203 chấp nhận sự đầu hàng không điều kiện của Tổng thống Dương Văn Minh.

Tôi đại diện lực lượng Quân giải phóng miền Nam Việt Nam, đơn vị chiếm dinh Độc Lập chấp nhận sự đầu hàng không điều kiện của tướng Dương Văn Minh, Tổng thống chính quyền Sài Gòn.

Chúng tôi đại diện lực lượng Quân giải phóng miền Nam Việt Nam long trọng tuyên bố:

- Thành phố Sài Gòn đã được giải phóng hoàn toàn.

- Chấp nhận sự đầu hàng của tướng Dương Văn Minh - Tổng thống Việt Nam cộng hoà - Tổng thống chính quyền Sài Gòn.

Đó là hai văn bản nằm trong Viện bảo tàng. Còn trong chiến dịch Hồ Chí Minh, Binh đoàn Hương Giang là một trong hai cánh quân ở hướng Đông cùng với ba cánh quân trên các hướng khác tấn công thành phố Sài Gòn, “thủ đô” của chính quyền nguy.

Để phá vỡ tuyến phòng thủ bên ngoài, Bộ Tư lệnh Binh đoàn dùng ba đại đội xe tăng phối thuộc cho ba sư đoàn bộ binh tấn công trên một diện rộng 80 cây số kéo dài từ Long Bình đến Bà Rịa - Vũng Tàu. Để đột phá vào nội thành với chiều sâu 50 cây số phải tổ chức đơn vị có hỏa lực mạnh và tính cơ động cao.

Tư lệnh Binh đoàn quyết định lấy Lữ đoàn xe tăng 203 làm chủ, phối hợp thêm một tiểu đoàn bộ binh thuộc Trung đoàn 28 Sư đoàn 325, một tiểu đoàn pháo 105 ly thuộc Lữ đoàn pháo mặt đất 164, một tiểu đoàn công binh thuộc Lữ đoàn công binh 219 và một tiểu đoàn pháo cao xạ thuộc sư đoàn pháo

phòng không. Toàn bộ lực lượng này tổ chức thành một Binh đoàn cơ giới thọc sâu, giao cho bộ chỉ huy Lữ đoàn xe tăng 203 chỉ huy tấn công trong hành tiến.

Nhiệm vụ trước mắt đánh chiếm mục tiêu chủ yếu là dinh Độc Lập - phủ Tổng thống nguy, nhiệm vụ tiếp sau là nếu bộ máy chính quyền này rút chạy về miền Tây thì tiếp tục truy kích, tấn công giải phóng thành phố Cần Thơ. Khi giao nhiệm vụ, Tư lệnh giải thích thêm:

“Tấn công trong hành tiến là dùng hỏa lực mạnh của xe tăng bắn tiêu diệt, chế áp các loại mục tiêu ngăn chặn, dùng vỏ thép dày và tính cơ động cao kiên quyết tiến lên. Các mục tiêu địch còn sót lại sẽ do đơn vị tiến sau Binh đoàn cơ giới giải quyết. Phải dùng tiểu đoàn xe tăng mạnh dẫn đầu đội hình của Binh đoàn”.

12 giờ trưa ngày 29 tháng 4 đơn vị bạn đã chiếm được căn cứ Nước Trong: Tư lệnh ra lệnh cho Binh đoàn cơ giới xuất kích. Tàn binh địch ở Nước Trong (Long Thành) chạy về Sài Gòn đã phá sập cầu sông Buông. Binh đoàn tạm thời dừng lại chờ công binh sửa cầu.

Tranh thủ thời gian Tư lệnh bổ sung thêm nhiệm vụ chiến đấu và giải quyết công việc trong lúc Bộ Tư lệnh chiến dịch chưa vào kịp. Khuya hôm đó chúng tôi tấn công địch tại Long Bình, ngã ba Vũng Tàu, 4 giờ sáng ngày 30 tháng 4 toàn bộ đội hình vượt qua cầu xa lộ sông Đồng Nai. Binh đoàn Đặc công Nam Bộ đánh chiếm và giữ cầu đã hoàn thành nhiệm vụ, anh Tổng Viết Dương chỉ huy đề nghị chúng tôi cho đặc công lên xe hiệp đồng chiến đấu, chúng tôi chấp thuận.

Trên đường tiến chúng tôi luôn bị các loại hỏa lực địch bắn vào đội hình. Trận đánh tại Thủ Đức địch đã bắn cháy của ta một xe tăng, năm anh em trên xe đều hy sinh. Tiến về cầu xa lộ sông Sài Gòn, một xe thiết giáp chỉ huy bị trúng đạn, bốn cán bộ, chiến sĩ hy sinh và bị thương, 8 giờ 30 sáng tiểu đoàn xe tăng dẫn đầu đội hình đã tiếp cận cầu xa lộ sông Sài Gòn. Địch phòng thủ ở đây có tổ chức với đủ các loại hỏa lực. Tư lệnh lệnh cho chúng tôi dùng hỏa lực áp chế, nhanh chóng vượt qua chiếm cầu, không được chậm trễ vì địch có thể phá sập cầu.

Chúng tôi lệnh cho tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn xe tăng 1 triển khai hỏa lực chế áp mục tiêu địch trên và bên kia cầu, cho xe tăng tăng tốc độ vượt qua chiếm cầu. Sau khi đã dùng hỏa lực chế áp, tiểu đoàn trưởng xe tăng Ngô Văn Nhữ cho hai xe tăng tăng tốc độ vượt cầu. Hai xe tăng tiến lên đều bị địch bắn hỏng. Tình thế lúc này rất khẩn trương, Ngô Văn Nhữ mở nắp cửa xe, nhô nửa người ra khỏi tháp pháo, quan sát kỹ từng hỏa điểm địch, chỉ huy trận đánh. Địch bên này cầu đã bắn trúng anh, anh hy sinh nằm vắt ngang bên tháp pháo, tay vẫn chỉ về hướng cầu.

Địch lợi dụng thế cong của cầu, bố trí xe tăng M48 đứng trên cầu phía tây, bên ta chỉ thấy ló lên tháp pháo. Lữ đoàn phó Trần Minh Công lên trực tiếp chỉ huy. Anh tập trung hỏa lực bắn cháy được xe tăng M48 đứng trên cầu. Xe cháy, lửa và khói bốc lên bao phủ một đoạn cầu. Lợi dụng khói lửa che khuất, chúng tôi nhanh chóng cho đội hình vượt qua chiếm cầu, tiến vào thành phố.

Địch còn tiếp tục dùng xe tăng, xe thiết giáp ngăn chặn ta từ ngã tư Hàng Xanh và cầu Thị Nghè, đều bị xe tăng ta tiêu diệt và vượt qua. Thành phố Sài Gòn rộng lớn có rất nhiều tuyến đường, nếu không rành địa hình thì rất dễ lạc đường. Khi giao nhiệm vụ, chúng tôi đã phổ biến rõ: đến ngã tư Hàng Xanh rẽ trái tìm đường Hồng Thập Tự vượt qua bàu ngã tư, đến ngã tư thứ bảy quẹo trái, đó là dinh Độc Lập.

Toàn bộ đội hình chúng tôi tiến vào không một xe nào bị lạc. Hai xe tăng dẫn đầu đội hình, xe 843 do đại đội trưởng Bùi Quang Thận trực tiếp làm trưởng xe chỉ huy và xe 390 do Vũ Đăng Toàn chính trị viên đại đội làm trưởng xe chỉ huy. Gần đến cổng hai xe tăng tốc độ, xe 843 húc cổng chưa sập bị kẹt, xe 390 lao vào húc đổ cổng sắt tiến thẳng vào toà nhà lớn, ba xe tiến sau tiếp tục lao vào sân dinh. Đội hình còn lại được lữ đoàn trưởng Nguyễn Tất Tài chỉ huy hình thành thế bao vây theo các trục lộ xung quanh dinh để phòng địch phản kích.

Đơn vị nguy quân bảo vệ dinh thấy đội hình lớn xe tăng của ta nên đã rút súng đầu hàng tập trung ngồi ở góc trái sân. Bùi Quang Thận nhảy xuống xe chạy lên sân thượng toà nhà, tại đây anh xé rách diềm cờ ba sọc và kéo lá cờ của Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam lên, đúng 11 giờ trưa ngày 30 tháng 4 năm 1975.

Kỷ luật chiến trường của bộ đội Binh đoàn Cơ giới rất nghiêm túc, nhất nhất chấp hành lệnh của người chỉ huy. Đơn vị xe pháo sẵn sàng chiến đấu trên xe có một bộ phận bộ binh, công binh phối thuộc và đặc công hợp đồng chiến đấu tiến vào vây quanh các cửa lớn trong dinh. Chúng tôi phái một bộ phận ra đánh chiếm Bộ Tư lệnh Hải quân và cảng Sài Gòn. Bộ chỉ huy và chủ nhiệm chính trị Lữ đoàn tất cả có mặt trong dinh. Tôi xuống xe thiết giáp tiến nhanh vào toà nhà lớn. Phạm Duy Độ, đại đội trưởng đặc công (đơn vị hiệp đồng lên xe từ cầu xa lộ sông Đồng Nai) thấy tôi chạy ra báo cáo: “Anh em ta đã vây bắt cả nội các nguy kể cả Tổng thống Dương Văn Minh, Thủ trưởng vào giải quyết”.

Theo điện cấp trên vừa cho biết, các cánh quân đang tiến vào miền tây Nam và các đảo chưa giải phóng. Tôi không ngờ và rất mừng là anh em ta đã bắt được Tổng thống nguy ở đây, phải bắt y tuyên bố đầu hàng ngay lập tức để đỡ tổn xương máu. Anh em rẽ lối để chúng tôi vào. Minh thấy tôi có thể ông nghĩ tôi là người chỉ huy đứng đầu của trận đánh này, ông nói: “Chúng tôi chờ các ông đến để bàn giao”. Tôi đáp: “Các ông chẳng còn gì để mà bàn

giao, chỉ có đầu hàng không điều kiện. Sau vài lời bàn cãi với viên phụ tá đứng cạnh, cuối cùng Minh chấp nhận ra Đài phát thanh.

Tại Đài không thể để Minh tự do tuyên bố nên tôi đã thảo lời đầu hàng đưa cho ông ta. Bộ Tư lệnh của tôi chưa vào kịp nên tôi lại tự thảo bản chấp nhận đầu hàng của Minh. Sau khi xem bản dự thảo, Minh chỉ đề nghị cho bỏ hai chữ “Tổng thống”, tôi phân tích đầy đủ lý lẽ Minh đành chấp thuận để nguyên. 13 giờ hôm đó hai lời tuyên bố đầu hàng không điều kiện và chấp nhận sự đầu hàng được phát đi trên các làn sóng của Đài Phát thanh Sài Gòn.

Tôi đưa Minh trở lại dinh Độc Lập thì Bộ Tư lệnh Binh đoàn Hương Giang đã có mặt trong dinh. Tại đây Bộ tư lệnh Binh đoàn đã thảo bản thông cáo số một và cho phát đi ngay chiều hôm đó. 5 giờ chiều chúng tôi được lệnh bàn giao dinh lại cho đơn vị bạn và rút ra khỏi dinh. Chủ nhiệm chính trị Lê Minh chỉ bàn giao lại vốn vẹn có một đùm chìa khoá nặng vài ki lô.

Ba ngày sau tại Binh đoàn có cuộc họp thủ trưởng các sư, lữ đoàn và các Cục. Mở đầu cuộc họp, Tư lệnh nói: Hôm qua ở Bộ chỉ huy chiến dịch các anh rất khen đồng chí Tùng thảo lời đầu hàng cho Minh chính xác và đọc lời chấp nhận đầu hàng đồng dục của người chiến thắng. Qua tôi các anh gửi lời về khen ngợi đồng chí Tùng. Cả cuộc họp vỗ tay.

Ngày 17 tháng 5 tại phòng khánh tiết dinh Thống Nhất (Dinh Độc Lập cũ) có cuộc họp các thủ trưởng năm cánh quân đón mừng Bác Tôn. Sau khi Bác có lời khen ngợi quân đội đã góp phần giải phóng thành phố Sài Gòn, giải phóng hoàn toàn miền Nam và chỉ thị nhiệm vụ cho quân đội. Đại tướng Văn Tiến Dũng cho tôi kể lại trận đánh chiếm dinh Độc Lập và buộc Tổng thống Dương Văn Minh đầu hàng. Sau khi kể xong Đại tướng bảo tôi đến để Bác Tôn hôn quân đội. Tôi không ngờ lại được nhận vinh dự này. Tôi nghĩ đến các anh hùng và trăm ngàn chiến sĩ đã ngã xuống trong cuộc chiến tranh giải

phóng này ngay cả trước giờ cuộc chiến tranh kết thúc. Bác ôm chặt tôi, tôi chùn chân xuống để đón nhận những chiếc hôn của Bác, quá cảm xúc nước mắt tôi trào ra đầm cả má Bác.

Kỷ niệm 20 năm ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, tôi muốn ghi lại một kỷ niệm hay đúng hơn là một sáng kiến về tài nghệ tổ chức và chỉ huy chiến đấu của Thượng tướng Nguyễn Hữu An nguyên Thiếu tướng Tư lệnh Binh đoàn Hương Giang. Anh đã từng là trung đoàn trưởng trong chiến tranh chống Pháp, chỉ huy bộ đội tham gia chiến dịch Điện Biên Phủ. Anh đã lăn lộn nhiều năm trên các chiến trường chống Mỹ.

Trong chiến dịch mùa xuân năm 1975 là Tư lệnh Binh đoàn Hương Giang, anh cùng với Bộ Tư lệnh chiến dịch chỉ huy giải phóng Thừa Thiên - Huế, Đà Nẵng. Anh chấp hành mệnh lệnh thần tốc của Đại tướng Tổng Tư lệnh tổ chức Binh đoàn hành quân trên một đoạn đường dài non một ngàn cây số với tất cả vũ khí, khí tài nặng. Anh chỉ huy phá vỡ tuyến phòng thủ từ xa của địch, giải phóng Phan Rang, Phan Thiết, Bình Tuy, chỉ huy một cánh quân hướng Đông trong chiến dịch Hồ Chí Minh.

Binh đoàn xe tăng chúng tôi suốt cả cuộc chiến tranh chống Mỹ chỉ được sử dụng đi phối thuộc chiến đấu cho bộ binh. Lần này, anh tận dụng hỏa lực mạnh, vỏ thép dày và tính cơ động cao của xe tăng tổ chức thành một Binh đoàn Cơ giới thọc sâu, lấy xe tăng làm chủ tấn công trong hành tiến đánh chiếm phủ Tổng thống nguy quyền Sài Gòn. Anh đã không những góp phần quan trọng để Lữ đoàn xe tăng chúng tôi hoàn thành nhiệm vụ mà còn rút ra một kinh nghiệm thực tiễn đối với Binh nhung Tăng - Thiết giáp để tổ chức huấn luyện, một trong những hình thức chiến đấu sẵn sàng đáp ứng yêu cầu của chiến tranh nếu xảy ra với qui mô lớn.

ĐẠI ĐỘI ĐẶC CÔNG CƠ GIỚI CHÚNG TÔI NGÀY ẤY

Đại tá Lê Như Hoà,

nguyên đại đội trưởng Đại đội Đặc công cơ giới

(thuộc Phòng Đặc công Cơ giới Miền J16)

Một số cựu chiến binh thuộc Binh chủng Tăng Thiết giáp chúng tôi đang sinh sống ở Thành phố Hồ Chí Minh, gặp nhau đón xuân Nhâm Ngọ (2002). Trong không khí vui tươi đầu xuân, mọi người đều mừng vui trao đổi những tin về thành tựu của đất nước trong thời kỳ đổi mới. Một đồng chí đọc một câu thơ:

Xuân bước nhẹ trên nhành non lá mới

Bạn đời ơi ! vui chút mới trời hồng !

(thơ Tố Hữu “Ý Xuân”1939)

Nhưng rồi, tự nhiên, có lẽ theo tính của những Anh bộ đội Cụ Hồ, mọi câu chuyện lại chuyển sang cái ngày dân tộc Việt Nam đã trải qua - một thời chiến tranh.

Tôi bồi hồi nhớ tới trận đánh đầu tiên của anh em chúng tôi, trên chiến trường miền Đông Nam Bộ cách đây vừa tròn 36 năm về trước. Tôi không thể nào quên được sự vui mừng, rạo rực trong lòng, khi được công bố tên mình vào danh sách được chọn đi học xe tăng ở Trung Quốc vào năm 1956.

Trong số người được đi học xe tăng, lớp đầu tiên ấy, hầu hết là những cán bộ, chiến sĩ đã trải qua nhiều năm tháng chiến đấu gian khổ trong cuộc kháng

chiến chống thực dân Pháp như các anh: Đào Huy Vũ trưởng đoàn học sinh, Dương Đăng Giang, phó đoàn, cùng các anh Lê Xuân Kiện, Mai Văn Phúc, Nguyễn Văn Phước, Phùng Văn Minh...

Sau khi tốt nghiệp chúng tôi là những người trong số 202 cán bộ được trực tiếp góp phần vào xây dựng trung đoàn xe tăng đầu tiên của Quân đội ta - Trung đoàn xe tăng mang số hiệu 202. Những ngày đầu tiên xây dựng đơn vị thật là hào hùng sôi nổi. Hàng ngày, vào những giờ bảo dưỡng, chăm sóc xe, ai nấy như muốn vượt ve, trù mẩn những cỗ xe tăng nặng 32 tấn ấy.

Cũng trong những ngày ấy, cuộc chiến tranh xâm lược của giặc Mỹ ở miền Nam ngày càng nóng bỏng. Hai mươi vạn quân xâm lược Mỹ đã đổ bộ vào miền Nam. Những người lính xe tăng chúng tôi ngày ấy trong lòng luôn day dứt một câu hỏi: “Đến bao giờ mới được đi chiến đấu, Đêm đêm trong giờ phát thanh “Độc chuyện đêm khuya”, mọi người lặng đi, khi nghe cô phát thanh viên ngâm đoạn thơ:

Đồng bào ơi, anh chị em ơi !

Hỡi lương tâm tất cả loài người.

(Tố Hữu “Thù muôn đời, muôn kiếp không tan” -1959)

Những đêm như vậy, nhiều anh em lính xe tăng chúng tôi đã khóc, nhiều đồng chí cả đêm không thể ngủ được... Trong không khí ấy, nhiều anh em đã làm đơn xin vào chiến trường miền Nam chiến đấu.

Sung sướng biết bao vào tháng 2 năm 1964 đợt đầu tiên được lên đường vào chiến trường miền Nam. Đoàn đầu tiên này do anh Mai Văn Phúc, nguyên

tiểu đoàn trưởng xe tăng dẫn đầu, tôi cũng được lên đường vào dịp ấy.

Vào tới miền Đông Nam Bộ (B2) chúng tôi được giao nhiệm vụ: “chiếm xe của địch để đánh địch và xây dựng lực lượng xe tăng ở chiến trường. Chúng tôi được tổ chức thành “Ban cơ giới Miền” vào năm 1964 - mật danh là B16.

Từ 1964 đến 1965 một số đoàn khác từ Trung đoàn xe tăng 202 lại lên đường, đặc biệt là đợt vào năm 1965, có rất nhiều cán bộ từ trung đội trở lên đều được đào tạo về xe tăng ở Liên Xô như các anh: Trần Văn Khuê, Bùi Tân, Đào Cao Tuy, Nguyễn Văn Em...

Thêm lực lượng cán bộ, chiến sĩ xe tăng vào chiến trường nên đến năm 1966 thành lập “Phòng cơ giới Miền” mật danh J16 và có một đại đội đặc công cơ giới mật danh là C40.

Lãnh đạo chỉ huy phòng cơ giới là các anh Mai Văn Phúc, Bùi Tân. Lãnh đạo chỉ huy Đại đội 40: Tôi là trưởng, anh Hà Vũ chính trị viên và anh Trần Nhật Chiêu là Đại đội phó về kỹ thuật. Anh Chiêu học ở trường đào tạo về kỹ thuật sửa chữa xe tăng ở Trung Quốc.

Từ các anh ở Phòng cơ giới đến mọi cán bộ, chiến sĩ Đại đội 40 chúng tôi, ai ai cũng nóng bỏng một quyết tâm: “Phải bám sát địch để tạo thời cơ, khi đã có thời cơ phải đánh địch để chiếm xe của địch, xây dựng lực lượng Tăng - Thiết giáp ở chiến trường.

Đầu năm 1966, Đại đội 40 chúng tôi được giao nhiệm vụ: “Phối hợp với binh địch vận để thực hiện nội công, ngoại kích đánh vào hậu cứ trung đoàn

thiết giáp nguy đóng ở Gò Đậu, tỉnh Bình Dương. Sung sướng biết bao khi được giao nhiệm vụ ấy Toàn đại đội bàn bạc nghiên cứu và hạ quyết tâm hoàn thành tốt nhiệm vụ. Ngoài sự chỉ đạo trực tiếp của cấp trên, các anh còn tăng cường cho đại đội một số cán bộ trung đội...

Để chuẩn bị thật chu đáo, đảm bảo chắc thắng, từ Phòng cơ giới Miền (J16) và các cơ quan của Miền như Phòng địch vận và các cơ quan địa phương chỉ đạo, giúp Đại đội 40 chúng tôi tập trung vào các việc lớn như:

1. Nắm thật chắc tình hình địch, phải vẽ được sơ đồ căn cứ của địch, để nghiên cứu chuẩn bị và luyện tập các phương án chiến đấu. Phòng địch vận Miền và tổ chức Đảng và cơ sở địa phương đã giúp đỡ và tạo nhiều thuận lợi cho anh Hà Vũ chính trị viên đại đội cải trang thành hạ sĩ quan quân nguy vào tận nơi quan sát vẽ sơ đồ và móc nối với cơ sở của ta trong trung đoàn thiết giáp nguy. Anh Hà Vũ đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

Khi anh Hà Vũ trở về báo cáo tình hình nhân mỗi ở trung đoàn thiết giáp nguy có 8 nhân mỗi trong đó có 2 là đảng viên Cộng sản, mà 1 đồng chí đang giữ cấp thiếu úy thiết giáp nguy, 1 đang là đối tượng cảm tình Đảng, 2 là cơ sở tin cậy, 1 là cảm tình với cách mạng.

Ai nấy đều thấy công lao âm thầm, bền bỉ của các cơ quan binh địch vận, của tổ chức Đảng và nhân dân địa phương đã tạo dựng được cơ sở rất tin cậy, chắc chắn ở ngay trong hàng ngũ của địch. Chúng tôi càng có cơ sở vững chắc tin tưởng ở thắng lợi của trận đánh.

2. Công việc thứ hai là tổ chức nghiên cứu về xe tăng M41 và xe thiết giáp M113 của địch, nhưng không có xe thật mà chỉ nghiên cứu trên các bản vẽ

nên cũng hạn chế nhiều. Đây cũng là một nhược điểm lớn, nên sau này xe thì chiếm được nhiều mà đưa về được ít.

3. Công việc thứ ba rất quan trọng đó là xây dựng 2 phương án tác chiến và tập theo 2 phương án đó, Phương án 1: Đánh kiểu Đặc công biệt động, tức là cải trang thành lính nguy bất ngờ tập kích thẳng vào cổng chính, kết hợp với cơ sở, trong đánh ra ngoài đánh vào. Phương án 2: Đánh theo hình thức đặc công bộ binh, tức là lực lượng ta luồn sâu bí mật áp sát các mục tiêu, sau đó cùng cơ sở đồng loạt nổ súng tấn công...

Ngoài hai phương án tác chiến trên, cấp trên bổ xung nhiệm vụ nhằm khuếch trương thắng lợi của trận đánh cả về các mặt chính trị và quân sự. Cụ thể là: Sau khi đánh chiếm được xe tăng và thiết giáp của địch:

- Dùng một số xe cho chạy về hướng Sài Gòn phao tin là đảo chính để gây hoang mang cho địch và thực hiện nghi binh, tạo thêm thế cho trận đánh.

- Dùng một số xe, hợp đồng với lực lượng địa phương của tỉnh đội Thủ Dầu Một tấn công Dinh tỉnh trưởng, kho bạc và phá nhà tù Phú Lợi giải thoát cho nhân dân và các chiến sĩ cách mạng bị địch giam cầm ở đó.

- Số xe còn lại chạy về hướng Bông Trang, Nhà Đỏ hiệp đồng với Trung đoàn 2, thuộc Sư đoàn Bộ binh 9 tấn công địch trên quốc lộ 13.

- Cuối cùng đưa xe còn chạy được về căn cứ.

Rõ ràng, chúng tôi thấy được với các nhiệm vụ trên thì trận đánh không còn ở phạm vi một trận của đặc công cơ giới chúng tôi nữa, mà đã trở thành một trận đánh lớn cả về mặt quân sự và chính trị.

Còn trận đánh vào hậu cứ trung đoàn thiết giáp nguy chỉ là trận mở đầu, là ngòi nổ của một trận hiệp đồng nhiều lực lượng, tấn công nhiều mục tiêu. Chúng tôi 38 cán bộ chiến sĩ Đại đội 40 rất sung sướng được nhận nhiệm vụ trận mở đầu ấy. Trong số 38 cán bộ chiến sĩ đại đội bao gồm: 4 cán bộ đại đội, 2 cán bộ trung đội, 12 chiến sĩ lái xe tăng, 12 pháo thủ xe tăng, 2 chiến sĩ quân y. Trong số này có 17 là đảng viên Cộng sản, 21 đoàn viên thanh niên.

Vì là trận đánh lớn, nên Miền đã thành lập Ban chỉ huy chung gồm có:

- Anh Tạ Minh Khâm sư trưởng Sư đoàn bộ binh 2.
- Anh Sáu Dự trưởng Phòng binh - địch vận.
- Anh Một Hữu tình đội trưởng tình đội Thủ Dầu Một.
- Anh Bùi Tân chính trị viên phòng cơ giới Miền (J16).

Còn Ban chỉ huy Đại đội 40 chúng tôi phân công:

- Tôi, đại đội trưởng chỉ huy lực lượng đặc công.

- Anh Hà Vũ chính trị viên, chỉ huy lực lượng cơ sở. Khi nổ súng anh Vũ sẽ chỉ huy chung cả hai lực lượng. Mọi mặt chuẩn bị đã xong, tất cả đã sẵn sàng. Ngày 18-9-1966 có lệnh xuất kích, chúng tôi ra quân đánh theo phương án I, sẽ cải trang thành lính nguy, đi xe Ô tô của nguy kết hợp với cơ sở bên trong đột nhiên xông thẳng vào cổng chính và tấn công.

Toàn đơn vị đã đến vị trí xuất kích thì cơ sở đến đưa thư có nội dung: “Cho vắng hoãn. Anh Hai xuống gấp kịp phiên chợ Hai”. Như vậy cơ sở đã mật báo là không thể đánh theo phương án I, phải dùng phương án II.

Đơn vị lại bí mật rút về căn cứ.

Ngày 23 tháng 3 năm 1966, có lệnh xuất quân, đánh theo phương án II: Lực lượng đặc công chúng tôi bí mật lườn sâu ém quân quanh căn cứ và đợi giờ thống nhất cùng cơ sở nổ súng tấn công.

Là trận đánh đầu tiên, ý nghĩa rất lớn, nên Miền và Phòng cơ giới tổ chức lễ xuất phát rất nghiêm trang. Vào hồi 18 giờ 30 phút ngày 23.3. 1966, tại khu rừng Chồi thuộc ấp An Thạnh, Lái Thiêu làm lễ xuất quân. Rất đông các đại diện tổ chức Đảng và các đoàn thể địa phương đến tiễn chân. Đồng chí Hai Trung bí thư Huyện ủy thay mặt Đảng bộ huyện chúc mừng thắng lợi. Trong số đông nhân dân có nhiều bà má, chắc các mẹ cũng như chúng tôi đều cùng một ý nghĩ: Ra quân khí thế hùng hực thế này, còn lúc về biết được ai còn ai mất. Các má xúc động lấy khăn chấm nước mắt.

18 giờ 45 phút ta đã bí mật luồn sâu áp sát quanh hai khu vực để xe tăng M41 và xe thiết giáp M113. Tất cả hồi hộp chờ đợi giờ nổ súng. Anh Hà Vũ chính trị viên đại đội đang đi bắt liên lạc với cơ sở. Đến 19 giờ 59 phút theo đúng hiệp đồng với cơ sở anh Hà Vũ phát lệnh cho cơ sở nổ súng, mở đầu cho trận đánh.

Tiếng súng tiểu liên nổ từng loạt đánh gọn, xen lẫn tiếng nổ của lựu đạn, thủ pháo nổ khắp nơi. Địch hoảng loạn bí động không đối phó nổi vì từ trong ra ngoài chỗ nào cũng có tiếng súng của ta. Ta đã chiếm được xe tăng của địch và sử dụng ngay trong chiến đấu. Sau một giờ chiến đấu ta đã làm chủ căn cứ. Tiêu diệt và làm bị thương 200 tên, phá huỷ hoàn toàn khu thông tin, phá huỷ và chiếm được 27 xe các loại. Bắn cháy và làm nổ tung kho xăng và kho đạn.

Theo phương án chiến đấu, ta đã sử dụng ngay một xe tăng M41 và 10 xe thiết giáp M113 khuếch trương thắng lợi trận đánh. Sử dụng 3 xe thiết giáp M113 chạy về hướng Sài Gòn và tung tin là đảo chính, chạy đến cầu Bình Phước thì huỷ xe, người rút về căn cứ. Sử dụng 2 xe M113 tiến về thị xã Thủ Dầu Một hiệp đồng với tỉnh đội Thủ Dầu Một chiến đấu. Sử dụng 1 xe tăng M41 và xe thiết giáp M113 chạy về hướng Bông Trang, Nhà Đỏ hiệp đồng với Trung đoàn bộ binh 2, Sư đoàn 9 chiến đấu.

Tất cả các xe sử dụng chiến đấu sau đó đều huỷ bỏ chỉ đưa được 1 xe tăng M41 về căn cứ, xe tăng này do anh Phùng Văn Mười đảng viên Cộng sản, được cài vào làm thiếu uý nguy lái về. Trận đánh đầu tiên của Đội đặc công Cơ giới chúng tôi đã giành thắng lợi to lớn.

Nhân Tết Nhâm Ngọ, nhớ lại trận đánh đầu tiên ấy, tôi bồi hồi nhớ lại bao khuôn mặt thân thương. Tôi nhớ đến 12 đồng chí đã hy sinh và mất tích trong trận đánh. Tôi nhớ đến hình ảnh anh Trần Nhật Chiêu, đại đội phó kỹ thuật,

bị thương nặng, trước khi chết còn hô to như nhắc nhở chúng tôi: “Quyết lấy cho được xe địch!”. Những ký ức về một thời chinh chiến sẽ mãi còn lại trong mỗi con người chúng ta.

TRƯỚC GIỜ TOÀN THẮNG

Đại tá Lê Quang Xỳ,

nguyên Phó Tham mưu trưởng

Binh chủng Tăng – Thiết giáp.

Gần 30 năm qua, tôi nhớ Lữ đoàn Bộ binh cơ giới 202 được chuyển giao cho Quân đoàn I từ 11-2-1973 với biên chế gồm 4 tiểu đoàn chiến đấu (Tiểu đoàn tăng 198 và 3 tiểu đoàn Bộ binh cơ giới 66 và 244, Lữ đoàn chuyển từ bắc Quảng Trị ra đóng quân tại Tỉnh Gia - Thanh Hoá. Đại đội 3 Bộ binh cơ giới nằm trong biên chế của Tiểu đoàn 66 là đơn vị đã từng tham gia chiến đấu liên tục trong 83 ngày đêm trong chiến dịch Quảng Trị nóng bỏng năm 1972.

Năm 1975 tình hình trên chiến trường miền Nam đang phát triển thuận lợi, dồn địch vào thế bị động đôi phó. Ngày 18-3-1975, Quân đoàn nhận lệnh lên đường chiến đấu. Tiểu đoàn 66 được lệnh hành quân gấp theo trục đường Vinh - Đông Hà - Phú Lộc - Quế Sơn - Khâm Đức qua Tây Nguyên vào khu tập kết Đồng Xoài.

Chấp hành mệnh lệnh vô điều kiện, Đại đội 3 đã cấp tốc tổ chức độc lập hành quân với điều kiện vừa trinh sát khắc phục đường sá, bến vượt, tự sửa chữa xe pháo, tự liên hệ bảo đảm nhiên liệu hậu cần để hành quân tới đích.

Được sự giúp đỡ chi viện của các đơn vị bạn và nhân dân dọc đường hành quân, đơn vị liên tục trong 18 ngày đêm vượt qua 1300 km đến vị trí tập kết đúng kế hoạch, bí mật an toàn. Đây là thành tích kỷ lục thần tốc táo bạo đầu tiên của Đại đội 3 và Tiểu đoàn Bộ binh cơ giới 66. Đến ngày 16-4-1975 toàn Lữ đoàn đã đến vị trí tập kết chiến dịch đầy đủ.

Lữ đoàn được phổ biến: “Quân đoàn 1 có nhiệm vụ tiến công trên hướng bắc Sài Gòn, mục tiêu đánh chiếm là: Bộ Tổng Tham mưu và Lục quân công xưởng quân nguy và các vùng phụ cận...”

Tư lệnh Quân đoàn quyết định sử dụng Lữ đoàn Bộ binh cơ giới:

- Tiểu đoàn Bộ binh cơ giới 66 phối thuộc cho Sư 320 B bộ binh tiến công trên hướng chủ yếu, đảm nhiệm mũi thọc sâu đánh chiếm Bộ Tổng tham mưu nguy, khu binh chủng, tiểu khu Gia Định, Lục quân công xưởng Gò Vấp.

- Đại đội 2 thuộc Tiểu đoàn 244 phối thuộc cho Sư đoàn Bộ binh 3 1 2 tiến công căn cứ Phú Lợi, Bình Dương, bao vây chia cắt tiến tới làm tan rã Sư đoàn 5 nguy tên trực đường 13 không cho ứng cứu Sài Gòn.

- Bộ phận còn lại Đại đội 73 và Tiểu đoàn 244 Bộ binh cơ giới, đại đội cao xạ tự hành 57mm làm dự bị bảo vệ chỉ huy Quân đoàn.

Được quán triệt nhiệm vụ, cán bộ, chiến sĩ toàn lữ đoàn sôi nổi khẩn trương tranh thủ từng giờ từng phút chuẩn bị cho trận đánh vào thành phố Sài Gòn.

Ngày 27-4-1975 tại khu vực tập kết chiến dịch Lữ đoàn 202 tổ chức lễ tuyên thệ. Trước giờ phút trang nghiêm ấy, đại đội trưởng Đại đội bộ binh cơ giới 3 Hoàng Thọ Mạc thay mặt đơn vị tuyên thệ và hứa “Chúng tôi đã thấy hết vinh dự và trách nhiệm của mình các đồng chí cứ tin tưởng ở cán bộ chiến sĩ Đại đội 3, dù khó khăn đến đâu cũng kiên quyết khắc phục để hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ dù phải hy sinh tính mạng nhưng Sài Gòn phải được giải phóng, miền Nam phải được giải phóng...”

Theo kế hoạch tác chiến của Sư đoàn Bộ binh 320B thì Trung đoàn Bộ binh 27 được tăng cường Đại đội 3 Bộ binh cơ giới và 1 trung đội xe tăng tổ chức thành bộ phận đi trước mở đường cho chủ lực của sư đoàn thọc sâu vào mục tiêu chủ yếu.

Đúng 2 giờ ngày 29-4- 1975 lực lượng đi trước xuất kích đi đầu đội hình là đại đội bộ binh và Đại đội 3 Bộ binh cơ giới, trên đường tiến quân xe tăng và thiết giáp đã dùng hoả lực chi viện cho bộ binh diệt các toán nhỏ bảo an dân vệ, tiến đến gần quận lỵ Tân Uyên, địch dùng lực lượng phòng ngự mạnh ngăn chặn, Đại đội trưởng Hoàng Thọ Mạc nhanh chóng chỉ huy 2 xe thiết giáp K63 lên trước được sự chi viện của xe tăng, dẫn 1 tiểu đoàn bộ binh chia thành nhiều mũi tiến công quận lỵ Tân Uyên.

Hai xe K63 của Đại đội 3 đi đầu do tiểu đoàn trưởng bộ binh cơ giới Tô Văn Dân chỉ huy, các chiến sĩ xuống xe chiến đấu. Ngay từ phút đầu các chiến sĩ bộ binh cơ giới đã dùng B40, B41 diệt 5 hoả điểm của địch rồi cùng xe tăng nhanh chóng thọc sâu chi viện cho bộ binh tiến lên tiêu diệt toàn bộ quân địch ở quận lỵ Tân Uyên mở thông đường.

Cuộc chiến đấu đang phát triển thuận lợi thì đồng chí tiểu đoàn trưởng Tô Văn Dân bị thương, anh bí mật tự băng bó tiếp tục chỉ huy chiến đấu, nhưng sức đuổi dân và anh - người chỉ huy tiểu đoàn bộ binh cơ giới vĩnh viễn nằm lại trên mảnh đất Tân Uyên vừa được giải phóng.

Trên đường tiến quân lại gặp địch ở căn cứ Lái Thiêu (với 4 tiểu đoàn) chống trả quyết liệt. Trung đoàn Bộ binh 27 tổ chức thành 3 mũi tiến công, Đại đội 3 Bộ binh cơ giới và xe tăng làm thành mũi nhọn trên các hướng tiến công. Trong trận chiến đấu này, Hoàng Thọ Mạc là người chỉ huy rất dũng cảm chủ động linh hoạt chỉ huy Đại đội 3 tiêu diệt nhiều địch, bảo toàn lực lượng, ít thương vong.

Ta tiến về phía nam Chi khu Lái Thiêu, trinh sát phát hiện phía trước cầu Vĩnh Bình bắc qua sông Sài Gòn địch tổ chức phòng thủ mạnh: 2 bên cầu, có bộ binh, cơ xe tăng thiết giáp, có chương ngại vật, mìn chống tăng và mìn

chống bộ binh... Địch ngoan cố giữ cầu bằng bất cứ giá nào.

Đại đội 3 Bộ binh cơ giới lại được giao nhiệm vụ cùng Đại đội Bộ binh 10 dẫn đầu Trung đoàn 27 tạo thành mũi nhọn nhanh chóng tiêu diệt địch không để địch phá cầu Vĩnh Bình.

Nhận thức tầm quan trọng của nhiệm vụ, đại đội trưởng Hoàng Thọ Mạc và cán bộ chiến sĩ Đại đội 3 quyết tâm chiếm và giữ cầu Vĩnh Bình bảo đảm cho chủ lực nhanh chóng tiến vào bắc Sài Gòn. Hoàng Thọ Mạc nhanh chóng tổ chức đại cuối cùng bộ binh được sự chi viện của hỏa lực xe tăng tiến thẳng về hướng cầu Vĩnh Bình, chiếc xe K63 đi đầu bị địch bắn hỏng, bộ binh bị chững lại. Đại đội trưởng Hoàng Thọ Mạc lợi dụng địa hình xe 454 của mình vượt lên phía trước. Chỉ huy cả đội hình chi viện cho nhau để tiến thẳng vào cụm cố thủ của địch ở đầu cầu.

Anh ra khỏi xe tập trung B40 - 41 cùng hỏa lực bộ binh đến gần, bất ngờ nổ súng bắn cháy liên tục 3 xe M48 và diệt nhiều lính giữ cầu, buộc địch phải lùi từng bước chống trả yếu ớt và tổ chức giải mình ngăn chặn.

Hoàng Thọ Mạc nhanh chóng hạ lệnh cho toàn bộ chiến sĩ thuộc đại đội của mình xuống xe bám sát địch, tiêu diệt bộ binh và xe tăng địch đang rút chạy trên cầu và chi viện cho công binh của Trung đoàn bộ binh 27 tháo gỡ mìn. Cầu đường thông đến đâu, Đại đội 3 bám chiếm ngay đến đó.

Gấp hàng rào bằng thùng phuy xăng kết hợp dây kẽm gai và các tấm bê tông địch dựng lên để ngăn chặn cản đường. Đại đội 3 Bộ binh cơ giới tiến lên cùng xe tăng dùng hỏa lực chi viện cho bộ binh nhanh chóng đánh chiếm, sau đó cho xe xông lên húc đổ và vượt qua chướng ngại vật đuổi đánh địch mở

thông cầu.

Đang chỉ huy Đại đội 3 chiến đấu. Trong giờ phút quyết định mở thông cầu Vĩnh Bình thì đại đội trưởng Hoàng Thọ Mạc bị thương, tự băng bó kiên quyết tiếp tục chỉ huy đại đội chiến đấu đánh bật địch ra khỏi cầu. Nhưng bất ngờ một loạt pháo tầm xa của địch bắn trúng đội hình. Thấy một chiến sĩ mới chưa kịp nằm xuống, đại đội trưởng Hoàng Thọ Mạc đã lao tới nằm đè lên đồng đội cứu sống chiến sĩ. anh đã anh dũng hy sinh đúng lúc mở thông cầu Vĩnh Bình. Cả đội hình của Sư đoàn 320B dồn dập vượt cầu Vĩnh Bình tiến về Sài Gòn... giờ toàn thắng sắp diễn.

Đại đội trưởng Hoàng Thọ Mạc đã được tuyên dương: Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân ngày 12 tháng 9 năm 1975.

THỜI GIAN KHÔNG LÃNG QUÊN

Đại tá Hà Tiến Tuấn

Năm 1972, từ chiến trường Lào về, tôi nhận nhiệm vụ ở Ban Tác chiến Bình chủng thay anh Trần Doãn Kỳ. Đang giúp Bộ Tư lệnh theo dõi hoạt động xe tăng trên các chiến trường, khoảng tháng 9 tôi và anh Phạm Lạng được lệnh bàn giao công việc, nhận nhiệm vụ mới. Lúc đầu cũng không biết sẽ đi đâu sau được tập trung giao nhiệm vụ, mới biết được đi học tiếp ở Liên Xô.

Đoàn chúng tôi gồm 10 anh em, tất cả đã được học ở Liên Xô một lần, nhưng dở dang. Tâm tư lúc đó là ngỡ ngàng: Chiến tranh đang diễn ra quyết liệt, chiến trường lúc này cần cán bộ, mình lại đi học, mà học dài hạn tận bên Nga.

Anh Đào Văn Xuân, Phó chính uỷ Binh chủng đến giao nhiệm vụ, đại ý nói rõ chủ trương của Quân uỷ Trung ương là phải tích cực chuẩn bị mọi mặt, trong đó có việc đào tạo cán bộ, cho giai đoạn cuối của chiến tranh; Anh căn dặn là phải học cho tốt, giữ nghiêm kỷ luật, đặc biệt là đoàn kết quốc tế, sẵn sàng khi về sẽ góp phần với Binh chủng tham gia những trận quyết chiến cuối cùng.

Sau một thời gian chuẩn bị ở một làng nhỏ cách thị xã Lạng Sơn 5 km, chúng tôi ra ga Đồng Đăng vào buổi tối. Khung cảnh nhà ga thật yên lặng, bình tĩnh; khác hẳn cảnh ồn ào náo nhiệt của những lần đi trước đây ở ga Hà Nội. Mọi thủ tục được tiến hành dưới ánh đèn bàn.

Người đi thì đông, người tiễn chỉ có một: anh Tâm, Hiệu trưởng trường Văn hóa Quân đội. Bắt tay mọi người, anh chỉ nói một câu: “Cố gắng học tập cho tốt nhé”.

Rời đất nước, lòng dạ băng khuâng. Trên đường đi, thấy cảnh thanh bình, náo nhiệt của các thành phố, làng mạc ở Trung Quốc, Liên Xô, chạnh nghĩ đến đồng bào ở nhà, ngày đêm vất vả, vừa lo sản xuất, vừa chống trả địch bắn phá; nghĩ đến đồng đội ở chiến trường; tự nhủ kỳ này phải học cho ra học, quyết không để xảy ra vụ gì tai tiếng cho đoàn.

Ra đón chúng tôi ở ga, có đồng chí Đại tá Đơ-rai-zơ-đốp. Vừa gặp mặt, đồng chí đã vui vẻ nói: “Tưởng là ai, hoá ra toàn là người quen cũ cả”. Không khí ban đầu thật hữu nghị. Khi được phổ biến chương trình học tập, qua bàn bạc thống nhất trong đoàn, chúng tôi đề nghị chỉ học 3 năm chính khoá, bỏ một năm dự khoá, vì vốn liếng tiếng Nga dù sao vẫn còn đủ để đi ngay vào chương trình chính.

Đồng chí Trung tướng, Phó Viện trưởng nói với tôi: “Đề nghị bỏ năm dự khoá của các đồng chí là rất tốt, có cơ sở ở trong nước, chiến tranh chưa kết thúc mà phải học lâu quá thì không lô-gíc lắm phải không? Chúng tôi chấp nhận nguyện vọng của các đồng chí. Tuy vậy, ban đầu là có khó khăn đấy, các đồng chí cần cố gắng.

Khi báo cáo lên Đại Sứ quán và Binh chủng, đề nghị này của chúng tôi được chấp thuận. Chúng tôi bắt đầu năm học thứ nhất khá vất vả. Do bỏ tiếng Nga khá lâu, nên phần lớn anh em tiếp thu giảng, đọc tài liệu chỉ hiểu được 30-40%. Cách giảng dạy của Học viện là giới thiệu bài của giáo viên chiếm rất ít thời gian, còn học viên phải tự nghiên cứu, đọc sách giáo khoa, chuẩn bị nội dung trả lời kiểm tra của thầy hoặc thảo luận ở lớp (xê-mi- na).

Đoàn chúng tôi gồm 4 anh đã học 1 - 2 năm ở Học viện (anh Thường, Định, Hai và tôi) 4 anh học ở trường tăng Tắt-sơ-ken (Cương, Thọ, Lạng, Thểu) và 2 anh La, Trung vốn học ở trường Kỹ thuật ô-đét-xa. Vì vậy trình độ không đồng đều, nhất là vốn tiếng Nga.

Chúng tôi khắc phục bằng cách học tập thể: Một số anh học khá, nhất là anh Lạng trình bày tóm tắt nội dung một số bài khó, tạo vốn cho anh em khác tự nghiên cứu thêm, còn việc chuẩn bị “xê-mi na” nhất là với môn Lịch sử nghệ thật quân sự... Địa lý quân sự... thì phải phân công mỗi người chuẩn bị một số vấn đề, trình bày cho Tổ để có cơ sở phát triển khi lên lớp.

Dần dần sang những năm tiếp sau, tình hình có khá hơn, mỗi người có thể tự lo lấy cho mình, ít dựa vào tập thể. Tuy vậy trình độ diễn đạt bằng tiếng Nga vẫn còn hạn chế, cách cú, ngữ pháp chưa thật chính xác, Nhưng các đồng chí giáo viên vốn quen dạy học viên nước ngoài, nên chỉ cần học viên nói đúng

nội dung là được.

Cường độ học tập hằng ngày rất cao. Thường chúng tôi học một mạch trong Học viện đến 8 giờ tối, sau đó về nhà tới 11 - 12 giờ đêm. Hồi đó, ngoài đoàn chúng tôi, còn có lớp đào tạo kỹ sư... gồm các anh Thụy, Mỹ, Tần, Lương... Đây là lớp cán bộ trẻ, có trình độ văn hoá và tiếng Nga tốt, học tập thuận lợi hơn chúng tôi, nhưng cũng miệt mài cần cù không kém.

Các giáo viên giảng dạy cho chúng tôi phần lớn là đã qua cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, giúp đỡ chúng tôi rất tận tình. Tôi không thể nào quên giáo viên chủ nhiệm (phụ trách môn chiến thuật), Thiếu tướng Va-xi-hép, Anh hùng Liên Xô, ông rất nghiêm trong giảng dạy, nhưng lại tình cảm trong quan hệ đối xử; với kho kinh nghiệm chiến đấu của bản thân, ông truyền đạt cho chúng tôi nhiều dẫn chứng thực tế.

Tuy vậy Học viện cũng rất chú ý đến kinh nghiệm của ta; khi tổ chức hội nghị khoa học, anh Lạng được mời trình bày một số kinh nghiệm sử dụng xe tăng ở chiến trường Việt Nam. Bộ môn phòng không nêu kinh nghiệm sử dụng súng 12,7mm gắn lên xe tăng PT76 để bắn máy bay bay thấp, bổ nhào, và lấy số lượng 12,7mm có trong đơn vị để tính hệ số tương quan lực lượng địch ta về phòng không.

Trong lần tập bài chiến thuật, có tình huống đơn vị ta bị B52 đánh phá, mức thiệt hại (ghi trong giáo án) nêu ra quá cao, chúng tôi góp ý với đồng chí đại tá giáo viên là qua kinh nghiệm thực tế ở Việt Nam thì nếu bị B52 đánh vào đội hình bộ binh đang cơ động, thương vong có thể nhiều nhưng nếu ở trong công sự thì không thể tới mức đó. Kiến nghị đó được đồng chí Thiếu tướng Trưởng khoa chấp nhận.

Hồi đó, do cuộc kháng chiến chống Mỹ có tiếng vang lớn trên thế giới, chúng tôi cũng được thơm lây. Ra đường, trên tàu xe chúng tôi thường được người dân bắt chuyện, hỏi han về tình hình chiến sự và điều quan tâm nhất là bao giờ thì giành được thắng lợi? Cuối 1972, khi biết tin Mỹ dùng B52 đánh phá Hà Nội, Hải Phòng, gặp ai cũng hỏi thăm, nhất là các cô giáo tiếng Nga, các bà mẹ làm dịch vụ trong “ốp”, các tướng lĩnh, sĩ quan nghe tin ta bắn rơi khá nhiều máy bay B52, gặp chúng tôi đều bắt tay chúc mừng, giơ ngón tay cái tỏ ý hoan nghênh miêng nói: “Mơ-látxơ (cừ khôi).

Một đồng chí đại tá nói với tôi: “Chúng tôi được thông báo sơ bộ là các bạn anh ở nhà sử dụng tên lửa rất giỏi, hiệu xuất chiến đấu cao; kinh nghiệm đánh B52 của các anh sẽ giúp chúng tôi hoàn thiện thêm lực lượng phòng không”.

Với các sĩ quan quân đội các nước bạn, chúng tôi giữ được mối quan hệ hữu nghị tốt đẹp, chủ động giao tiếp, thái độ thân tình cởi mở và bao giờ cũng bày tỏ biết ơn đối với sự ủng hộ của nhân dân các nước anh em. Nhưng thân tình hơn cả là các đồng chí Cuba. Vì cùng ở chung một tầng, nên gặp gỡ nhau luôn, chuyện trò trao đổi thoải mái, không câu nệ điều gì.

Có một việc mà đến bây giờ tôi không thể quên: Đó là về các đồng chí sĩ quan Đông Đức, tháng nào cũng vậy đến ngày lĩnh lương, một chiếc bàn được kê ngay ở hành lang của khu Hệ xã hội chủ nghĩa - Trên bàn đặt một miếng bìa cứng đề chữ:

“Giúp đỡ Việt Nam”. Các sĩ quan Đức lĩnh lương xong, từng người đến đưa khoản tiền ủng hộ của mình, đồng chí thu tiền ghi vào danh sách. Hình ảnh quen thuộc đó diễn ra đều đặn hàng tháng trong suốt 3 năm học. Tôi thường đến bắt tay và ngỏ lời cảm ơn, câu đáp lại của bạn là “Có gì đâu, đây là nghĩa vụ của bọn mình.”.

Về quan hệ với các sĩ quan, học viên Liên Xô, có một câu chuyện cảm động: “Một hôm, có một đồng chí thiếu tá Nga gặp tôi, hỏi có phải trước đây tôi đã học ở trường tăng Ta-sơ-ken? Đồng chí tự giới thiệu là thời đó đồng chí cũng học ở trường trong biên chế C4. Lấy trong ví một bức ảnh, hỏi tôi có nhận ra ai không - Tôi lặng người khi nhận ra đó là ảnh đồng chí Trưng, cùng một trung đoàn với tôi ở đoàn học viên do anh Đào Văn Xuân làm trưởng đoàn. Về nước đồng chí Trưng vào chiến trường và hy sinh ở Thừa Thiên - Huế. Tôi kể lại trường hợp hy sinh của đồng chí Trưng cho đồng chí thiếu tá Nga. Anh xúc động buồn rầu nói: “Chúng tôi kết bạn với nhau, tấm ảnh này tôi giữ đã 10 năm nay, luôn mong có dịp gặp lại nhau, không ngờ...”.

Tình cảm của người Nga Xô viết là như thế đấy, đôn hậu, thủy chung với bạn bè. Năm 1973, khi Hiệp định Pa ri được ký kết. Đồng chí Lê Đức Thọ trên đường về nước, có ghé qua Mát-xcơ-va. Trong buổi nói chuyện với cán bộ Sứ quán và lưu học sinh ta, đồng chí kể qua về diễn biến đàm phán, và phân tích những nội dung chính của Hiệp nghị. Cuối buổi nói, đồng chí kể một mẩu đối thoại với Hăng ri Kitxinh-giơ: sau khi ký kết xong, Kitxinh-giơ nói:

- Tôi đề nghị ngài Cố vấn tạo điều kiện cho tôi sang thăm Việt Nam. Và lúc đó tôi sẽ xin đi vào đường mòn Hồ Chí Minh, để hiểu thêm về các Ngài, nhất là để tìm ra nguyên nhân tại sao xe tăng của quân đội Ngài vào đến tận miền Đông Nam Bộ mà chúng tôi không hay biết gì ?

- Chúng tôi sẵn sàng tiếp Ngài khi có dịp thăm đất nước chúng tôi. Việc đưa xe tăng vào sát Sài Gòn với chúng tôi không có gì là lạ. Đối với các Ngài, với bao nhiêu phương tiện trinh sát hiện đại, nào là máy bay, thám báo, “cây nhiệt đới... mà không phát hiện ra các đoàn xe tăng của chúng tôi vào chiến trường. Đó mới lạ!

Tôi ngồi nghe đoạn này, thấy sướng trong bụng. Sau trận Làng Vây (1968), lần lượt các đoàn xe tăng của ta đi vào Tây Nguyên (B3), Liên khu V(B5), miền Đông Nam Bộ tạo thế bố trí chiến lược mới, tăng khả năng đột kích cho các đơn vị chủ lực trên các chiến trường chính. Nhờ trình độ hành quân bí mật thật tuyệt vời nên khi xe tăng ta xuất hiện ở trận Lộc Ninh, địch mới biết là xe tăng đã vào đến Nam Bộ (B2)

Những tháng cuối năm học thứ 3, chúng tôi bước vào giai đoạn nước rút cuối cùng: Chuẩn bị bảo vệ luận án tốt nghiệp, và thi quốc gia, học tập rất căng, không có thời gian để nghe chương trình thời sự hàng tối. Một hôm đồng chí Thụ vào báo tin “Đài đưa tin ta giải phóng Buôn Ma Thuột ở Tây Nguyên”. Ít ngày sau đó, tin chiến thắng được thông báo liên tiếp. Không khí trong đoàn Việt Nam và bè bạn náo nức hẳn lên. Các đồng chí Cuba sang hỏi tin tức liên tục, đề nghị treo một bản đồ Việt Nam ngay trong “ốp”, hàng ngày giải phóng đến đâu thì đánh dấu vào đó.

Đến ngày 30-4, tin ta đánh chiếm Sài Gòn được phát ra, làm sôi động cả Mat-xơ-va. Gặp ai cũng tươi cười, bắt tay chúc mừng. Có bà mẹ Nga nói với tôi: “Tin giải phóng Sài Gòn đến với chúng mày làm tao nhớ lại hồi đó khi tao nghe tin Béc-lin đã rơi vào tay Hồng quân”.

Các cuộc mít tinh được tổ chức ở khắp các cơ sở Trong Học viện chúng tôi, Ban lãnh đạo cũng tổ chức một cuộc “mít tinh long trọng” (theo cách gọi của Bạn lúc đó) chào mừng chiến thắng lịch sử của nhân dân Việt Nam.

Đại diện Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam tổ chức một cuộc họp để thông báo tình hình chiến thắng, nhưng chủ yếu là để bày tỏ lòng biết ơn bạn bè quốc tế đã giúp đỡ nhân dân miền Nam nói riêng và cả nước nói chung trong sự nghiệp giành độc lập thống nhất Tổ quốc. Rất đông khách đến dự, ngoài các bạn Xô viết còn có nhiều đoàn các nước khác.

Trong khi tôi đang trò chuyện với các sĩ quan Nga, đồng chí Đại sứ Cuba (ở Nga) đến chúc mừng. Với tiếng Nga khá thông thạo, đồng chí ca ngợi ta hết lời và nói thêm “Thắng được Mỹ, đánh chiếm được Sài Gòn là chuyện vĩ đại rồi, nhưng có điều thú vị kỳ lạ nữa là mới vào Sài Gòn ngày 30-4, mà ngay sáng 1-5 đã có cuộc mít tinh mừng ngày Quốc tế lao động với hàng vạn người tham gia, trong không khí tương bình, nhưng rất trật tự, an toàn”.

Tôi đáp lại: “Thực ra tuyệt đại bộ phận dân Sài Gòn tuy sống dưới chế độ Mỹ - nguy nhưng vẫn một lòng hướng về cách mạng và đã từ lâu mong muốn ngày được giải phóng”.

Nhưng rồi chúng tôi cũng phải tạm gác niềm vui chiến thắng, tập trung vào thi cử. Mười anh em đều bảo vệ tốt nghiệp luận án và qua các buổi thi quốc gia trót lọt. Kết thúc khoá học, anh Phạm Lạng đoạt Huy chương Vàng, một số đồng chí đạt bằng đỏ, còn lại là khá. Anh Phạm Lạng học tập thật xuất sắc giáo viên Nga khen anh nói tiếng Nga không kém gì người Nga, viết bài tiếng Nga được cô giáo khen như một nhà báo Nga, rất thông minh, học tập siêng năng, cần cù.

Thành tích học tập đoàn chúng tôi có công sức giúp đỡ đáng kể của anh Lạng. Tên anh được khắc trên bảng danh dự bằng đá cẩm thạch đặt trong Phòng Truyền thống Học viện. Với thành tích này, anh góp phần mang vinh dự cho Quân đội và Binh chủng Thiết giáp Việt Nam.

Tôi xin kể một chuyện khá lý thú với tôi trong đợt học ở Học viện. Đó là vào dịp thi Quốc gia, tôi vào thi môn “Chủ nghĩa Cộng sản khoa học”. Bất ngờ đồng chí Chủ tịch Ủy ban thi quốc gia vào dự. Ông là Thượng tướng, Tổng Thanh tra quân đội Xô viết, sau 1975, ông sang Việt Nam làm cố vấn số 1,

bên cạnh Bộ Quốc phòng Việt Nam.

Sau khi trả lời đầy đủ các câu hỏi chính và phụ của ban giám khảo, tôi chuẩn bị ra phòng, thì đồng chí Thượng tướng gọi lại: Đồng chí thiếu tá, môn thi của đồng chí đã hoàn thành, tôi muốn hỏi đồng chí một số vấn đề. Tôi nói rõ: một số câu hỏi ngoài phạm vi sát hạch, đồng chí hãy yên tâm.

- Tôi sẵn sàng, thưa đồng chí Thượng tướng.

- Ai lãnh đạo cách mạng ở Nam Việt Nam ?

- Đảng Lao động Việt Nam.

- Thế Đảng Nhân dân cách mạng là thế nào?

- Chỉ là tên gọi khác của Đảng Lao động Việt nam, các đảng viên Đảng Nhân dân cách mạng và các Ủy viên lãnh đạo Đảng Nhân dân cách mạng đều là đảng viên Đảng Lao động Việt Nam.

- À, như vậy là chỉ có một Đảng thống nhất! Vậy ông Nguyễn Hữu Thọ là người như thế nào?

- Một luật sư yêu nước. Theo tôi biết thì ông đã là đảng viên.

- Công việc thống nhất đất nước sẽ như thế nào? Liệu có lâu không ?

- Đồng chí Thượng tướng, kể từ 30-4 đất nước chúng tôi đã thống nhất hoàn toàn. Sau này chỉ còn lại những biện pháp hành chính và đối ngoại.

- Đồng chí có thể nói công cuộc kiến thiết kinh tế ở miền Nam sẽ được tiến hành như thế nào ?

Đến đây, tôi lúng túng trả lời chung chung:

- Kinh tế Việt Nam rồi cũng sẽ đi vào quỹ đạo của miền Bắc tiến lên xây dựng nền kinh tế quá độ, xã hội chủ nghĩa. ông gật gù nói:

- Không đơn giản thế đâu theo tôi thì miền Nam Việt Nam đã bước vào giai đoạn tiền tư bản xử lý vấn đề cần có biện pháp thích hợp.

Sau cùng ông chúc tôi hoàn thành thi quốc gia thành công và không quên cảm ơn về buổi trao đổi bổ ích. Khi công tác ở Việt Nam, làm việc với anh Đào Huy Vũ, ông còn nhớ và có hỏi thăm về đoàn chúng tôi và riêng cá nhân tôi.

Tháng 6-1975, chúng tôi rời đất nước của Lê-nin quê hương cách mạng Tháng 10. Đến tận bây giờ nghĩ về đất nước Xô viết, tôi không thể nào quên

được những ngày ăn học ở Nga, được quân đội và nhân dân Xô viết nuôi dưỡng, rèn luyện với bao tình cảm ấm áp, đầy tình nghĩa bạn bè quý mến nhau. Tôi muốn gửi lời chân thành cảm ơn Nhân dân Xô viết, tuy chế độ Xô Viết không còn, nhưng dư âm Xô viết sẽ đi vào lịch sử không thể nào xoá được.

LỮ ĐOÀN 215 TIẾN VÀO CHIẾN DỊCH

Đại tá Trần Ngọc Vân,

nguyên Lữ trưởng Lữ đoàn 215

Mùa xuân 1975, Lữ đoàn xe tăng 215, lực lượng dự bị của Bộ Tổng tư lệnh đang đứng chân trên địa bàn huyện Cẩm Xuyên, Hà Tĩnh, được lệnh “Thần tốc” hành quân vào chiến dịch Hồ Chí Minh.

Theo mệnh lệnh của Bộ Tư lệnh Binh chủng, đoàn hành quân gồm 3 Tiểu đoàn xe tăng: Tiểu đoàn 1 và Tiểu đoàn 4, Lữ đoàn 215, Tiểu đoàn 1 Trung đoàn xe tăng 206, Quân khu 1. Tổng số 95 xe chiến đấu trong đó có 31 xe tăng PT-76 và 64 xe tăng T-54 và T-59. Các đơn vị phục vụ cho hành quân gồm 3 xe bảo đảm kỹ thuật, 2 xe téc chở dầu, 1 xe đại xa chở công binh tiền trạm, 1 xe bọc thép BRDM - 2 xe làm xe chỉ huy và nhiều xe vận tải bảo đảm hậu cần kỹ thuật.

Ngày 15-3-1975, Tiểu đoàn 4 (xe tăng PT76) xuất phát, tiếp đến Tiểu đoàn tăng 315 và Tiểu đoàn tăng 1/206. Hành quân lấy tiểu đoàn làm đơn vị, tiểu đoàn nọ cách tiểu đoàn kia 1 ngày đêm. Để giữ được cơ động lực lượng vào chiến trường, chúng tôi đều tổ chức hành quân vào ban đêm. Kế hoạch hành quân đã được Bộ Tư lệnh Binh chủng phê duyệt.

Ngay từ những ngày đầu xuất phát, tin chiến thắng của Trung đoàn tăng 273 giải phóng thị xã Buôn Ma Thuộc trong chiến dịch Tây Nguyên đã động viên thôi thúc chúng tôi mau xốc tới chiến trường. Các Tiểu đoàn xe tăng đêm đi ngày chuẩn bị kỹ thuật đã nâng dần tốc độ hành quân, vượt qua những cung chặng dự định, bảo đảm an toàn đến đích từng đêm hành quân.

Đường Trường Sơn năm 1975 đã tốt hơn nhiều so với mấy năm về trước. Việc bảo đảm xăng dầu cho xe tăng được các binh trạm trên đường Trường Sơn chuẩn bị chu đáo nên mỗi điểm tiếp dầu đều được cấp phát nhanh chóng không phải chờ đợi. Suốt chặng đường hành quân từ Hà Tĩnh đến Bản Đông (đường 9 - Nam Lào) đoàn hành quân chúng tôi đã bảo đảm 100% dầu xe đến đúng vị trí an toàn.

Khi chúng tôi vừa đến đường 9 lại được tin quân ta đã giải phóng Huế. Mọi cán bộ, chiến sĩ chúng tôi tràn ngập niềm vui sướng, càng nô nức chuẩn bị hành quân thật tốt để sẵn sàng nhận nhiệm vụ trên giao. Trước tình thế mới của chiến trường, ban chỉ huy hành quân chúng tôi bàn bạc cùng các Tiểu đoàn: “Phải tranh thủ điều kiện thuận lợi nâng cao tốc độ hành quân hơn nữa, để kịp đón thời cơ.

Thế là chúng tôi lại chuyển hành quân từ đêm sang hành quân vào buổi chiều và đêm, vừa đi vừa chuẩn bị, không nghỉ dài theo các cung đường như trước nữa. Hành quân trong khí thế hừng hực của chiến trường, lại được sự động viên và chỉ đạo chặt chẽ của Bộ Tư lệnh Binh chủng ở hậu phương, mọi người chúng tôi quên cả mệt nhọc, càng đi càng khoẻ, càng đi càng nhanh, đến đâu dừng chân nghỉ ngắn là anh em miệt mài kiểm tra sửa chữa xe cộ, nguy trang chu đáo không để lộ vết tích, giữ gìn bí mật lực lượng của đơn vị.

Trong quá trình hành quân, qua Đài Tiếng nói Việt Nam, chúng tôi được biết

ta đã giải phóng hoàn toàn Tây Nguyên, Huế, Đà Nẵng, thế thắng như chẻ tre. Khi vào binh trạm ngã ba biên giới để nhận xăng dầu thì được binh trạm truyền lệnh của Đại tướng Tổng Tư lệnh là: “Hành quân thần tốc, nhanh chóng đến điểm đã định”.

Tâm trạng mọi người lúc này vô cùng sôi động đã thôi thúc chúng tôi bằng mọi cách phải đi mau tới nơi qui định đầy đủ an toàn và bí mật. Cuộc hội báo của ban chỉ huy hành quân diễn ra nhanh chóng để bàn thực hiện mệnh lệnh hành quân thần tốc, chỉ trong buổi chiều và đêm hôm đó đã được truyền đến mọi cán bộ chiến sĩ của 3 tiểu đoàn.

Thế là đoàn chúng tôi đã hoà nhập ngay với khí thế hào hùng ra trận trong niềm tin chiến thắng. Lúc này quân địch đang thất bại liên tiếp trên các hướng chiến lược, không còn đủ sức để dùng không quân, biệt kích ngăn chặn trên đường hành quân như trước nữa. Kế hoạch trên đường hành quân chúng tôi lại được bổ sung: hành quân cả ban ngày và ban đêm, mệt đâu nghỉ đó, đỡ mệt lại tiếp tục hành quân, nhiên liệu được chuẩn bị bổ sung cho từng đại đội trong quá trình cơ động mà không phải dừng lại vào các trạm để bổ sung, xe nào hỏng dừng lại sửa chữa và tiếp tục đuổi theo đội hình hành quân.

Khẩu hiệu thần tốc và thần tốc hơn lửa được chiến sĩ xe tăng vừa đi vừa hô vang, vừa đi vừa ca hát. Tất cả chung một ý chí: mau tiến về phía Nam, tiếng xích sắt của xe tăng làm rung động cả núi rừng Tây Nguyên. Đến sông Pô Cô đơn vị công binh bảo đảm cầu phao qua sông còn đang sửa chữa, chúng tôi cùng xe pháo của sư đoàn bộ binh 10 Tây Nguyên dừng lại bên bờ chờ đợi.

Đêm đó thật là thơ mộng của những ngày hoà bình ở vùng mới giải phóng và cũng vô vùng sôi động trong tâm trạng sắp vào trận đánh. Hai bên bờ cầu phao đèn đuốc sáng như sao sa, tiếng cười, tiếng reo hò chiến thắng ngân

vang khắp núi rừng. Đoàn chúng tôi vượt sông xong, nhanh chóng dồn đội hành quân ngay hướng về nơi qui định với nhịp điệu thần tốc tràn ngập niềm vui giải phóng.

Thế là sau hơn 30 ngày đêm hành quân liên tục gần 1500 km đường Trường Sơn với khí thế hào hùng ra trận trên 90% lực lượng đã đến đầy đủ các vị trí tập kết chiến dịch đúng thời gian qui định đã tăng thêm sức mạnh đột kích của các binh đoàn, góp phần tích cực vào chiến thắng vang dội của chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử.

Nhiều năm đã đi qua, nhưng những cán bộ chiến sĩ chúng tôi không thể nào quên được những kỷ niệm trong cuộc hành quân thần tốc trên đường Trường Sơn tiến vào chiến dịch Hồ Chí Minh.

ĐỒNG TIỀN ĐẮM MÁU

Đại tá Trần Vĩnh Đại,

nguyên Đại đội phó Kỹ thuật,

Đại đội xe tăng 9, Tiểu đoàn 198.

Lâu quá rồi, đã trên 30 năm những cán bộ, chiến sĩ thuộc Tiểu đoàn xe Tăng 198, những người đã tham gia trận chiến thắng làng Vây năm xưa (7-21968) chưa có dịp gặp lại nhau. Nhân đón xuân Nhâm Ngọ, ngày 2-2-2002 tức ngày 21 tháng Chạp năm Tân Ty), hơn 100 anh em mới có dịp gặp nhau, ở Hội trường UBND xã Thụy Hà, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

Thật là bồi hồi, xúc động, ôm chặt lấy nhau, ai nấy nước mắt rưng rưng.

Trong cuộc họp mặt thăm tình, nặng nghĩa ấy Thiếu tướng Tư lệnh Binh chủng Tăng thiết giáp Đoàn Sinh Hưởng xin phép được trao lại di vật của liệt sĩ Nguyễn Tiến Chén cho vợ liệt sĩ là chị Bền, nước mắt đầm đìa, hai tay run run đỡ lấy chiếc khay, vừa khóc vừa nói: “Đã mấy chục năm nay, tôi chỉ mong có một tấm hình, hay một di vật của chồng để thờ cúng, lưu lại cho con, cháu. Đến đây tôi cảm nhận được tình đồng đội, đồng chí nó quý làm sao, tôi xin gửi lại di vật này để ở Bảo tàng để chồng tôi mãi mãi ở với đồng đội của mình” Nói xong chị oà khóc...

Hầu hết chúng tôi không ai cầm được nước mắt, liếc nhìn, Đại tá nguyên Phó chính uỷ Binh chủng Đào Văn Xuân, tôi thấy bác tóc đã bạc trắng đang lấy khăn lau nước mắt, ngày anh Chén hy sinh, bác Xuân đang có mặt tại Tiểu đoàn 198. Nhìn những giọt nước mắt của chị Bền, vợ liệt sĩ chúng tôi bồi hồi nhớ sau chiến thắng làng Vây, Tiểu đoàn 198 được lệnh ém quân tại chiến trường đường số 9. Đại đội 9 Tiểu đoàn 198 trú quân ở Ki-lô-mét 14,5 miền Tây.

Tiểu đoàn 198 được Tư lệnh Binh chủng chỉ định một ban chỉ huy trung đoàn nhẹ để trực tiếp chỉ huy và lãnh đạo đơn vị. Anh Nguyễn Văn Lãng-Trung đoàn phó Trung đoàn xe tăng 203 đảm nhận chức vụ chỉ huy trưởng. Tôi nguyên là Đại đội phó kỹ thuật của Đại đội 9, được rút về ở cơ quan của ban chỉ huy trung đoàn nhẹ và đảm nhiệm chức vụ Bí thư chi bộ cơ quan đó. Anh Nguyễn Tiến Chén là cơ công, có tài năng, một chiến sĩ quân đội dũng cảm trong chiến đấu, trong sinh hoạt ở đơn vị là con người hiền lành, sống giản dị và khiêm nhường.

Tôi khó quên hình ảnh anh Chén trong trận đánh vào cứ điểm làng Vây. Anh được phân công đi trên xe của đại đội trưởng Ngô Xuân Nghiêm (nay anh Nghiêm là Đại tá đã nghỉ hưu và là người chủ chất tổ chức buổi họp mặt này). Nhiệm vụ anh Chén là kịp thời sửa chữa đài trên xe tăng, đảm bảo cho

thông tin của đại đội trưởng thông suốt.

Quá trình chiến đấu xe của đại đội trưởng bị trúng đạn. Mảnh đạn của địch xuyên thủng vỏ thép và chẳng may mảnh đạn ấy lại xuyên qua một quả đạn xuyên thép đang ở trên giá đạn trong xe. Xe tăng bốc cháy và làm đứt dây điện hệ thống tự động chữa cháy của xe tăng. Anh Chén đã cùng số thành viên trong kíp xe tăng nhanh chóng dập tắt đám cháy rồi dùng bạt che nòng pháo quạt cho bớt khói, nối được điện và bật quạt cho thông gió, bớt khói và cùng đồng đội tiếp, tục sửa chữa đảm bảo cho xe tăng tiếp tục chiến đấu.

Đến một đoạn xe tăng gặp chướng ngại vật, mặc dầu cả đội hình xe tăng chìm trong “mưa bom, bão đạn” của quân thù, nhưng anh đã vượt ra khỏi xe, ra hiệu cho xe tiếp tục vượt qua, đảm bảo cho đại đội trưởng nhiều thời gian chỉ huy toàn đại đội, gồm 11 xe tăng tiếp tục chiến đấu...

Anh Chén là con người mà cả đơn vị yêu mến, không những anh chỉ linh hoạt dũng cảm trong chiến đấu, mà trong khi trú quân ở chiến trường anh luôn hoàn thành bất cứ nhiệm vụ gì. Là cán bộ kỹ thuật, nên tôi không bao giờ quên những ngày đơn vị giấu quân ở Trường Sơn. Thời gian mưa kéo dài, nên có đến trên dưới 80% số đài xe tăng cũng bị ẩm nên lệch tần. Anh cần mẫn tháo đài ra sấy và sửa chữa đảm bảo 100% số đài sẵn sàng chiến đấu. Có những đài hỏng nặng, lại không có sơ đồ mạch nên anh đã trèo đèo lội suối sang Đại đội xe tăng 3 để học thuộc sơ đồ rồi trở về vẽ lại và dạy cho anh em khác. :

Anh còn có những sáng kiến có giá trị như dùng dây điện thoại để nối các máy nói trong xe của các xe tăng trong đại đội với nhau, để các xe có thể liên lạc, không phải dùng mạng vô tuyến, để giữ bí mật nơi trú quân. Nghĩ đến trường hợp trước khi hy sinh của anh, mắt tôi nhòa đi, không thể viết tiếp...

Lần ấy Đại đội bắn được con nai, sống ở chiến trường khá thiếu thốn, phải chia nhau từng thìa muối để ăn dần và tiết kiệm, trong hoàn cảnh ấy mà lại có thịt nai thì thật là “đại tiệc”. Tôi nhận lệnh của anh Nguyễn Văn Lăng đi xuống Đại đội 9 để nhắc đơn vị chia cho các đơn vị bạn, phần còn lại của đơn vị dù ít cũng phải đảm bảo ăn dè trong vài ngày.

Gặp tôi anh Chén nói: “Anh Đại ơi, tôi muốn được ăn thịt nai cho thoả nỗi thèm” nhưng đến lúc ăn tôi thấy anh ăn rất ít, ý để nhường cho những đồng chí khác. Anh Chén, người đồng chí của tôi là như vậy đấy. Viết đến đây, trước mắt tôi lại hiện lên hình ảnh anh Chén, ngồi ăn và đang gấp thức ăn, những hạt muối...

Tin đơn vị bị bom, anh Chén hy sinh, là Bí thư chi bộ, tôi được phái xuống để làm biên bản, bàn giao di vật liệt sĩ. Tôi xúc động tay run run khi mở túi áo ngực trái, nơi những hạt bom bị xuyên thủng trái tim anh, trong túi áo có để cuốn Điều lệ Đảng đầm máu và rách bươm và ba đồng tiền anh để dành để đóng Đảng phí cũng đầm máu... Không hiểu làm sao, như “linh tính” mách bảo, tôi rất lo, thời gian chiến tranh này không biết các di vật kia có đảm bảo về được hậu phương không, đến tay người vợ của anh không.

Thế là tôi rút cuốn Điều lệ Đảng của tôi, thấm vào máu anh và đánh tráo cuốn điều lệ Đảng của anh, sờ túi, tôi chỉ còn một tờ tiền giấy nên chỉ đánh tráo được một đồng. với hy vọng sau chiến tranh tôi sẽ cố tìm đến gia đình để trao lại di vật cho vợ con anh. Sau chiến tranh tôi không có điều kiện tìm được gia đình liệt sĩ Chén, người đồng chí thân yêu. Đã trên 30 năm tôi vẫn để trên bàn thờ nhà mình những di vật ấy, vẫn thắp hương cho anh.

Khoảng năm 1998, tôi bị nhiều cơn huyết áp cao, sợ mình có thể đột ngột ra

đi, di vật của Đồng Đội có thể bị thất lạc, nên tôi đã báo cáo với Bộ Tư lệnh Binh chủng và bàn giao “di vật vô giá” ấy cho Bảo tàng Binh chủng...

May sao nhân dịp tổ chức cuộc gặp mặt các cựu chiến binh tăng thiết giáp của Tiểu đoàn 198, sau 34 năm (2 - 2 - 2002) tôi đi lần mò các gia đình, tìm đến nhà các đồng đội thuộc tỉnh Nam Định tôi gặp đồng chí y sĩ của đơn vị đã khâm liệm cho anh Chén, tôi mới biết địa chỉ của vợ anh Chén: Thôn Đốc Tín, xã Đốc Tín, huyện Chương Mỹ, tỉnh Hà Tây. Tôi lại đến Hà Tây tìm gặp gia đình và mời chị Bềnh đến dự buổi họp mặt.

Thế là tôi đã đạt được nguyện vọng đưa di vật về cho gia đình liệt sĩ (còn các di vật bàn giao ngày ấy đã thất lạc).

Viết bài này, tôi coi như thắp cho anh Chén và đồng đội tôi đã hy sinh trong chiến đấu “ba nén tâm nhang”.

NHẬT KÝ LẦN THỨ NHẤT

VÀO CHIẾN TRƯỜNG B5

Đại tá Hồ Hùng Thái,

Nguyên Cán bộ trong Chỉ huy

Tiểu đoàn 198 hành quân vào chiến trường.

Ngày 1-10- 1967. Em Phương yêu!

“Vinh dự biết mấy, khi anh biết cầm khẩu súng trường nhè vào đầu bọn xâm lược mà bắn, thì lúc này vinh quang biết bao, anh và các đồng chí của anh chỉ huy đoàn xe bọc thép vượt đồi, băng suối, bơi qua sông, xông ra mặt trận dùng xích sắt nghiền nát quân thù, dùng pháo bắn tan hầm ngầm, ụ pháo, bắn cháy xe tăng, xe bọc thép của địch, dùng súng 12,7 ly bắn rơi máy bay bay thấp, vượt hàng rào phá tan đồn thù. Người chiến sĩ ấy một khi hiểu được lý tưởng cao đẹp. Không có gì quý hơn độc lập tự do, thì họ sẵn sàng hy sinh cho lý tưởng đó phải không em? Đêm đoàn xe đã đi được 60 km dừng lại nghỉ tại xóm Kạn, xã Tân Phong, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Hoà Bình. Ở đây nông thôn trồng chanh, cam đang mùa thu hoạch.

Đêm 2 - 10 đã đi được 52 km nghỉ ở xóm Bùi. Ở đây những người dân tộc thiểu số tỉnh Hoà Bình đang đi làm thuỷ lợi và thu hoạch lúa sớm.

Đêm 3 - 10 đã đi được 60 km nghỉ lại ở thôn Giác, xã Mai Sơn, huyện Ngọc Lặc. Tại nông trường Cửu Long, những cây cao su bạt ngàn tươi tốt, đã bắt đầu thu hoạch. Một xã mà con số nghỉ hưu 150 người, đang nuôi tằm bằng lá sắn, các nam nữ thanh niên đang về đây học tập.

Đã qua 3 chặng hành quân ngày và đêm 4-10 anh nghỉ lại đây.

Đêm 5-10, ngày thành lập Binh chủng đi được 60 km nghỉ tại thôn Yên Thắng, xã Yên Lệ, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hoá. Ở đây lòng dân đã động viên người chiến sĩ. Họ sẵn sàng cung cấp các vật liệu để cho xe qua khi gặp sa lầy cần cứu kéo. Cả 5 đêm nay anh không thể nào quên được những bàn tay của chiến sĩ bộ binh mỗi khi gặp nhau lại đưa tay lên xe nắm chặt bàn tay của người chiến sĩ Tăng - Thiết giáp, động viên nhau ra tiền tuyến giết giặc lập công.

Đường còn dài anh còn phải tiếp tục đi cùng những khối thép thân yêu trong các đêm trắng, lấy ánh sáng của trăng làm ngày. Chắc những đêm này cu Vinh nhớ bố nó lắm.

Đêm 6-10 anh đã đi 49 km nghỉ tại làng Xanh, xã Nghĩa Minh, huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An (nông trường 19/5). Những người con gái xứ Nghệ bắt đầu nì, mô để quen thuộc. Nói đùa anh đít dậu, đầu mỡ: Họ mua những cân cam, những lít mật ong của nông trường, cơ sở kinh tế quốc doanh.

Đêm 7-10 đi được 63 km, nghỉ tại hợp tác xã Thống Nhất, xã Minh Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An cạnh các cô gái công trường họ sẵn sàng gánh cho người chiến sĩ xe tăng những gánh nước đơm tình quân dân với anh bộ đội chủ lực. Cùng tranh nhau tắm rửa nước suối trong lành.

Đêm 8-10 đi được 65 km nghỉ lại ở Trại Trưa, Nam Thanh, Nam Đàn, Nghệ An. Quê hương của Xô viết Nghệ Tĩnh. Mảnh đất đã ghi lại những trang sử hiển hách của dân tộc, đã làm cho bọn đế quốc Pháp phải suy nghĩ. Báo hiệu cho tất cả các bọn đế quốc: Một dân tộc quyết giành độc lập tự do không phịu làm nô lệ, đã đoàn kết một lòng thì các mưu mô quỷ quyệt của bọn đế quốc không tài nào bắt họ làm nô lệ lần nữa.

Và cứ thế anh đi tiếp. Một ngày giời mưa tại Km 8,5 Bình trạm 14 Bồ Trạch, Quảng Bình, anh tập làm thơ:

Khe Tà Lang, Khe Rinh

Hai con khe trên đất Quảng Bình

Chiều nay xe tôi qua

Hai con khe đã nhuộm màu máu đỏ
Bom đạn Mỹ phá nổ
Phá đường ngầm thẳng thành cong
Đồi xanh thành trọc.
Ruộng phẳng nổi cồn,
Cây cối trụi đen,
Chim muông lặng ngừng hót
Nhưng vang tiếng người chiến sĩ giao liên
Xe đoàn mô đó?
Có bao nhiêu xe?
Xe đoàn 198!
Quê hương các cô ở đâu ?
Chưa kịp nghe trả lời
Thì một giọng lạnh lạnh.
Xe các anh đi đường ni
Miệng nhoẻn nụ cười
Tay cách tay một quãng.
Tiếng xe gầm...

Ngày 3-11-1967 anh ở nhà tổng kết lại tình hình hành quân cung 3 và chuẩn bị ngày mai đi dự sơ kết Đại đội tăng 9.

Đang suy nghĩ như vậy thì anh Lê Quang Phước, Phó Chính uỷ Trung đoàn 203 đến rủ đi lên Km 14,5 họp, thực tình anh cũng chưa muốn đi, vì ngại xếp chăn màn tăng bạt. Nhưng nếu đi một mình lại buồn nên thu xếp đi cùng anh Phước. 15 giờ xuất phát. Ra đường hai anh em vừa đi vừa trao đổi những gương anh dũng của các nữ đồng chí thanh niên xung phong, tinh thần hăng hái vô tư của họ, thương họ vì sốt rét mà da xám mét.

Đến km 14,5 khoảng 17 giờ thì một tốp máy bay F4H bắn vào đoàn Ô tô ta cháy một chiếc. Anh và anh Phước đang đi nghe tiếng rú cả hai cùng nằm xuống cạnh đường, thì nghe tiếng súng báo tắc đường các chị em thanh niên xung phong đã sẵn sàng ra mặt đường làm nhiệm vụ. Chỉ khoảng 30 phút sau thì đã nghe hai tiếng súng nổ báo thông đường và trở về lán chị em hò hát, thi nhau nô đùa.

Họ hò những câu: “Tiếng ai lanh lảnh chuông đồng, phải chăng là tiếng người chồng của em” một thanh niên trong đoàn vận tải Ô tô hò lại: “Tiếng anh lanh lảnh chuông đồng, tiếng này chính thực tiếng chồng của em”. Anh và anh Phước đang nói về cái tuổi yêu đời của họ trong lửa đạn thì cậu Côì chạy đến báo:

- Trung đội 2, Đại đội tăng 9 bị bom, đồng chí Diên hy sinh; đồng chí Chuẩn; đồng chí Đồng bị thương. Hai anh em lặng người suy nghĩ. Thương anh em lại tự trách mình chọn vị trí trú quân chưa thật chu đáo để xảy ra việc đáng tiếc này.

15-11. Đêm 14 âm lịch trăng sáng. Trời mưa, khí hậu hơi lạnh của cảnh núi rừng mùa đông trên đất Quảng Bình. Tổ ba người gồm anh, anh Tuấn, anh Phước đi theo đoàn lại gặp nhau trao đổi, kiểm điểm với nhau về tâm tư trách

nhệm, giúp nhau về tác phong, thái độ Động viên nhau làm tốt nhiệm vụ mà Đảng uỷ đã giao cho.

Đại đội 9 Tiểu đoàn 198 lần đầu va chạm với cái sống cái chết, với sự thương vong làm cho họ suy nghĩ: Sợ bom, sợ mìn lá, sợ tiếng chim lợn kêu trong rừng. Song họ cũng lớn lên trong lửa đạn, lại cùng nhau luyện tập để liên hoan với Binh trạm. Yêu cầu về văn hoá, một tác dụng lớn của công tác tuyên truyền cho lớp người trẻ. Nó dẫn dắt họ làm cho họ tăng thêm sĩ khí, tự hào với Binh chủng của mình.

Mười ba giờ ba mươi phút với quân phục mới, tóc cắt ngắn, trang điểm lại con người cùng các đồng chí trong đoàn văn nghệ của Binh trạm liên hoan chúc mừng nhau những thành tựu đã đạt được trong mấy năm làm con đường 20 này. Cô Bích Mậu ngâm bài thơ Aki, hát bài hò Huế về giao thông vận tải. Xe đồng chí Thành trình diễn lại “Vỡ chèo xe ta”, gây khí thế chung cho những con người đang lao động trên con đường 20 và các khách hành quân qua con đường 20 này.

17 giờ 30 phút điệu múa quạt xong cũng là tiết mục cuối cùng của buổi liên hoan ban ngày. Đồng chí Nguyễn Bá Hồng, đội phó, lên phát biểu lời cảm ơn. Đồng chí Lê Quang Phước lên bắt tay các diễn viên của hai đoàn, còn anh là một thành viên tích cực vỗ tay động viên sự thành công của buổi liên hoan.

Mỗi người cùng mừng thành công bằng tràng vỗ tay dài nói lên lời hứa hẹn gặp nhau trong những buổi hên hoan to lớn hơn, đàng hoàng hơn. Ghi cho nhau những dòng kỷ niệm, chụp chung với nhau những tấm ảnh để nhớ nhau trên chặng đường gian lao để có ngày thắng lợi hoàn toàn lại gặp nhau.

Tính đến hôm nay đã được gần 1 tháng. Những khối thép đã được chuyển bánh trong ban ngày sương mù dày đặc, vượt dốc ba thang, nơi đã có câu ca: “Máu đổ ba thang muôn ngàn thẳng lợi”, vượt cao điểm 38 nơi mà máy bay B52 của Mỹ thả bom lấp hàng trung đội công binh của ta ngày 3 - 8 - 1966.

18 giờ Đại đội 9 đã vượt các cao điểm Aki, Cà rùng, 49, mỗi nơi đều có một chuyện lịch sử, đều có những gương anh hùng nhưng chỉ còn đôi trọc nhấp nhô do bom đạn Mỹ đã đổ xuống đây một mét vuông là một tấn sắt thép, mỗi cao điểm là có những bài thơ tuyệt diệu do lao động và chiến đấu mà con người sáng tác nên.

22 giờ - đoàn xe đã đến ba-ri-e biên giới Lào - Việt, tạm dừng lại đây trong đêm trăng rằm sáng tỏ. Trăng rằm trên đất nước bạn sao quá sáng, làm cho anh nhớ thêm những ngày tham gia chiến dịch Sầm Nưa, đánh địch trước khi nổ súng chiến dịch Điện Biên Phủ tính đến nay đã 13 năm, Anh lại cùng chiếc xe tăng thân yêu của lực lượng chạy nhanh trên mảnh đất Trung Lào.

Tại đây anh đã gặp đồng chí Lê Đăng Dần, trước là Chính uỷ Trung đoàn 36 nay là Chủ nhiệm Chính trị Sư đoàn 308, đồng chí Duy Sơn trước đây là tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn 79 nay là Tham mưu trưởng Sư đoàn 304 và rất nhiều bạn quen khác như Thế Hùng, Ngọc Trác (chính uỷ Trung đoàn 66) cùng trên đường ra mặt trận tiêu diệt quân thù để giành lại độc lập tự do thống nhất hoàn toàn cho Tổ quốc Trong trao đổi câu chuyện tâm tư tình cảm lại nhớ đến cu Vĩnh, đứa con đầu lòng không biết hiện nay nó đã biết làm gì rồi? Vì khi đi nó còn quá bé, nhưng anh đã hẹn với nó, ngày hết Mỹ nguy cha con gặp nhau.

23 giờ 5 phút, đoàn xe dừng lại Km 72 để chuẩn bị cho xe vượt qua cua chữ A và đèo Pu La Nhích. Sau khi vượt qua anh làm thơ Cua chữ A:

Không phải A thường, A hoa mà là Hoa Rông tích

Của ngày xưa viết tập lớp nhất thời Tây

Em hình dung được phức tạp hay không

Để anh kể mắt thấy tai nghe và lòng suy nghĩ

Trong đánh Pháp Khâu Vát 1, Fa Đin 2 anh vượt

Trong củi than Thượng đốt đá nện 3 em trèo

Đèo cao thác nước đá tái mèo

Gió lùa thổi mạnh rào rào rừng cây

Chim vỗ cánh không người giương cung

Thú vồ mồi làm anh rợn gáy

Nhưng ở đây mắt anh trông thấy

Cua chừ A khúc khuỷu đá đánh.. ?

Bên vực sâu, bên vách đứng chênh vênh

Trời trắng sáng mắt anh trông thăm thẳm

Đất lô nhô màu đỏ màu đen ,

2 giờ máy nổ xe bon ,

Ì ì số 1 tâm hồn lâng lâng.

Tại rừng Trung Lào Sa va Na Khét. Gần hai tháng hành quân anh đi qua bao
nhiều chặng, bao nhiêu cung trên các trục đường 6, 12A, 15, 30, 8, 20, 12B.

Hầu hết là những con đường chiến lược mới mở dọc dải Trường Sơn trùng điệp, men theo các triền núi, vượt qua bao đèo dốc, sông rộng nước chảy xiết như sông Lam, sông Mã, sông Cả, sông Linh Cảm.

Khi vượt sông Linh Cảm anh ghi lại một kỷ niệm không thể nào quên. Đó là cũng là đêm trăng sáng, xe tăng - thiết giáp không được vượt (bơi) theo bến phà của Ô tô mà phải vượt qua trên một đoạn sông là công binh của Đoàn 559 đã chuẩn bị bến lên bằng một khung gỗ rộng hơn thân xe là 1m. Dòng sông chỉ rộng khoảng ba thân xe. Xe xuống theo bến gỗ chuẩn bị là được còn xe lên theo bến gỗ thì không tài nào lên được, vì nước chảy làm thân xe không tài nào thẳng như họ tưởng.

Anh và anh Ngô Xuân Nghiêm (đại đội trưởng đại đội Tăng - Thiết giáp) làm đủ phương cách, dùng sào chống, dùng dây tời kéo cho đầu xe vào khung gỗ mà đầu xe không sao vào thẳng được. Kéo, chống mãi gần ba, bốn giờ đồng hồ. Trời sắp sáng đành phải cho xe Đại đội 9 bơi xuôi dòng đến bến lên xuống của Ô tô quay lại khu vực giấu quân để hôm sau bơi qua theo bến phà của Ô tô em ạ!

Lại hành quân vào mùa mưa lũ, đường mới làm độ sạt lở nhiều, các trục đường đều bị máy bay Mỹ đánh phá ác liệt. Gian khổ khó khăn là vậy, nhưng hôm nay 21 tháng 12 năm 1967 đoàn xe ra mặt trận đã vào khu tập kết cuối cùng. Đại đội tăng 9 ở Ha Xinh Ta Xinh phía nam đường 9-Đại đội xe tăng 3 ở Nậm Khang trên trục đường 9. Như vậy là từ đây anh cùng Đại đội 9 chuẩn bị cho trận đánh lớn của chiến dịch Khe Sanh, Mậu Thân 1968.

Ngày 24 tháng 11 các anh Quang, Giang đi nhận nhiệm vụ ở mặt trận. Đại đội 3 và Đại đội 9 chuẩn bị mọi mặt về kỹ thuật. Cán bộ đi nghiên cứu chuẩn bị chiến trường khu vực phía Tây đường 9 gồm các cứ điểm Chuội San, Làng Vây, quận lỵ Hướng Hoá.

Ngày 21 tháng 12 năm 1967 các anh Giang, Phước (Nguyễn Văn Phước)... của Đoàn 198 cùng cán bộ Tiểu đoàn đặc công của Trung đoàn bộ binh 9, Sư đoàn 304 lên đài quan sát của bộ binh, do chủ quan không bố trí trinh sát chu đáo trước nên bị tụi biệt kích chúng phục kích bắn vào đội hình quan sát làm cho đồng chí Tô Cầm, tiểu đoàn phó đặc công hy sinh; đồng chí Ngọc, Tham mưu trưởng Trung đoàn bộ binh 9 hy sinh; đồng chí Phan, trung đoàn trưởng Trung đoàn bộ binh 9 bị cụt chân còn cán bộ của Đoàn 198 đi sau như anh Dương Đăng Giang, Tham mưu phó, anh Lăng Trung đoàn phó rút lui kịp an toàn.

13 tháng 1 năm 1968, Bộ Tư lệnh B5 chính thức giao nhiệm vụ cho xe tăng.

- Bước một: Tiêu diệt Chuội San, Làng Vây, Hướng Hoá. Trước mắt đơn vị xe tăng cùng bộ binh chuẩn bị kỹ cứ điểm Chuội San, Làng Vây, khi có lệnh chính thức là tham gia chiến đấu được ngay.

-
1. Đèo Khâu Vát trong chiến dịch Nghĩa Lộ.
 2. Đèo Pha Đin trong chiến dịch Điện Biên Phủ
 3. Lúc ở nhà đi hái củi, đốt than ở núi Thượng đốt đá nện

Làng Vây được đặt bí danh là A2, trong chiến dịch Khe Sanh là một cứ điểm mạnh do một tiểu đoàn biệt kích ngụy chiếm đóng và có cố vấn Mỹ.

A1 trong hệ thống phòng thủ đường 9.

Đêm 21 tháng 1 năm 1968 ta giải phóng thị trấn Hướng Hoá.

8 giờ ngày 24 tháng 1 năm 1968 ta giải phóng Tà Mây có xe tăng của Đại đội 3 tham gia. 9 giờ ngày 6 tháng 1 năm 1968 được các anh Lăng, Giang, Phước giao nhiệm vụ đưa đồng chí Hải đi trinh sát, cũng lên đài quan sát hôm trước để quan sát toàn bộ khu vực tác chiến Làng Vây.

11 giờ 30 phút ngày 8 tháng 1 năm 1968 anh cùng đồng chí Hải, Mạn, Chức đến đơn vị đặc công để gặp đồng chí Thịnh, tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn bộ binh 1 và một số các đồng chí khác trong đó có đồng chí Sinh xã đội trưởng xã đội Thuận đi trinh sát cứ điểm 320 và 230. ở đài quan sát đã xác định được vị trí của 320 và 230 con sông chảy vào Làng Trài và toàn bộ cứ điểm 320, 230.

Hình dung được bố trí đội hình tiến công trên hướng đường 9 còn quan sát phát hiện được trên cứ điểm tiền tiêu của địch có đường Ô tô đi từ đường 9 chạy lên và chạy vào 320. Sau đó cùng anh Hai đến gặp anh Hoà đen của Sư đoàn 340 báo cáo tình hình và nhận nhiệm vụ trên hướng tây (đường 9).

Ngày 24 tháng 1 năm 1968 anh được anh Lê Quang Phước, Phó Chính uỷ Trung đoàn 203 đi cùng đoàn và anh Lăng giao cho cùng đồng chí Nguyễn Bá Hồng đơn vị phó của Đoàn 1 98 trực tiếp chỉ huy Đại đội 9 trên hướng Nam.

Gặp anh Tham mưu phó Sư 325 và anh Hồ Bá Thi, tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn 3 Trung đoàn 2 Sư đoàn 325 báo cáo tình hình và nhận kế hoạch cùng Đại đội 9, Đại đội bộ binh 7, hai đại đội đặc công của Bộ đi trinh sát đoạn

làng Troài vào vị trí xuất phát xung phong.

Ở đây các đồng chí cán bộ đặc công đã nắm chắc địa hình khu vực dẫn bộ phận anh Nghiêm và các trung đội trưởng xác định đoạn đường từ làng Troài theo đường Ô tô đi lấy cát của địch về xây cứ điểm Làng Vây rất thuận lợi cho việc lên tuyến xung phong. Đội hình của xe triển khai sẵn để chỉ viện cho công binh mở cửa mở.

Thống nhất vị trí mở cửa với công binh các anh được các đồng chí trinh sát đưa đi cùng anh Hồ Bá Thi vào vị trí chỉ huy cách hàng rào ngoài cùng của địch khoảng 100m. Vị trí của anh cách vị trí của anh Hồ Bá Thi 50m, tiện cho việc trao đổi tình hình xử trí các tình huống giữa xe tăng và bộ binh trên hướng tiến công chủ yếu.

Đi trinh sát đoạn này gặp rất nhiều khó khăn. Trong điều kiện đêm trăng sáng, lần thứ nhất ta vào lúc 12 giờ đêm bị địch phát hiện dùng đại liên bắn ta không thực hiện được, đoàn phải rút ra. Lần thứ hai vào 10 giờ đêm lại gặp đàn voi đi ầm ầm ta đành phải rút ra. Lần thứ ba, ta vào ngay lúc 9 giờ tối (mới đầu hôm thì yên lặng thực hiện được các nội dung mà đồng chí Lê Bá Nuôi đã kiểm tra. Ta rút ra an toàn.

Do tình hình chuẩn bị nhiều mặt chưa thật chu đáo nên đơn vị phải nằm lại khu tập kết đến 12 hôm. Có thời gian nên công tác chuẩn bị cơ động, chuẩn bị kỹ thuật, hiệp đồng chiến đấu giữa xe tăng với đặc công đột kích (1,2,3) và bộ binh, công binh làm đến tận từng xe, Trung đội, Đại đội của đơn vị xe tăng làm được kỹ trên bàn cát, việc huấn luyện giữa xe tăng và bộ binh cũng thực hiện được.

Xác định cách đánh của xe tăng với đợt kích 1, 2 với mũi thọc sâu do đại đội trưởng Đại đội 9 thực hiện khi đã chiếm được đầu cầu thì xe của đại đội trưởng Đại đội 9 cùng đặc công thọc sâu vào sở chỉ huy khu vực 104 phải lướt qua các hỏa điểm ngăn chặn trong hành động của mũi thọc sâu và bắt liên lạc với Đại đội 3 trên hướng đường 9 của Trung đoàn 24, Sư đoàn 304.

Khu C104 do đại đội biệt kích (C mặc phọc) là đại đội ác ôn được ăn theo tiêu chuẩn lính Mỹ, cũng là khu của cố vấn Mỹ và có hầm ngầm. Còn trung đội trưởng Trung đội 3 vẫn ở vị trí tuyến bắn dùng hỏa lực tiêu diệt các hỏa điểm ngăn chặn các đợt đợt kích trên từng mũi tiến công sẵn sàng bước vào chiến đấu trong tung thâm cứ điểm.

Có hai điểm suy nghĩ nhất là nếu lái xe không lái được dốc 36 độ của rãnh nước Pésai vượt lên Khe Húc rồi xuống sông Sê Pôn theo dòng sông bơi đến bến làng Troài; thứ hai là khi xe còn bơi giữa dòng sông làng Troài bị phi pháo oanh tạc gây thương vong đảo lộn tình hình phải cứu kéo nhau mãi giữa dòng sông mà sáng thì giải quyết ra sao, dẫu rằng trước đây Tiểu đoàn 3, Trung đoàn 202 đã có diễn tập cho xe bơi dưới dòng sông Cà Lồ, đoạn gần đồi Thanh Tước núi Thanh Tước (ở Vĩnh Phúc).

Núi Thanh Tước cũng có hai mỏm như Làng Vây. Để giữ bí mật cho xe tắt máy rồi dùng dân quân lấy sào chống đẩy như chống thuyền, kết hợp với dùng dây kéo đến sát tuyến xuất phát xung phong mới cho nổ máy tiến lên tuyến xuất phát xung phong cùng bộ binh dùng hỏa lực trực tiếp chi viện cho công binh mở cửa xong thì xe tăng dẫn dắt đội đột kích đánh chiếm đầu cầu và thực hành thọc sâu đánh vào sở chỉ huy quân địch, nhưng cũng không tạo ra tình huống này để xử trí.

Còn một điều anh cũng muốn nói là: trên hướng Nam sông Sê Pôn lên gặp anh Thái Dũng lần cuối cùng anh Thái Dũng cũng không hề giao cho Đại đội 9 sẵn sàng phát triển sang cứ điểm Làng Vây cũ nên không có suy nghĩ gì về nhiệm vụ này. Nên khi Làng Vây cơ bản đã bị tiêu diệt thì có một đội gồm công binh có bộc phá ống, bộc phá khối, có đặc công, trinh sát bộ binh. Người ở chỗ anh Hồ Bá Thi sang gặp anh để tổ chức cho hai xe tăng cơ động xung phong tiến công vào Làng Vây cũ, anh bảo Đại đội 9 không có nhiệm vụ này.

Với tư tưởng còn thời gian còn chuẩn bị nên các lái xe, trưởng xe đều được trinh sát đường cơ động đến khe húc cho xe xuống sông để bơi vào bến làng Troài: đến các cuộc thảo luận trên bàn cát giữa xe tăng với bộ binh, đặc công đến tập luyện thực tế các mô hình của xe tăng. Bộ binh được xem xe thực tế và cách lên xuống xe tăng (động tác lên xuống xe tăng thật).

Công tác động viên chiến đấu như tổ chức lễ xuất quân trao cờ cho Đại đội 9, các cán bộ cao nhất của Binh chủng (chính uỷ Lê Ngọc Quang), cán bộ cao nhất của Sư đoàn 304 (chính uỷ Trần Nguyên Độ) và đồng chí Hợp, Phó Chính uỷ Sư đoàn 304 xuống từng hầm xe động viên khí thế quyết tâm đánh thắng trận đầu, giành chủ động trong mọi tình huống, còn người còn xe còn chiến đấu. Không chỉ có đánh đêm mà ngày càng quyết tâm đánh đến tiêu diệt hoàn toàn quân địch.

Ngày 5 tháng 2 năm 1968 chuẩn bị mọi mặt để xuất kích nhưng do một khó khăn nào đó nên hoãn lại.

13 giờ 30 phút ngày 6 tháng 2 năm 1968 vượt suối vượt đồi dưới sự đe dọa của các loại máy bay Thần sấm, Con ma (F16, F4H) gầm thét. Anh cùng các chiến sĩ thông tin cơ động theo đội hình của Tiểu đoàn bộ binh 3, Trung đoàn 2 Sư đoàn 304 tiến vào các vị trí xuất phát tiến công của trận đánh tiêu diệt cứ điểm làng Vây.

18 giờ cùng ngày pháo binh ta bắn chế áp lần một xe tăng bắt đầu từ đồi Pésai cơ động lên bến Khe Húc thành đội hình cơ động chiến đấu dưới dòng sông. Theo thứ tự trung đội trưởng 1, đại đội trưởng, chính trị viên trưởng, trung đội trưởng 3. Thời gian cơ động của xe tăng dưới dòng sông theo tính toán của anh với anh Nghiêm và anh Hồ Bá Thi chỉ tính bằng nửa tốc độ người đi bộ, vì tính cả những bất trắc dọc đường có thành viên lái, pháo thủ dự bị, y tá, kỹ thuật viên cùng đi trên đội hình của.

Sau đợt bắn chế áp lần một, pháo binh ta bắn tốc độ đều chi viện cho xe tăng theo sự chỉ dẫn của công binh, ngâm mình dưới nước sông giá lạnh trong đêm tối. Anh lại nhớ đến hình ảnh của Trung đội phó công binh Bùi Ngọc Dương sau khi cứu kéo xe tăng khỏi sa lầy trong trận Tà Mây đã nhảy lên xe tăng sử dụng súng 12 ly 7 lắp trên xe tăng bắn trả máy bay địch quyết liệt anh bị thương nhưng vẫn bám xe tăng xung phong vào cứ điểm và anh dũng hy sinh.

Hình ảnh của ác chiến sĩ công binh bảo đảm cho xe tăng trong trận Làng Vây khi tiến lên xung phong cũng như lúc xe tăng rời khỏi trận địa về khu tập kết không bao giờ quên.

20 giờ 20 phút đến bến Khe Húc triển khai xong đội hình dưới lòng sông Đại đội 9 cho xe cơ động đến bến làng Troài, có con đường địch dùng để lấy cát về xây dựng cứ điểm Làng Vây nên rất tiện cho ta khi có lệnh xuất phát xung phong. Từ làng Troài đến cứ điểm Làng Vây 1800m, Đại đội 9 phải dừng lại chờ gần hai tiếng đồng hồ.

23h15 Đại đội 9 nhận được lệnh xung phong dưới sự chi viện của pháo binh bắn chế áp lần hai. Đại đội 9 bắt đầu tiến lên vị trí xuất phát xung phong, dùng pháo bắn trực tiếp chi viện cho công binh mở cửa. Mở cửa xong đặt mìn đột kích một xung phong đánh chiếm đầu cầu. Rạo rức khi nhận được điện của xe đại đội trưởng Đại đội 9 cùng các xe của Võ, Ngà hiện đang chi viện cho nhau và đột kích một đánh chiếm đầu cầu. Nhận được điện của xe Thành bị lạc đường bật đèn chiếu sáng để quan sát vào vị trí bắn chi viện cho mìn đột kích 2.

Nhận được tin bộ binh Đại đội 40, Đại đội 9 đang bị hoả lực của địch chặn lại chưa vượt qua được cửa mở, bộ binh yêu cầu xe tăng dùng pháo tiêu diệt hoả điểm của địch, xe tăng yêu cầu bộ binh dùng đạn vạch đường bắn chỉ thị mục tiêu. Bộ binh bảo đạn vạch đường không có xe tăng yêu cầu bộ binh lên xe chỉ thị mục tiêu.

Trước tình hình đó, tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn bộ binh 3 cho liên lạc sang gọi anh sang chỗ đồng chí trao đổi tình hình nhất trí điều hai xe ra cửa mở để dẫn dắt bộ binh vào. Qua suy nghĩ anh biết hoả lực mình chống tăng ở hàng rào không có nên anh Hồ Bá Thi đã lệnh cho đại đội trưởng Đại đội 9 cho xe ra dẫn dắt bộ binh vào và chỉ sau mấy phút xe tăng và bộ binh đã hiệp đồng chặt chẽ.

Xe của Thành đã dùng pháo bắn chi viện cho đợt kích hai và chi viện cho bộ binh vào tung thâm chiến đấu. Do mở cửa nắp ụ pháo ra quan sát bọn địch đã dùng hỏa lực bắn đồng chí Thành hy sinh.

3h45 ngày 7 tháng 2 quân địch dùng máy bay B52 rải thảm bom xuống các cao điểm 54 1, 634. Nhận được điện của anh Thái Dũng báo Đại đội 3 hiệp đồng với Trung đoàn 24 của Sư đoàn đã diệt được quân địch ở 102, 103 đánh vào Sở chỉ huy và cho hai xe cơ động sang Làng Vây cũ. Đồng thời ở bên này anh. cũng nhận được lực lượng tăng cường của cấp trên mà anh Hồ Bá Thi cho liên lạc dẫn xe tăng phát triển sang Làng Vây cũ nhưng phần thì biết hướng Tây đã thực hiện phần thì trong tư tưởng không có chuẩn bị nên để anh em quay ra.

4 giờ ngày 7 tháng 2 năm 1968 căn cứ Làng Vây bị tiêu diệt người chiến sĩ Tăng -Thiết giáp thấy mình lớn lên, với anh cũng thấy mình lớn lên trong công tác tổ chức chỉ huy và thực hành chỉ huy.

Được lệnh rời khỏi trận địa về khu vực tập kết ban đầu, nhưng do trời đã sáng, xe cộ bị hư hỏng nhiều phải cứu kéo nhau dưới dòng sông nên không về đến Pésai được.

8 giờ ngày 7 tháng 2 năm 1968 anh cùng tổ liên lạc ra làng Troài gặp lại anh Ngô Xuân Nghiêm đại đội trưởng Đại đội 9 nắm lại tình hình trú quân ở chân làng Troài, thống nhất cách đánh khi địch phản kích và bắn máy bay trực thăng của địch.

Cả ngày 7 tháng 2 không có phản ứng gì, đêm 7 tháng 2 cho xe về Pésai, cả đêm về không gọn còn hai xe phải cho nằm lại giấu ở bãi sậy mép bờ sông Sê

pon cho ngụy trang bằng cây sậy tủ kín xe nhưng không buộc. Anh và anh Nghiêm, anh Đại, anh Lan đứng trên bờ quan sát đã nói vui với nhau: kín thế này thì bố OV10 (máy bay trinh sát) phát hiện ra được.

Khoảng 8 giờ thì OV10 đến quan sát, soi mói, bắn đạn vạch đường vào khu vực đó. Khoảng 12 giờ thì máy bay trực thăng từng tốp 3 chiếc một đến quần lượn vòng quanh, thấp đến nỗi cánh quạt quạt gió mạnh làm các cây sậy không có dây buộc vào xe nên bay đi lộ thân xe ra chúng dùng hỏa lực trên trực thăng bắn nhưng không thiệt hại lớn cho ta.

Khoảng 15 giờ chiều thì có hai chiếc F16 và F4H lên thả bom toạ độ vào khu vực đó. Anh và anh Nghiêm ra kiểm tra lại, xe an toàn còn cán bộ ta trụ lại đó đồng chí Lan trợ lý kỹ thuật của Trung đoàn 203 hy sinh. Đồng chí Đại đại đội phó kỹ thuật và anh em thành viên của hai xe an toàn.

Trước tình hình này anh Đại và anh Nghiêm đã làm cáng, cáng anh Lan về nghĩa trang của xe tăng chôn cất chu đáo và tối ngày 8 tháng 2 mới giải quyết toàn bộ Đại đội 9 về khu vực tập kết đủ 7 xe, còn một xe bị cháy và xích bị quần dây thép gai không thể kéo được nằm lại trong đồn, ta dùng 50 kg bộc phá phá huỷ và cho đất lấp kín không cho địch phát hiện.

Lại đi trinh sát tiếp. Sáng nay trời hơi mù, con đường 9 sau khi giải phóng Làng Vây quân địch đã đánh phá hết các ngầm và rải bom lá gan để ngăn cản vận động của bộ binh và cơ giới của ta. Em có nghĩ đi đêm thì sợ bom lá gan, đi ngày thì sợ máy bay oanh tạc, sương mù lại ngại bom toạ độ của máy bay B52. Nếu suy nghĩ như vậy thì chỉ còn một cách là nằm trong hầm chữ A kiên cố để kiểm lễ sống của kẻ mất nước phải không em.

8 giờ ngày 26 tháng 2 trên con đường 9 mới giải phóng các anh đã dùng bút chì xanh đỏ gạch chéo các cứ điểm Chuội San, Tà Mây, Tà Lùng, Bục kết, Lao Bảo, Làng Vây trên bản đồ mang theo của người đi trinh sát Tà Cơn (bí danh là A1).

Các hố bom của lũ cướp nước và lũ bán nước lở chỗ hai bên đường, những bản làng bị cháy, các đàn dê không chủ đang ăn lá cây rừng còn sót lại trên cánh rừng mới được tự do. Càng đi sát Làng Vây thì hố bom càng dày đặc, có đồng chí nói: “Bọn bán nước và bọn cướp nước cộng lại cứ chôn mỗi đứa một hố thì cũng còn thừa hố bom mà tụi nó thả trên đất nước ta anh ạ”. Câu nói đơn giản đó đã ghi lại những gì đơn giản trong đầu óc anh, nói gì với anh về kẻ thù trước mắt, về sự dã man quá sức tưởng tượng của bọn bán nước và cướp nước.... :

13 giờ ngày 6 -3:1968 các anh lên đài quan sát tại Húc Thượng trông thẳng vào vị trí A1 (bí danh của căn cứ Tà Cơn), cứ điểm Tà Cơn đang bị quân ta bao vây 4 mặt, cắt tiếp tế bằng đường bộ và hạn chế tiếp tế bằng đường hàng không. Sau 2 giờ quan sát, suy nghĩ về cách sử dụng xe tăng đánh Tà Cơn, dùng xe tăng vào làm pháo bắn ngắm trực tiếp để tiêu diệt hỏa điểm của chúng trong căn cứ là hố chôn tụi lính thủy đánh bộ của Mỹ trong các ụ súng đó nhưng sau này ta không dùng).

Sau những ngày đi trinh sát về gặp lại anh em Đại đội 9 dưới các hầm xe nơi ăn ngủ sinh hoạt của anh em. Anh em vây quanh anh bắt anh kể cho nghe về địch trong cứ điểm Tà Cơn, pha cho anh cốc nước đường, bát sữa, mời anh ăn cơm nói: “Hôm nay có cá cải thiện, có rau rừng tăng chất, có ruốc B bốc hơi”, kể những chuyện ở hậu cứ cho anh nghe lại càng thương mến anh em.

Bao hình ảnh về cuộc sống trong những ngày đánh Pháp trước đây, bây giờ đánh Mỹ tình cảm của lính lại thêm đậm nét hơn. Tình cảm xương máu

không biết bút mực nào viết hết cho được.

Anh đọc lá thư của em Phương cho các chiến sĩ nghe, anh em bắt anh đọc 2 lần các câu thư em Phương gửi cho anh

“Thư đi em ở lại đây

Bấm tay tính đốt đọi ngày nhận thư”

Và đọc 2 lần câu thư của anh gửi cho Phương:

“Nhận thư trên đường hành binh

Gửi thư trong lúc chiến chinh rộn ràng”

Tháng ngày, ngày tháng cho đến giờ đã qua bao kỷ niệm anh vẫn bỏ lá thơ đó trong túi. Sau khi nghe xong các chiến sĩ đề nghị anh sửa lại 2 câu thơ đó:

“Thư đi em ngồi lại đây

Tin anh mất hút, quên ngày nhận thư”

Thế là một cuộc nối thơ tập thể tại hầm xe tăng nổ ra bắt đầu:

“Đánh Làng Vây thư này bỏ túi
ôm ấp lòng ngày hội gặp nhau
Vui vui kể siết đường bao
Lính quan cá nước máu đào keo sơn”.

GẶP LẠI NGƯỜI “TRÓT BẮN”

Lê Đức Tuân,

nguyên Trợ lý Bản tin 1972

Binh chủng Tăng – Thiết giáp.

Thuở đường ra trận ngày nào cũng đẹp, người lính chúng tôi rất dễ quen thân nhau, nhất là những người đang “tạm dừng” trong vùng ngày Bắc, đêm Nam. Tôi biết và nhớ mãi Đỗ Văn Hường bởi cái lần vì quá sợ thốt ra “Em trót bắn rồi...”.

Đây là ngày 5-10 -1968, kỷ niệm lần thứ 9 thành lập Binh chủng Tăng - Thiết giáp ngày nay. Hôm ấy từ trưa đến tối riu rít tin bay về trung đoàn bộ 202, về Bộ Tư lệnh tiền phương của Binh chủng, về Bộ Tư lệnh Quân khu 4, về Bộ Tư lệnh Mặt trận B5: Trung đội 3, Đại đội 1 Tiểu đoàn 177 xe tăng K3B: Trung đoàn 202 Bộ Tư lệnh Thiết giáp bắn rơi một máy bay F100 (Thanh Bảo Kiếm) Mỹ bằng súng 12 ly 7.

Hôm ấy tôi theo đại đội phó Đại đội 3 cùng một sĩ quan tác chiến tiểu đoàn đến gặp Đỗ Văn Hường. Đỗ Văn Hường là pháo thủ xe tăng số 711 (nhập ngũ ngày 27-7-1967) nhằm đúng phiên làm anh nuôi cho đơn vị. Tổ anh nuôi có ba người, một người đi chợ, một người xuống sông Kiến Giang xách nước chưa về. Cả đại đội đang tập trung lắng nghe chính trị viên trưởng ôn lại lịch

sử truyền thống Binh chủng. Hường đang đảo chảo cơm đầy phè, những lo cơm không dẻo, chợt gió táp muốn đổ bếp, bay mái. Vội vã Hường cắp nịch thanh ghế cơm quên cả bóng vồ lấy vung đẩy kín chảo cơm tránh bụi.

Nhìn vượt theo chiếc máy bay bay thấp xoẹt qua. Bỗng nó làm một đường vòng ngoặt lại. Hường nghĩ: “Thằng ăn mảnh này chắc đánh hơi thấy gì. Được tạt bỏ mẹ nó đi. Truyền thống của quân đội chẳng đã có một người, một súng cũng tiến công đó sao. Thấy hiện tượng nó lại vòng về đúng hướng bay cũ. Hường nhìn nhanh lên trận địa 12 ly 7 trên đỉnh đồi. Đây là trận địa 12 ly 7 cũ đơn vị đến trước làm nay đã đi theo kiểu cuốn chiếu vào Nam. Trận địa có ba cọc chân chống còn cả ổ xoay, giá đỡ.

Nhìn về đơn vị các tốp cảnh giới đã vào vị trí theo phương án định sẵn), thấy chiếc xe tăng để dưới hầm gần nhất khẩu 12 ly 7 đã đặt lên giá. Hường bổ đến, bằng động tác thành thạo qua tập nhiều lần ở hậu phương, chỉ hai bước nhảy anh đã tháo được súng, tay xách hòm đạn băng lên đỉnh đồi. Lắp đạn, bật kính ngắm, dạn vững chân chĩa nòng súng về phía vật đen từ biển lao vào.

Với kiến thức và kinh nghiệm bắn máy bay bằng pháo đối không bảo vệ sân bay Thủ đô năm trước anh bình tĩnh đưa mục tiêu vào vòng kính ngắm. Ngón tay trỏ đã thử co duỗi đang nằm trong vòng cò. Vật đen im phắc trường dần lên. Hồi hộp tự nhủ: Hãy chờ đúng thời cơ.

Vật đen đầy chặt một góc trục tung trục hoành, Hường xiết điểm xạ một. Vật đen trùn kín kính ngắm, đầu chui đúng điểm tâm, Hường xiết điểm xạ hai. Vật đen trườn khỏi vòng ngắm rất qua đầu tuôn ra tiếng gào rít. Buông tay cò xoay súng bám theo mục tiêu định bắn bỗng đã thấy chiếc máy bay bùng lửa, đuôi phụt khói đen. Máy bay bỗng ngóc lên, vòng về phía biển. Nó như con ác thú bị thương lồng chạy về chỗ chết.

Hường buông súng, súng chống phốc lên trời như cười theo tiếng Hướng hét:

- Rơi, máy bay Mỹ rơi

Như cùng một nhịp từ nhiều nơi đều có tiếng reo: “Máy bay rơi, máy bay rơi!”. Đang còn mãi theo hút vệt khói đen loang to về phía chân trời nhiều người đã vây quanh anh. Đại đội trưởng hỏi:

- Hướng, cậu bắn à?

- Vâng. Máy bay cháy đẹp quá anh ạ.

Một người nào đó chen ngang:

- Đẹp đẹp cái con ếch! - Lệnh truyền ra: Tất cả chuẩn bị chiến đấu. Không có lệnh không được nổ súng. Các xe về vị trí chiến đấu bảo vệ xe.

Chỉ một loáng các ngọn đồi có trận địa phòng không súng các loại đã được triển khai theo phương án có sẵn. Tít tít, người vác đạn, lắp đạn trong không khí báo động: tiếng nhắc nhở, đôn đốc... Hướng hiểu ra một vấn đề nghiêm trọng đang đến. Chỉ lệnh đầu tiên truyền xuống: Pháo thủ Đỗ Văn Hướng làm báo cáo kiểm điểm, tường trình.

Loay hoay mãi trên trang giấy mà Hường vẫn chỉ để ra mấy dòng mào đầu, còn động cơ nổ súng, nhận thức tác hại hậu quả, tầm quan trọng của khu vực giấu quân... ong ong đầu, nhức nhối toàn thân. Thấm thía quá, có thể chỉ ít phút nữa thôi máy bay Mỹ sẽ bu đến như nhặng xanh, ầm ào xâu xé. Một máy bay Mỹ đâu đó được một tiểu đoàn xe tăng ém chờ vượt sông Bến Hải: ôi, nếu xảy ra... trời ăng lạng như chì. Người sĩ quan tác chiến tiểu đoàn từ tốn hỏi:

- Đồng chí Hường nổ súng lúc mấy giờ?

- Em không biết. Đại đội trưởng nói em suy ra chừng mười giờ.

- Thế vì sao bắn?

- Hường ậm ờ, dẫn đo rồi thốt ra :

- Em trót bắn rồi thủ trưởng ạ.. Người cán bộ tác chiến suýt phì cười, anh hỏi để lấp ý nghĩ vui vui về Hường.

- Thế cậu bắn bao nhiêu viên?

- Anh em kiểm tra sau đó bảo bắn 11 viên. Em bắn hai loạt.

Theo các câu hỏi gợi, Hường kể quên cả nỗi sợ tất cả diễn biến của trận đánh - trận đánh chỉ khởi đầu và kết thúc chưa đầy nửa giờ. Người cán bộ tác chiến cẩn thận ghi điền những điều cần thiết vào sổ đồ đường bay và bản báo cáo sự việc.

Sáu giờ chiều tin vui chính thức bay về: Bộ Tư lệnh Quân khu và Mặt trận công nhận chiến công bắn rơi một máy bay F100 của Mỹ cho Đại đội 3, Tiểu đoàn 177, Trung đoàn 202 xe tăng và được tặng thưởng một Huân chương Chiến công hạng Ba.

Đêm ấy quân và dân thôn Tám Hạ xã Thái Thủy, huyện Lệ Thủy mở hội “Hát cho nhau nghe”. Tốp ca đại đội vừa cầm giấy vừa hát bài ca của nhạc sĩ “cây nhà lá vườn sáng tác ứng khẩu: “... ơ, Thanh Bảo Kiếm tan thân, mừng Năm tháng Mười lừng danh”.

Tỉnh vi dân, chúng tôi mỗi người một nghề. Để giúp vợ con Hường sắm bộ đồ đơn giản ngồi ngay trước vỉa hè nhà mình số 3 phố Lê Quý Đôn, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội - cũng là nơi anh ra đi nhập ngũ, chữa xe đạp xe máy. Biết vậy có đợt tôi đẩy chiếc xe đạp cà tàng của mình đến. Anh chữa vá cẩn thận sau lại khéo lời: “Lần sau đến chữa mình lấy tiền một thể”.

Vài lần “một thể như vậy tôi ngại vì biết chỗ ấy có giá “mậu dịch”. Song lại biết chót nghĩ sai về anh vì anh tâm sự: Được gặp lại nhau sau chiến tranh là “lãi lắm rồi”. Có lần tôi đi tuần tra thấy khoảng vỉa hè nhà anh đông người xúm lại, có cả chiếc xích đu ca của công an đậu ven đường. Biết anh sắp bị xử lý vi phạm vỉa hè, tôi đến với bộ cảnh phục nghiêm trang định xin cho anh một lần phạt này. Thấy tôi Hường bước vội ra chặn họng:

- Thôi, Tuân à mình vi phạm thật để mình chịu phạt. Kể ra chú ý một tý mình để dọc chiếc xe đạp của khách mà chữa thì đỡ choán vỉa hè hơn... Lần ấy bước đi mà lòng tôi rưng rức lại chót nghĩ chưa đúng về Hường.

Bằng một thời gian không gặp lại nhau, một lần tiễn người nhà về Quảng Ninh tôi sang bến xe Gia Lâm. Nghe tiếng người mời chào khách quen quen tôi ngoảnh lại hoá ra là Hường. Giờ anh đổi nhà cũ sang 35 đường Bến Xe (nay là phố Ngô Gia Khảm, thị trấn Gia Lâm) bán cơm phở mà anh gói chệch đi là: Phục vụ Cơm phở bằng dân.

Cho đến lần gặp này tôi chót quên đến mắc tội là hứa cùng các đồng đội khác cùng anh đi đến bất kỳ đâu cần đến, phải đến để đề nghị nâng mức khen thưởng xứng đáng cho anh, vì hơn 30 năm trước riêng anh đã bắn hạ một Thanh Bảo Kiếm Mỹ trên bầu trời Quảng Bình mà mới chỉ nhận được một giấy khen cấp tiểu đoàn do Đại úy, chính trị viên trưởng tiểu đoàn Bùi Văn Tùng ký (anh Tùng nay là Đại tá, nghỉ hưu ở thành phố Hồ Chí Minh, và là người chứng kiến lời đầu hàng không điều kiện của Tổng thống ngụy Dương Văn Minh). Chiến công ấy đã được xác định bằng hiện vật bày trong Bảo tàng Truyền thống Binh chủng Tăng - Thiết giáp gắn với tên anh.

Lâu nay, dù nắng hay mưa vào ngày 30 tháng Tư chúng tôi cũng tìm nhau. Nhìn Đỗ Văn Hường quanh đàn cháu gọi bằng ông, những người lính cũ chúng tôi bảo các cháu: Đây, Đỗ Văn Hường lúc 21 tuổi đời 1 tuổi quân đã dìm chết 1 phản lực Mỹ với một tờ giấy khen giá bằng một Thanh Bảo Kiếm Mỹ.

KỶ NIỆM VỀ MỘT BỨC TRANH HAY

TỪ CON NGỰA SẮT ĐẾN 1000 CON NGỰA

Họa sĩ Lê Trí Dũng,
hội viên Hội Mỹ thuật Việt Nam,
giảng dạy tại trường Đại học Mỹ thuật Công nghiệp
và Viện Đại học Mở Hà Nội,
nguyên cán bộ cơ quan chính trị Binh chủng Tăng - Thiết giáp.

Tháng 12-1991, các cựu chiến binh Mỹ với ba tổ chức liên kết: Winiam Joiner Center (một Trung tâm nghiên cứu về chiến tranh Việt Nam); Chương trình nghệ thuật Đông Dương và Học viện Philip ở Boston thuộc bang Masachuset - Mỹ mời tôi sang triển lãm tranh, thế là tôi trở thành họa sĩ cựu chiến binh đầu tiên vào Mỹ sau 1975.

Cái thời còn cầm vận ấy vào Mỹ là khó, vậy tại sao lại có cuộc triển lãm ấy? Nguyên nhân là từ một bức tranh, bức tranh ấy lại được vẽ từ mảnh đất đã nuôi dưỡng tôi thời trai trẻ: Binh chủng Tăng - Thiết giáp. Nó có cái tên “Vượt trọng điểm” (Ảnh bìa sách) hiện đang lưu giữ tại Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam.

Một mỗi sau 36 giờ bay vẫn phải lao ngay vào treo tranh vì chỉ còn vài giờ nữa là khai mạc. Đứng giữa căn phòng ngổn ngang khung, giá vẽ, ký họa chiến tranh... cạnh những cựu binh Mỹ từng đối mặt gần 20 năm trước giờ đang treo tranh cho mình, tôi bồi hồi nhớ lại..., Đầu năm 1972, rời khỏi Sư đoàn bộ binh 338 tôi về Trường Sĩ quan Thiết giáp làm học viên, cuối năm ấy lại chuyển lên Ban Tuyên huấn, Phòng Chính trị Binh chủng. Được sự ủng hộ hết lòng của Phó chính uỷ Đào Văn Xuân, tôi được vào chiến trường với tư cách là họa sĩ - phóng viên mặt trận và cũng vì thể diện hoạt động của tôi khá rộng, với mũ tai bèo, ba lô cóc, AK47, cặp vẽ và máy ảnh.

Tuổi trẻ sức thừa, máu phiêu lãng của sinh viên Mỹ thuật năm cuối, cộng với máu “lính tăng” tôi “lang bạt khắp các đơn vị xe tăng, đông từ Phó Hội, Cửa Việt, Triệu Phong (Quảng Trị) sang Do Linh, Ái Tử, Cam Lộ, Dốc Miếu... tây tới A Lưới, A Sầu... Hàng trăm ký hoạ và ảnh ra đời, nào là: trước giờ xuất kích, nuôi lợn trên chốt, đánh cờ dưới gầm xe tăng, làm nhà giúp dân, nào là chân dung các chiến sĩ xe tăng có thành tích...

Mặc dù vậy, tôi vẫn nung nấu vẽ cho được một bức tranh thật “lính”, thật “thiết giáp”... mấy tháng trôi đi mà vẫn chưa thấy gì. Cho đến một hôm, Đại đội 4 (Anh Bùi Quang Thận chỉ huy và 30 - 4 - 1975 là người cầm cờ chiến thắng trên nóc Dinh Độc Lập) xuất kích, phía trước là một “Cổng trời” vừa qua một trận bom ác liệt, dưới ráng chiều đỏ rực của buổi hoàng hôn, chiếc tăng đột ngột chồm qua khúc ngoặt, toàn thân xây sát như một mảnh hổ qua trận mạc, nguy trang bay phần phật, xích xe cày nát mặt đường, nòng pháo kiêu hùng quay theo vách đá nhăm nhở và hùng vĩ...

Tôi chỉ kịp lấy cặp vẽ, vồ lấy túi bút, thổi chì than phác nhanh... khói bom và cây rừng cháy dở, cô thanh niên xung phong quấn khăn dù, cây cổ thụ như muốn bay khỏi bờ vực... mãi sau này tôi mới biết khoảnh khắc ấy chính là lúc tôi vượt qua “trọng điểm” của đời mình, Binh chủng và dân tộc tôi cũng đang vượt qua “trọng điểm” của chiến tranh mà chỉ hơn 1000 ngày sau, một trong những chiếc tăng chiều hôm ấy sẽ húc tung cánh cổng Dinh Độc lập, kết thúc cuộc chiến tranh lâu dài và gian khổ.

Tháng 3 năm 1974, khi những cơn mưa rừng bắt đầu trút xuống đại ngàn Núi Dài, các khe cạn bắt đầu dâng nước gây trở ngại rất nhiều cho bộ đội xe tăng. Cùng khi ấy dưới chân Tam Đảo, rừng cọ cũng trở lá non xoè ra xanh mướt như những mặt trời xanh, tôi nhận được lệnh về Trại Sáng tác Mỹ thuật toàn quân vẽ một tranh lớn về Binh chủng để tham gia cuộc triển lãm mỹ thuật toàn quân sẽ khai mạc vào 22/12 năm ấy.

Cùng với các hoạ sĩ của các quân binh chủng bạn, chúng tôi hồi hải phác thảo, tìm rồi xoá... tôi bắn khoản quá, vẽ gì đây để xứng đáng với Binh chủng Anh hùng, để đáp đền tấm lòng của nhân dân và đồng đội, để đủ tầm với một cuộc triển lãm cỡ ấy... ? Phác thảo đầu tiên của tôi có tên là: “Trận đấu Tăng lịch sử về trận Cửa Việt, trên một dải cát dài hơn 2km, xác xe tăng cả ta lẫn địch nằm ngổn ngang, địch chết nhiều, rất nhiều chiếc lao ra biển hòng tránh cái nóng chảy thép của B40, máu loang trên mặt cát, răng phi lao bị đạn pháo phang cụt ngọn bằm toè ra như những chiếc bút lông dựng ngược. Trong tiếng gầm rú của động cơ, dưới loang loáng của hàng chục ngọn đèn pha xe tăng, lính tăng bỏ xe cận chiến quanh những chiếc M4 1, M48 bị tung xích lật nghiêng, khét lẹt, cháy ngùn ngụt. Biển đêm vẫn hồn nhiên tung sóng, từng đánh từng đám mây dần dật như vô can với trận hỗn chiến...

Khi đệ trình lên, Hội đồng nghệ thuật cho rằng: khốc liệt quá, đậm máu quá, e rằng không tranh thủ được tình cảm của nhân dân thế giới. Thế là tôi lâm vào thế bí, cả đêm không ngủ được. Gió đầu hạ Hà Nội lộng rợn người làm tôi nhớ tới mưa rừng đang trút xuống từng hầm xe tăng nơi chiến trường. Đúng lúc ấy, hình ảnh chiếc xe tăng kiêu hãnh chồm qua khúc ngoặt trong ráng chiều cháy đỏ ngày nào bất ngờ bật ra. Và tôi đã vẽ bằng tất cả sức lực bị dồn nén của mình. Tranh làm bằng chất liệu dân tộc truyền thống, sơn mài. Vách đá gấn bằng vỏ trai, vỏ trứng, nền trời lót sơn đỏ rực, hoàng hôn dát vàng, sương chiều và khói bom rây bạc, cây bờ vực: sơn then, một con đường đất đỏ như son mà trên nó hằn rõ những vết xích xe tăng thân thiết đến nao lòng... Bức tranh được nhân dân, bộ đội rất khen ngợi, Hội đồng nghệ thuật Quốc gia đánh giá cao, Bảo tàng Mỹ thuật Quốc gia đã mua và lưu giữ cho đến ngày nay.

Rồi chiến tranh qua đi, chúng tôi ra quân làm nhiệm vụ mới, lòng nhẹ tênh với ý nghĩ:

“Lúc đất nước lâm nguy ta cũng đã có mặt để chia sẻ” và kỷ niệm về số phận bức tranh lễ ra đến đây là kết thúc nếu như không xảy ra ba chuyện liên quan đến nó mà tôi xin mạn phép kể ra cùng đồng đội sau đây:

Chuyện thứ nhất: “Vượt trọng điểm” được treo trong gian chính sảnh Bảo tàng Mỹ thuật. Hàng ngày có vô số khách nước ngoài đến xem, trong đó có nhiều cựu chiến binh Mỹ. Họ đến Việt Nam có thể là để tìm lại tuổi trẻ của mình, cũng có thể là để xem làm một cái gì đó cho lương tâm được thanh thản hơn. Hoặc cũng có thể, trong cuộc chiến tranh bất công và phi lý, quá ư là chênh sức ấy họ tìm thấy ở một dân tộc nhỏ lại ẩn chứa một tấm lòng lớn, một nhân cách cao thượng trong bể khổ mà đồng tiền thống trị này.

Và vì thế một triển lãm hội họa có tên: “Cái nhìn từ hai phía” ra đời. Triển lãm này gồm 20 họa sĩ Việt Nam và 20 họa sĩ Mỹ tham gia, tất cả đều từng là lính.

Có 4 người rất nhiệt tình trong việc tổ chức cuộc triển lãm này, đó là: Kevil Bo Wen, Davit Hunter (Đồng Chủ tịch Trung tâm nghiên cứu về chiến tranh Việt Nam), Davit Tho Ma (giám đốc chương trình nghệ thuật Đông Dương) và đặc biệt là Winiam Short họa sĩ nhiếp ảnh gia giảng dạy tại Học viện Phillip và cộng tác với hai chương trình trên). Anh nguyên là lính thuộc Sư đoàn Anh Cả đỏ, hay còn gọi là Sư đoàn kỵ binh số 1 từng đóng quân ở Bến Cát gần Sài Gòn năm 1969. Do hiểu ra tính phi nghĩa của việc quân Mỹ có mặt ở Việt Nam, anh chống lệnh hành quân và bị chỉ huy phạt giam, nhét vào công-ten-nơ phơi nắng 2 ngày liền giữa mùa hè đỏ lửa của vùng Đông Nam á.

Sau khi bị tống về nước, quãng thời gian còn lại anh tham gia các cuộc biểu tình chống chiến tranh Việt Nam, tại đây, anh đã gặp chị Wina, một phóng viên truyền hình cùng lý tưởng (sau này là vợ anh) cả hai anh chị đã sang

Việt Nam 4 lần, cùng viết chung một cuốn sách tựa đề: “Việt Nam - những sự thật tôi nhìn thấy”. Và cùng với bức “Cánh rừng Dioxin” nói về hậu quả chất độc da cam của tôi. “Vượt trọng điểm” cũng có mặt trong triển lãm này dù chỉ là ký họa, nó chu du khắp nước Mỹ trong gần 2 năm, trở về Thành phố Hồ Chí Minh và bế mạc tại Hà Nội. Và cũng từ triển lãm “Cái nhìn từ hai phía” này 3 tổ chức cựu chiến binh liên kết mới mời tôi sang triển lãm cá nhân như đã kể trên.

Chuyện thứ hai: Vào một sớm mùa xuân năm 2000. Chuông điện thoại reo vang, đầu dây bên kia là tiếng của thủ trưởng Đào Văn Xuân: Mình muốn cậu vẽ cho các cựu chiến binh xe tăng đã học ở Liên Xô một bức “Vượt cổng trời” (ông gọi như thế) để làm tặng phẩm cho Đại tướng Võ Nguyên Giáp nhân dịp Đại tướng 90 tuổi. Tôi lặng người. Trời, mới đó mà đã 29 năm, tôi tưởng chừng như buổi sớm mùa xuân năm ấy lại nhận lệnh của thủ trưởng vào chiến trường. Giọng ông vẫn sang sảng như ngày nào, tình cảm như ngày nào.

Nghe nói, nhiều năm nay ông luyện tập môn Khí công (tĩnh công) rất hiệu quả. Vừa giữ được và tăng cường sức khỏe của mình và người thân, vừa cứu giúp rất nhiều đồng đội sức khỏe bị suy sụp sau chiến tranh, cuộc đời bế đau, có lẽ chỉ còn lại chút tình giữa cõi trần luân này sau khi hy sinh không đo cả cuộc đời cho quân đội...

Tất nhiên 7 ngày sau các thủ trưởng đã có tranh, được Đại tướng ban khen và giữ trong phòng lưu niệm của ông. Duy có một điều tôi khó nói ra là bức tranh có phần thơ mộng hơn. Trường Sơn có hùng vĩ hơn, ráng chiều có đỏ hơn nhưng không hiểu sao dù rất cố bức tranh không thể nào trần trụi ngang tàng và quyết liệt như thửa nào. Lẽ nào cuộc sống bon chen thường nhật, bươn trải mưu sinh lại có thể làm tiêu đi cái tâm khí không gì đánh đổi được ngày ấy? Tôi không tin, nhưng mà biết đâu, trong cõi trần ai này có điều gì mà không xảy ra được.

Giờ đây, khi ngồi viết những dòng này, khi những kỷ niệm chỉ còn là dĩ vãng nhất là khi đã nếm đủ vị của đời...thì tôi dám chắc rằng: Quảng đời đẹp nhất của tôi là thời làm Lính. Ngày ấy, chúng tôi đã trong sáng đón nhận bộ quân phục màu cỏ, với hàm binh nhì đỏ chói có hình xe tăng. Ngày ấy, tôi đã được sống với những Con Người tốt nhất: Đồng đội của tôi!

Ngày 5 - 10 năm ngoái, đau bệnh nằm nhà không đến Binh chủng được, lần gỡ tập ký hoạ năm xưa nhiều bức đã ố vàng mủn nát. Nhưng trận Cửa Việt còn đó, bãi xác xe tăng địch vẫn còn kia. Lại thay, đám xương rồng mọc dữ dội trên cát nóng vẫn nở hoa vàng rực mặc cho trận đánh đẫm máu đến đường nào...lòng tôi lại bừng lên: Thế nào cũng phải dựng lại bức trận Cửa Việt với khuôn khổ lớn bằng sơn dầu hằn hoi, sẽ không còn cảnh lính tăng cận chiến và khói lửa mịt mù, chỉ còn là đồng thép hùng vĩ với những hình thù kì quái. Và cận cảnh là một chú bé Quảng Trị đang ngồi trên nòng pháo M41 cao ngất, mắt dõi nhìn biển xa...lại nghe nhà văn Nguyễn Thế Tường nói: Toàn bộ đồng thép khổng lồ ấy đã được dân địa phương “mổ thịt” làm sắt vụn. Quả thật trong cõi trần ai này, không điều gì mà không thể xảy ra...

Chuyện thứ ba: Chuyện xảy ra vào tối hôm bế mạc phòng tranh cá nhân tại Boston. Trong vô số người xem hôm ấy, lẫn trong các sinh viên, thương gia, cựu chiến binh, người Việt lưu vong... có một bà mẹ người Mỹ, mẹ tóc bạch kim, nhỏ thó, mặc một bộ đồ gụ cực nhả làm tôi liên tưởng tới các bà mẹ Việt Nam nơi tôi đóng quân ở Vĩnh Phú. Tay cầm cái kính lúp, bà xem rất kỹ từng bức tranh, nhất là những ký hoạ chiến trường. Tối “Vượt cổng trời” bà kéo tay cô cháu gái cùng đi: “Này, trông như một con tuần mã”. Tôi choáng người - tuần mã.

Thủa bé tôi cũng đã từng vẽ bao nhiêu là tuần mã. Rồi các đợt về trên mạn ngược với hàng đàn tuần mã của lính biên phòng. Rồi số phận thế nào sắp đặt tôi vào bộ đội lại : vào binh chủng “Thiết mã”. Và bạn biết không, từ đó tôi

vẽ ngựa như “điên”. Hơn 10 năm trời, hàng nghìn con ngựa phi tứ tung khắp chân trời góc bể. Các nhà phê bình nghệ thuật cho là: “Từ con ngựa sắt (ý nói : vượt trọng điểm) đến 1000 con ngựa tôi đã có một vị trí trong Mỹ thuật Việt Nam”. Nhân dân thì gọi tôi bằng cái tên thân thiết - họa sĩ Ngựa của Việt Nam.

Tết Nhâm Ngọ vừa qua, ngựa tôi cũng được dịp tung vó khắp mặt báo và truyền hình. Đồng đội mừng cho: tôi đã có được con ngựa sau biết bao chìm nổi, tôi rất cảm ơn và nghĩ: Tuy vậy, ít ai biết điều này: Dù tôi có vẽ ngựa Xích Thổ, ngựa Ô Truy, ngựa Chiến, Mông Cổ hay ngựa nòi Ả Rập, dù tôi có vẽ những con ngựa Mèo nhỏ bé trong các phiên chợ tình hay các con ngựa lai vùng sông Đông mà lính biên phòng thường cười khi tuần tiễu nơi biên ải, dù tôi có vẽ những con ngựa cỏ Lâm Đồng hay vô vàn ngựa thồ chất phác... thì trong lòng ngực của những con ngựa ấy đều có một quả tim, trái tim của: Người lính xe tăng.

Giao thừa năm Nhâm Ngọ

NƯỚC MẮT DÀNH CHO NGÀY GẶP MẶT

Đại tá Đào Văn Xuân,

nguyên Phó chính ủy, Bộ Tư lệnh Tăng - Thiết giáp (1971-1978)

Tôi đang làm nhiệm vụ Chính ủy Trung đoàn 9, Sư đoàn 304 (năm 1960) được Quân ủy và Bộ Tư lệnh cử sang học tại Học viện Tăng - Thiết giáp mang tên Ma-li-nốp-xki ở Mát-xcơ-va. Năm 1964 về nước, được giao nhiệm vụ Chính ủy Trung đoàn xe tăng 202 - Trung đoàn xe tăng đầu tiên của Quân đội ta. Từ ngày đó, tôi và anh Đào Huy Vũ - Trung đoàn trưởng, gắn bó với nhau trong suốt quá trình xây dựng và chiến đấu của Binh chủng. Tôi muốn ghi lại vài nét về sự đoàn kết, gắn bó giữa hai chúng tôi trong một chặng đường chống Mỹ cứu nước.

Ngày 24-3-1975, Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương họp đánh giá tình hình cuộc Tổng tiến công, tình hình chung thuận lợi và phát triển tốt. Ở chiến trường Trị Thiên ta đã dứt điểm nhanh. Quân địch bỏ chạy về co cụm ở Đà Nẵng, “cần nhanh chóng tiến công Đà Nẵng”.

Chấp hành mệnh lệnh trên Thường vụ Đảng ủy và Bộ Tư lệnh Thiết giáp họp gồm 3 đồng chí: Phạm Sinh - Bí thư, Chính ủy, Đào Văn Xuân - Phó bí thư Phó chính ủy, Đào Huy Vũ - Ủy viên – (Tư lệnh) quyết nghị: Đồng chí Đại tá Đào Huy Vũ và tôi thay mặt Thường vụ Đảng ủy và Bộ Tư lệnh Binh chủng cùng một số cán bộ các cơ quan đi làm nhiệm vụ tham mưu xe tăng ở sở chỉ huy mặt trận Quảng Đà. Đến ngày 25-3-1975, chúng tôi đã vào tới sở chỉ huy mặt trận ở tây Đà Nẵng.

Đà Nẵng là một căn cứ quân sự lớn của Mỹ ngụy. Chúng tập trung ở khu vực này tới gần 10 vạn quân, gồm sở chỉ huy Quân đoàn 1, Sư đoàn linh thủy đánh bộ tiểu lữ đoàn 174, Sư đoàn bộ binh 3, Liên đoàn biệt động quân 11, Thiết đoàn 11, 8 tiểu đoàn và 2 đại đội pháo, 326 máy bay các loại... Nguyễn Văn Thiệu, Tổng thống ngụy quyền Sài Gòn đã ra lệnh: “Tử thủ”.

Ngày 27-3-1975, quân ta bắt đầu tiến công. Lữ đoàn xe tăng 203, lữ trưởng là trung tá Nguyễn Tất Tài, Chính ủy là trung tá Bùi Văn Tùng, cả hai đều được đào tạo kỹ về xe tăng ở ngoài nước. Lữ đoàn 203 gồm 101 xe tăng và thiết giáp, được phối thuộc cho các Sư đoàn 324, 325, tiến công trên hai hướng: Tây và Tây Bắc. Hướng Tây Nam, Sư đoàn 304 từ Thượng Đức tiến về... Sư đoàn 2 thuộc Quân khu V được phối thuộc Trung đoàn xe tăng 574 gồm 31 xe tăng - thiết giáp tiến công từ hướng Nam.

Sau 32 giờ chiến đấu, trưa ngày 29-3-1975 ta đã giải phóng hoàn toàn Đà

Năng. Sáng ngày 30-3-1975, anh Đào Huy Vũ, tôi cùng 2 cán bộ cơ quan: thiếu tá Phùng Văn Minh, tại uỷ Trưởng Công Hưởng vào thành phố Đà Nẵng làm nhiệm vụ. Trên đường vào Đà Nẵng điều đập vào mắt tôi là: trên đường đi, chúng tôi không hề gặp một tên lính nguy nào. Thấy rất nhiều đàn ông, đầu tóc bù xù, mặc đủ kiểu rất luộm thuộm, nhiều người cởi trần, chân đất, mặt mũi nhớn nhác, hồi hả toả ra ngoài thành phố... Bên lề đường từng đồng quần áo, giấy mũ, cả súng ống vứt ngổn ngang... Tôi chợt hiểu: trăm ngàn quân “tử thủ” ấy đã tan tác như bột xà phòng trước sóng biển của chiến tranh nhân dân. Ra tới Cảng Nước Mặn, nhìn xe tăng và xe bọc thép địch bỏ lại ngổn ngang, cái chìm, cái nổi, ngả nghiêng. Tôi và anh Đào Huy Vũ nói với nhau: Cảnh hỗn độn này cho ta thấy ngày giải phóng Sài Gòn không còn xa nữa.

Sau khi gặp các đơn vị xe tăng thuộc Lữ đoàn 203, tìm hiểu tình hình, chúng tôi rất chú ý đến tình huống: Một đại đội của Tiểu đoàn xe tăng 4 đi đầu đội hình tiến công, xe tăng tiến rất nhanh, đuổi địch chạy tán loạn trên đèo Hải Vân, chớp nhoáng vượt đèo đánh chiếm cầu Thuỷ Tứ, lính công binh của quân nguy tháo chạy không kịp gài mìn phá cầu. Tình hình này làm cho chúng tôi hiểu sâu sắc hơn mệnh lệnh của Tổng Tư lệnh: “Thần tốc, thần tốc hơn nữa. Táo bạo, táo bạo hơn nữa”. Đồng thời cũng hé mở ra phương hướng sử dụng xe tăng trong tình thế mới: tập trung xe tăng - thiết giáp, tạo thành mũi đột kích mạnh, đánh địch trong hành tiến.

Ngày 2-4- 1975, tướng Cao Văn Viên - Tổng Tham mưu trưởng quân Sài Gòn ra lệnh: “Tử thủ từ Phan Rang trở vào”. Địch cố gắng với mọi khả năng để giữ Phan Rang. Chúng bố trí ở Phan Rang tới 8000 quân chủ lực và 4000 bảo an 2 tiểu đoàn thuộc Lữ đoàn dù số 2, Liên đoàn biệt động 31, 2 trung đoàn thuộc tiểu khu Ninh Thuận, 2 tiểu đoàn pháo 105 ly, 1 chi đội xe tăng - thiết giáp (có 7 xe). Ở sân bay Thành Sơn cách Phan Rang 9 ki-lô-mét là căn cứ của Sư đoàn không quân số 6. Cách Phan Rang 6 ki-lô-mét là quân cảng Ninh Chữ, Căn Cứ của một hải đoàn...

Trong đội hình cánh quân Duyên Hải Lữ đoàn xe tăng 203 đã được Bộ Tư lệnh Binh chủng bổ sung tiểu đoàn thiết giáp 5 của Trung đoàn 574 (quân khu V). Trước khi đánh Phan Rang, Lữ đoàn 203 được củng cố đủ 4 tiểu đoàn, tổng số có 89 xe chiến đấu.

Từ kinh nghiệm sử dụng xe tăng ở Đà Nẵng, Bộ Tư lệnh Quân đoàn II, đã sử dụng tập trung toàn bộ sức mạnh của Lữ đoàn xe tăng 203 vào chiến đấu, tôi chức thành đơn vị thọc sâu đi đầu đội hình quân đoàn. Lữ đoàn được tổ chức thành 2 thê đội. Thê đội một làm nhiệm vụ “mũi nhọn” đi trước. Lực lượng thê đội I gồm Tiểu đoàn xe tăng 4, có 16 xe tăng, được tăng cường 1 tiểu đoàn pháo cao xạ 37 mi-li mét, 1 đại đội pháo 85 mi-li-mét, 1 đại đội bộ binh. Nhiệm vụ theo dọc Quốc lộ số 1 tiến công địch trong hành tiến. Trận tấn công Phan Rang có những cái mới trong nghệ thuật sử dụng tăng - thiết giáp trong chiến dịch, vì vậy, trước khi Lữ đoàn xuất phát tấn công, tôi và anh Đào Huy Vũ xuống Lữ đoàn để kiểm tra các mặt theo trách nhiệm của Bộ Tư lệnh Binh chủng.

Tới Lữ đoàn, lữ trưởng Nguyễn Tất Tài đã đón gặp, anh Tài đề nghị tôi nếu họp Đảng uỷ Lữ đoàn thì ủng hộ anh, vì anh chủ trương sẽ cùng thiếu tá Lê Văn Minh, chủ nhiệm chính trị Lữ đoàn, đi trực tiếp với đại đội đi đầu thê đội 1. Tôi và anh Đào Huy Vũ đều cho ý kiến đó là đúng. Quả nhiên khi họp, không ai phản đối ý kiến ấy, vì đó là một quyết tâm chính xác.

Mở sáng ngày 16-4-1975, Tiểu đoàn xe tăng 4, dẫn đầu đội hình binh chủng hợp thành tấn công thị xã Phan Rang. Đến sát thị xã, địch chống cự quyết liệt. Chúng huy động cả máy bay cường kích và trực thăng vũ trang ngăn chặn xe tăng của ta. Tiểu đoàn xe tăng 4 có tổn thất. Đến 10 giờ ngày 16-4-1975, thị xã Phan Rang được hoàn toàn giải phóng.

Trong trận này, tôi lại có thêm một kỷ niệm đẹp về Đại tá Tư lệnh Binh

chúng Đào Huy Vũ. Trước khi ta nổ súng tấn công Phan Rang, anh có bàn với tôi: ông là cán bộ lãnh đạo của Binh chủng, trong tình huống này, không cần thiết phải đi trong đội hình chiến đấu của lữ đoàn tăng, còn tôi là cán bộ chỉ huy, với trách nhiệm là tham mưu cho Bộ, trận này dùng tập trung cả Lữ đoàn tăng, đánh trong hành tiến, sẽ có nhiều cái mới cần nghiên cứu. Tôi sẽ đi trong đội hình chiến đấu của Lữ đoàn. Sau khi cân nhắc các mặt, với danh nghĩa Thường vụ Đảng uỷ và Bộ Tư lệnh Binh chủng, chúng tôi nhất trí phương án: Tư lệnh đi trong đội hình chiến đấu của xe tăng, nhưng cần gọn, nhẹ, do đó đi theo anh Vũ có thiếu tá Phùng Văn Minh cán bộ cơ quan tham mưu và đại úy Trương công Hằng cán bộ cơ quan chính trị. Phương án này được Trung tướng Lê Trọng Tấn, Tư lệnh cánh quân Duyên Hải phê chuẩn.

Sáng 16-4- 1975, khi quân ta tiến công lên phía sân bay Thành Sơn, tình hình chiến đấu diễn biến rất nhanh. Anh Vũ phán đoán xe tăng ta đã tiến xa, do đó xe Ô tô của anh phóng thẳng lên phía trước. Hai đồng chí Minh và Hằng tinh mắt, phát hiện với anh Vũ: có cánh quân từ hướng sân bay đi ngược lại. Chưa ai phán đoán ra sao, xe Ô tô vẫn tiếp tục lao lên... Tới khoảng cách vài trăm mét mới rõ là quân nguy đang tiến ngược lại. Trên xe các anh đều là những người dày dặn kinh nghiệm chiến đấu, đều có trang bị tiểu liên AK, nhưng xe Ô tô, là loại xe dùng đi công tác ở phía sau, lại ngồi chật, chưa ai kịp phản ứng, thì địch đã nổ súng. Đạn chiu chiu quanh xe. Thượng sĩ lái xe Nguyễn Văn Nam, đã bình tĩnh quay đầu xe. Khi quay được xe, thì lốp xe đã bị bắn thủng. Lái xe Nam, tiếp tục phóng xe trở lại khi gặp đội hình quân ta thì lốp xe đã cháy nát vụn.

Nếu lái xe Nguyễn Văn Nam không can đảm và bình tĩnh xử trí thì không biết việc gì sẽ xảy ra. Trên 40 năm sống trong quân ngũ, gần một nửa thời gian ấy tôi sống và làm việc ở Binh chủng Tăng - Thiết giáp. Mỗi khi nhớ tới một thời chiến tranh, trong tâm trí tôi lại tái hiện biết bao hình ảnh đẹp đẽ về người lính xe tăng... Lái xe Nguyễn Văn Nam là một trong những hình ảnh đáng yêu ấy.

Sáng ngày 17-4-1975, hai chiến sĩ dẫn đến một tù binh. Anh Đào Huy Vũ nói: Đây là nhiệm vụ trên giao, ông thay tôi (vì anh Vũ mệt) cùng với thượng tá Đào Lan, tham mưu trưởng Binh chủng Pháo binh hỏi cung tù binh. Tôi muốn ghi lại đôi nét về vị chuẩn tướng, lữ đoàn trưởng Lữ dù số 2 ấy.

Hỏi: Chức vụ và nhiệm vụ của anh là gì ?

Trả lời: Thưa tôi là Lữ đoàn trưởng, Lữ dù số 2, mới được tăng viện ra để cố thủ Phan Rang.

Hỏi: Lữ đoàn của anh hiện ở đâu ?

Trả lời: Tôi dẫn quân từ sân bay Thành Sơn xuống tăng viện cho thị xã, dọc đường chúng thấy xe tăng của các ông đã vào thị xã, chúng bỏ chạy cả, tôi không chỉ huy nổi.

Hỏi: Cơ quan tham mưu của anh hiện ở đâu, tại sao lại bị bắt một mình ?

Trả lời: Chỉ huy sở của tôi ở ven đường cách thị xã 3 ki-lô-mét, nhưng quân đã bỏ chạy, các sĩ quan cũng trốn nốt, còn lại mình, tôi cưỡi bỏ sắc phục định đêm nay về Sài Gòn thì bị bắt.

Hỏi: Anh có muốn nói gì thêm không ?

Trả lời: Xin các ông cho một bộ quần áo.

Tất nhiên lời xin đó được thoả mãn.

Tôi nói suy nghĩ của mình với anh Đào Lan, lực lượng dự bị chiến lược của quân nguy Sài Gòn, những “thiên thần mũ đỏ”, chỗ dựa của ước vọng “Tử thủ Phan Rang, trước thể tấn công như “chè tre” của lực lượng vũ trang cách mạng đã tả tơi, tan tác. Sắp tới cuộc đại tấn công vào Sài Gòn, nhất định thắng lợi...”.

Ngày 25-4-1975, tôi và anh Đào Huy Vũ vào chỉ huy sở, báo cáo với Đại tướng Văn Tiến Dũng, Tư lệnh chiến dịch Hồ Chí Minh về tình hình bộ đội xe tăng... Chúng tôi vừa đến trước lán, Tư lệnh đã ra đón, cũng như mọi khi, bao giờ Đại tướng cũng niềm nở, vui vẻ và thân mật nói trước: “Hai chàng xe tăng đã đến. Vào lán, tôi đã thấy Đại tá Hoàng Ngọc Diêu, Phó Tư lệnh Quân chủng Phòng không - Không quân ở đó. Đại tướng cho phép chúng tôi ngồi cạnh anh Diêu và tiếp tục giao nhiệm vụ cho không quân. Chúng tôi vô cùng sung sướng được chứng kiến những phút giây lịch sử ấy. Tư lệnh chiến dịch căn dặn anh Diêu: “...chậm nhất ngày 28-4-1975 phải hoàn thành nhiệm vụ, dùng máy bay đánh phá sân bay Tân Sơn Nhất, nếu không đánh kịp sẽ không còn thời cơ nào nữa...”.

Đại tá Hoàng Ngọc Diêu hứa kiên quyết chấp hành nhiệm vụ và xin phép ra ngay Phan Rang để chuẩn bị cho trận đánh.

Chúng tôi báo cáo ngắn gọn tình hình Binh chủng Thiết giáp trong chiến dịch, đặc biệt ở cánh quân hướng Đông. Sau đó Đại tá Đào Huy Vũ ở lại nhận nhiệm vụ, còn tôi đi gặp Trung tướng Lê Quang Hoà, Phó chủ nhiệm

Tổng cục Chính trị, Phó chính uỷ chiến dịch để nhận chỉ thị.

Ngày đêm 25-4-1975, theo mệnh lệnh của Đại tướng Tư lệnh chiến dịch, tôi và anh Đào Huy Vũ trở về ngay sở chỉ huy cánh quân hướng Đông. Cánh quân hướng Đông được vinh dự nổ súng mở đầu chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử. Gần như toàn bộ lực lượng chiến đấu của Binh chủng Tăng Thiết giáp được tung vào trận quyết chiến chiến lược này, với tổng số 398 xe tăng và xe thiết giáp.

Hướng Bắc, nằm trong đội hình Quân đoàn 1 Lữ đoàn Tăng - Thiết giáp 202 đã được bổ sung thêm một tiểu đoàn tăng. Tổng số có 67 xe (35 xe tăng, 29 xe thiết giáp, 3 xe cao xạ tự hành).

Hướng Tây Bắc, Trung đoàn xe tăng 273 chiến đấu trong đội hình Quân đoàn 3. Tổng số có 83 xe (59 xe tăng, 24 xe thiết giáp). Đoàn M26 - lực lượng Tăng - Thiết giáp B2 đã được bổ sung 2 tiểu đoàn từ Lữ đoàn dự bị của Bộ, Bộ Tư lệnh thiết giáp B2 (đoàn M26) đã tổ chức lực lượng tham gia chiến đấu trên hai hướng: Tây, Tây Nam và Đông Bắc.

Ở hướng Tây và Tây Nam, trong đội hình Binh đoàn 232, lực lượng Tăng - Thiết giáp có 81 xe (47 xe tăng, 33 xe thiết giáp, 1 xe kéo xe tăng).

Hướng Đông Bắc chiến đấu trong đội hình Quân đoàn 4, có 3 tiểu đoàn xe tăng. Tổng số 69 xe (61 xe tăng, 7 xe thiết giáp, 1 xe kéo xe tăng). Hướng Đông, Lữ đoàn xe tăng 203 chiến đấu trong đội hình Quân đoàn 2. Tổng số có 81 xe 46 xe tăng, 34 xe thiết giáp, 1 xe kéo xe tăng). Dự bị chiến dịch có 17 xe tăng.

Ngày 30 tháng 4 năm 1975, vào 7 giờ sáng bên bờ bắc cầu Sài Gòn, địch chống trả quyết liệt, 3 xe tăng của ta, khi vượt cầu đã bị bắn cháy. Tiểu đoàn trưởng xe tăng Ngô Văn Nhữ mở nắp cửa chỉ huy đứng quan sát, anh đã hy sinh, nằm gục trên tháp pháo xe tăng. Anh làm sao còn có thể chứng kiến cảnh hào hùng, khi Đại đội xe tăng 4, đơn vị đi đầu đội hình của Tiểu đoàn hoàn thành nhiệm vụ đánh chiếm dinh Độc Lập của ngụy quyền Sài Gòn.

8 giờ lực lượng xe tiến đến Cầu Thị Nghè, xe tăng đi đầu của Đại đội 4 đã bắn cháy một xe tăng M41 của địch. Sau khi vượt cầu, Đại đội xe tăng 4 đại đội dẫn đầu Lữ đoàn xe tăng 203 ào ào lao về hướng dinh Độc Lập. Trên đường tiến quân xe tăng 843 do trung uý đại đội trưởng Bùi Quang Thận trực tiếp chỉ huy, luôn dẫn đầu đơn vị. Sau xe tăng 843 là xe tăng 390 do trung uý Vũ Đăng Toàn, chính trị viên Đại đội 4 trực tiếp chỉ huy bám sát xe của đại đội trưởng.

Thời kỳ đó, Quân đội ta còn áp dụng chế độ hai thủ trưởng - Thủ trưởng Quân sự và Thủ trưởng Chính trị. Chính vì lẽ đó, trong chiến đấu, 2 cán bộ Quân sự và Chính trị luôn sát cánh bên nhau để cùng giải quyết mọi diễn biến của tình huống chiến đấu..

Tới Dinh Độc Lập, đang đà tiến công, xe tăng 843 húc thẳng vào Dinh Độc Lập, nhưng do húc vào cửa phụ nên xe bị kẹt, ngay lúc đó, chính trị viên Vũ Đăng Toàn đã chỉ huy xe 390 của mình tiến lên, húc tiếp vào cửa chính. Cửa xập, xe 390 tiến vào sân. Đại đội trưởng Bùi Quang Thận đã rút cờ ở xe mình và lên tầng cao nhất hạ lá cờ “ba sọc” xuống và kéo lá cờ giải phóng lên cột chính nóc Dinh Độc Lập. (Những chi tiết này ngày 1 tháng 5 năm 1975, sau khi vào Dinh Độc Lập, tôi và anh Đào Huy Vũ đã ký chung bức điện báo cáo về Bộ Tổng Tham mưu và Tổng cục Chính trị. Hiện bản thảo bức điện còn lưu trữ ở Bộ Tư lệnh Tăng - Thiết giáp).

Ngày 1 tháng 5 năm 1975.

Trung tướng Lê Trọng Tấn, Tư lệnh cánh quân hướng Đông, cùng một số sĩ quan cao cấp trong Bộ Tham mưu vào thành phố Sài Gòn. Tôi và Đại tá Đào Huy Vũ - Tư lệnh Binh chủng Tăng - Thiết giáp cũng đi kiểm tra các đơn vị trong dịp đó. Trên đường vào trung tâm thành phố, đoàn xe của chúng tôi

luôn bị tắc nghẽn, rồi lớp lớp nhân dân thành phố Sài Gòn đổ ra đường chào đón các “anh bộ đội giải phóng” ...

Xuống xe, lách đám đông nhân dân đông nghìn nghịt đang vây quanh những chiếc xe tăng, những cỗ pháo, những khẩu cao xạ, nét mặt ai nấy hân hoan, mừng mừng, tủi tủi... Có bà mẹ tóc bạc trắng hai bàn tay gầy guộc, nắm chặt bàn tay người lính xe tăng, nc mắt mẹ giàn giụa, đôi vai gầy rung lên, mẹ chỉ nói được mấy tiếng “Con ơi! các con đã về rồi”.

Liếc nhìn, thấy anh Vũ, gỡ kính ra lau nước mắt, còn tôi hai hàng nước mắt chảy dài trên má... Vào tới Dinh Độc Lập, tôi nghe Đại úy Trương Công Hằng, cán bộ cơ quan chính trị Binh chủng đi cùng Đại đội xe tăng 4 đánh vào Dinh Độc Lập kể lại: Khi anh vừa ở trong xe tăng nhảy ra, trong đám đông nhân dân đứng trước Dinh Độc Lập, một người đàn ông, tóc đã hoa râu chạy đến ôm lấy anh và xin phép được hôn anh. Anh Hằng: Xin lỗi người tôi đây bụi. Người dân : Người anh tuy đầy bụi nhưng tâm hồn anh cao thượng và trong sạch. Xin phép được thay mặt người dân thành phố Sài Gòn hôn anh. Tôi nghĩ mãi về tấm lòng dân. Đó chính là sức mạnh của chúng ta.

Từ những ngày đầu xây dựng Binh chủng Tăng - Thiết giáp, những người lính xe tăng chúng tôi, không ai có thể biết trước rằng, trong số gần 400 xe tăng - thiết giáp ấy, lại chính là những chiếc xe tăng của Lữ đoàn 203, những đơn vị đã làm nên chiến thắng đầu tiên của Binh chủng trong trận Làng Vây trong chiến dịch Khe Sanh năm 1968 và chỉ 7 năm sau (1975) lại chính đơn vị của Lữ đoàn lại được lịch sử giao cho trọng trách đánh vào Dinh Độc Lập, sào huyệt cuối cùng của ngụy quyền Sài Gòn.

Cũng không ai có thể đoán trước được vào giờ phút trọng đại ấy của lịch sử, cũng chính trung úy xe tăng Bùi Quang Thận là người kéo lá cờ chiến thắng lên nóc Dinh Độc Lập và cũng lại chính trung tá chính uỷ Lữ đoàn xe tăng

203 Bùi Văn Tùng được lịch sử trao cho vinh dự: Thay mặt Quân giải phóng tiếp nhận đầu hàng vô điều kiện của Tổng thống ngụy quyền Dương Văn Minh.

Chiến thắng thật vĩ đại, song tổn thất hy sinh cho chiến thắng ấy cũng thật là to lớn. Theo số liệu tôi ghi chép trong dịp tổng kết chỉ riêng chiến dịch Hồ Chí Minh ta thương vong gần 6000, còn lực lượng Binh chủng Tăng - Thiết giáp tổn thất 29 xe tăng trong chiến đấu.

Những người lính xe tăng - thiết giáp ngày ấy trong số họ nhiều người đã vĩnh viễn nằm lại trên mảnh đất miền Nam yêu thương. Những người còn lại, nhiều người còn mang thương tật trong người. Hầu hết đã xuất ngũ hoặc nghỉ hưu, trở về sống đời thường, nhưng tất cả họ đều đã góp phần vào chiến thắng lịch sử của dân tộc Việt Nam anh hùng.

- HẾT TẬP 1 -